

ISSN 1859-1337

Tạp chí

**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
HẬU CẦN QUÂN SỰ**

**SỐ 1 (231) - 2025
NĂM THỨ 54**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

Chủ tịch

Trung tướng, GS. TS. **PHAN TÙNG SƠN**

Phó Chủ tịch

Trung tướng **DƯƠNG ĐỨC THIỆN**

Ủy viên

Thiếu tướng, PGS. TS. **TRỊNH BÁ CHINH**

Thiếu tướng, PGS. TS. **LÊ THÀNH LONG**

Thiếu tướng, TS. **NGUYỄN QUANG DŨNG**

Đại tá, PGS. TS. **VŨ HỒNG HÀ**

Đại tá, PGS. TS. **NGUYỄN THANH LAM**

Đại tá, PGS. TS. **ĐOÀN QUYẾT THẮNG**

Đại tá, ThS. **NGUYỄN TIẾN DŨNG**

Thượng tá, TS. **NGUYỄN QUỐC HOÀI**

Phụ trách Tạp chí

Thượng tá, TS. **NGUYỄN QUỐC HOÀI**

Địa chỉ tòa soạn

TẠP CHÍ HỌC VIỆN HẬU CẦN

Ngọc Thụy - Long Biên - Hà Nội

Tel/Fax: 069.577585

QS: 069.577585 - 577791

Email: tapchi.hvhc@gmail.com

Giấy phép xuất bản

Số 272/GP-BTTTT ngày 12-5-2021
do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp
In tại: Nhà máy in BQP

Trong số này

HƯỚNG DẪN - CHỈ ĐẠO

3 Đổi mới, sáng tạo, tăng tốc, bứt phá, quyết liệt thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học năm 2025.

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN

8 Làm tốt công tác chuẩn bị - Nhân tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện Hậu cần.

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN

12 Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giáo dục, đào tạo ở Học viện Hậu cần

Thiếu tướng, PGS. TS. TRỊNH BÁ CHINH

KỶ NIỆM 95 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (03/02/1930 - 03/02/2025)

17 Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác hậu cần, kỹ thuật quân đội thời kỳ mới.

Trung tướng ĐỖ VĂN THIỆN

22 Đấu tranh trên mạng xã hội, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Đại tá, ThS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

27 Xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật quân đội tinh nhuệ về chính trị trong tình hình mới.

Thượng tá, TS. PHẠM NGỌC NHÂN

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

32 Tổ chức dự trữ vật chất quân nhu lực lượng vũ trang địa phương đánh địch giữ vững khu vực phòng thủ chủ yếu trong tác chiến phòng thủ tỉnh.

Thượng tá, TS. ĐỖ DUY THẮNG

36 Một số giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm thông tin liên lạc đánh trận then chốt tiêu diệt địch đổ bộ đường không trong chiến dịch phản công.

Đại tá, TS. PHẠM VĂN HẢI

40 Nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

Đại tá, TS. NGUYỄN VĂN KÝ

44 Bàn về bảo đảm quân y tác chiến tiến công chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN

48 Giải pháp bảo đảm vật chất hậu cần trung đoàn bộ binh vận động tiến công ở đồng bằng sông Cửu Long.

Trung tá, ThS. PHẠM XUÂN QUÝ

52 Xung đột quân sự giữa Nga - Ucraina hơn 3 năm nhìn lại và một số vấn đề rút ra về bảo đảm hậu cần, kỹ thuật tác chiến.

Trung tá, ThS. TRẦN QUỐC TUẤN

56 Công tác sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng tại quân y đơn vị.

Đại tá, BS CKI. TRẦN THỊ KIM THOA

60 Bàn về những điểm mới của Tiêu chuẩn "TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động - tiêu chuẩn thiết kế" tác động đến chất lượng quản lý hoạt động đầu tư xây dựng doanh trại quân đội.

Thượng tá, TS. CHU THỊ HẢI NINH

65 Biện pháp bảo đảm vật chất hậu cần trung đoàn bộ binh truy kích địch rút chạy đường bộ.

Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN HIỀN

69 Một số biện pháp bảo đảm quân y trung, lũ đoàn tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

Thiếu tá, ThS. NHỮ VIỆT HÙNG

72 Nội dung, giải pháp bảo vệ hậu cần - kỹ thuật trong tác chiến phản công chiến lược chiến trường miền Bắc.

Đại tá, ThS. TẠ VIỆT XUÂN

Thiếu tá, CN. NGUYỄN ĐỨC MẠNH

76 Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra tài chính ngân sách quốc phòng thường xuyên ở Quân khu 1.

Thiếu tá, ThS. NGUYỄN NAM KHOA

80 Giải pháp tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự đô thị ở địa hình trung du.

**Trung tá, ThS. VŨ ĐỨC TUẤN;
Thiếu tá, CN. NGUYỄN VĂN TRÌNH**

84 Chuẩn bị lực lượng hậu cần, kỹ thuật bảo đảm cho các lực lượng vũ trang tác chiến khu vực phòng thủ huyện.

Thiếu tá, CN. MAI VĂN ĐẠT

88 Một số biện pháp nâng cao chất lượng quản lý kinh phí nghiệp vụ tại Binh chủng Thông tin Liên lạc.

Đại úy, CN. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

91 Một số biện pháp bảo đảm vật chất hậu cần trận then chốt đánh địch tiến công đường bộ chiến dịch phản công trong tác chiến phòng thủ quân khu.

Thượng tá, ThS. ĐOÀN VĂN LUÂN

94 Tổ chức vận chuyển thương binh trung đoàn bộ binh chiến đấu tập kích ở đồng bằng sông Cửu Long mùa nước nổi.

**Trung tá, TS. ĐINH VĂN ĐÔNG
Đại úy, CN. TRẦN TUẤN ANH**

98 Bảo vệ vận tải trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Thượng tá, TS. LÊ QUANG VỊNH

102 Một số yêu cầu về sử dụng lữ đoàn tàu tên lửa - ngư lôi tiến công nhóm tàu chỉ viện hỏa lực địch đổ bộ đường biển.

Thiếu tá, ThS. NGUYỄN MẠNH QUỲNH

106 Tổ chức, sử dụng lực lượng hậu cần dự bị lữ đoàn tàu tên lửa tiến công tàu mặt nước địch bảo vệ vận tải đường biển chi viện Quần đảo Trường Sa.

Thượng tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

110 Nghiên cứu một số mô hình ứng xử phi tuyến của bê tông cốt thép.

Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

115 Nâng cao chất lượng tự học từ vựng Tiếng Anh cho đối tượng đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học tại Học viện Hậu cần.

Thiếu tá, ThS. HOÀNG THỊ THU HÀ

118 Biện pháp bảo đảm vật chất hậu cần phân đội bộ binh cơ động chiến đấu ở đồng bằng sông Cửu Long.

**Đại tá, TS. PHẠM TRỌNG DIỄN;
Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN THÁI**

122 Nâng cao chất lượng dạy học môn vật lý đại cương cho đối tượng sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học, chuyên ngành vận tải.

Trung tá, ThS. ĐINH VĂN THƯỜNG

125 Phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong ứng dụng chuyển đổi số vào đổi mới phương pháp dạy học ở Học viện Hậu cần hiện nay.

Trung tá, TS. TRẦN VĂN HOAN

128 Nghiên cứu thiết kế, quản lý hệ thống thu gom, xử lý nước mưa bảo đảm trong sinh hoạt cho các đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước.

Trung tá, ThS. TRẦN MẠNH DŨNG

132 Phát huy vai trò hoạt động của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trong xây dựng tiềm lực vận tải khu vực phòng thủ.

Trung tá, TS. NGUYỄN HUY THỤ

136 Bảo đảm quân nhu sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến ở địa hình trung du.

Thượng tá, TS. TRẦN MẠNH CƯỜNG

140 Một số giải pháp bảo đảm vật chất hậu cần tác chiến phòng thủ các tỉnh Trung Lào trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Trung tá, ThS. KHAM LOUANG THOUMMALA

144 Nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành môn học tổ chức vận tải bằng ô tô ở Học viện Hậu cần.

**Thượng úy, CN. TRỊNH ĐỨC QUANG
Trung tá, ThS. TRŨ VĂN HỮU**

147 Công tác hậu cần, kỹ thuật trong diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Lạng Sơn.

Thượng tá, TS. NGUYỄN VĂN CƯỜNG

LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

151 Khai thác, tạo nguồn vật chất hậu cần của các đoàn hậu cần trên Chiến trường B2 trong kháng chiến chống Mỹ - Kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.

Đại tá, TS. VŨ QUANG HÒA

156 Kinh nghiệm tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương binh trung đoàn bộ binh chiến đấu phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc.

Thượng tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

160 Kinh nghiệm bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh chiến đấu phục kích ở địa hình trung du trong chiến tranh giải phóng và hướng kế thừa, phát triển.

Thiếu tá, ThS. VŨ LƯƠNG SINH

164 Bảo đảm hậu cần Chiến dịch Tây Nguyên và hướng kế thừa - phát triển.

Đại úy, CN. ĐẶNG THÀNH SƠN

168 Bảo đảm quân y trung đoàn bộ binh phòng ngự chốt chiến dịch trong chiến tranh giải phóng và hướng kế thừa, phát triển

Trung tá, ThS. PHẠM VĂN HƯNG

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Bìa 1: . Đồng chí Trung tướng, GS.TS. Phan Tùng Sơn (bên phải, ngoài cùng) - Giám đốc Học viện Hậu cần nhận Cờ thi đua của Chính phủ tặng Học viện Hậu cần năm 2024.

Ảnh: Thanh Tuyền

CONTENTS

CONTENTS: PHAN TUNG SON: Accelerate, make breakthrough, continuously innovate, and resolutely accomplish the education and training and scientific research tasks in 2025. **DUONG DUC THIEN:** Thorough preparation work – A decisive factor in the successful organization of Party Congress at all levels within the Party Committee of the Military Logistics Academy. **NGUYEN TIEN DUNG:** Struggling on social networks, pushing back against the degradation of political ideology, morality, and lifestyle among cadres and party members, and protecting the Party's ideological foundation in the current period. **NGUYEN QUOC HOAI:** Deploying and mobilizing the logistics reserve force of the missile attack vessel brigade to protect maritime transport supporting the Spratly Islands. **TRAN THI KIM THOA:** First aid for burn patients in the military medical unit.

ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO, TĂNG TỐC, BỨT PHÁ, QUYẾT LIỆT THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2025

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN
Giám đốc Học viện Hậu cần

Thời gian qua, Học viện Hậu cần đã quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, sát thực tiễn các nghị quyết, chỉ thị, kết luận,... của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về xây dựng Quân đội; tập trung nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo (GD-ĐT) và nghiên cứu khoa học (NCKH), đạt kết quả đáng khích lệ. Đây là cơ sở quan trọng để Học viện tiếp tục đổi mới, sáng tạo, tăng tốc, bứt phá, quyết liệt thực hiện thắng lợi nhiệm vụ GD-ĐT và NCKH trong thời gian tới.

NĂM 2024, Học viện Hậu cần triển khai thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện kinh tế đất nước trên đà phục hồi và phát triển, tình hình chính trị xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường; tiềm lực, vị thế đất nước tiếp tục được nâng cao; Quân đội cơ bản hoàn thành điều chỉnh tổ chức lực lượng theo hướng tinh, gọn, mạnh. Quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; phát huy cao độ ý chí, khát vọng, tinh thần đoàn kết, thống nhất, vượt mọi khó khăn, thử thách; Học viện Hậu cần đã đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt về tư duy, nhận thức và hành động; triển khai toàn diện, đồng bộ, sáng tạo các chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trên các mặt công tác. Trong đó, công tác GD-ĐT và NCKH đã đạt được nhiều thành tích nổi bật.

Quán triệt và thực hiện các Nghị quyết: số 1657-NQ/QUTW, số 1659-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương; Đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo

cán bộ các cấp trong Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”, Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo” của Bộ Quốc phòng; Đảng ủy Học viện đã xây dựng và ban hành Nghị quyết số 883-NQ/ĐU về đổi mới công tác GD-ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Học viện trong tình hình mới, Nghị quyết số 884-NQ/ĐU về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục đột phá, đổi mới nâng cao chất lượng GD-ĐT và NCKH theo phương châm “Chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” gắn với thực hiện “Dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất”.

Là đơn vị tiên phong trong việc đổi mới quy trình, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh; Học viện đã ban hành mới 03 bộ chương trình đào tạo theo chức vụ cho các đối tượng; điều chỉnh và chuyển đổi 06 bộ

chương trình đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học từ đơn vị học trình sang tín chỉ... phục vụ huấn luyện từ đầu năm học, đáp ứng yêu cầu sáp nhập ngành hậu cần, kỹ thuật (HC-KT) các đơn vị trong toàn quân; chủ động xây dựng, thông qua chuẩn chương trình đào tạo cho các đối tượng, báo cáo Bộ theo quy định. Bên cạnh đó, Học viện còn tích cực tổ chức các đoàn tham quan, học tập, nghiên cứu thực tế tại các đơn vị trong toàn quân; đẩy mạnh triển khai hiệu quả chương trình phối hợp với Tổng cục HC-KT, Quân khu 1, fBB316/QK2... Thông qua đổi mới quy trình, chương trình đào tạo, chất lượng học viên tốt nghiệp ra trường được nâng lên rõ rệt; Học viện nhận được nhiều phản hồi tích cực từ các đơn vị; đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức, năng lực toàn diện; có tư duy đổi mới, sáng tạo, thích nghi nhanh và phát triển. Song song với việc đổi mới quy trình, chương trình đào tạo, Học viện tiếp tục đột phá, đổi mới phương pháp dạy học, tạo sức lan tỏa sâu rộng tới đội ngũ cán bộ, giảng viên trong toàn Học viện. Hoạt động giảng rút kinh nghiệm về phương pháp được đổi mới cả về nội dung, phương pháp, cách thức tiến hành; một chỉ huy khoa trực tiếp thực hành giảng và một chỉ huy còn lại của khoa tổ chức duy trì hội đồng khoa học nhận xét, rút kinh nghiệm trước toàn Học viện. Hội thi nhà giáo giỏi các cấp được tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, nội dung thi toàn diện, bám sát các tiêu chí, tiêu chuẩn của Bộ, nổi cầu truyền hình để toàn thể cán bộ, giảng viên theo dõi, đánh giá, bảo đảm khách quan, chính xác, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong toàn Học viện. Hoạt động mời giảng được tiến hành thường xuyên hơn khi Học viện chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị trong toàn quân mời cán bộ là chủ nhiệm HC-KT trung đoàn, sư đoàn, thủ trưởng các cơ quan Cục HC-KT, các Cục chuyên ngành

của Tổng cục HC-KT về tập huấn, giảng bài cho các đối tượng. Việc không ngừng đột phá, đổi mới phương pháp dạy học đã tạo động lực mạnh mẽ để đội ngũ giảng viên Học viện không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi, nâng cao trình độ, năng lực toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng phát triển của Học viện trong tình hình mới.

Bám sát phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, năm 2024, Học viện đã tổ chức thành công 06 cuộc diễn tập cho các đối tượng với nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác HC-KT, tài chính trong tình hình mới. Các cuộc diễn tập đã kết hợp chặt chẽ phương pháp huấn luyện truyền thống với sử dụng công nghệ thông tin; có sự chỉ đạo và trực tiếp thực hành diễn tập của chỉ huy, cán bộ Tổng cục HC-KT, fBB3, f346/QK1, fBB316/QK2, Trường Sĩ quan Pháo binh... Đặc biệt, Học viện đã tiên phong tổ chức diễn tập sư đoàn bộ binh biên chế hòa lực mạnh, có khung diễn tập trung đoàn pháo binh. Thông qua các cuộc diễn tập, trình độ phương pháp chỉ huy, điều hành của cán bộ, giảng viên được nâng lên; học viên tham gia diễn tập được rèn luyện tốt về kỹ năng, phương pháp tổ chức chỉ huy điều hành cơ quan, phân đội HC-KT trong chuyển trạng thái SSCĐ và chiến đấu; kết quả diễn tập được Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị đánh giá cao. Trong huấn luyện thực hành, Học viện tiếp tục đột phá, nâng cao chất lượng huấn luyện tập bài, dã ngoại; tổ chức ăn, ở, sinh hoạt dã ngoại, xử trí tình huống, trinh sát đêm sát thực tiễn, góp phần nâng cao trình độ, năng lực chỉ huy điều hành cơ quan, phân đội và năng lực tham mưu bảo đảm HC-KT trong chiến đấu. Đồng thời, tích cực đổi mới nội dung huấn luyện thực hành chuyên ngành, đưa nội dung “Huấn luyện thực hành chuyên ngành” tại các trạm, xưởng, bếp ăn, công trình, dự án, trung tâm thực hành huấn

luyện... cho đối tượng học viên sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học thành nền nếp hàng tuần. Triển khai quyết liệt, có hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số trong GD-ĐT, hỗ trợ công tác quản lý, điều hành, kiểm soát và tạo điều kiện thuận lợi cho người học, ứng dụng có hiệu quả hệ thống hỗ trợ giảng dạy, học tập (He-Learning) trên mạng nội bộ và phần mềm thi trắc nghiệm khách quan iTest trong đánh giá kết quả học tập.

Tiềm lực khoa học phát triển vượt bậc; NCKH đáp ứng yêu cầu phát triển của lý luận và thực tiễn, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ. Trong năm 2024, Học viện đã hoàn thành nghiên cứu 01 đề tài cấp Bộ Quốc phòng đạt Xuất sắc; 04 đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ; 113 đề tài, sáng kiến cấp cơ sở; nghiên cứu, biên soạn 99 giáo trình, tài liệu. Tham gia Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội lần thứ 24, có 15 đề tài, sáng kiến đạt giải (03 Nhì, 04 Ba, 08 Khuyến khích); Học viện được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen. Hoạt động nghiên cứu, sản xuất thử và chuyển giao, ứng dụng sản phẩm khoa học vào thực tế bước đầu có hiệu quả. Lựa chọn các nhà khoa học, cán bộ chỉ huy đơn vị có uy tín, kinh nghiệm thành lập các Hội đồng khoa học lâm thời nghiệm thu sản phẩm khoa học; tăng cường công tác kiểm soát, thẩm định chất lượng sản phẩm khoa học trước, trong và sau khi nghiệm thu. Đổi mới công tác thẩm định, nghiệm thu đề tài, sáng kiến, giáo trình, tài liệu theo hướng thực chất hơn. Tích cực triển khai kế hoạch xây dựng tiềm lực khoa học; trong năm học, Học viện đã bổ nhiệm chức danh Giáo sư cho 01 đồng chí, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư cho 05 đồng chí; công nhận chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ ngạch khởi đầu 16 cán bộ, giảng viên; đề nghị xét công nhận ngạch chính 10 cán bộ, giảng viên; ngạch cao cấp 05 cán bộ, giảng viên.

Năm 2024, Học viện đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trên các mặt công tác, tạo điều kiện để năm 2025 đổi mới, sáng tạo, tăng tốc, bứt phá, quyết liệt thực hiện thắng lợi nhiệm vụ GD-ĐT và NCKH, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện lần thứ XXII, xây dựng Đảng bộ Học viện trong sạch vững mạnh, Học viện vững mạnh toàn diện, “mẫu mực, tiêu biểu”; cùng toàn quân góp phần vào thành công của Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Để đạt được mục tiêu đó, cần tập trung thực hiện tốt một số nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Một là, thường xuyên quán triệt, triển khai quyết liệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác GD-ĐT. Trọng tâm là Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và xây dựng Đảng bộ Quân đội năm 2025, Chỉ lệnh công tác quân sự, quốc phòng năm 2025; Nghị quyết bổ sung nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo năm học 2024 - 2025 của Đảng ủy Học viện; Chỉ thị bổ sung nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 của Giám đốc Học viện. Tiếp tục quán triệt, triển khai hiệu quả các đề án, kế hoạch về GD-ĐT, trọng tâm là Đề án “Xây dựng xã hội học tập trong Quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo”, Đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”... phù hợp với đặc điểm, tình hình nhiệm vụ của Học viện và từng đảng bộ, chi bộ, cơ quan, đơn vị trong Học viện. Trên cơ sở từng nội dung công việc đã xác định trong các nghị quyết, đề án, chỉ thị; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, từng cơ quan chủ trì cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan, đơn vị có liên quan, hướng dẫn, kiểm tra việc quán triệt, triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, các cấp ủy, chi bộ căn cứ đặc điểm, tình hình nhiệm vụ, ra nghị

quyết lãnh đạo của cấp mình, có kế hoạch triển khai cụ thể trong đảng bộ, chi bộ và cơ quan, đơn vị.

Hai là, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tăng cường xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; chủ động đề xuất và mở mới ngành đào tạo. Chú trọng bồi dưỡng kỹ năng, nâng cao trình độ, phương pháp tiếp thu, truyền thụ kiến thức hiện đại, ngoại ngữ, tin học, chuyển đổi số, kinh nghiệm thực tiễn đạt chuẩn theo quy định; bồi dưỡng tạo nguồn đội ngũ nhà giáo có học hàm, học vị theo quy định phân đấu đạt danh hiệu nhà giáo giỏi các cấp, chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư, danh hiệu Nhà giáo Ưu tú, chuyên gia đầu ngành, chuyên sâu. Coi trọng đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực của người học; nâng cao chất lượng hoạt động phương pháp, giảng mẫu của chỉ huy khoa; tăng cường hoạt động phân công giảng dạy đối với cán bộ quản lý giáo dục, mời giảng đối với cán bộ HC-KT, tài chính các đơn vị. Thực hiện tốt kế hoạch đưa nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, học viên đi học tập, nghiên cứu thực tế, khảo sát, tham quan, thu thập số liệu tại các đơn vị. Chủ động đề xuất, chuẩn bị yếu tố tiếp tục tổ chức đào tạo hệ dân sự, mở mới ngành đào tạo logistics và quản lý chuỗi cung ứng, giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, bảo đảm không tăng tổ chức biên chế, quân số của Học viện; đẩy mạnh tổ chức các hoạt động nghiên cứu tập trung, chuyên sâu phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện. Chủ động đề xuất mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành HC-KT quân sự; rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng chuyên đề dạy học thạc sĩ, tiến sĩ theo chương trình mới đã xác định.

Ba là, không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường; tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác trong công tác GD-ĐT. Tập trung đổi mới toàn diện, đồng bộ ngay từ công tác tuyển sinh quân sự, chú trọng đổi mới nâng cao hiệu quả công tác tuyển truyền, hướng nghiệp tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh chặt chẽ, nghiêm túc, bảo đảm số lượng, chất lượng cao; tiếp tục chuẩn hóa chương trình đào tạo ở các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra chuyên ngành đào tạo; đổi mới toàn diện và đồng bộ quy trình, chương trình, nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo; chủ động xây dựng phương án, tiếp tục đột phá nâng cao chất lượng các cuộc diễn tập sát thực tiễn; chú trọng nâng cao chất lượng tập bài, huấn luyện thực hành, thực tập tay nghề, kỹ năng tổ chức chỉ huy, coi trọng huấn luyện đêm, huấn luyện cường độ cao; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động huấn luyện, đào tạo. Đẩy mạnh thực hiện tốt phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, “Nhà trường đi trước đơn vị”. Thực hiện hiệu quả chương trình phối hợp giữa Học viện với Tổng cục HC-KT, Quân khu 1 và Sư đoàn bộ binh 316/QK 2 và các đơn vị trong toàn quân; tăng cường thúc đẩy hợp tác, liên kết đào tạo với các đơn vị, nhà trường trong và ngoài quân đội nâng cao chất lượng GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn công tác HC-KT quân đội. Thực hiện tốt Nghị định thư về hợp tác giữa Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ Quốc phòng Lào, Bộ Quốc phòng Vương quốc Campuchia. Tổ chức các đoàn đi nước ngoài nghiên cứu về đào tạo đạt hiệu quả.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, phúc tra, kiểm định đúng với chủ trương “Dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất”; chống tiêu cực trong thi cử và bệnh

thành tích trong GD-ĐT; bút phá nâng cao chất lượng học tập của học viên. Đổi mới phương thức thi, kiểm tra, hội đồng đánh giá kết quả, đột phá nâng cao chất lượng thực tập tay nghề, thực tập cuối khóa của các đối tượng đào tạo, tổ chức thi tốt nghiệp bảo đảm nghiêm túc, đúng quy chế và an toàn tuyệt đối. Hình thành và phát triển văn hóa kiểm định, xây dựng văn hóa chất lượng tại các cơ quan, đơn vị trong toàn Học viện. Nâng cao chất lượng hoạt động của các nhóm công tác chuyên trách, hoàn thành tự đánh giá chương trình đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội chuyên ngành Chỉ huy tham mưu hậu cần, tích cực triển khai tự đánh giá các chuyên ngành tiếp theo; tiến hành đồng bộ các biện pháp đo lường chính xác sự tiến bộ trong học tập của học viên và hiệu quả của các chương trình, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Tiếp tục đổi mới hình thức phương pháp lấy ý kiến phản hồi của người học và khảo sát ý kiến của các đơn vị trong toàn quân về chất lượng sĩ quan tốt nghiệp tại Học viện và các chương trình đào tạo; ý kiến của học viên năm cuối về chất lượng khóa học. Chỉ đạo các khoa, cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ, vận dụng đầy đủ, đồng bộ các giải pháp, tích cực bồi dưỡng nâng cao kết quả thi, kiểm tra cho các đối tượng học viên, quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu 2 ÷ 3% học viên giỏi đối với học viên sĩ quan hậu cần cấp phân đội, 5 ÷ 7% đối với đối với học viên cao học.

Năm là, đẩy mạnh hoạt động NCKH, đột phá trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm, tích cực chuyển giao công nghệ, ứng dụng các sản phẩm khoa học vào thực tế bảo đảm HC-KT, tài chính ở các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Quyết

liệt đổi mới quy trình thông qua, nghiệm thu, đánh giá đề tài, sáng kiến, giáo trình, tài liệu; thành lập và ban hành quy định hoạt động các nhóm nghiên cứu mạnh phục vụ cho các nhiệm vụ NCKH chuyên sâu; tăng cường kiểm tra, đôn đốc của cấp ủy, chỉ huy các cấp, động viên, phát huy tinh thần chủ động, tích cực của tác giả để hoàn thành các chỉ tiêu khoa học. Bảo đảm đầy đủ giáo trình, tài liệu phục vụ huấn luyện và NCKH; đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu, thư viện điện tử, thư viện số, hướng dẫn, tập huấn, triển khai hiệu quả Cổng thông tin điện tử mới; tích cực tạo nguồn, nâng cao chất lượng các bài viết chuyên sâu trên Tạp chí NCKH Hậu cần quân sự.

Nhiệm vụ năm 2025 rất nặng nề; song, với những kết quả đã đạt được trong những năm qua, cùng với sự đoàn kết, chủ động, sáng tạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp và toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên, chiến sĩ, nhất định Học viện sẽ hoàn thành thắng lợi những mục tiêu đã đề ra, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện, thực sự “mẫu mực, tiêu biểu”♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
2. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2024), *Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025*, Hà Nội.
3. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2025), *Nghị quyết bổ sung nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo năm học 2024 - 2025*, Hà Nội.

LÀM TỐT CÔNG TÁC CHUẨN BỊ - NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP TRONG ĐẢNG BỘ HỌC VIỆN HẬU CẦN

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIÊN
Chính ủy Học viện Hậu cần

Đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện Hậu cần là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, khẳng định bản lĩnh, trí tuệ, vị thế và uy tín của Học viện sau gần 75 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, thể hiện ý chí, quyết tâm xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo; xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu. Coi trọng làm tốt công tác chuẩn bị là nhân tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện.

NGAY sau khi có Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Chỉ thị số 2960-CT/QUTW, ngày 18/7/2024 của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Ban Thường vụ Đảng ủy Học viện đã ban hành chỉ thị, kế hoạch triển khai thực hiện đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện; thành lập các tiểu ban giúp việc Đại hội. Tổ chức tốt hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện chỉ thị, kế hoạch của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy Học viện về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; chủ động kiện toàn cấp ủy, đội ngũ cán bộ các cấp gắn với chuẩn bị nhân sự đại hội và xây dựng dự thảo các văn kiện trình đại hội; chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là các đảng bộ, chi bộ được lựa chọn làm trước tích cực chuẩn bị mọi mặt để tiến hành đại hội theo kế hoạch, đảm bảo chất

lượng, đúng nguyên tắc, thủ tục. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính trị viên, bí thư cấp ủy, người chỉ huy các cơ quan, đơn vị đề cao trách nhiệm, lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác chuẩn bị, trong đó tập trung thực hiện tốt những nội dung chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục tổ chức quán triệt sâu sắc các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn đại hội đảng các cấp, nhất là Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 2960-CT/QUTW, ngày 18/7/2024 của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương; Chỉ thị số 1470-CT/ĐU, ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Đảng ủy Học viện về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện Hậu cần, tiến tới Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; các quy định, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, Tổng cục Chính trị về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhằm nâng cao nhận thức,

thống nhất tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, quần chúng về ý nghĩa, tầm quan trọng; nêu cao trách nhiệm trong triển khai thực hiện nhiệm vụ đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện. Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng các cấp phải được các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện theo đúng quy định, nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; giữ vững kỷ luật, kỷ cương; phát huy đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là cán bộ chủ trì, lãnh đạo, chỉ huy các cấp; bảo đảm hiệu quả, an toàn, thiết thực, không phô trương hình thức; kiên quyết chống lãng phí, tiêu cực. Thông qua đại hội đảng các cấp trong Học viện, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; xây dựng Đảng bộ Học viện thực sự tiêu biểu, mẫu mực, lãnh đạo toàn Học viện hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị tốt văn kiện của cấp ủy, chi bộ trình đại hội, trọng tâm là báo cáo chính trị và báo cáo kiểm điểm của cấp ủy. Báo cáo chính trị phải đánh giá khách quan, trung thực, sát tình hình thực tế; tập trung làm rõ những ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, các khâu đột phá nhiệm kỳ qua; xác định nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm sâu sắc, toàn diện. Đồng thời, quán triệt đầy đủ những quan điểm, chủ trương, định hướng lớn trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng và đại hội đảng bộ cấp trên, bám sát tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị; đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả, khả thi để thực hiện trong nhiệm kỳ tới và những năm tiếp theo; xác định các giải pháp đột phá để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, tập trung khắc phục

triệt để khâu yếu, mặt yếu. Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình thẳng thắn, nghiêm túc, chân thành, cầu thị; đánh giá đúng kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, chỉ huy, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ qua; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định của Trung ương, Quân ủy Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết của Quân ủy Trung ương về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong thời kỳ mới. Chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đề ra kế hoạch, biện pháp thiết thực nhằm khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong thời gian tới. Quá trình dự thảo các văn kiện đại hội, các cấp ủy cần nắm vững sự chỉ đạo của cấp trên, bám sát nghị quyết đại hội nhiệm kỳ qua và tình hình thực tế của đảng bộ, chi bộ cơ quan, đơn vị; tổ chức lấy ý kiến tham gia của cấp ủy cấp dưới và các tổ chức quần chúng một cách phù hợp, linh hoạt, thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

Ba là, lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác chuẩn bị nhân sự đại hội. Đây là công việc hệ trọng, là “then chốt của then chốt”, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội của từng tổ chức đảng và Đảng bộ Học viện. Cần quán triệt, thực hiện nghiêm tiêu chuẩn cấp ủy viên, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với cơ quan, đơn vị; đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, cán bộ chủ trì theo quy định; bảo đảm sự kế thừa, đổi mới và phát triển, coi trọng chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý. Công

tác nhân sự phải thực hiện đúng nguyên tắc, quy chế, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước; bảo đảm đồng bộ, chặt chẽ, dân chủ, khoa học, khách quan, công tâm, minh bạch, trách nhiệm giải trình; đoàn kết, thống nhất cao; làm thận trọng từng bước, “làm đến đâu chắc đến đó”; chú trọng phát hiện, lựa chọn, giới thiệu tham gia cấp ủy những cán bộ tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, năng lực, uy tín, phương pháp công tác, đã kinh qua thực tiễn, có thành tích, kết quả, sản phẩm công tác; quan tâm đến cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Không bỏ “sót” những người thật sự có đức, có tài; đồng thời, kiên quyết không để “lọt” vào cấp ủy khóa mới những người bản lĩnh chính trị không vững vàng, phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém, mất đoàn kết; né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật Quân đội; vi phạm tiêu chuẩn chính trị, những điều đảng viên không được làm, trách nhiệm nêu gương; kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc xảy ra tham nhũng, thất thoát, vụ việc tiêu cực ở cơ quan, đơn vị trong thời gian phụ trách. Đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải là những đảng viên tiêu biểu trong đảng bộ, chi bộ; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, năng lực tốt, lối sống trong sạch, lành mạnh; tinh thần tự phê bình và phê bình cao; có năng lực, khả năng đóng góp ý kiến vào các quyết định của đại hội. Có biện pháp chủ động phòng ngừa, nêu cao cảnh giác không để tác động, chi phối bởi những thông tin có dụng ý xấu, nhất là những thông tin bịa đặt, xuyên tạc,

gán ghép liên quan đến công tác chuẩn bị nhân sự.

Bốn là, lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về truyền thống lịch sử của Đảng, Quân đội, Học viện và đơn vị; thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh tuyên truyền cổ động trực quan, xây dựng cảnh quan môi trường, công trình chào mừng đại hội; tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tọa đàm, thi tìm hiểu... Tổ chức tốt phong trào thi đua Quyết thắng và các đợt thi đua cao điểm chào mừng đại hội đảng các cấp, chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 74 năm Ngày truyền thống Học viện. Phát huy tốt vai trò của Ban Chỉ đạo 35, lực lượng 47 trong thông tin định hướng dư luận, chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai sự thật, luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch. Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự, website Học viện và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đại hội đảng các cấp, các điển hình tiên tiến trong thực hiện nhiệm vụ.

Năm là, cùng với quá trình chuẩn bị đại hội, các cấp ủy, tổ chức đảng phải rà soát, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tăng tốc, bứt phá hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu đã xác định trong nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025. Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục đột phá, đổi mới, sáng tạo thực hiện tốt phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, “Dạy thực chất, học thực

chất, đánh giá thực chất”, tạo sự chuyển biến đồng bộ, toàn diện về nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, chấp hành nghiêm pháp luật, kỷ luật, duy trì nền nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Coi trọng nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, xây dựng Đảng bộ Học viện trong sạch, vững mạnh tiêu biểu. Đối với các tổ chức đảng được lựa chọn tiến hành đại hội trước để rút kinh nghiệm chung: Chi bộ Bộ môn Kinh tế chính trị thuộc Đảng bộ Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Chi bộ Viện nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự; Đảng bộ Khoa Công tác đảng, công tác chính trị cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đầy nhanh tiến độ, chất lượng công tác chuẩn bị đại hội. Phòng Chính trị tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, nắm tình hình và chỉ đạo công tác chuẩn bị đại hội đảng các cấp đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc; kịp thời giải quyết dứt điểm những tồn đọng, vướng mắc trước khi tiến hành đại hội; nơi nào chuẩn bị tốt, đủ điều kiện mới tiến hành đại hội; nơi nào chưa làm tốt công tác chuẩn bị hoặc còn vấn đề vướng mắc thì chưa tiến hành đại hội.

Công tác chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị; thể hiện ý chí, quyết tâm xây dựng Đảng bộ Học viện trong sạch, vững mạnh tiêu biểu; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học; xây dựng Học viện vững mạnh

toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao, vững bước cùng Quân đội và đất nước vươn mình, phát triển. Do đó, mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Học viện cần tiếp tục phát huy truyền thống Học viện Hậu cần Anh hùng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tích cực chuẩn bị và tổ chức thành công đại hội đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện lần thứ XXIII thực sự mẫu mực, tiêu biểu, góp phần tạo tiền đề vững chắc bước vào giai đoạn bứt phá xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
2. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2024), *Chỉ thị số 2960-CT/QUTW, ngày 18/7/2024 về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
4. Thường vụ Đảng ủy Học viện Hậu cần (2024), *Chỉ thị số 1470-CT/ĐU, ngày 30/8/2024 về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện Hậu cần, tiến tới Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GÓP PHẦN HOÀN THÀNH THẮNG LỢI NHIỆM VỤ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Thiếu tướng, PGS. TS. TRỊNH BÁ CHINH
Phó Giám đốc Học viện Hậu cần

Công tác nghiên cứu khoa học có mối quan hệ chặt chẽ với giáo dục, đào tạo. Nâng cao chất lượng các mặt hoạt động khoa học, đưa công tác nghiên cứu khoa học đi trước một bước là yêu cầu cấp thiết, bảo đảm vững chắc cho nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và góp phần phát triển khoa học hậu cần quân sự. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học ở Học viện Hậu cần trong giai đoạn mới cần có những định hướng, giải pháp phù hợp.

THỰC hiện đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”, gắn với phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” ở Học viện Hậu cần, cần thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều chủ trương, giải pháp. Trong đó, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân sự có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Học viện Hậu cần. Bởi công tác nghiên cứu khoa học hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân sự là lĩnh vực hoạt động nhằm phát hiện ra các quy luật, dự báo chính xác xu thế phát triển sự vật, hiện tượng trong điều kiện mới, cách ứng dụng những quy luật ấy vào các lĩnh vực của hoạt động quân sự, đặc biệt là công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính gắn với sự phát triển của nghệ thuật quân sự và trang bị hiện đại của quân đội ta trong điều kiện mới; cung cấp những luận cứ quan trọng giúp cho lãnh đạo, chỉ huy Học viện đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp trong xây dựng, điều chỉnh chương trình, tổ chức đào tạo gắn với thực tiễn bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và tài chính tại đơn vị.

Trong những năm gần đây, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện Hậu cần đã tập

trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học bằng nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể, như: Định hướng nội dung, chủ đề nghiên cứu phù hợp cho từng lực lượng, từng đối tượng; tổ chức xét duyệt nội dung nghiên cứu chặt chẽ, nghiêm túc; triển khai thực hiện có kế hoạch, lộ trình hợp lý, bảo đảm tính khả thi; tổ chức thông qua hội đồng khoa học các cấp đúng quy trình, bảo đảm chất lượng. Chính nhờ vậy mà hệ thống giáo trình, tài liệu, chuyên đề dạy học về công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính được biên soạn tương đối chính quy, bổ sung, cập nhật những kiến thức mới, phù hợp với chương trình đào tạo, bảo đảm tính khoa học, hiện đại, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo cho từng đối tượng; số lượng, chất lượng bài báo khoa học chuyên ngành đăng trên Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự của Học viện được nâng cao; nhiều đề tài, sáng kiến khoa học được nghiên cứu thành công và triển khai ứng dụng trong thực tế. Năm học 2023 - 2024, Học viện triển khai nghiên cứu 117 đề tài, sáng kiến các cấp; trong đó, có 4 đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ Quốc phòng; đã lựa chọn 29 đề tài, sáng kiến tuổi trẻ sáng tạo tham gia giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ XXIV, có

15 đề tài, sáng kiến đạt giải, chiếm 51,72% (gồm: 03 giải Nhì; 04 giải Ba; 08 giải Khuyến khích). Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và tài chính ở đơn vị cũng được Học viện hết sức chú trọng. Học viện đã liên kết, phối hợp với nhiều đơn vị trong toàn quân, như Quân khu 1, Quân khu 2, Quân khu 3, Quân chủng Hải quân, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển... để triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu. Nhiều mô hình, học cụ được ứng dụng vào huấn luyện, giảng dạy ngay trong Học viện và cả các đơn vị trong toàn quân. Tiêu biểu trong các đề tài, sáng kiến có tính ứng dụng cao, được đưa vào ứng dụng, góp phần nâng cao khả năng bảo đảm cho đơn vị thực hiện các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân đội, là: “Sản phẩm thịt hộp”; “Xuất ăn dã ngoại S.A.D”; “Khẩu phần ăn chế biến sẵn” và các sản phẩm dinh dưỡng ứng dụng công nghệ Enzym... Với những thành tích đã đạt được trong nghiên cứu khoa học, năm 2024, Học viện Hậu cần đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trao tặng Bằng khen.

Có thể thấy, hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện đã có chuyển biến tích cực, thu được kết quả thiết thực; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Học viện; đồng thời, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, đáp ứng yêu cầu phát triển quân đội trong tình hình mới. Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện vẫn còn những hạn chế nhất định: Tính khoa học, sáng tạo, nhất là tính ứng dụng của nhiều đề tài, sáng kiến còn chưa cao, đa số chỉ dừng lại ở việc làm tài liệu tham khảo; phạm vi ứng dụng chỉ ở mức độ nhỏ, trong đơn vị cơ sở hoặc trong Học viện; còn ít đề tài có tính ứng dụng

trong toàn quân. Nhiều giáo trình, tài liệu, đề tài, sáng kiến còn chậm tiến độ, chưa kịp thời cập nhật những phát triển mới về nghệ thuật quân sự, lý luận bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính trong những điều kiện mới, cho các lực lượng mới và tổ chức biên chế mới của quân đội. Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế trên là do kinh nghiệm thực tiễn của một bộ phận đội ngũ cán bộ, nhà giáo đặc biệt là đội ngũ giảng viên trẻ của Học viện còn chưa nhiều; nhận thức về hoạt động nghiên cứu khoa học của một số cán bộ, giảng viên, học viên còn đơn giản, chưa thấy rõ sự cần thiết của nghiên cứu khoa học đối với sự phát triển kỹ năng, năng lực công tác trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ; nghệ thuật quân sự và sự đòi hỏi cao của yêu cầu, nhiệm vụ công tác hậu cần, kỹ thuật và tài chính quân đội trong tình hình mới. Mặt khác, cơ sở vật chất, kinh phí bảo đảm cho hoạt động nghiên cứu khoa học vẫn còn hạn hẹp, chưa tạo được động lực khuyến khích các cán bộ, nhà giáo mạnh dạn mở rộng phạm vi nghiên cứu và đi sâu vào nghiên cứu các lĩnh vực có tính ứng dụng thực tiễn cao.

Thực tiễn hiện nay, với sự phát triển của khoa học nghệ thuật quân sự, các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới đã vận dụng nhiều phương thức tác chiến khác nhau, nhất là sử dụng phương tiện không người lái, đã tác động mạnh mẽ đến phương pháp, cách thức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính. Tổ chức, biên chế, vũ khí trang bị của quân đội ta đang được xây dựng theo hướng tinh, gọn, mạnh, để tiến lên hiện đại; sử dụng công nghệ kỹ thuật số, thông tin, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng ở trình độ cao, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu và thách thức ngày càng cao của cả an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Điều đó đã đặt ra những thách thức không nhỏ đối với khoa học quân sự nói chung và công tác nghiên cứu khoa học tại Học viện Hậu cần nói riêng.

Trước những yêu cầu trên, đòi hỏi Học viện Hậu cần phải làm tròn sứ mệnh quan trọng là tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện để thực sự trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của quân đội về bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và tài chính; đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ, xây dựng các mô hình điểm; nghiên cứu ứng dụng các khoa học kỹ thuật mới; gắn nghiên cứu khoa học với giáo dục, đào tạo, đáp ứng yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân đội trong tình hình mới. Trước mắt, Học viện cần tiếp tục chỉ đạo quyết liệt và triển khai thực hiện tốt một số vấn đề chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng, của quân đội và Học viện trong công tác nghiên cứu, phát triển khoa học hậu cần, kỹ thuật và tài chính quân sự thời kỳ mới, trọng tâm là Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP, Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 của Chính phủ; Nghị quyết số 1652-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác Khoa học quân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo... Đây là vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo cho công tác nghiên cứu khoa học hậu cần, kỹ thuật và tài chính quân sự phát triển đúng hướng, phù hợp với tình hình thực tiễn. Trên cơ sở đó, ban hành các nghị quyết chuyên đề về hoạt động nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nhằm không

ngừng nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, giảng viên về vị trí, vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường nói riêng và thực hiện nhiệm vụ xây dựng quân đội, ngành hậu cần, kỹ thuật và tài chính quân đội nói chung. Làm cho mỗi cán bộ, giảng viên thấy được đây là một hoạt động có ý nghĩa thiết thực nhằm nâng cao trình độ bản thân và nâng cao chất lượng công tác; đồng thời, làm cơ sở hoàn thiện các chức danh khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Học viện.

Hai là, cơ quan chức năng, mà thường xuyên, trực tiếp là Phòng Khoa học quân sự, nghiên cứu sâu, kỹ các hướng dẫn của trên, tham mưu cho chỉ huy Học viện để có các định hướng nghiên cứu phù hợp. Đối với đề tài khoa học, cần tập trung đột phá nghiên cứu các vấn đề thực tiễn về bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân đội trong điều kiện phát triển mới của các loại hình tác chiến trong chiến tranh hiện đại, dịch sử dụng vũ khí công nghệ cao; bảo đảm cho các lực lượng mới thành lập, các nhiệm vụ mới, cách đánh mới gắn với sự phát triển của nghệ thuật quân sự và trang bị hiện đại của quân đội ta; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ mới trong việc chế biến các sản phẩm phục vụ, chăm sóc sức khỏe bộ đội hoạt động trong các điều kiện phức tạp, khắc nghiệt. Nghiên cứu phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý các nguồn ô nhiễm môi trường trong quân đội để bảo vệ tài nguyên, môi trường phục vụ cho các hoạt động quân sự, quốc phòng... Đối với biên soạn giáo trình, tài liệu, trước mắt, cần tập trung hoàn thiện hệ thống giáo trình, tài liệu, chuyên đề học tập cho các đối tượng mới, các chương trình mới điều chỉnh, chưa có tài liệu học tập, với

nội dung cập nhật hệ thống điều lệnh, điều lệ mới; phương thức tác chiến mới, tổ chức biên chế mới của các lực lượng.

Ba là, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên, học viên về tầm nhìn, chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Học viện; phương pháp nghiên cứu khoa học hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân sự; thực tiễn công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và tài chính của các đơn vị trong toàn quân, những thực trạng còn tồn tại cần khắc phục trên từng lĩnh vực, đặc biệt là những lĩnh vực then chốt có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại nhà trường và đơn vị. Tạo điều kiện để các đơn vị, tác giả tham gia nghiên cứu được gặp gỡ và tiếp xúc với những chuyên gia đầu ngành, những cán bộ đang đảm nhiệm chức vụ thực tế công tác tại đơn vị, hoặc tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm thực tiễn ngay tại các đơn vị theo nội dung nghiên cứu của các đề tài, sáng kiến. Để cán bộ, giảng viên có điều kiện giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, phương pháp, cách định hướng, lựa chọn đề tài, cách tìm kiếm, thu thập tài liệu, thông tin có liên quan đến thực hiện các đề tài, sáng kiến.

Bốn là, tăng cường hợp tác với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong toàn quân để thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, thẩm định, đánh giá và chuyển giao, xây dựng các mô hình thực nghiệm theo các nội dung nghiên cứu của đề tài, sáng kiến. Tiếp tục đầu tư có hiệu quả vào phong trào nghiên cứu đề tài, sáng kiến khoa học “Tuổi trẻ sáng tạo”, thực hiện bố trí kinh phí phù hợp với quy mô của các đề tài, sáng kiến, tạo điều kiện cho các tác giả tiến hành thực nghiệm, đánh giá được tính ứng dụng của các đề tài, sáng kiến trước khi báo cáo kết quả nghiên cứu trước Hội đồng thẩm định,

đánh giá. Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, nhà giáo của Học viện mở rộng quan hệ hợp tác với các trung tâm nghiên cứu, các cơ quan, đơn vị, nhằm tranh thủ sự đầu tư, phát triển hoặc liên kết trong sử dụng các máy móc, trang bị, phòng thí nghiệm để phục vụ cho quá trình nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các sản phẩm nghiên cứu có hiệu quả. Ngoài việc khuyến khích, động viên về vật chất, tinh thần, cần xác định là tiêu chí đánh giá kết quả của quá trình học tập của học viên; kết quả xét duyệt các chức danh của đội ngũ cán bộ, giảng viên; có như vậy mới khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia nghiên cứu và hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Năm là, đổi mới quy trình nghiệm thu đề tài, giáo trình, tài liệu; phát huy vai trò của hội đồng khoa học cơ sở cấp khoa, viện. Để giáo trình, tài liệu, đề tài khoa học sau khi nghiệm thu, đánh giá thực sự có chất lượng, vận dụng được ngay vào thực tiễn huấn luyện hay công tác tại đơn vị, cần đổi mới quy trình nghiệm thu từ Hội đồng khoa học cơ sở, đến Hội đồng nghiệm thu cấp Học viện. Phát huy vai trò của các thành viên hội đồng, nhất là các ủy viên phản biện trong việc nhận xét, đánh giá chất lượng các đề tài, giáo trình, tài liệu. Trước khi đưa ra hội đồng nghiệm thu, chủ nhiệm đề tài (chủ biên giáo trình, tài liệu) phải được trao đổi, thống nhất với các thành viên hội đồng để thực hiện sửa chữa, bổ sung những nội dung còn thiếu sót, bất cập, để hoàn chỉnh bản thảo. Tại hội đồng nghiệm thu, chỉ giải quyết, kết luận những nội dung còn có sự chưa thống nhất giữa các thành viên hội đồng với các thành viên nghiên cứu, biên soạn. Có như vậy, việc kiểm soát chất lượng sửa chữa sau nghiệm thu mới thuận lợi; chất lượng đề tài, giáo trình, tài liệu mới

được nâng cao. Để thực hiện vấn đề này, cơ quan quản lý khoa học cần có hướng dẫn cụ thể quy trình nghiệm thu ở các cấp, tổ chức tập huấn cho các đối tượng có liên quan và triển khai thực hiện thống nhất. Mặt khác, để chất lượng đề tài, giáo trình, tài liệu được hoàn thiện, hạn chế phải sửa chữa, bổ sung nhiều, thậm chí phải viết lại khi nghiệm thu ở cấp Học viện, cần phải phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của hội đồng khoa học cấp khoa, viện. Đây là nơi chuyên sâu về chuyên môn, phải thực sự định hướng cho các chủ nhiệm đề tài, chủ biên giáo trình, tài liệu xác định nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn phù hợp, thông qua đề cương chi tiết, thẩm định, đánh giá đầy đủ, chặt chẽ, chính xác chất lượng của các đề tài, giáo trình, tài liệu theo mục tiêu nghiên cứu, biên soạn đã được xác định, sau đó mới đề nghị cho nghiệm thu ở Hội đồng khoa học cấp Học viện.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nhất là xây dựng tổ chức, biên chế quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh”; yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và tài chính cho quân đội ngày càng cao; đặc biệt nhiều lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, vũ khí, khí tài, phương tiện tiếp tục được trang bị mới. Cùng với đó là những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, đòi hỏi công tác khoa học và công nghệ quân sự nói chung; khoa học hậu cần, kỹ thuật và tài chính quân sự nói riêng phải đổi mới, đi trước một bước. Vì vậy, cần phải đẩy mạnh nâng cao chất lượng, hiệu quả công

tác khoa học của Học viện; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong huấn luyện cũng như thực hành bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội, xây dựng ngành hậu cần, kỹ thuật, tài chính, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của Học viện Hậu cần trong thời gian tới♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2023), *Quyết định số 3061/QĐ-BQP, ngày 11/7/2023 về phê duyệt Đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
3. Cục Khoa học Quân sự (2025), *Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2026 - 2030*, Hà Nội.
4. Đảng bộ Quân đội (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.
5. Đảng bộ Học viện Hậu cần (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần khóa XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.
6. Đảng bộ Học viện Hậu cần (2024), *Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025*, Hà Nội.
7. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1652-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác khoa học quân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI THỜI KỲ MỚI

Trung tướng **ĐỖ VĂN THIÊN**

Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng và Chính phủ luôn luôn sẵn sàng đến bộ đội. Nhân dân, Đảng và Chính phủ tin các chú, giao trách nhiệm cho các chú. Vậy trách nhiệm của cán bộ Tổng cục Cung cấp từ trên đến dưới là toàn tâm toàn lực phục vụ bộ đội... Tổng cục Cung cấp có trách nhiệm giúp xây dựng quân đội”. Quán triệt và thực hiện tốt lời huấn thị của Người, hơn 80 năm qua, Đảng ta, trực tiếp là Quân ủy Trung ương luôn quan tâm lãnh đạo công tác hậu cần, kỹ thuật (HCKT) và đạt được những thành tựu to lớn; nổi bật là, bảo đảm đầy đủ, kịp thời HCKT cho Quân đội thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. Vì vậy, tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác HCKT là yêu cầu khách quan để xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

NGAY từ những ngày đầu lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã sớm có những chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo công tác HCKT. Nghị quyết về Đội Tự vệ, tháng 3/1935 đã chỉ rõ: “Phải có binh khí ít nhiều, càng nhiều càng tốt để thao luyện, để lúc điều kiện cần thiết phải xung đột với quân thù bảo tồn tính mạng của quần chúng, của chiến sĩ, giữ gìn cơ quan cách mạng, hộ vệ cuộc cách mạng đấu tranh”. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng, những vấn đề cơ bản về lực lượng, phương châm hoạt động, tác chiến và việc cung cấp đã được Đảng ta nhận thức, chỉ đạo ngày càng rõ hơn. “Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa” của Trung ương Đảng ngày 07/5/1944, nêu rõ: “...muốn tự giải phóng phải cầm vũ khí trong tay mà chiến đấu. Không thể tay vo mà đánh đuổi được giặc... Phải hết sức cổ động quần chúng nhiệt liệt tham gia các cuộc quyền góp tiền mua vũ khí”. Từ chủ trương đúng đắn đó, đã từng bước vũ trang cho Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân hậu thuẫn cho lực lượng cách mạng và quần chúng dưới

sự lãnh đạo của Đảng tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, việc bảo đảm HCKT được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: “Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt... Động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến... Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc... Hết sức sản xuất vũ khí... Vừa kháng chiến vừa kiến quốc”. Theo Sắc lệnh số 121/SL, ngày 11/7/1950 của Chủ tịch nước, Tổng cục Cung cấp được thành lập, bảo đảm sự tập trung thống nhất trong chỉ đạo toàn ngành. Vì vậy, việc bảo đảm được kết hợp hậu cần Quân đội với hậu cần nhân dân, vừa bảo đảm nhu cầu xây dựng và chiến đấu của ba thứ quân, vừa đáp ứng kịp thời các nhu cầu của các chiến dịch phản công và tiến công diễn ra liên tiếp với quy mô lớn, mà đỉnh cao là công tác bảo đảm HCKT trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân làm nên chiến thắng lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với mục tiêu cao nhất là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành HCKT đã phát triển, trưởng thành vượt bậc, đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Lực lượng HCKT được xây dựng, kiện toàn, có tổ chức đồng bộ các bộ phận: quân nhu, quân y, quân giới, vận tải... Trên chiến trường miền Nam, Hội đồng cung cấp được tổ chức từ Miền xuống các khu, tỉnh nhằm huy động sức người, sức của cho tiền tuyến. Công tác HCKT không chỉ bảo đảm cho các lực lượng vũ trang, bộ đội chủ lực trực tiếp chiến đấu, mà còn bảo đảm cho đấu tranh chính trị, thực hiện một số mặt bảo đảm cho cơ quan của Đảng. Phương thức bảo đảm HCKT đã phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng; kết hợp nguồn bảo đảm của Quân đội với nguồn bảo đảm của Nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế; vì vậy, đã đảm bảo kịp thời, hiệu quả cho từng trận đánh, chiến dịch, từng giai đoạn. Đặc biệt, để chi viện sức người, vũ khí, trang bị và vật chất cho chiến trường miền Nam, Trung ương Đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo mở tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn trên bộ và trên biển Đông, hình thành mạng giao thông rộng khắp, nối liền căn cứ địa miền Bắc với các chiến trường, tạo nên kỳ tích trong cuộc kháng chiến. Thẩm nhuần tinh thần “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, cán bộ, chiến sĩ, nhân viên ngành HCKT luôn nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, gian khổ, bám sát thực tiễn chiến đấu của bộ đội; nắm vững đặc điểm của ta, của địch, tình hình chiến trường, cách đánh của lực lượng vũ trang, lường trước mọi khó khăn, đề xuất phương án bảo đảm thích hợp, sáng tạo, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương đã ban hành các nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác HCKT phát triển lên tầm cao mới về tổ chức, lực lượng, phương thức bảo đảm. Công tác HCKT dựa vào sức mạnh tổng hợp của đất nước bảo đảm kịp thời mọi nhu cầu cho các lực lượng vũ trang chiến đấu, bảo vệ biên giới, biển đảo, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ứng phó với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, nhất là trong phòng, chống, khắc phục sự cố môi trường, thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, góp phần tô thắm truyền thống, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới.

Có thể khẳng định, sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Quân ủy Trung ương, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp là nhân tố quyết định đối với công tác HCKT hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm cho Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng chiến đấu, chiến thắng. Đồng thời, đây là cơ sở, bài học kinh nghiệm để tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác HCKT đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, tiến lên hiện đại, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trong thời gian tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó dự báo. Các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, nhất là tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chạy đua vũ trang, chiến tranh thương mại, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu vẫn là những thách thức nghiêm trọng, ngày càng phức tạp hơn. Trong nước, những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới tạo tiền

đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, tiến lên hiện đại; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi cao hơn đối với công tác HCKT. Vì vậy, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác HCKT Quân đội là tất yếu khách quan để bảo đảm cho toàn quân chiến đấu và chiến thắng, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới; cần tập trung vào thực hiện tốt các nội dung, giải pháp sau đây:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bám sát thực tiễn, xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo công tác HCKT sát, đúng, hiệu quả. Đây là vấn đề quan trọng, cốt lõi nhất, quyết định chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm HCKT, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội, của cách mạng trong từng thời kỳ. Thực tiễn cho thấy, chỉ có bám sát nghị quyết, chỉ thị của Đảng, thực tiễn đất nước, hoạt động của bộ đội thì cấp ủy, tổ chức đảng các cấp mới đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo công tác HCKT đúng đắn, hiệu quả. Phát huy bài học đó, cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên các cấp cần nghiên cứu, học tập, nắm vững các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, về công tác HCKT, lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ toàn quân đối với công tác HCKT; trong đó, tập trung “Lãnh đạo thực hiện tốt công tác HCKT; phát triển công nghiệp quốc phòng

theo hướng tự chủ, tự cường, hiện đại và lưỡng dụng, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội và phát triển kinh tế - xã hội”. Nhận rõ đây là một mặt quan trọng trong công tác quân sự, quốc phòng của cấp ủy, chỉ huy các cấp, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội. Đồng thời, nắm chắc tình hình thế giới, khu vực và trong nước; các nguy cơ, thách thức, tình huống tranh chấp, xung đột có thể xảy ra và các yếu tố tác động đến công tác HCKT để nghiên cứu, tham mưu xác định mục tiêu và đề xuất các chủ trương, giải pháp lãnh đạo sát, đúng, hiệu quả. Trước mắt, tập trung lãnh đạo thực hiện tốt việc nghiên cứu, đổi mới phương thức bảo đảm HCKT trong tình hình mới; thực hiện tốt Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW và Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác HCKT đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW ngày 29/01/2025 của Quân ủy Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng lãnh đạo thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết; nêu gương người tốt, việc tốt, khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác HCKT Quân đội.

Hai là, tập trung xây dựng lực lượng HCKT tinh, gọn, mạnh, hiện đại. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn, cấp ủy các cấp tập trung lãnh đạo xây dựng lực lượng HCKT không ngừng phát triển, vững mạnh về tổ chức, biên chế. Quan tâm chăm lo giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, trình độ, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ tốt, gương mẫu, sáng tạo trong công tác. Trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo

vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, các cấp cần tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 230-NQ/QU/TW, ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương, Kế hoạch số 1228/KH-BQP, ngày 25/4/2022 của Bộ Quốc phòng về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 và những năm tiếp theo, gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Tập trung lãnh đạo chặt chẽ; kết hợp công tác tư tưởng, với tổ chức, chính sách, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao, nhanh chóng ổn định tổ chức, hoạt động hiệu quả sau khi sáp nhập theo đúng tinh thần chỉ đạo và giao nhiệm vụ của đồng chí Đại tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tại Lễ công bố Quyết định sáp nhập Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật và tổ chức lại thành Tổng cục HCKT. Làm tốt việc sơ kết, rút kinh nghiệm tổ chức lại cơ quan HCKT các cấp, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, nhất là về cơ chế, nguyên tắc, phương thức quản lý, chỉ huy, điều hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

Các cơ quan, đơn vị quán triệt, thực hiện nghiêm các nghị quyết, quy định, quy chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT có số lượng, cơ cấu phù hợp, chất lượng cao. Tổ chức tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, nâng cao trình độ quản lý, chỉ huy và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT. Gắn quy hoạch với đào tạo, sắp xếp, bố trí sử dụng; tăng cường quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành, cán bộ HCKT giỏi trên các lĩnh vực, làm nòng cốt xây dựng lực lượng, công tác bảo đảm HCKT. Nâng cao chất lượng các

cuộc diễn tập, hội thi, hội thao; gắn xây dựng cơ quan HCKT vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu” với xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu. Quán triệt, thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng; các quy định về những điều đảng viên không được làm, quy định về nêu gương, về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới, Nghị quyết số 847- NQ/QU/TW, ngày 28/12/2021 của Quân ủy Trung ương về Phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT “vừa hồng, vừa chuyên”; dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; cần, kiệm, liêm, chính, chủ động sáng tạo, tự lực, tự cường, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Ba là, lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tốt HCKT cho các nhiệm vụ, trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. Thực tiễn cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng luôn lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác HCKT, trong đó tập trung lãnh đạo bảo đảm tốt cho từng trận đánh, chiến dịch, từng giai đoạn cách mạng. Công tác chỉ đạo luôn chủ động gắn việc thực hiện nhiệm vụ công tác HCKT với lộ trình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định trong các kế hoạch, chương trình hành động. Tập trung xây dựng tiềm lực hậu cần tại chỗ; quy hoạch, xây dựng các căn cứ HCKT chiến lược, chiến dịch; căn cứ HCKT khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố, hình thành

thể trận HCKT rộng khắp, liên hoàn, vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm tại chỗ với bảo đảm cơ động. Các chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu công tác HCKT cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra; công tác bảo đảm trang bị, kỹ thuật có bước tiến đồng đều, đi vào chiều sâu, vững chắc; hệ thống kho, cơ sở bảo đảm kỹ thuật trong toàn quân được quy hoạch, đầu tư xây dựng, nâng cấp và từng bước hiện đại hóa.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, cần tập trung bảo đảm tốt HCKT cho nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu thường xuyên và đột xuất, ưu tiên các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, ở địa bàn trọng điểm, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp quốc. Quán triệt, thực hiện tốt quan điểm chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, phát huy cao độ các nguồn lực xã hội đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế; kết hợp chặt chẽ hậu cần Quân đội với hậu cần nhân dân. Tập trung chỉ đạo và thực hiện đầy đủ các nội dung công tác kỹ thuật; chú trọng khai thác, làm chủ các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật, nhất là các loại vũ khí trang bị mới mua sắm, công nghệ cao. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số. Duy trì hiệu quả phong trào thi đua “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”, Cuộc vận động “Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông” gắn với các phong trào thi đua, cuộc vận động khác, tạo động lực hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác HCKT.

Bốn là, thường xuyên tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, hoàn thiện lý luận lãnh đạo, chỉ đạo công tác HCKT trong tình hình mới. Đây là vấn đề cơ bản, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác HCKT. Theo đó, cần nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính

sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác HCKT đồng bộ, thống nhất, phù hợp các quy định của pháp luật, đặc thù Quân đội, yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và đặc điểm, nhiệm vụ của các ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng hoàn chỉnh hệ thống điều lệ, tài liệu các chuyên ngành HCKT; sửa đổi, ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn chế độ và huy động các nguồn lực HCKT. Nghiên cứu bổ sung, phát triển lý luận bảo đảm HCKT cho các hình thái chiến tranh, loại hình, hình thức tác chiến phù hợp với tổ chức biên chế, trang bị và môi trường tác chiến của các lực lượng; bảo đảm tốt HCKT cho ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống. Hoàn thiện cơ chế, phương thức, đẩy mạnh xây dựng và hoạt động HCKT khu vực phòng thủ, xây dựng thể trận HCKT Quân đội gắn với thể trận quốc phòng toàn dân, đồng bộ với quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội trên từng hướng, địa bàn, tạo thể liên hoàn, vững chắc, đáp ứng tốt yêu cầu bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng phát triển công nghiệp quốc phòng trong lĩnh vực HCKT vừa đáp ứng yêu cầu bảo đảm cho nhiệm vụ quân sự, vừa góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nghiên cứu xu hướng phát triển HCKT của quân đội các nước trên thế giới để vận dụng linh hoạt, phù hợp; xây dựng cơ chế phối hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực; các cơ chế, quy chế về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực HCKT về đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, trao đổi khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ,... tạo hành lang pháp lý cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả. Cùng với đó, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm, nhận thức sai trái; các luận điệu xuyên tạc, chống phá về công tác HCKT, nhất là việc tổ chức lại lực lượng HCKT; bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương được thực hiện nghiêm, hiệu quả♦

ĐẤU TRANH TRÊN MẠNG XÃ HỘI, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Đại tá, ThS. NGUYỄN TIẾN DŨNG
Chủ nhiệm Chính trị, Học viện Hậu cần

Trong giai đoạn hiện nay, mạng xã hội đã trở thành môi trường phổ biến được nhiều người sử dụng để trao đổi thông tin, phục vụ cho công việc, học tập, giải trí,.. mang lại nhiều lợi ích cho đời sống xã hội. Tuy nhiên, đây cũng là môi trường để các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị lợi dụng tuyên truyền, chống phá cách mạng nước ta. Chính vì vậy, công tác đấu tranh trên mạng xã hội trở nên cấp thiết và trở thành nhiệm vụ rất hệ trọng.

Ở Việt Nam, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là nền tảng và động lực tinh thần quan trọng để phát triển xã hội. Vì thế, ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ý thức sâu sắc về vai trò đặc biệt quan trọng của tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng như của toàn xã hội đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Suốt 95 năm qua, chưa bao giờ Đảng Cộng sản Việt Nam lơ là nhiệm vụ quan trọng này. Trong mỗi thời kỳ, Đảng luôn có những chủ trương, biện pháp giáo dục, rèn luyện, đấu tranh phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của xã hội. Giai đoạn hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, đặc biệt bùng nổ của mạng xã hội, đặt ra nhiệm vụ cấp bách cho Đảng phải quản lý việc sử dụng mạng xã hội có hiệu quả; đấu tranh và làm trong sạch mạng xã hội, góp phần đẩy lùi suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, chung tay giữ vững và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Hiện nay, hầu hết cán bộ, đảng viên đều được tiếp cận và sử dụng Internet. Đại đa số mỗi cán bộ, đảng viên đều có ít nhất một tài khoản mạng xã hội để học tập, theo dõi tin tức, phục vụ công việc, giải trí và các hoạt động khác.... Các luồng thông tin trên không gian mạng đã và đang tác động trực

tiếp, sâu sắc, nhiều chiều tới đời sống xã hội, đến nhận thức, hành động, định hướng giá trị, quan điểm sống và cả tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên nói riêng trên các lĩnh vực. Mạng xã hội không chỉ tạo ra những thuận lợi mà đang hiện hữu ngày càng nhiều hiểm họa khó lường. Nguy hại hơn, lợi dụng mạng xã hội, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đã gia tăng chống phá cách mạng nước ta. Với mục tiêu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, bẻ lái đường lối phát triển đất nước, hướng đến làm lệch hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; chúng tập trung mũi nhọn chống phá vào chính đội ngũ cán bộ, đảng viên, lực lượng giác ngộ nhất, tiên phong nhất, cách mạng nhất; chúng tìm mọi cách khoét sâu vào nội bộ hòng làm suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của đội ngũ ta.

Nhiều năm qua, các thế lực thù địch đã lợi dụng các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Tiktok, Youtube, Instagram..., trong đó, phổ biến nhất là Facebook để đưa ra các luận điệu sai trái “đánh văng dư luận”, bóp méo, phủ nhận Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, công kích, xuyên tạc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; hạ thấp, phủ nhận thành quả đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Việt Nam. Cùng với đó, chúng tìm cách bới móc, khoét sâu, thổi phồng những hạn chế, khuyết điểm trong bộ máy Đảng, Nhà nước, nhằm làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu bản lĩnh chính trị dao động, ngã nghiêng, mất phương hướng, thiếu niềm tin, thậm chí dẫn tới tha hóa về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống... Với thủ đoạn “mưa dầm thấm lâu” dần dần tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ngay trong nội bộ. Cùng với phương pháp hết sức thâm độc “từ trong đánh ra”, “từ ngoài đánh vào”, các thế lực thù địch tiến hành chống phá rất bài bản, có chỉ đạo, tổ chức chặt chẽ, mục tiêu trước mắt là làm suy thoái, biến chất một bộ phận cán bộ, đảng viên, tiếp theo từng bước nhân lên, lan rộng ra ngày càng nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng, dẫn tới suy yếu năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, gây mất niềm tin của Nhân dân vào Đảng, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng ta nhận định, bên cạnh những thành tựu toàn diện, đạt được trên các lĩnh vực, vẫn còn nhiều hạn chế, “công tác đấu tranh, phản bác, ngăn chặn các thông tin xấu độc, quan điểm sai trái thù địch còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao”, chưa tạo sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị cùng tham gia. Vì thế, trước sự tấn công liên tục, với nhiều thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch, cũng như những tác động nhiều chiều của mạng xã hội, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên do thiếu “sức đề kháng” đã bị bào mòn về ý chí, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, rơi vào “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ngay trên môi trường mạng xã hội, dẫn tới xuống cấp về chuẩn mực đạo đức cách mạng của người đảng viên, bất mãn, thiếu niềm tin cộng sản, mất phương hướng chính trị, không chấp hành nghiêm kỷ luật, pháp luật, thậm chí còn tiếp tay, giúp sức cho những hiện tượng sai trái

trên mạng xã hội thông qua những hành vi như viết bài, chia sẻ, bình luận xuôi chiều, thích những bài, báo, trang mạng, bài viết, video của tổ chức, phần tử chống đối...

Sớm xác định, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên là vấn đề hệ trọng, có tác động trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng, của chế độ xã hội chủ nghĩa. Do đó, để tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Trung ương yêu cầu phải kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; cùng với đó, toàn Đảng linh hoạt, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mặt trận tư tưởng, lý luận theo hình thức truyền thống với coi trọng đấu tranh bằng nhiều hình thức mới trên môi trường mới - mạng xã hội. Nhờ đó, đa số cán bộ, đảng viên có quan điểm, lập trường tư tưởng kiên định, vững vàng, giữ gìn phẩm chất, đạo đức trong sáng, phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, toàn Đảng thành một khối đoàn kết, thống nhất, luôn “giữ vững tay chèo”, đưa công cuộc đổi mới nước ta vượt qua muôn vàn gian khó, đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử to lớn, để “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”; sẵn sàng, tự tin bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong bối cảnh đấu tranh ngăn ngừa, phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội là môi trường đấu tranh mới, song không kém phần cam go, quyết liệt; để cuộc

đấu tranh có hiệu quả cần tập trung vào một số giải pháp căn bản sau đây:

Một là, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội. Công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới là nhiệm vụ hết sức hệ trọng và cấp bách của toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhiệm vụ này đòi hỏi sự chung tay vào cuộc của cả hệ thống chính trị mà xung kích nhất, tiên phong nhất phải là đội ngũ cán bộ, đảng viên, với tư cách là những hạt nhân “mũi nhọn”. Trước hết, cần tiếp tục quán triệt, giáo dục, triển khai và thực hiện có hiệu quả quan điểm Đại hội XIII của Đảng về “Tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên Internet, thực hiện triệt để việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, tăng cường quản lý và phát triển thông tin trên không gian mạng”. Quyết liệt cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và bảo đảm an ninh mạng, an ninh thông tin, truyền thông, trọng tâm là Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng; Luật An ninh mạng; Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 sát với từng mặt công tác trên từng lĩnh vực cụ thể.

Hai là, đẩy mạnh tuyên truyền về tính hai mặt, nhất là mặt trái của không gian mạng; thực hiện nghiêm quy định đối với

cán bộ, đảng viên và mọi quân nhân khi tham gia mạng xã hội.

Trước hết, cần tập trung giáo dục để mỗi cán bộ, đảng viên có kiến thức đầy đủ, đúng đắn về mặt tích cực cũng như mặt trái của mạng xã hội, từ đó hình thành thái độ, nêu cao tinh thần cảnh giác trong tham gia các hoạt động trên mạng xã hội, đặc biệt là trong ngăn ngừa, đấu tranh với các thế lực thù địch, phản động. Trên cơ sở đó, mỗi cán bộ, đảng viên, cần nêu cao tinh thần trách nhiệm trong tự học tập, tự rèn luyện; tích cực trau dồi, không ngừng cập nhật, bổ sung, nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng, đề cao trách nhiệm trong đấu tranh, phản bác thông tin xấu, độc trên không gian mạng. Luôn thường trực tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đấu tranh với các thông tin xấu độc, xuyên tạc, bôi nhọ các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quân đội... trên mạng xã hội. Cùng với đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền để mỗi cán bộ, đảng viên nắm chắc và gương mẫu chấp hành nghiêm các quy định khi tham gia mạng xã hội, đặc biệt là các nội dung được quy định trong Luật An ninh mạng, Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội theo Quyết định 874/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông, Quy định về những điều đảng viên không được làm cũng như các quy định về tuyên truyền, phát ngôn... hình thành thói quen không nghe, đọc, xem những đài, báo, trang mạng, bài viết, blog, video... của những phần tử chống đối, phản động; không phát tán, chia sẻ thông tin kích động biểu tình hay hình ảnh, video clip về cảnh tụ tập đông người, biểu tình gây rối; không tin, nghe, làm theo hay ủng hộ lời xúi giục của kẻ xấu có những hành động vi phạm pháp luật; tuyệt đối không tham gia bình luận xuôi chiều, không tương tác, chia sẻ với những bài viết có nội dung xấu độc; bên cạnh đó,

cần tăng cường lan tỏa những thông tin tích cực, những bài viết hay cũng như đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Ba là, nêu cao tinh thần cảnh giác đấu tranh, tăng cường “sức đề kháng” hình thành khả năng “miễn nhiễm” cho cán bộ, đảng viên trước những thông tin xấu độc trên mạng xã hội. Mỗi cán bộ, đảng viên cần tỉnh táo trước các thông tin trên mạng xã hội, có tinh thần cảnh giác cao, có nhãn quan chính trị đúng đắn để phản biện, vạch trần, đấu tranh với các thông tin xấu độc, không để bị động, bất ngờ; giữ vững bản lĩnh chính trị vững vàng; kịp thời nhận diện, phát hiện chính xác mưu đồ thâm độc của các thế lực thù địch. Không chạy theo lối sống thực dụng, tránh sa ngã trước những lợi ích mà các thế lực thù địch dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo. Cùng với đó, từng cán bộ, đảng viên phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; trang bị hệ thống tri thức, lý luận vững vàng, thường xuyên cập nhật kiến thức mới, am hiểu thực tiễn chính trị - xã hội đất nước và thế giới. Chủ động trang bị cho mình kỹ năng khi tham gia mạng xã hội, nâng cao trình độ, năng lực phát hiện, đấu tranh, hình thành “sức đề kháng” khả năng “miễn dịch” trước những thông tin xấu độc; kịp thời báo cáo, quyết liệt tham gia đấu tranh ngăn chặn, phản biện, chống lại các thông tin xấu độc, bảo vệ đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ. Coi trọng làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân tích cực chung tay tham gia đấu tranh, từng bước xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc trên không gian mạng. Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong đó lấy xây dựng bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống, niềm tin cộng sản, phương pháp, cách thức chỉ đạo, tổ chức triển khai hoạt động đấu tranh cũng như trình độ, kiến thức, kỹ năng tham gia mạng xã hội

Bốn là, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tuyên truyền, định hướng thông tin, ổn định nhanh dư luận trên mạng xã hội. Cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về “chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan, đúng định hướng để phòng, chống “diễn biến hòa bình”, thông tin xấu độc trên Internet, mạng xã hội, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ phục vụ công tác tuyên truyền, bảo đảm an ninh tư tưởng trên môi trường không gian mạng. Trên cơ sở đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục; kịp thời cung cấp thông tin, định hướng tư tưởng cho các đối tượng, trước hết là trong chính đội ngũ cán bộ, đảng viên, để họ có nhận thức đầy đủ, đúng đắn, khách quan, toàn diện, làm cơ sở phát huy trách nhiệm, tự tin tiên phong trong công tác tuyên truyền, vận động cho quần chúng Nhân dân, gia đình, người thân có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, về những giải pháp trong đấu tranh và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội hiện nay. Rèn luyện tâm lý và thái độ bình tĩnh xem xét, phân tích, đánh giá từng vấn đề mà các thế lực thù địch đang ra sức chống phá, chủ động có giải pháp đúng đắn để ngăn chặn và vô hiệu hóa mọi thủ đoạn tung tin xuyên tạc trên không gian mạng, không để rơi vào bị động, bất ngờ, hoang mang, dao động; chung tay phát hiện, vạch trần âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch; tạo sự đồng thuận, nhất trí cao; ngày càng củng cố niềm tin của Nhân dân vào đội ngũ cán bộ, đảng viên, vào sự lãnh đạo của Đảng.

Năm là, tập trung xây dựng, bồi dưỡng lực lượng nòng cốt, chuyên sâu trong đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, mang tính cơ

bản, chuyên sâu, quyết định đến chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội. Vì vậy, trước hết cần làm tốt công tác lựa chọn lực lượng nòng cốt, chuyên sâu để họ thực sự xứng đáng là những hạt nhân trong tham gia hoạt động này. Việc xây dựng lực lượng cần coi trọng bảo đảm cả về số lượng và chất lượng, phải được tiến hành chặt chẽ, bài bản, kỹ lưỡng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được lựa chọn làm lực lượng nòng cốt, chuyên sâu phải hội tụ được cả về phẩm chất, năng lực, đạo đức và lối sống... tập trung hướng vào lựa chọn những cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng; giàu nhiệt huyết, quyết tâm cao trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đồng thời, phải là những cán bộ, đảng viên cầu thị, có trình độ lý luận và thực tiễn tốt, am hiểu về công nghệ thông tin, ngoại ngữ; có tư duy sáng tạo, năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn tốt, có kỹ năng khai thác và cập nhật thông tin cũng như khả năng viết tin, bài đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đặc biệt phải có khả năng dự báo, theo dõi, phân tích, đánh giá và nắm chắc âm mưu, thủ đoạn, phương thức hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng... Để xây dựng được lực lượng nòng cốt, chuyên sâu có chất lượng, đòi hỏi các cơ quan, đơn vị cần quan tâm làm tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng; tập trung làm tốt việc truyền thụ kiến thức, kinh nghiệm đấu tranh, xử trí tình huống trên không gian mạng, kỹ năng quản lý, khai thác, sử dụng các phương tiện, kỹ thuật cũng như xử lý, ứng phó với một số tình huống, rủi ro, khủng hoảng truyền thông. Thường xuyên quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm, nâng cấp, sửa chữa, hiện đại hóa các trang bị, phương tiện kỹ thuật, công nghệ theo hướng

song hành cùng sự phát triển của công nghệ thông tin.

Dự báo những năm tới, không gian mạng tiếp tục phát triển nhanh, mạnh; các thế lực thù địch ngày càng lợi dụng, chĩa mũi nhọn công kích quyết liệt hơn, trắng trợn hơn, tinh vi hơn với nhiều thủ đoạn thâm độc nhằm làm suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên, phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng. Vì thế, công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội đã và đang là vấn đề cấp bách và ngày càng diễn ra khốc liệt; trở thành nhiệm vụ rất hệ trọng, cần phải được tiến hành thường xuyên, liên tục với sự tham gia của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân là đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hơn lúc nào hết, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng ta càng cần phải xác định rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm; thể hiện rõ bản lĩnh, trí tuệ, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất, đạo đức, lối sống, thực sự là những “chiến sĩ” tiên phong; kiên quyết không khoan nhượng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Quyết định số 874/QĐ-BTTTT về Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2013), *Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.
5. Quốc Hội (2018), *Luật An ninh mạng*, Hà Nội

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI TINH NHUỆ VỀ CHÍNH TRỊ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Thượng tá, TS. PHẠM NGỌC NHÂN

Khoa LL Mác - Lênin, TT Hồ Chí Minh - HVHC

Đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật (HCKT) quân đội là những cán bộ quân đội công tác trong Ngành HCKT quân đội; giữ vai trò quyết định trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm HCKT ở đơn vị. Do vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội tinh nhuệ về chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

SINH thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại” và “phải tăng cường công tác chính trị, luôn luôn nâng cao trình độ chính trị và giác ngộ giai cấp của bộ đội ta”. Điều đó nói lên tầm quan trọng đặc biệt của nhân tố chính trị tinh thần trong sức mạnh chiến đấu của quân đội. Vì vậy, trong phương hướng xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2030, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh, cần tập trung mọi nguồn lực xây dựng Quân đội “Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Để hiện thực hóa chủ trương trên, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã xác định: Xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, có sức cơ động và chiến đấu cao, trong đó lấy xây dựng quân đội “tinh nhuệ về chính trị” làm cơ sở. Sự tinh nhuệ về chính trị của quân đội thể hiện ở sự vững vàng, tinh thông, sắc bén về chính trị cả trong tư tưởng, hành động của từng con người và tổ chức của quân đội, bảo đảm kịp thời tham mưu, xử lý hiệu quả các tình huống chính trị, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

Đối với đội ngũ cán bộ HCKT quân đội, sự tinh nhuệ về chính trị được biểu hiện cụ thể ở: Sự kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc của quân đội; tuyệt đối trung thành đối với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong mọi tình huống; quan hệ gắn bó máu thịt với Nhân dân và quan hệ đoàn kết, thống nhất về ý chí, hành động trong nội bộ; năng lực và hiệu quả đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Sự tinh nhuệ về chính trị của cán bộ HCKT quân đội còn được biểu hiện rõ nét ở lòng tự hào về truyền thống ngành HCKT quân đội; cần kiệm, liêm, chính, tận tụy, hết lòng, hết sức phục vụ bộ đội; sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, cám dỗ vật chất thường để bảo đảm tốt HCKT cho bộ đội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ; yên tâm gắn bó với ngành nghề đã chọn, sẵn sàng nhận nhiệm vụ theo sự phân công của tổ chức.

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò đội ngũ cán bộ HCKT quân đội và sự cần thiết của xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT tinh nhuệ về chính trị, những năm qua, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị,

Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT vững mạnh về chính trị. Theo đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp đã thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, làm cho đội ngũ cán bộ HCKT hiểu rõ mục tiêu, lý tưởng chiến đấu của quân đội; thấu suốt nhiệm vụ, sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn, gian khổ để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị HCKT vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”. Tuy nhiên, trước tác động của tình hình thế giới, khu vực, sự chống phá của các thế lực thù địch và mặt trái nền kinh tế thị trường, một bộ phận cán bộ HCKT nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước chưa toàn diện, sâu sắc. Đáng lưu ý là, một bộ phận nhỏ cán bộ HCKT còn hạn chế về phẩm chất và năng lực; chưa thực sự nỗ lực, sáng tạo trong nắm bắt, tìm hiểu, vận dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ vào công tác; thậm chí còn thiếu tu dưỡng, rèn luyện, học tập, làm việc chăm chỉ, thực dụng, vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội... Điều đó đã ảnh hưởng đến chất lượng công tác HCKT ở đơn vị.

Những năm tới, tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục có những diễn biến khó lường. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư làm xuất hiện nhiều loại vũ khí mới; chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao và chiến tranh phi tiếp xúc ngày càng trở nên phổ biến; các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, khủng bố, tội phạm, thiên tai, dịch bệnh... ngày càng phức tạp, khó dự đoán. Sau gần 40 năm đổi mới, tiềm lực, vị thế và uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Song, trước thềm Đại hội lần thứ XIV của Đảng, các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội chính trị

tăng cường hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”. Chúng tập trung mũi nhọn chống phá quân đội với âm mưu “phi chính trị hóa”; tách quân đội ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, làm cho quân đội mất phương hướng chiến đấu. Trong khi đó, hiện thực hóa chủ trương xây dựng quân đội “tinh, gọn, mạnh”, Ngành Hậu cần tổ chức sáp nhập với Ngành Kỹ thuật đã có tác động không nhỏ đến ý thức chính trị, tư tưởng, tình cảm của đội ngũ cán bộ HCKT quân đội. Vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội tinh nhuệ về chính trị cần tập trung vào một số nội dung, giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể đối với nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội tinh nhuệ về chính trị. Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị tiếp tục quán triệt sự chỉ đạo của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Toàn quân phải kiên định nguyên tắc xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị. Đây là vấn đề cơ bản, nguyên tắc bất di, bất dịch xuyên suốt quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của Quân đội ta, nhằm giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu, lý tưởng chiến đấu của Đảng; là nhân tố quyết định việc hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao”; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị toàn quân quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ quân sự quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội trong tình hình mới, đặc biệt là: Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW, ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam

giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 109-NQ/QUTW, ngày 11/02/2019 về “Xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”...

Tổng cục HCKT chỉ đạo cơ quan, đơn vị quán triệt cho đội ngũ cán bộ HCKT các cấp nắm chắc chủ trương của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về tổ chức Ngành theo biểu biên chế mới; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ HCKT nhận thức đầy đủ, sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của công tác HCKT đối với sức mạnh chiến đấu của quân đội và sự cần thiết của xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT toàn diện, trong đó lấy xây dựng tinh nhuệ về chính trị làm cơ sở. Giáo dục cho cán bộ HCKT quân đội nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân; từ đó, giúp họ thấu suốt nhiệm vụ, yên tâm công tác, gắn bó, trách nhiệm với ngành; tận tâm, tận lực phục vụ bộ đội. Cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị toàn quân tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với cơ quan, đơn vị HCKT; thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ HCKT phù hợp với tổ chức biên chế, với chuyên ngành đào tạo và khả năng của cán bộ. Thường xuyên quan tâm giáo dục, động viên, thống nhất về tư tưởng và hành động trong cơ quan, đơn vị HCKT. Thực hiện tốt chính sách cán bộ; đánh giá khách quan về phẩm chất, năng lực để bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc đối với cán bộ HCKT các cấp.

Hai là, đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức, biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội tinh nhuệ về chính trị. Nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT tinh nhuệ về chính trị cần tập trung vào những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cách mạng, nhiệm vụ của Quân đội

và đơn vị. Cấp ủy, chỉ huy các cấp tập trung quán triệt sâu kỹ cho đội ngũ cán bộ HCKT các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, nhất là các nghị quyết, kết luận về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 về “Công tác Hậu cần quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 về lãnh đạo công tác Kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo; truyền thống ngành Hậu cần quân đội và ngành Kỹ thuật quân đội. Tăng cường giáo dục để cán bộ HCKT nhận thức sâu sắc bản chất, âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và Quân đội ta; hiểu rõ quan điểm của Đảng về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam; nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết số 847-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương về “Phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới” và Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới...

Đổi mới mạnh mẽ hình thức, biện pháp giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ HCKT. Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử, truyền thống của dân tộc, của Đảng, của quân đội; truyền thống của Ngành HCKT và truyền thống của cơ quan, đơn vị. Thực hiện nền nếp, chất lượng công tác thi đua, khen thưởng, trong đó tập trung khen thưởng các tập thể, cá nhân đi đầu trong đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với những công việc mới, điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn... Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp, hội đồng quân nhân, các tổ chức quần chúng, nhất là

vai trò của đội ngũ chính ủy, chính trị viên, cán bộ chính trị trong giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ nhận thức, củng cố lòng tin của cán bộ HCKT vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Cấp ủy, chỉ huy các cấp tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ HCKT; chính sách hậu phương quân đội.

Ba là, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, củng cố sự đoàn kết thống nhất nội bộ trong cơ quan, đơn vị HCKT. Các cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị quán triệt và thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở; khơi dậy tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình của cán bộ HCKT trong sinh hoạt tập thể. Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, hội đồng quân nhân trong phát huy dân chủ, khuyến khích đội ngũ cán bộ HCKT góp ý, hiến kế, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác HCKT ở cơ quan, đơn vị. Tích cực xây dựng lối sống trong sạch, lành mạnh cho đội ngũ cán bộ HCKT; đồng thời, tuyên truyền, đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc, “phi chính trị hóa” quân đội và biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ HCKT. Đề cao trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ chủ trì cơ quan, đơn vị trong việc giữ nghiêm kỷ luật và thực hành dân chủ. Thực hiện nghiêm quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên và các chỉ thị, mệnh lệnh về công tác HCKT trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật. Mặt khác, cấp ủy, cơ quan chính trị, chính ủy, chính trị viên và người chỉ huy các cấp coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, quan hệ đồng chí đồng đội, quan hệ cá nhân với tổ chức, quan hệ lãnh đạo, chỉ huy với phục tùng; quan hệ giữa cán bộ HCKT với cán bộ

quân sự, chính trị... trên cơ sở giác ngộ sâu sắc về mục tiêu, lý tưởng, nhiệm vụ, thống nhất lợi ích. Tăng cường phối hợp, kết hợp giữa đơn vị với địa phương, gia đình để nắm, quản lý chặt chẽ tình hình chính trị, lịch sử chính trị và vấn đề chính trị của đội ngũ cán bộ HCKT các cấp; chú trọng xem xét về lập trường quan điểm, tư tưởng, phát ngôn, động cơ, thái độ chính trị, đạo đức, lối sống. Chủ động làm tốt công tác phòng ngừa, không để bị lợi dụng móc nối, lôi kéo; phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ HCKT có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; xây dựng tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và công tác.

Bốn là, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội tinh nhuệ về chính trị. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ HCKT các cấp, nhất là đối với cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược; đào tạo sau đại học và đào tạo ở nước ngoài. Thực hiện hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HCKT quân đội cấp phân đội; đào tạo cán bộ HCKT theo chức vụ, lấy đào tạo cơ bản, dài hạn, chính quy theo các chương trình đào tạo tiên tiến làm chủ yếu, đồng thời kết hợp với đào tạo các trình độ khác để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Học viện Hậu cần, Học viện Kỹ thuật quân sự phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài quân đội để đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phù hợp với từng đối tượng, cấp học. Chú trọng rèn luyện bản lĩnh, phương pháp, tác phong chỉ huy, quản lý đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, nhận thức và hành động sát thực tiễn, học tập trang bị kiến thức và bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, kiên quyết khắc phục tình trạng lười học tập lý luận. Hoàn thiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ HCKT các

cấp và thực hiện nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa. Bên cạnh đó, quán triệt và thực hiện tốt phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo tại trường với bồi dưỡng, rèn luyện tại đơn vị; coi trọng bồi dưỡng, rèn luyện tư duy chính trị, tư duy lãnh đạo, kiến thức quản lý, chỉ huy, khoa học, lý luận, ngoại ngữ, cập nhật thông tin mới, kiến thức mới cho cán bộ HCKT các cấp. Đẩy mạnh các hoạt động thực tiễn như: Tập huấn, hội thi, hội thao, diễn tập tổng hợp, tham quan đơn vị điểm về HCKT... để bồi dưỡng phẩm chất, năng lực cho đội ngũ cán bộ HCKT. Qua đó, xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội “vừa hồng, vừa chuyên”, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung.

Nằm là, phát huy tính tích cực, chủ động trong tự giáo dục, tự rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ HCKT. Cấp ủy, chỉ huy các cấp thường xuyên làm tốt công tác tư tưởng, xây dựng động cơ, thái độ, trách nhiệm đúng đắn cho đội ngũ cán bộ HCKT trong tự học tập, tự rèn luyện để nâng cao phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đặc biệt, trước yêu cầu xây dựng Ngành HCKT, cán bộ chủ trì các cấp cần giáo dục cho cán bộ HCKT hiểu đúng chủ trương của Đảng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. nêu cao tính tích cực, tự giác trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện của đội ngũ cán bộ HCKT; đặc biệt là tự nâng cao nhận thức, trình độ chính trị, bản lĩnh chính trị, sự sắc sảo, sắc bén và hiệu quả trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhất là đối với cán bộ HCKT cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu xây dựng quân

đội “tinh, gọn, mạnh” trong tình hình mới. Từng cán bộ HCKT quân đội cần nêu cao tinh đấu tranh tự phê bình và phê bình, có chính kiến rõ ràng đối với các trường hợp vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; đồng thời, nêu tấm gương sáng ngời về “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, luôn khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, tận tụy phục vụ bộ đội.

Xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội tinh nhuệ về chính trị là quá trình nỗ lực liên tục của các tổ chức, các lực lượng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác HCKT quân đội trong tình hình mới. Vì vậy, cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm chính trị, niềm tin và khát vọng của các chủ thể; thực hiện toàn diện đồng bộ các nội dung, giải pháp trên; từ đó góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Quân ủy Trung ương (2019), *Nghị quyết số 109-NQ/QUTW, ngày 11/02/2019 về “Xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”*, Hà Nội.
2. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 về “Công tác hậu cần quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo”*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW ngày 20/12/2022 về lãnh đạo công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 6*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.

TỔ CHỨC DỰ TRỮ VẬT CHẤT QUÂN NHU LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG ĐÁNH ĐỊCH GIỮ VỮNG KHU VỰC PHÒNG THỦ CHỦ YẾU TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ TỈNH

Thượng tá, TS. ĐỖ DUY THẮNG
Phòng Thông tin KHQS, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Organizing quartermaster material reserves is an important content of quartermaster supply in the campaign. The article discusses some measures on organizing quartermaster material reserves for local armed forces, mainly supporting for local troops and militia to fight enemy's road attacks into the main defense area in the provincial defense operations, together with another forces in order to timely and fully quartermaster support for the victory.

I. TÓM TẮT

Tổ chức dự trữ vật chất quân nhu (VCQN) là nội dung quan trọng của bảo đảm quân nhu trong tác chiến. Bài viết đề cập một số biện pháp về tổ chức dự trữ VCQN cho lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương, chủ yếu là bảo đảm cho bộ đội địa phương (BĐDP) và dân quân tự vệ (DQTV) đánh địch tiến công đường bộ vào khu vực phòng thủ (KVPT) chủ yếu trong tác chiến phòng thủ (TCPT) tỉnh, do quân nhu quân sự địa phương (QSĐP) tỉnh làm nòng cốt, kết hợp với các lực lượng khác tiến hành, góp phần bảo đảm kịp thời, đầy đủ VCQN cho tác chiến giành thắng lợi.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu vực phòng thủ chủ yếu là thành phần cơ bản, hạt nhân tạo nên sự vững chắc; giữ vững KVPT chủ yếu có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong TCPT tỉnh. Vì thế, đánh địch tiến công giữ vững KVPT chủ yếu trong TCPT tỉnh luôn diễn ra gay go, quyết liệt, đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề cả về nghệ thuật quân sự và các mặt bảo đảm,

trong đó có tổ chức dự trữ VCQN. Thực tiễn, trong chiến tranh giải phóng, các tỉnh luôn là địa bàn chiến lược quan trọng; với nghệ thuật quân sự độc đáo đã làm nên những thắng lợi to lớn, để lại nhiều kinh nghiệm quý có thể kế thừa, phát triển. Tuy nhiên, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, các yếu tố về địch, ta, môi trường tác chiến có nhiều thay đổi so với trước. Vì vậy, để tổ chức dự trữ VCQN cho LLVT địa phương đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong TCPT tỉnh cần nghiên cứu, đề xuất các biện pháp phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến trực tiếp của KVPT chủ yếu là lữ đoàn bộ binh cơ giới thuộc lực lượng dự bị hoặc lực lượng tiến công trong đội hình tiến công của sư đoàn địch hình thành hướng tiến công vượt điểm nhanh chóng đánh vào khu vực, mục tiêu trọng yếu của tỉnh. Quá trình tiến công, địch được cấp trên chi viện hỏa lực pháo binh, không quân, pháo hạm và tăng cường lực

lượng, phương tiện chiến đấu; ngoài ra, còn có sự phối hợp chiến đấu của bộ phận động nội địa trong nước. Để đối phó với âm mưu, thủ đoạn tiến công của địch, LLVT địa phương tổ chức, sử dụng, bố trí nhiều lực lượng gồm: Lực lượng đánh địch từ xa; lực lượng phòng thủ trên hướng chủ yếu; lực lượng phòng thủ trên hướng thứ yếu; lực lượng phòng thủ phía sau; lực lượng cơ động tiến công trên các hướng phòng thủ chủ yếu, thứ yếu; lực lượng hỏa lực; lực lượng phòng không; lực lượng binh chủng công binh, thông tin, hóa học; lực lượng sở chỉ huy; lực lượng hậu cần, kỹ thuật...

Với đặc điểm tác chiến diễn ra ác liệt, dài ngày, tính biến động cao; bảo đảm VCQN cho nhiều thành phần, lực lượng, thực hiện nhiều nhiệm vụ với nhiều hình thức, phương pháp hoạt động tác chiến khác nhau, địa bàn rộng. Đồng thời, từ thực tiễn tổ chức dự trữ VCQN cho LLVT địa phương đánh địch tiến công đường bộ vào KVPT chủ yếu các tỉnh trong kháng chiến chống Mỹ còn một số hạn chế như: tổ chức dự trữ chưa đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, chưa có chiều sâu theo yêu cầu, nhiệm vụ của LLVT, nhất là lực lượng chiến đấu trong lòng địch còn thiếu thốn về lương thực, thực phẩm (LTTP); công tác dự trữ, bảo quản, giữ gìn vật chất chưa được quan tâm, nên vật chất còn hư hao, mất mát nhiều... Để tổ chức dự trữ VCQN cho LLVT địa phương đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong TCPT tỉnh, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

Một là, quân nhu QSDP tỉnh chỉ đạo trung đoàn BĐDP đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu phân cấp dự trữ VCQN phù hợp với đặc điểm hoạt động chiến đấu của từng lực lượng. Khu vực phòng thủ chủ yếu trong TCPT tỉnh có vị trí quan trọng với cả ta và địch, tính chất chiến đấu luôn quyết liệt do ta quyết giữ, địch quyết chiếm bằng được, cả hai bên đều tập trung lực lượng, phương tiện lớn, tính biến động cao. Theo đó, nhu

cầu dự trữ, tiêu thụ, bổ sung VCQN lớn hơn so với các khu vực khác. Do đó, tổ chức dự trữ VCQN phù hợp với đặc điểm hoạt động chiến đấu của từng lực lượng là biện pháp rất quan trọng, góp phần bảo đảm cho các lực lượng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao. Thực tiễn bảo đảm VCQN cho LLVT địa phương tỉnh Long An đánh địch tiến công đường bộ vào khu vực, mục tiêu trọng yếu trong kháng chiến chống Mỹ có lúc bị gián đoạn; bảo đảm cho khu vực, mục tiêu trọng yếu chưa đồng bộ, chưa có trọng điểm, có chiều sâu, nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhiệm vụ chiến đấu. Thực hiện nội dung này, các lực lượng tổ chức dự trữ như sau:

Đối với lực lượng phòng ngự: Thường tổ chức thành các điểm tựa, cụm điểm tựa phòng ngự, kết hợp với các chốt, cụm chốt của DQTV làng xã, vận dụng linh hoạt các hình thức, thủ đoạn chiến đấu để đánh bại các đợt tiến công, đột nhập trận địa của địch; phối hợp giữa lực lượng phòng ngự với lực lượng cơ động tiến công đánh địch vu hồi đường bộ, đường sông, đánh địch ĐBĐK giữ vững các trận địa phòng ngự. Vì vậy, dự trữ phải toàn diện, có chiều sâu, có trọng điểm. Ở điểm tựa đại đội: Dự trữ LTTP, nước ăn uống, chất đốt khoảng 7 ÷ 10 ngày, lương khô khoảng 1 ÷ 2 ngày. Ở cụm điểm tựa tiểu đoàn: Dự trữ LTTP 5 ÷ 7 ngày, lương khô 1 ngày, đường sữa thương binh 2 ÷ 3% quân số.

Đối với lực lượng cơ động tiến công: Do yêu cầu phải dự trữ gọn nhẹ, tiện cơ động; cho nên, trên vai bộ đội mang theo 1÷2 ngày LTTP, 1÷2 ngày lương khô, còn lại dự trữ ở kho trung đoàn BĐDP.

Đối với lực lượng bám trụ, chiến đấu xen kẽ với địch, sau lưng địch: Đây là lực lượng làm nhiệm vụ phòng ngự trực tiếp tiếp xúc với địch, trụ bám giữ vững địa bàn, hoạt động chiến đấu rộng khắp, tạo điều

kiện cho các lực lượng cơ động tiến công đánh bại quân địch giữ vững KVPT chủ yếu. Do đó, ngoài vật chất mang theo trên vai bộ đội, tiểu đoàn BĐDP dự trữ 5 ÷ 7 ngày LTTP, 1 ngày lương khô.

Đối với lực lượng đánh địch vòng ngoài: Mang theo trên vai bộ đội 2 ÷ 3 ngày LTTP; 1 ÷ 2 ngày lương khô.

Đối với lực lượng chiến đấu rộng khắp: Chủ yếu do DQTV tại chỗ, các tổ chuyên trách, đặc công, bố trí xen kẽ với các lực lượng khác ở các làng xã, cụm làng xã chiến đấu. Dự trữ cho lực lượng này chủ yếu ở hậu cần nhân dân và các cơ sở hậu cần bí mật để bảo đảm.

Đối với kho hậu cần trung đoàn BĐDP: Dự trữ đầy đủ, đồng bộ các loại vật chất đủ bảo đảm cho lực lượng phòng ngự và lực lượng cơ động tiến công của trung đoàn BĐDP. Ngoài ra, còn dự trữ 1 phần LTTP sẵn sàng chi viện cho LLVT khác chiến đấu trong khu vực chiến đấu của trung đoàn.

Hai là, quân nhu QSDP tỉnh tham mưu cho chủ nhiệm hậu cần, kỹ thuật và cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo hậu cần nhân dân địa phương dự trữ LTTP bảo đảm cho DQTV chiến đấu trong KVPT chủ yếu. Xuất phát từ đặc điểm bảo đảm VCQN cho các lực lượng dài ngày, khối lượng lớn, trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, quản lý, bảo quản khó khăn; bảo đảm cho nhiều thành phần, lực lượng (trong đó DQTV là lực lượng chiến đấu rộng khắp) thực hiện nhiều nhiệm vụ, với nhiều hình thức, phương pháp hoạt động tác chiến khác nhau; mỗi nhiệm vụ, hình thức, phương pháp hoạt động tác chiến có yêu cầu, nội dung, cách thức bảo đảm cũng khác nhau. Trên cơ sở đó, với lực lượng DQTV cơ động khi được chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh điều động phối thuộc cho BĐDP sẽ do quân nhu QSDP bảo đảm. Với lực lượng DQTV theo sự điều động của huyện hoặc chiến đấu tại chỗ do hậu

cần nhân dân huyện (thị), xã (phường) bảo đảm. Quân nhu QSDP giữ vai trò nòng cốt, đề xuất phương án phân cấp dự trữ bảo đảm. Thực tiễn diễn tập KVPT các tỉnh, các chỉ tiêu dự trữ VCQN đã được các tỉnh phân cấp dự trữ đến thôn bản và hộ gia đình. Theo đó, đề xuất phương án phân cấp dự trữ VCQN cho DQTV hoạt động chiến đấu giữ vững KVPT chủ yếu trong TCPT tỉnh như sau: Hậu cần nhân dân xã (phường): dự trữ cho DQTV và nhân dân tự nguyện ở lại chiến đấu bảo vệ xóm làng..., mức dự trữ 1 tháng LTTP trở lên; lượng dự trữ 60 ÷ 70% để tại khu vực triển khai bếp nấu ăn tiếp tế, còn lại dự trữ trong các tổ chức kinh tế, xã hội địa phương. Hậu cần nhân dân huyện (thị): dự trữ bảo đảm cho DQTV 1 ÷ 2 đợt tác chiến, chi viện cho tiểu đoàn BĐDP của huyện 7 ÷ 10 ngày LTTP. Lượng vật chất này có thể phân cấp ở kho khoảng 20 ÷ 30%, còn lại dự trữ tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, trong các ngành kinh tế, xã hội địa phương.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa dự trữ VCQN trong LLVT với dự trữ của các ngành kinh tế, xã hội địa phương, xây dựng hệ thống kho trạm, cơ sở dự trữ liên hoàn, vững chắc, có chiều sâu. Đây là biện pháp quan trọng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm VCQN kịp thời, liên tục cho các lực lượng tác chiến. Với đặc điểm địa hình các tỉnh dễ bị chia cắt giữa các vùng, miền, khu vực với nhau, nên khi tiến công đường bộ, địch sẽ thực hiện cô lập, chia cắt giữa các hướng, các khu vực trên địa bàn, đánh phá ác liệt các cơ sở kinh tế, quân sự. Mặt khác, KVPT chủ yếu là nơi tập trung nhiều cơ sở kinh tế, xã hội của tỉnh, các khu công nghiệp tập trung...; các cơ sở này đều có sẵn hệ thống kho tàng, trạm xưởng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

Trên cơ sở đó, quân nhu QSDP tỉnh dự trữ toàn diện, đồng bộ các loại VCQN bảo đảm cho BĐDP và DQTV tác chiến theo chỉ

lệnh của quân khu và Bộ CHQS tỉnh. Hậu cần nhân dân dự trữ VCQN vừa bảo đảm đủ cho LLVT địa phương và nhân dân tham gia chiến đấu tại chỗ, vừa có khả năng chi viện cho lực lượng khác trên địa bàn theo quy định của trên. Dự trữ VCQN ở khu vực, mục tiêu trọng yếu phải lớn hơn các hướng, khu vực khác.

Đối với LTTP: dự trữ đủ bảo đảm 2 ÷ 3 đợt tác chiến, lượng vật chất này có thể dự trữ trong các kho của hợp tác xã, thôn hoặc trong các kho của các ngành kinh tế, xã hội địa phương (cũng có thể dự trữ bằng cách đặt mua và gửi ở một số cửa hàng, đại lý trên địa bàn, để khi cần thiết có thể huy động được nhanh nhất). Đồng thời, vận dụng phương pháp dự trữ trong dân, phù hợp mùa vụ và phân tán vật chất hợp lý. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng cho thấy, LTTP được nhân dân dự trữ bằng cách tiết kiệm thành “hũ gạo kháng chiến” sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ bộ đội và dân quân du kích đánh địch. Như vậy, hiện nay nếu mỗi xã có 200 ÷ 300 hộ gia đình dự trữ thêm 20 kg/hộ sẽ đủ bảo đảm cho 1 đại đội DQTV ăn 2 ÷ 3 tháng; mỗi phường (thị trấn) có 6 ÷ 8 đại lý bán gạo dự trữ thêm 500 kg/đại lý sẽ đủ bảo đảm cho 1 đại đội DQTV ăn 1,5 ÷ 2 tháng... Bên cạnh đó, dự kiến một số điểm tiếp nhận LTTP theo đầu mối thôn, xóm, khu phố, nhà máy, xí nghiệp trong địa bàn, phù hợp với công tác huy động, tiếp nhận và thuận lợi cho bảo đảm. Với DQTV, mỗi hộ gia đình dự trữ cho 1 dân quân 7 ÷ 10 ngày (5 ÷ 7 kg gạo); hậu cần nhân dân cơ sở dự trữ cho DQTV và nhân dân tự nguyện ở lại chiến đấu bảo vệ xóm làng, đảo có dân... mức dự trữ từ một tháng trở lên; hậu cần nhân dân huyện dự trữ cho DQTV 1 ÷ 2 đợt hoạt động tác chiến; hậu cần nhân dân tỉnh dự trữ cho DQTV 2 ÷ 3 đợt hoạt động tác chiến.

Đối với đường sửa thương binh: Dự trữ một số lượng nhất định ở bệnh viện, trạm y tế. Với DQTV cơ động chiến đấu phối hợp với BDDP, phân cấp dự trữ như BDDP. Với DQTV chiến đấu tại chỗ giữ làng, xã, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo các ngành kinh tế, xã hội và hậu cần nhân dân dự trữ bảo đảm.

IV. KẾT LUẬN

Tổ chức dự trữ VCQN cho LLVT địa phương đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong TCPT tỉnh là vấn đề khó khăn, phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương. Bài viết đã đề xuất một số biện pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo đảm cho tác chiến. Tuy nhiên, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, các yếu tố có liên quan liên tục vận động và phát triển, do đó, vấn đề này rất cần được tiếp tục nghiên cứu, phát triển phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Hoạt động của LLVT địa phương TCPT tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Chỉ thị số 15/CT-TM ngày 03/12/2018 của Tổng Tham mưu trưởng về dự trữ đạn, vật chất hậu cần bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu*, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2013), *Bảo đảm hậu cần cho LLVT địa phương TCPT tỉnh (thành phố)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (2001), *Tổng kết hậu cần trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO ĐẢM THÔNG TIN LIÊN LẠC ĐÁNH TRẬN THEN CHỐT TIÊU DIỆT ĐỊCH ĐỔ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG TRONG CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG

Đại tá, TS. PHẠM VĂN HẢI
Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Communication support plays a crucial role in maintaining smooth communication, upholding command, directing operations, and coordinating efforts during combat. Based on theoretical and practical research, in this article are proposed several solutions for improving the effectiveness of communication support in key battles aimed at attacking airborne enemy forces in the counteroffensive campaign.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm thông tin liên lạc (TTLL) có vị trí, vai trò rất quan trọng, nhằm bảo đảm liên lạc thông suốt, giữ vững chỉ huy, chỉ đạo, hiệp đồng trong quá trình tác chiến. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề cập một số giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm TTLL trong đánh trận then chốt tiêu diệt địch đổ bộ đường không (ĐBĐK) trong chiến dịch phản công (CDPC).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong CDPC, ta có thể đánh trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK nhằm tiêu hao sinh lực địch, giữ vững các mục tiêu trọng yếu, bảo đảm cho các lực lượng giành và giữ quyền chủ động, phát huy sức mạnh tổng hợp đánh bại quân địch tiến công. Để chiến đấu giành thắng lợi, chiến dịch cần giải quyết nhiều vấn đề, cả về quân sự cũng như các mặt bảo đảm; trong đó, bảo đảm TTLL là nội dung bảo đảm tác chiến quan trọng. Thực tiễn, trong chiến tranh giải phóng ta đã tổ chức nhiều trận đánh then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK giành thắng lợi và để lại nhiều kinh nghiệm quý có thể nghiên cứu, vận dụng, phát triển về bảo đảm TTLL. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương

lai (nếu xảy ra), các yếu tố về địch, ta, môi trường tác chiến có nhiều thay đổi. Vì vậy, cần nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả bảo đảm TTLL trong trận đánh then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK trong CDPC cho phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong quá trình tiến công, địch có thể ĐBĐK nhằm hình thành hướng tấn công mới đánh chiếm các mục tiêu đã xác định hoặc đổ bộ vào hậu phương, đánh chiếm mục tiêu trọng yếu của ta. Lực lượng ĐBĐK có thể từ tiểu đoàn đến một số tiểu đoàn có sở chỉ huy lữ đoàn hoặc hơn. Trước khi đổ quân, địch tăng cường trinh sát, phát hiện; dùng hỏa lực không quân, pháo binh, tên lửa đánh phá để dọn bãi. Trong quá trình đổ quân, địch tiếp tục dùng hỏa lực để yểm trợ và ngăn chặn lực lượng ta tiếp cận. Địch có thể đổ bộ xuống nhiều khu vực; sau khi đổ bộ, địch nhanh chóng mở rộng bãi đổ bộ, ổn định đội hình, thực hành cơ động triển khai tiến công. Thời cơ đánh trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK có thể ở trạng thái: Địch đang đổ quân, đổ quân đứng chân chưa vững, tạm dừng vào ban đêm,

đang cơ động tiến công mục tiêu,... Chiến dịch sử dụng lực lượng từ 1 eBB đến 1 fBB tăng cường, các đơn vị binh chủng chiến đấu, bảo đảm; được hỏa lực không quân, pháo binh chi viện, kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương trong khu vực phòng thủ; vận dụng nhiều hình thức chiến thuật và thủ đoạn tác chiến tiến hành ngăn chặn, bao vây, chia cắt, cô lập lực lượng ĐBĐK.

Bảo đảm TTLL trong lập thế đánh trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK trong CDPC phải đối phó với lực lượng địch có tính biến động cao, nhiều tình huống; quy mô sử dụng lực lượng cũng như nhiều thủ đoạn đồ bộ gây khó khăn phức tạp cho lực lượng tiến công. Trong khi đó, lực lượng phương tiện thông tin phải bảo đảm cho nhiều đầu mối, vừa bảo đảm trinh sát thực địa vừa chỉ huy chiến đấu tạo thế, thời gian chuẩn bị ngắn; dự kiến nhiều phương án, tính biến động cao, bất ngờ; hệ thống thông tin bộc lộ ngoài công sự, dễ bị tổn hao; điều kiện địa hình thời tiết phức tạp ảnh hưởng rất lớn đến bảo đảm thông tin liên lạc cho trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK của chiến dịch. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả bảo đảm TTLL cho trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK trong CDPC cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện thông tin. Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện thông tin là giải pháp cơ bản, quan trọng đối với lực lượng thông tin để bảo đảm cho chiến dịch đánh địch ĐBĐK trong CDPC; có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả việc sử dụng, điều hành và bảo đảm TTLL trong tác chiến. Xuất phát từ đặc điểm đánh địch ĐBĐK trong điều kiện thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, phạm vi tác chiến tương đối rộng, nhiều lực lượng tham gia, ta sử dụng cách đánh tiến công địch ĐBĐK hoặc vận động tiến công là chủ yếu; hỏa lực ác liệt, địch chế áp điện tử mạnh; công tác chỉ huy, hiệp đồng, bảo đảm gặp khó khăn, phức tạp, yêu cầu bảo đảm TTLL phải theo kịp với diễn biến trận đánh.

Do vậy, đòi hỏi công tác chuẩn bị lực lượng, phương tiện thông tin phải chu đáo, khẩn trương, đầy đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng tốt. Về lực lượng, cần tập trung xây dựng về trình độ chuyên môn kỹ chiến thuật, khai thác sử dụng các phương tiện thành thạo, bản lĩnh chiến đấu kiên cường và có ý chí quyết tâm cao. Về phương tiện, phải bảo đảm toàn diện về số lượng, chất lượng cũng như tính đồng bộ cao, công tác chuẩn bị cần thực sự khẩn trương, mau lẹ, đúng kế hoạch tác chiến.

Để công tác chuẩn bị lực lượng, phương tiện thông tin chu đáo, khẩn trương người chỉ huy cơ quan, đơn vị thông tin chiến dịch cần nắm chắc ý định, quyết tâm tác chiến của tư lệnh chiến dịch, chỉ lệnh thông tin cấp trên, khả năng có thể kết hợp, huy động lực lượng, phương tiện thông tin trong khu vực phòng thủ; nhanh chóng xác định ý định bảo đảm TTLL, kịp thời phổ biến nhiệm vụ cho các đơn vị làm công tác chuẩn bị; đồn đốc, kiểm tra liên tục; thường xuyên bám sát sự chỉ đạo và bảo đảm của cơ quan thông tin cấp trên. Trong điều kiện thời gian gấp cần tập trung chỉ huy, chỉ đạo và bảo đảm cho lực lượng làm nhiệm vụ trước mắt; các lực lượng làm nhiệm vụ trên hướng chủ yếu, quan trọng trong thực hiện trận đánh địch ĐBĐK.

Thực tiễn, trong CDPC năm 1971, trong trận then chốt đánh địch ĐBĐK ở Đồi Không Tên (Điểm cao 435 - Đường số 9 của Tiểu đoàn bộ binh 9, Trung đoàn 64), ngày 13/02/1971, TTLL đã tổ chức bảo đảm thông tin thông suốt, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ cho trận then chốt đánh địch ĐBĐK. Tổ chức và sử dụng lực lượng, phương tiện thông tin có tính cơ động cao, lấy thông tin vô tuyến điện là chủ yếu, kết hợp chặt chẽ thông tin quân bưu, thông tin hữu tuyến điện đã triển khai để nắm địch và chiến đấu. Thông tin chiến dịch đã chỉ đạo điều chỉnh hệ thống thông tin đánh địch

trong công sự phù hợp với đánh địch ĐBĐK, góp phần hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu chỉ huy, hiệp đồng trong tiêu diệt địch ĐBĐK.

Hai là, có nhiều phương án bảo đảm TTLL. Xuất phát từ đặc điểm địch ĐBĐK có tính biến động cao, bất ngờ lớn, tình huống diễn ra nhanh và ác liệt. Để bảo đảm TTLL kịp thời, nhanh chóng, chính xác cho tư lệnh chỉ huy các lực lượng đánh địch ĐBĐK hiệu quả cao, TTLL chiến dịch phải dự kiến nhiều phương án bảo đảm. Trong đó, bao gồm việc xác định ý định tổ chức, sử dụng và cách thức điều hành lực lượng phương tiện thông tin cả chính thức và dự bị, cả lực lượng thông tin của chiến dịch với lực lượng thông tin phối hợp, cả trong chuẩn bị và thực hành tác chiến. Do đó, người chỉ huy cơ quan, đơn vị thông tin chiến dịch luôn bám sát ý định tác chiến cấp trên, luôn chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện thông tin trên từng hướng, từng khu vực để kịp thời xử trí tình huống. Xây dựng kế hoạch TTLL hợp lý, thứ tự ưu tiên trên các mạng, hướng; kết hợp nhiều hình thức tổ chức, có đường liên lạc chính thức, đường liên lạc vu hồi và dự bị; dự kiến các phương án thu hồi, di chuyển tổng trạm thông tin sở chỉ huy chiến dịch.

Thực tiễn CDPC đánh bại cuộc hành quân Gianxoncity từ 22/2 đến 15/4/1967 do được phổ biến sớm ý định của chiến dịch, lực lượng chủ lực Quân Giải phóng miền Nam (Sư đoàn 9), đã tập trung, luồn sâu vào vùng hậu cứ của cuộc hành quân để tổ chức phản công. Lực lượng thông tin đã khẩn trương xây dựng kế hoạch TTLL chiến dịch và kế hoạch chiến đấu. Hệ thống TTLL cho Sư đoàn 9 chủ yếu sử dụng thông tin vô tuyến điện và thông tin vận động. Cụm vô tuyến điện sóng ngắn Sở chỉ huy chiến dịch tổ chức thành 2 bộ phận, bố trí ở 2 khu vực, bảo đảm thuận lợi để sẵn sàng thay thế nhau khi cần thiết.

Ba là, nắm chắc ý định, phương án và biện pháp tác chiến của người chỉ huy. Đây là yêu cầu, vừa là biện pháp quan trọng nâng cao hiệu quả và khả năng bảo đảm thông tin; giúp dự kiến đúng các biện pháp tổ chức, sử dụng và bảo đảm thông tin kịp thời, nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Đối tượng địch ĐBĐK có sức cơ động cao, hỏa lực mạnh, chuyển hóa linh hoạt, tính bất ngờ lớn; tình huống diễn ra khẩn trương, phức tạp; thời cơ đánh địch ĐBĐK đến và mất đi cũng rất nhanh. Thông tin liên lạc phải bảo đảm cho chiến dịch chỉ huy các lực lượng từ trinh sát nắm địch, cơ động lực lượng đến bao vây, tiến công tiêu diệt quân địch phải chặt chẽ, liên tục, an toàn và bí mật. Vì vậy, người chỉ huy cơ quan và đơn vị thông tin phải kịp thời nắm chắc ý định, phương án và các biện pháp tác chiến chiến dịch từ khi dự báo nhiệm vụ, giao nhiệm vụ chính thức đến quá trình thực hành, kết thúc tác chiến và xử trí các tình huống xảy ra. Để nắm chắc ý định, phương án và biện pháp tác chiến của tư lệnh chiến dịch, người chỉ huy cơ quan và đơn vị thông tin thường xuyên bám sát các cơ quan chiến dịch, nhất là cơ quan tham mưu, sĩ quan tác chiến. Quán triệt sâu sắc nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ tác chiến của thường vụ đảng ủy chiến dịch; các chỉ thị, chỉ lệnh, mệnh lệnh cấp trên; nhiệm vụ các đơn vị thuộc quyền, phối thuộc và phối hợp tác chiến. Chủ động đề xuất, tham mưu với thủ trưởng Bộ Tư lệnh chiến dịch ý định sử dụng TTLL, các biện pháp bảo đảm bảo đảm, các biện pháp phòng chống địch sử dụng vũ khí hủy diệt lớn, địch sử dụng vũ khí chính xác, phương tiện bay không người lái (UAV), các hoạt động trinh sát tác chiến điện tử và tác chiến không gian mạng của địch.

Bốn là, kiên quyết khắc phục các sự cố hệ thống thông tin, kịp thời xử trí linh hoạt các tình huống. Đây là biện pháp thể hiện tinh thần triệt để cách mạng, tư tưởng

tiến công liên tục, không ngại khó khăn, gian khổ của lực lượng thông tin chiến dịch, quyết tâm giữ vững TTLL đáp ứng yêu cầu chỉ huy trong mọi tình huống và điều kiện tác chiến. Muốn vậy, thường xuyên giáo dục, xây dựng ý chí quyết tâm cao, không ngại gian khổ, hy sinh, tinh thần chiến đấu gan dạ, kiên cường chiến thắng trước mọi kẻ thù. Chú trọng tổ chức huấn luyện cho mọi cán bộ, chiến sĩ thông tin làm chủ được các loại trang bị khí tài thông tin, nhất là các trang bị thông tin hiện đại. Quá trình chuẩn bị tác chiến và thực hành tác chiến phải dự kiến nhiều tình huống và các biện pháp xử trí. Kết hợp các phương pháp tổ chức, các phương tiện thông tin kịp thời bảo đảm liên lạc trong quá trình khắc phục sự cố thông tin. Bố trí cán bộ, chiến sĩ thông tin có bản lĩnh mưu trí, kiên cường, linh hoạt, sáng tạo, có chuyên môn nghiệp vụ giỏi trên những mạng, hướng, nhiệm vụ, những khu vực, lực lượng tác chiến chủ yếu, quan trọng.

Để hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm TTLL trong đánh trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK trong CDPC giành thắng lợi thì lực lượng hậu cần, kỹ thuật chiến dịch cần thực hiện tốt một số nội dung sau: Phải nắm chắc quyết tâm chiến đấu, ý định tổ chức, sử dụng lực lượng của tư lệnh chiến dịch; chỉ lệnh hậu cần, kỹ thuật của cấp trên, khả năng lực lượng hậu cần, kỹ thuật của chiến dịch để tổ chức, sử dụng lực lượng hậu cần, kỹ thuật khoa học, hợp lý phát huy sức mạnh tổng hợp; bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho lực lượng TTLL, điều chỉnh phương án kết hợp với tổ chức cơ động lực lượng hậu

cần, kỹ thuật bám sát đội hình lực lượng TTLL để bảo đảm; nắm chắc các nội dung, biện pháp để tổ chức bảo đảm TTLL ở cơ quan, đơn vị hậu cần, kỹ thuật thông suốt và kịp thời.

IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến của CDPC luôn tiếp tục có sự thay đổi, phát triển, cả về vũ khí, trang bị và thủ đoạn tác chiến. Để nâng cao hiệu quả bảo đảm TTLL trong đánh trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK trong CDPC cần phải quán triệt và vận dụng linh hoạt các giải pháp trên để đánh thắng mọi hoạt động tác chiến ĐBĐK của địch góp phần hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2021), *Nghệ thuật CDPC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2021), *Bảo đảm thông tin liên lạc CDPC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Binh chủng Thông tin liên lạc (1992), *Thông tin liên lạc trong một số trận đánh kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, Tập 1*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Binh chủng Thông tin liên lạc (1995), *Lịch sử nghệ thuật tổ chức, sử dụng TTLL chiến dịch trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐỘI NGŨ CHỦ NHIỆM HẬU CẦN - KỸ THUẬT TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

Đại tá, TS. NGUYỄN VĂN KÝ

Khoa LL Mác - Lênin, TT Hồ Chí Minh, Học viện Hậu cần

Đạo đức cách mạng (ĐĐCM) là cái gốc, là phẩm chất nền tảng trong nhân cách của đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật, giúp họ luôn kiên định, vững vàng, vượt qua mọi khó khăn; đảm bảo tính liêm chính, trách nhiệm, tận tụy và hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác hậu cần, kỹ thuật. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất một số biện pháp nâng cao ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

ĐỘI ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật là người chỉ huy cơ quan hậu cần - kỹ thuật, đóng vai trò trọng yếu, trực tiếp tham mưu cho cấp ủy và chỉ huy các cấp trong việc tổ chức điều hành công tác hậu cần, kỹ thuật cho các đơn vị trong huấn luyện, chiến đấu và các nhiệm vụ khác. Đạo đức, năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác hậu cần, kỹ thuật, đến xây dựng quân đội “tinh, gọn, mạnh”. Điều đó, đòi hỏi họ không chỉ giỏi về mặt chuyên môn, mà còn phải có phẩm chất ĐĐCM, luôn vững vàng trước mọi hoàn cảnh, biến động của tình hình thực tiễn.

Thời gian qua, cấp ủy và chỉ huy các cấp trong toàn quân luôn quán triệt sâu sắc nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác cán bộ; bám sát đặc điểm, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để xây dựng kế hoạch, xác định chỉ tiêu, biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật nói chung, trong đó có đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Do đó, đại đa số đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật luôn có phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt; chủ động, tích cực trong thực hiện chức trách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; có năng lực lãnh

đạo, chỉ huy, quản lý và phương pháp, tác phong công tác; luôn thể hiện rõ phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, tự lực trong công việc, sâu sát với bộ đội, thích ứng với phương thức bảo đảm hậu cần - kỹ thuật trong điều kiện tác chiến mới. Vì vậy, chất lượng công tác hậu cần, kỹ thuật từng bước được nâng lên. Đã khai thác hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất, quân lương, quân trang, bảo đảm kịp thời cho nhiệm vụ huấn luyện, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu. Nhiều chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật là tấm gương sáng về tinh thần tận tụy trong lao động, học tập, công tác.

Tuy nhiên, thực tiễn công tác bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, xây dựng đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật vẫn còn những hạn chế như: việc giáo dục, rèn luyện ĐĐCM của một số cán bộ chưa thường xuyên; chưa ý thức đầy đủ về vị trí, trách nhiệm của mình, lơ là trong tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện nâng cao phẩm chất và năng lực công tác, nhất là những kiến thức về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Một số chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật chưa gương mẫu, còn có biểu hiện nói chưa đi đôi với làm, chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, ý thức thực hành tiết kiệm chưa cao; chưa thực sự nỗ lực, sáng tạo trong nắm

bắt, tìm hiểu, vận dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ vào công tác... ảnh hưởng đến bản chất, truyền thống về vang của ngành hậu cần - kỹ thuật quân đội.

Trong bối cảnh hiện nay, trước sự phát triển của yêu cầu bảo vệ Tổ quốc và xây dựng quân đội; sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường; sự chống phá của các thế lực thù địch và “một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” vẫn còn tồn tại. Vì vậy, việc nâng cao ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, để cho đội ngũ này thực sự là “cái gốc” góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của Ngành Hậu cần, kỹ thuật Quân đội, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”. Muốn vậy, cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp cơ bản sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong giáo dục ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng là yếu tố quyết định đến nâng cao ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật trong quân đội. Cấp ủy các cấp cần đưa nội dung giáo dục, rèn luyện ĐĐCM vào các nghị quyết lãnh đạo, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Lãnh đạo chỉ huy các cấp cần nhận thức đúng vai trò của ĐĐCM; đồng thời, đặt ra yêu cầu cao về tính gương mẫu, trách nhiệm trong công tác, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của đội ngũ này.

Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần quan tâm bồi dưỡng, giáo dục ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật gắn với thực hiện nghiêm quy chế, quy định của Ngành. Trọng tâm là quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị

(khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới; Nghị quyết số 109-NQ/QUTW, ngày 11/2/2019, của Quân ủy Trung ương, về xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới... Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 về công tác hậu cần quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Đồng thời, tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, truyền thống quân đội, truyền thống Ngành Hậu cần, kỹ thuật trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Qua đó, xây dựng tinh thần trách nhiệm, ĐĐCM và lòng trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, từ đó giúp họ hiểu rõ vai trò quan trọng của mình trong sự nghiệp xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, động viên đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật tích cực tu dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, ĐĐCM, năng lực công tác; trong đó, đặc biệt chú ý xây dựng ĐĐCM, giải quyết hài hòa các mối quan hệ, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, cấp ủy, chỉ huy và cơ quan chức năng các cấp cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật trong học tập, rèn luyện ĐĐCM, nhất là đối với các trường hợp có dấu hiệu vi phạm, tư tưởng sai lệch, thiếu ý thức trong thực hiện nhiệm vụ. Những sai phạm, lạm dụng quyền hạn, gian lận trong quản lý tài chính và vật tư cần được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật để giữ vững kỷ luật và phẩm chất đạo đức của đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật..

Hai là, xây dựng và hoàn thiện chuẩn mực ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Đây là biện pháp cần thiết, quan trọng, tạo cơ sở để lãnh đạo chỉ huy các cấp giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Đại hội XIII của Đảng đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ: “xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hàng ngày”. Trên cơ sở đó, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần quán triệt và thực hiện nâng cao ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật theo Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực ĐĐCM của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới. Đồng thời, xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực ĐĐCM cần dựa trên các giá trị đạo đức cốt lõi, như: Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự nghiệp cách mạng, sẵn sàng hy sinh bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Nhân dân; chấp hành nghiêm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội và sự phân công, điều động của tổ chức; lối sống trong sạch, lành mạnh, giản dị, khiêm tốn, thật thà, gần gũi và yêu thương đồng chí, đồng đội; chủ động, sáng tạo, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, các biểu hiện gây mất đoàn kết trong đơn vị.

Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính, đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật “càng phải làm kiểu mẫu về cần, kiệm, liêm, chính”. Đồng thời, họ phải tự đặt ra yêu cầu cao về “cần, kiệm, liêm, chính”, thực sự khiêm tốn, giản dị trong lối sống; mẫu mực trong lời nói và hành động; nêu cao tinh thần trách nhiệm, không ngừng tự rèn luyện, trau dồi kiến thức chuyên môn và ĐĐCM. Tích cực tu dưỡng, rèn luyện

ý thức thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: “Lương thực, vũ khí là mồ hôi nước mắt của đồng bào, là xương máu của bộ đội..., vì vậy, phải quý trọng nó, phải tiết kiệm ngăn nắp, phải sử dụng hợp lý”. Đồng thời, thực hiện nghiêm quy định về những điều đảng viên không được làm; xây dựng phong cách làm việc khoa học, tích cực đổi mới, sáng tạo, sát thực tiễn, có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm,... Trung thực, liêm khiết, trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, sẵn sàng học hỏi, tiếp thu những tiến bộ trong công tác quản lý, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của Quân đội trong tình hình mới.

Ba là, đa dạng hóa các hình thức, linh hoạt vận dụng các phương pháp giáo dục ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Đây là biện pháp cơ bản, có ý nghĩa then chốt đối với quá trình nâng cao ĐĐCM của đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Do đó, các đơn vị cần kết hợp hài hòa các hình thức, phương pháp sao cho phù hợp với từng nội dung, đối tượng. Trước hết, tập trung thực hiện đa dạng hóa các hình thức giáo dục thông qua học tập chính trị, sinh hoạt đảng, phát huy vai trò nêu gương của đảng viên, kết hợp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hậu cần, kỹ thuật. Tích cực đổi mới phương pháp giáo dục, gắn quá trình giáo dục ĐĐCM với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua: “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”, cuộc vận động “Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và An toàn giao thông”.

Các đơn vị cần tăng cường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ĐĐCM với nội dung tập trung vào tính liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong quản lý, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật. Tổ chức các phong trào

thi đua giữa các đơn vị về ĐĐCM và công tác hậu cần, kỹ thuật, tạo ra động lực cạnh tranh lành mạnh, nâng cao ý thức về trách nhiệm và ĐĐCM của đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cần kết hợp lý thuyết với thực tiễn, giúp đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật nâng cao ý thức trách nhiệm và kỹ năng giải quyết các vấn đề đạo đức trong công việc. Các hoạt động thực tế như diễn tập, huấn luyện, hội thi, trao đổi kinh nghiệm hoặc công tác quản lý, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cần lồng ghép các yếu tố về ĐĐCM để nâng cao hiệu quả công việc, từ đó khắc phục những vấn đề hạn chế về nhận thức và hành vi trong quá trình công tác.

Bốn là, phát huy vai trò tự học, tự rèn trau dồi ĐĐCM của đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Biện pháp này có vai trò quan trọng, trực tiếp quyết định đến việc hình thành và hoàn thiện ĐĐCM của đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật. Mỗi cán bộ cần tích cực, chủ động, tự giác học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn và ĐĐCM góp phần nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Việc tự giáo dục không chỉ dừng ở học tập kiến thức chuyên môn mà còn bao gồm quá trình rèn luyện, hoàn thiện phẩm chất đạo đức qua từng hành động cụ thể, nhằm tạo dựng bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và tinh thần phục vụ trong sáng.

Mỗi cán bộ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật cần chủ động đề ra kế hoạch tự học, tự rèn luyện theo các tiêu chuẩn ĐĐCM, xem đó là kim chỉ nam cho mọi hành động. Bên cạnh đó, cần phát huy tinh thần tự đánh giá, tự phê bình, nghiêm túc nhìn nhận các mặt hạn chế để kịp thời điều chỉnh và hoàn thiện. Chính sự tự giác rèn luyện giúp cán bộ xây dựng động cơ, thái độ đúng đắn,

đặc biệt, chống lại những biểu hiện tiêu cực như: Chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, “lợi ích nhóm” hay “chủ nghĩa thực dụng” vốn làm suy yếu tính tập thể và tinh thần trách nhiệm chung. Đồng thời, luôn gương mẫu, tự tu dưỡng về đạo đức lối sống, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội và quy định của đơn vị.

Ngoài ra, mỗi chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật phải luôn giữ vững bản lĩnh chính trị trước các tác động từ bên ngoài, không bị cám dỗ bởi lợi ích cá nhân hay danh lợi vật chất. Đạo đức cách mạng sẽ là tấm “lá chắn” quan trọng giúp họ đứng vững trước các thử thách, luôn giữ được phẩm chất, tính trung thực, liêm chính và sẵn sàng cống hiến. Qua đó, xây dựng đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật không chỉ giỏi về chuyên môn, mà còn trong sáng về đạo đức, người cán bộ hậu cần - kỹ thuật “vừa hồng, vừa chuyên” đáp ứng tốt các yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị.

Nâng cao ĐĐCM cho đội ngũ chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật là yêu cầu cấp bách của công tác hậu cần, kỹ thuật, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển chung của Quân đội. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ giúp đội ngũ này phát huy tối đa năng lực và phẩm chất, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng Quân đội hiện đại và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 7*, Nxb CTQG, Hà Nội.

BÀN VỀ BẢO ĐẢM QUÂN Y TÁC CHIẾN TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN
Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Học viện Hậu cần

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), bảo đảm quân y (BĐQY) là yếu tố vô cùng quan trọng chi phối trực tiếp đến sức khỏe, sức chiến đấu của bộ đội trong các loại hình tác chiến trên chiến trường, nhất là tiến công chiến lược (TCCL). Do đó, để góp phần tiến hành thắng lợi TCCL, việc BĐQY phải được nghiên cứu thấu đáo cả về lý luận và thực tiễn.

BẢO đảm quân y tác chiến TCCL là một nội dung bảo đảm hậu cần, nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần, tư tưởng của bộ đội. Cứu chữa, điều trị, vận chuyển thương binh, bệnh binh (TBBB) kịp thời sẽ bảo đảm đủ quân số chiến đấu, góp phần bảo đảm cho tác chiến giành thắng lợi. Bài viết đề xuất một số nội dung, biện pháp BĐQY tác chiến TCCL trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, trường hợp TCCL kế tiếp tác chiến phòng thủ chiến lược.

Tiến công chiến lược là loại hình tác chiến cơ bản của tác chiến chiến lược, nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng chiến lược quan trọng, tiêu hao lớn sinh lực, phương tiện chiến tranh của địch ở trạng thái phòng ngự; khôi phục và làm chủ địa bàn chiến lược, chiếm giữ các mục tiêu trọng yếu; đánh bại biện pháp tác chiến chiến lược của địch tạo ra thay đổi có lợi cho cục diện chiến tranh hoặc kết thúc thắng lợi chiến tranh. Tác chiến TCCL thường kế tiếp một số hoạt động tác chiến chiến lược, diễn ra trong điều kiện địch đã tiến công trên bộ vào lãnh thổ nước ta, có thể đã chiếm một số địa bàn, mục tiêu và tổ chức phòng ngự. Địch dùng mọi biện pháp, thủ đoạn để ngăn chặn cơ động, triển khai tiến công của ta; đánh phá hủy diệt khả năng huy động, ngăn chặn vận chuyển, chi viện của hậu cần các cấp... Mặt khác, BĐQY tác chiến TCCL cho nhiều lực

lượng tiến hành nhiều loại hình, hình thức tác chiến, diễn ra trên địa bàn rộng, thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn; tổ chức nhiều thành phần quân y và triển khai lực lượng quân y ở nhiều căn cứ, các thành phần hậu cần khác trên chiến trường; tỷ lệ thương binh cao, thương binh nặng nhiều, tính chất vết thương phức tạp; việc tìm kiếm, cứu chữa thương binh trên phạm vi rộng, yêu cầu vận chuyển, cứu chữa thương binh cao... trong khi khả năng quân y các cấp còn hạn chế. Vì vậy, để BĐQY cho các lực lượng tác chiến TCCL giành thắng lợi, cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp chủ yếu sau:

Một là, linh hoạt mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi cứu chữa ở các cấp đáp ứng yêu cầu tác chiến; quy định tỷ lệ TBBB giữ lại điều trị ở các tuyến hợp lý. Trường hợp tác chiến, chiến đấu diễn ra ác liệt, thương vong lớn, thương binh dồn dập; quân y ở các tuyến không đủ điều kiện thực hiện đầy đủ phạm vi cứu chữa quy định, gây ùn tắc; hoặc xuất hiện tình huống, thời cơ tác chiến, chiến đấu mới, đơn vị phải cơ động thực hiện nhiệm vụ khác, cần giải quyết nhanh thương binh... Khi đó, chủ nhiệm quân y cần báo cáo người chỉ huy, quân y cấp trên cho phép thu hẹp phạm vi cứu chữa, chỉ đạo tiến hành những biện pháp cứu chữa ưu tiên, nhanh chóng giải quyết thương binh, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ

tác chiến, chiến đấu; tăng cường lực lượng chuyển thương, làm tốt chỉ huy, điều hành chuyển thương. Hậu cần cấp trên tăng cường chỉ đạo cụ thể thu hẹp phạm vi cứu chữa ở tuyến dưới để tăng khả năng giải quyết nhiều thương binh qua tuyến, chuyển về sau; chỉ đạo quân y tuyến sau chuẩn bị tốt các điều kiện để tiếp nhận thương binh của tuyến trước hoặc điều hành chuyển thương binh giữa các địa điểm, giữa các cơ sở quân y, dân y trên địa bàn, các hướng, khu vực tác chiến...

Trường hợp các đơn vị chiến đấu trên các địa bàn hoặc khu vực bị chia cắt, cô lập, điều kiện giao thông khó khăn không thể chuyển thương binh về tuyến sau theo yêu cầu cứu chữa... Để đảm bảo cứu chữa, giảm tỷ lệ tử vong, tàn phế cho thương binh, chủ nhiệm quân y cần quyết định và báo cáo người chỉ huy, quân y cấp trên để mở rộng phạm vi cứu chữa; chỉ đạo lực lượng quân y thuộc quyền tiến hành những biện pháp cứu chữa của tuyến sau theo chỉ định y học. Trong trường hợp này, cần bảo đảm tốt điều kiện để mở rộng phạm vi cứu chữa, như: Lực lượng, thuốc, trang bị, vật tư y tế, dụng cụ phục vụ, bảo đảm tốt sức khỏe cho đội ngũ cán bộ, nhân viên quân y; hậu cần cấp trên cần tăng cường lực lượng quân y, thuốc, vật tư y tế cần thiết cho quân y tuyến mở rộng phạm vi cứu chữa, tăng cường chỉ đạo nghiệp vụ qua ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống y học từ xa (Telemedicine) nếu có điều kiện...

Bên cạnh đó, trong tác chiến TCCL, cần quy định tỷ lệ TBBB giữ lại điều trị hợp lý ở từng tuyến, trên từng hướng và khu vực nhằm phát huy khả năng thu dung, điều trị, góp phần bổ sung quân số khỏe cho chiến đấu... Qua tổng kết thực tiễn, đánh giá các yếu tố tác động và khả năng của các tuyến quân y trong điều kiện chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, có thể dự kiến tỷ lệ TBBB giữ lại điều trị ở các tuyến trong tác

chiến TCCL như sau: (1). Tuyến chiến thuật và gửi vào các cơ sở dân y: 15% thương binh, 70% bệnh binh; (2). Tuyến chiến dịch và gửi các bệnh viện dân y: 75% thương binh, 20% bệnh binh; (3). Tuyến chiến lược: 10% thương binh, 10% bệnh binh. Để bảo đảm tốt cho số TBBB giữ lại điều trị ở các tuyến, quân y các cấp cần chuẩn bị tốt về lực lượng, thuốc, vật tư y tế, các điều kiện để chăm sóc, điều trị TBBB; phối hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế trên địa bàn cùng tham gia thu dung, điều trị, trả nhanh quân số khỏe về chiến đấu.

Hai là, hiệp đồng chặt chẽ với Bộ Y tế và sở y tế các tỉnh, thành phố để huy động và kết hợp với y tế khu vực phòng thủ (KVPT) địa phương tổ chức cứu chữa, vận chuyển TBBB theo khu vực hoàn chỉnh. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tác chiến TCCL có thể diễn ra trên một, một số chiến trường hoặc cả nước. Theo Quyết định số 86/QĐ-TTg, ngày 02/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu Kế hoạch Nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên; Quyết định số 3618/QĐ-BQP, ngày 20/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao chỉ tiêu kế hoạch về quy mô, loại hình tổ chức, số lượng đơn vị dự bị động viên, chỉ tiêu Kế hoạch tiếp nhận lực lượng dự bị động viên và quy định thực hiện động viên trong từng trạng thái sẵn sàng chiến đấu, hiện nay, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập đơn vị dự bị động viên y tế, tổ chức bệnh viện khu vực dự bị động viên, bệnh viện dã chiến dự bị động viên, đội điều trị dự bị động viên; ngành Y tế đã chỉ đạo Ban quân dân y các tỉnh, thành phố có phương án sử dụng quân nhân dự bị vào các cơ sở y tế dự bị động viên; tổ chức tốt huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng huy động đáp ứng yêu cầu động viên khi có tình huống hoặc chiến tranh xảy ra. Đây là điều kiện thuận lợi để phục vụ tác chiến TCCL trên chiến trường.

Mặt khác, thực hiện Nghị định số 118/2018/NĐ-CP, ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về công tác kết hợp quân dân y, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế về tăng cường công tác kết hợp quân - dân y chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và bộ đội trong giai đoạn mới. Đến nay, chúng ta đã có 10 bệnh viện quân dân y, 03 trung tâm y tế quân dân y huyện đảo, 38 bệnh xá quân dân y, 138 phòng khám quân dân y và 835 trạm y tế quân dân y đang hoạt động; các bệnh viện, cơ sở quân y, quân dân y kết hợp cùng với hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế trên các địa bàn đã tạo nên tuyến cứu chữa liên hoàn, vững chắc, sẵn sàng huy động, động viên để bảo đảm cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và tác chiến khi có tình huống. Đó là cơ sở để thực hiện kết hợp quân y với y tế KVPT địa phương tổ chức cứu chữa, chuyển thương theo khu vực hoàn chỉnh.

Để thực hiện biện pháp này, ngay trong thời bình, hậu cần chiến lược cần làm tốt tham mưu và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thuộc Bộ Y tế, chỉ đạo hậu cần các cấp phối hợp với cơ quan chức năng Sở Y tế các địa phương trong tổ chức, xây dựng các bệnh viện, các cơ sở y tế theo chỉ tiêu, kế hoạch được giao; làm tốt công tác quản lý, huấn luyện, kế hoạch động viên, huy động, triển khai... sẵn sàng huy động bảo đảm khi có tình huống. Trong tác chiến (nếu xảy ra), cần linh hoạt tổ chức, triển khai các bệnh viện, cơ sở y tế theo kế hoạch động viên, bố trí trong các căn cứ hậu cần chiến lược trên từng chiến trường (hướng chiến lược), ở các địa bàn, khu vực phù hợp để phát huy hiệu quả các cơ sở y tế động viên; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng địa phương trong huy động lực lượng, phương tiện chuyển thương đáp ứng yêu cầu tác chiến.

Ba là, tăng cường quân y cho cụm lực lượng chiến lược, các chiến dịch chiến lược.

Cụm lực lượng chiến lược được làm thời tổ chức trong tác chiến chiến lược, lấy quân đoàn chủ lực cơ động của Bộ làm nòng cốt, có thể được tăng cường lực lượng các quân, binh chủng, ngành chiến đấu, bảo đảm, chủ lực quân khu và lực lượng vũ trang trong KVPT tỉnh, thành phố. Trong tác chiến TCCL, cụm lực lượng cơ động chiến lược có nhiệm vụ đánh địch chuyển hướng tiến công, đánh địch ứng cứu giải tỏa bằng đường bộ, đổ bộ đường không cho lực lượng phòng ngự...; vì vậy, tỷ lệ thương vong thường cao. Cho nên, căn cứ quy mô lực lượng, địa bàn, nhiệm vụ tác chiến hoặc trong trường hợp bị tổn thất nặng không đủ khả năng bảo đảm, cần tăng cường quân y cho cụm lực lượng chiến lược, chiến dịch chiến lược. Có thể tăng cường 2 ÷ 3 đội điều trị, đội vệ sinh phòng dịch, một số tổ chuyên khoa; tăng cường thuốc, trang bị, vật tư y tế và lực lượng, phương tiện chuyển thương tương ứng theo yêu cầu nhiệm vụ tác chiến.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ lực lượng quân y các cấp, nâng cao khả năng tự cứu và cứu lẫn nhau của bộ đội. Quân y chiến trường kết hợp chặt chẽ với quân y của các quân khu, quân đoàn, quân binh chủng và lực lượng y tế KVPT tỉnh, thành phố, các cơ sở y tế tư nhân tại địa bàn tác chiến cùng tham gia cứu chữa, vận chuyển TBBB. Từ đó, hình thành mạng lưới cứu chữa, vận chuyển TBBB rộng khắp, liên hoàn. Kết hợp chặt chẽ việc cứu chữa, điều trị giữa các tuyến quân y, như: Quân y đại đội - cấp cứu đầu tiên; quân y tiểu đoàn - bổ sung cấp cứu; quân y trung đoàn - cứu chữa bước đầu; quân y sư đoàn - cứu chữa cơ bản; quân y quân đoàn - cứu chữa cơ bản, cứu chữa chuyên khoa (khi được tăng cường); quân y quân khu - cứu chữa chuyên khoa. Đồng thời, kết hợp với trạm y tế xã, phường - bổ sung cấp cứu, cứu chữa bước đầu; trung tâm y tế huyện - cứu chữa cơ bản; bệnh viện tỉnh - cứu chữa chuyên khoa... Kết hợp

trong việc tận dụng tối đa xe cứu thương, xe vận tải của các đơn vị, huy động phương tiện của các bộ, ngành Trung ương và KVPT địa phương để chuyển thương.

Để thực hiện tốt việc kết hợp, hậu cần các cấp cần nắm chắc đội hình tác chiến, chiến đấu của đơn vị; vị trí bố trí các trạm quân y, các cơ sở y tế trong khu vực tác chiến, chiến đấu; nắm chắc khả năng lực lượng, phương tiện của các đơn vị, hậu cần tại chỗ; làm tốt công tác hiệp đồng thông qua văn bản hoặc hội nghị với các đơn vị có liên quan; dự kiến phương án kết hợp quân y cho từng hướng, từng bộ phận; quy định rõ ràng phạm vi kết hợp cho từng cấp; xác định kế hoạch huy động, sử dụng lực lượng và phương tiện phù hợp.

Phát huy khả năng tự cấp cứu của bộ đội: Khi bị thương nhẹ, thương binh phải biết tự cầm máu, băng bó, chống ngạt thở; khi có điều kiện, thương binh phải biết tự di chuyển về vị trí ẩn nấp, chờ lực lượng tải thương đến cứu. Trong cấp cứu lẫn nhau, bộ đội phải tiến hành cấp cứu đầu tiên cho thương binh nhanh chóng, chuẩn xác và đúng quy định; biết cầm máu tạm thời, băng bó vết thương; đồng thời, chuẩn bị cho thương binh chuyển tiếp về tuyến sau kịp thời, đúng chỉ định. Ngoài ra, khi địch sử dụng vũ khí hóa học, bộ đội phải biết cách giúp thương binh đeo mặt nạ, sử dụng trang bị phòng độc cá nhân để hạn chế thấp nhất số thương binh tàn phế và tử vong.

Để thực hiện biện pháp trên, ngay từ thời bình, hậu cần các cấp phải thường xuyên tổ chức huấn luyện cho mọi đối

tượng (kể cả bộ đội, nuôi quân, nhân viên hậu cần kỹ thuật...) thành thạo 5 kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương hỏa tuyến; định kỳ tổ chức diễn tập để rèn luyện, nâng cao khả năng cấp cứu của bộ đội; lãnh đạo chỉ huy các đơn vị thường xuyên làm tốt công tác tư tưởng cho bộ đội về việc phát huy tinh thần tự cấp cứu và cấp cứu lẫn nhau trong chiến đấu. Trong giai đoạn chuẩn bị, nếu có điều kiện thì tranh thủ huấn luyện bổ sung, nhất là những nội dung còn yếu, thiếu cho chiến sĩ mới, lực lượng trên phổis thuộc và lực lượng huy động của địa phương.

Tác chiến TCCL trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có tính tổng hợp cao, không gian tác chiến rộng, diễn biến phức tạp, số lượng thương binh lớn, tính chất vết thương phức tạp, nhiệm vụ BĐQY khó khăn, phức tạp, yêu cầu bảo đảm rất cao. Do vậy, hậu cần các cấp phải quán triệt và thực hiện đầy đủ các vấn đề trên. Tuy nhiên, những vấn đề mà bài viết đề cập chỉ là bước đầu, cần tiếp tục được nghiên cứu, trao đổi, bổ sung để ngày càng hoàn thiện, kịp thời đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của các đơn vị trong tác chiến khi chiến tranh xảy ra♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Tác chiến chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Tiến công chiến lược*, Nxb QĐND, Hà Nội
3. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong TCCL*, Nxb QĐND, Hà Nội.

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN TRUNG ĐOÀN BỘ BINH VẬN ĐỘNG TIẾN CÔNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trung tá, ThS. PHẠM XUÂN QUÝ

Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Providing logistics materials is an aspect of combat logistics support that significantly contributes, along with other support elements, to the success of combat units. Based on theoretical and practical research, as well as influencing factors, in this article are proposed several solutions for providing logistics materials for the infantry regiment conducting offensive operations in the Mekong Delta during the rainy season in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) là một mặt bảo đảm hậu cần chiến đấu, góp phần quan trọng, cùng các nội dung bảo đảm khác để đơn vị chiến đấu thắng lợi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn, các yếu tố tác động; bài viết đề xuất một số giải pháp bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh vận động tiến công (VĐTC) ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) vào mùa mưa, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trung đoàn bộ binh VĐTC ở ĐBSCL nhằm tiêu diệt lực lượng địch cơ động bằng đường bộ kết hợp với đường sông; đánh bại ý đồ cơ động tiến công của địch, tạo thế và thời cơ có lợi cho các hoạt động tiếp theo của sư đoàn và lực lượng vũ trang địa phương. Để bảo đảm kịp thời mọi nhu cầu về hậu cần cho trung đoàn chiến đấu thắng lợi, phải thực hiện đồng bộ các mặt bảo đảm; trong đó, bảo đảm VCHC có vai trò rất quan trọng. Thực tiễn, trong chiến tranh giải phóng và chiến tranh biên giới Tây Nam, các trung đoàn bộ binh của ta đã thực hiện một số trận VĐTC địch cơ động, để lại nhiều kinh nghiệm quý, trong đó có bảo đảm VCHC cần nghiên cứu, vận

dụng phù hợp. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), địch có ưu thế về vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử mạnh, khả năng cơ động nhanh, linh hoạt; tính chất trận đánh trung đoàn bộ binh VĐTC ở ĐBSCL vào mùa mưa rất ác liệt, địa hình bị chia cắt. Theo đó, bảo đảm VCHC gặp rất nhiều khó khăn; vì vậy, cần nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện tác chiến mới.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của trung đoàn bộ binh VĐTC ở ĐBSCL vào mùa mưa là tiểu đoàn bộ binh (hải quân đánh bộ - HQĐB) địch cơ động tiến công bằng đường bộ, kết hợp với đường sông; trong đội hình lữ đoàn bộ binh (HQĐB) địch cơ động tiến công đánh chiếm mục tiêu. Khi cơ động đánh chiếm mục tiêu được giao, tiểu đoàn bộ binh (HQĐB) địch có thể được cấp trên phối thuộc lực lượng xe tăng hoặc thiết giáp; lực lượng trinh sát, công binh; được chi viện hỏa lực pháo binh, không quân chiến thuật, trực thăng vũ trang, nhiều phương tiện bay không người lái (UAV) trinh sát, tiến công hỏa lực; lực lượng đổ bộ đường không; một số tàu, xuồng trinh sát, tiến công có người lái hoặc không

người lái (USV); tàu, xuồng chở quân và chi viện hỏa lực. Về ta, trung đoàn bộ binh thường chiến đấu trong đội hình cấp trên, thế trận khu vực phòng thủ đã được chuẩn bị trước từ thời bình theo các phương án tác chiến phòng thủ. Đội hình trung đoàn tổ chức thành nhiều bộ phận, hướng, mũi tiến công, triển khai trên phạm vi rộng; thường xuyên cơ động, bộc lộ ngoài công sự, trên địa hình trống trải, bị chia cắt bởi hệ thống kênh, rạch, cánh đồng ngập nước, khu vực sinh lầy. Theo đó, phạm vi bảo đảm VCHC rộng, tính cơ động, biến động cao, nhiều tình huống có thể phát sinh ngoài dự kiến; lực lượng hậu cần trung đoàn hạn chế, phải bảo đảm trong điều kiện địch trinh sát bằng nhiều phương tiện hiện đại, cả trên không, mặt đất, mặt nước; hoạt động bảo đảm chịu tác động rất lớn của điều kiện khí hậu, thời tiết ẩm, ướt; cho nên, bảo đảm VCHC gặp rất nhiều khó khăn, lượng VCHC tiêu hao, tổn thất lớn.

Đặc điểm của bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh VĐTC ở ĐBSCL vào mùa mưa là phải chuẩn bị trong thời gian ngắn, trong điều kiện địch trinh sát, đánh phá ác liệt bằng vũ khí công nghệ cao, tính biến động cao, nhiều tình huống có thể xảy ra ngoài dự kiến; bảo đảm cho nhiều bộ phận, hướng, mũi cơ động chiến đấu ngoài công sự, trên địa hình đồng bằng trống trải, nhiều sông, kênh, rạch, cánh đồng ngập nước, khu vực sinh lầy. Tuy nhiên, trung đoàn chiến đấu trong đội hình cấp trên, thế trận khu vực phòng thủ đã được chuẩn bị trước từ thời bình, quá trình bảo đảm được hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) sư đoàn trực tiếp bảo đảm, khu vực phòng thủ chi viện. Để có thể hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm, HC-KT trung đoàn phải quán triệt, thực hiện tốt các yêu cầu: Chuẩn bị khẩn trương, chu đáo, toàn diện; dự kiến nhiều tình huống và phương án bảo đảm; dự trữ vật chất hậu cần gọn, nhẹ, tiện cơ động,

phù hợp với khả năng mang theo của bộ đội, nhiệm vụ của đơn vị, chỉ mang theo những loại VCHC thiết yếu vào vị trí triển khai; tổ chức tiếp nhận đầy đủ vật chất, bổ sung kịp thời cho các đơn vị theo yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu; kết hợp chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng để bảo đảm cho chiến đấu.

Để tổ chức bảo đảm VCHC hợp lý, khoa học, nâng cao hiệu quả bảo đảm, khắc phục khó khăn, phát huy tốt khả năng, lợi thế của HC-KT trung đoàn, phù hợp với đặc thù địa hình đồng bằng sông nước vào mùa mưa, kênh, rạch dày đặc, cánh đồng ngập nước, sinh lầy; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ BĐHC, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, khẩn trương tiếp nhận của cấp trên và khu vực phòng thủ để dự trữ vật chất theo yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu. Đây là giải pháp cơ bản, quan trọng để bảo đảm đủ vật chất cho trung đoàn chiến đấu, trong điều kiện thời gian chuẩn bị ngắn, khả năng HC-KT trung đoàn có hạn.

Tiểu đoàn bộ binh (HQĐB) địch thường được cấp trên tăng cường lực lượng, phương tiện chiến đấu, có khả năng cơ động cao, hỏa lực mạnh, có thể tạo ra nhiều tình huống bất ngờ; thời cơ để trung đoàn nổ súng chiến đấu tạo thế, tổ chức cơ động lực lượng tiếp cận địch, thực hành tiến công địch đến, qua đi rất nhanh. Nguồn vật chất hậu cần bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu chủ yếu từ cấp trên bảo đảm, kết hợp với tiếp nhận tại HC-KT khu vực phòng thủ chi viện, chiến lợi phẩm thu được của địch trong chiến đấu (nếu có). Do đó, đòi hỏi HC-KT trung đoàn phải khẩn trương tiếp nhận VCHC từ các nguồn mới bảo đảm kịp thời cho chiến đấu. Thực tiễn, trận eBB1/Quân khu 8 VĐTC lộ Đồng Hòa từ ngày 08/7 ÷ 10/7/1972, ngay khi nhận nhiệm vụ chiến đấu, Trung đoàn đã tổ chức lực lượng tiếp nhận vật chất từ Quân khu 8;

tiếp nhận lương thực, thực phẩm, chất đốt của huyện Sầm Giang để bổ sung cho kho Trung đoàn, các đơn vị

Vật chất hậu cần trung đoàn tiếp nhận từ HC-KT sư đoàn chủ yếu là xăng dầu, thuốc chiến thương, lương khô, bông băng cá nhân, quân lương, quân trang chiến đấu, quân trang tử sĩ... Tiếp nhận của HC-KT khu vực phòng thủ chủ yếu là lương thực, thực phẩm, đường sửa thương binh, hòm tử sĩ.

Để thực hiện tốt giải pháp, chủ nhiệm HC-KT trung đoàn cần khẩn trương xác định nhu cầu VCHC toàn trận và từng giai đoạn; nắm chắc khả năng bảo đảm của sư đoàn, khả năng chi viện bảo đảm của khu vực phòng thủ; hiệp đồng tiếp nhận chặt chẽ; lựa chọn lực lượng, phương tiện, phương pháp tiếp nhận phù hợp với từng giai đoạn chiến đấu, đặc điểm nhiệm vụ của từng bộ phận.

Hai là, tổ chức, triển khai kho vật chất hậu cần cả trên bộ và trên các phương tiện nổi để bảo đảm trong chiến đấu. Đây là giải pháp quan trọng để dự trữ VCHC phân tán, hạn chế tổn thất, có thể nhanh chóng cơ động tiếp cận đơn vị để bổ sung khi cần, phù hợp với đặc thù địa hình ĐBSCL vào mùa mưa.

Trước và trong quá trình cơ động, địch tăng cường trinh sát, đánh phá hai bên trục đường, hai bên sông dự kiến cơ động, tập trung vào các khu dân cư, vườn cây, cù lao... nơi nghỉ ngơi có lực lượng của ta bố trí, triển khai; tập trung phát hiện, đánh phá vào trận địa hỏa lực, sở chỉ huy, bộ phận HC-KT. Thời gian chuẩn bị ngắn, rất khẩn trương. Phải bảo đảm cho nhiều bộ phận, hướng, mũi cơ động chiến đấu ngoài công sự, thường xuyên cơ động trên địa hình trống trải, nhiều sông, kênh, rạch, khu vực ngập nước, sinh lầy. Vì vậy, kho VCHC phải có khả năng cơ động, bố trí cả trên bộ và trên các phương tiện nổi, bám sát

đội hình chiến đấu bằng cả đường bộ và đường thủy để kịp thời bổ sung, rút ngắn thời gian triển khai, thu hồi. Thực tiễn, trận eBB1/Quân khu 8 VĐTC lộ Đông Hòa từ ngày 08/7÷10/7/1972, hậu cần Trung đoàn kết hợp tổ chức, bố trí kho VCHC phân tán trong xóm Rượu và trên các xuồng, ghe, neo đậu trên rạch Chà Là nên đã cơ động bảo đảm cho Trung đoàn chiến đấu.

Để thực hiện tốt giải pháp này, chủ nhiệm HC-KT trung đoàn cần xác định tỷ lệ, khối lượng VCHC dự trữ ở kho trên bộ và trên các phương tiện nổi. Theo tính toán, tỷ lệ dự trữ lương VCHC phải có trước giờ quy định, được phân cấp dự trữ tại kho HC-KT trung đoàn, khoảng $30 \div 35\%$ dự trữ ở kho trên bộ, $65 \div 70\%$ dự trữ trên các phương tiện nổi. Đối với phương tiện nổi, lựa chọn ghe loại trọng tải khoảng 2,5 tấn là phù hợp, số lượng ghe khoảng 4 chiếc. Đồng thời, nắm chắc địa hình, luồng lạch khu vực chiến đấu để xác định vị trí bố trí kho trên bộ và nơi neo đậu kho nổi; tính năng kỹ chiến thuật, điều kiện hoạt động của phương tiện vận tải thủy sử dụng để tổ chức kho nổi; phân loại, đóng gói và xếp đặt VCHC phù hợp với đặc tính phương tiện nổi; có nhiều phương án tổ chức bảo vệ kho VCHC trong quá trình bảo đảm.

Ba là, sử dụng kết hợp các lực lượng, phương tiện, vận dụng linh hoạt các phương thức, hình thức vận tải để tiếp nhận, bổ sung vật chất. Đây là giải pháp quan trọng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, phương tiện để bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu thắng lợi.

Nhu cầu VCHC bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu lớn; phải tiếp nhận, bổ sung trong thời gian ngắn; trong điều kiện địch tăng cường trinh sát phát hiện, đánh phá các tuyến đường nghỉ ngơi ta cơ động, hoạt động tiếp nhận, bổ sung vật chất rất khó khăn. Trong biên chế trung đoàn, đại đội vận tải có vận tải ô tô, vận tải thủy thô

sơ - cơ giới nhỏ và vận tải bộ thô sơ, sức người. Trung đoàn thường được sư đoàn phối thuộc lực lượng vận tải, tiếp nhận lực lượng dân quân, xuồng, ghe của khu vực phòng thủ. Chiến đấu vào mùa mưa, mạng đường bộ tương đối phát triển; nhưng xét trong phạm vi không gian chiến đấu của trung đoàn, phần lớn là đường độc đạo, với nhiều cầu, cống có trọng tải nhỏ, dễ bị địch đánh phá. Trong khi, mạng đường thủy theo các sông, kênh, rạch rất thuận lợi. Để hoàn thành nhiệm vụ, trung đoàn phải sử dụng kết hợp các lực lượng, phương tiện, phương thức, hình thức vận tải. Thực tiễn, trận eBB1/Quân khu 8 VĐTC lộ Đông Hòa từ ngày 08/7 ÷ 10/7/1972, hậu cần Trung đoàn sử dụng phương tiện vận tải thủy, vận dụng hình thức chuyển thẳng để tiếp nhận, bổ sung VCHC cho kho Trung đoàn, các đơn vị; sau chiến đấu, huy động bộ đội tham gia vận chuyển giải quyết hậu quả trận đánh.

Để phát huy hiệu quả, HC-KT trung đoàn sử dụng kết hợp lực lượng trong biên chế, sư đoàn phối thuộc, tiếp nhận tại khu vực phòng thủ, có thể huy động bộ đội ở thời điểm phù hợp không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chiến đấu. Sử dụng kết hợp phương thức vận tải đường bộ và đường thủy, kết hợp hình thức vận tải theo cung với chuyển thẳng, cuốn chiếu, đi cùng, thả trôi để bảo đảm cho chiến đấu.

Để thực hiện tốt giải pháp này, chủ nhiệm HC-KT trung đoàn cần nắm chắc khả năng từng lực lượng, tính năng từng chủng loại phương tiện để tổ chức, sử dụng hợp lý. Tổ chức mạng đường vận tải liên hoàn thủy, bộ theo từng cung, chặng

vận chuyển. Tổ chức bảo vệ lực lượng vận tải trên đường vận chuyển; hiệp đồng chặt chẽ với ban tham mưu trung đoàn, đơn vị bạn (nếu có), địa phương để bảo đảm cơ động, dẫn đường, đánh địch tập kích trên đường, luồng lạch vận chuyển.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh VĐTC ở ĐBSCL vào mùa mưa chịu sự tác động của địch, ta và các yếu tố khác có liên quan; trong đó, địa hình đồng bằng sông nước, nhiều kênh, rạch, khu vực sinh lầy tác động trực tiếp, khác biệt so với các địa hình khác. Để hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm VCHC, hậu cần, kỹ thuật trung đoàn phải căn cứ vào tình hình thực tế, vận dụng đồng bộ, linh hoạt các nội dung giải pháp trên để phát huy sức mạnh tổng hợp nhằm bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu giành thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh VĐTC ở địa hình đồng bằng*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1992), *Những trận đánh của lực lượng vũ trang ĐBSCL, Tập IV*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Phạm Quốc Luật (2011), *Cách đánh của trung đoàn bộ binh VĐTC ở ĐBSCL*, Luận án tiến sĩ quân sự, Học viện Lục quân, Lâm Đồng.
4. Trần Văn Thành và Ban Đề tài (2023), *Nghiên cứu lý luận chiến thuật trung đoàn bộ binh VĐTC ở địa hình sông nước trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Học viện Lục quân, Lâm Đồng.

XUNG ĐỘT QUÂN SỰ GIỮA NGA- UKRAINA HƠN 3 NĂM NHÌN LẠI, MỘT SỐ VẤN ĐỀ RÚT RA VỀ BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT TÁC CHIẾN

Trung tá, ThS. TRẦN QUỐC TUẤN

Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

CHIẾN dịch quân sự đặc biệt do Nga tiến hành vào ngày 24/2/2022, đến nay đã bước sang năm thứ tư và chưa có dấu hiệu kết thúc. Cả Nga và Ucraina đã và đang tiến hành các hoạt động tác chiến trên chiến trường để theo đuổi mục tiêu chính trị đã xác định. Dưới góc độ tiếp cận về hoạt động bảo đảm hậu cần-kỹ thuật (HC-KT) cho tác chiến, có thể rút ra một số đặc điểm nổi bật sau:

Thứ nhất, không gian tác chiến, phạm vi hoạt động tác chiến và bảo đảm của các bên trên chiến trường ngày càng mở rộng; sự tham gia ngày càng nhiều của các công ty tư nhân trong các hoạt động bảo đảm và tác chiến. Với mục tiêu đánh nhanh, thắng nhanh, dùng sức mạnh vượt trội để khuất phục Ucraina, Nga đã thực hiện tiến công Ucraina cả chiến trường trên không, trên biển và từ 3 hướng trên bộ. Với tổng quân số tham chiến (gồm cả Quân đội đồng minh Cộng hòa Chechnya và 2 nước cộng hòa tự xưng vùng Donbass) khoảng 280.000 người. Rất nhanh chóng, Quân đội Nga và lực lượng thân Nga đánh thọc sâu vào lãnh thổ Ucraina và uy hiếp thủ đô Kiev. Một cánh quân tiến đến Kherson, vùng giáp giới của bán đảo Crimea.

Về phía Ucraina, có phần bị động, bất ngờ trước sức tiến công mãnh liệt của Nga trên nhiều hướng, các chiến trường khác nhau. Hoạt động tác chiến cũng như bảo đảm HC-KT, giai đoạn đầu của chiến dịch gặp nhiều khó khăn. Kết quả, trong giai đoạn đầu của “Chiến dịch quân sự đặc biệt” (tính đến tháng 8/2022), Ucraina đã bị mất 18% diện tích lãnh thổ; lực lượng vũ trang

Ucraina phải lùi sâu về phòng thủ, bảo vệ các thành phố, khu vực trung tâm và cả thủ đô Kiev trước sức tiến công mãnh liệt của Nga. Các tuyến hậu cần, nhất là các tuyến vận tải của Ucraina trong giai đoạn đầu của “Chiến dịch quân sự đặc biệt” bị chia cắt, thậm chí tê liệt, mất khả năng bảo đảm; việc cơ động lực lượng, vận chuyển vật chất, tổ chức cứu chữa, điều trị, vận chuyển thương binh gặp rất nhiều khó khăn.

Xung đột quân sự đến nay cho thấy, sự can thiệp và tham gia của các tổ chức tư nhân, phi chính phủ hỗ trợ cho Ucraina ngày càng sâu, toàn diện trên các lĩnh vực. Tỷ phú Hoa Kỳ, Elon Musk, đã cung cấp hệ thống Starlink (một “chòm sao” Internet vệ tinh do SpaceX vận hành, cung cấp truy cập Internet cho 50 nước) để giúp Ukraine chỉ huy, quản lý, điều hành các hoạt động tác chiến và bảo đảm HC-KT trước đòn tiến công, chế áp, tác chiến điện tử nhằm phá hủy hạ tầng viễn thông, gây gián đoạn thông tin liên lạc của Nga ngay từ giai đoạn đầu của “Chiến dịch quân sự đặc biệt”. Nhờ vào hệ thống này, phía Ucraina đã từng bước thực hiện các hoạt động tác chiến điện tử: Trinh sát, chế áp, bảo vệ điện tử; sử dụng hạ tầng viễn thông được SpaceX cung cấp để thực hiện các cuộc phản công, tiến công, từng bước giành lại lãnh thổ bị mất và thể chủ động trên chiến trường; tiến hành tập kích hỏa lực pháo binh, không kích vào các vị trí tiền phương cũng như hạ tầng HC-KT ở hậu phương của Nga.

Bên cạnh đó, các công ty tư nhân như: Palantir Technologies đã cung cấp phần mềm trí tuệ nhân tạo (AI) để phân

tích diễn biến tác chiến, đánh giá hoạt động chuyển quân và mức độ tổn thất của Ucraina trên chiến trường. Các công ty, như: Planet Labs, BlackSky Technology và Maxar Technologies cũng thường xuyên cung cấp các hình ảnh vệ tinh cho Ucraina theo diễn biến chiến sự, tạo lợi thế về tình báo, theo dõi và trinh sát. Dựa trên yêu cầu từ Ucraina, dữ liệu được chia sẻ tức thời với chính phủ Ukraine và các lực lượng vũ trang, cung cấp thông tin tình báo kịp thời về sự tập trung hoặc di chuyển lực lượng binh sĩ Nga. Tướng Robin Fontes của Mỹ nhận định: “Ucraina là một phòng thí nghiệm trong đó, dạng thức chiến tranh mới đang được tạo ra. Nhưng đó không phải là phòng thí nghiệm con con mà là một sân khấu trung tâm, một nỗ lực chưa từng có tiền lệ để tinh chỉnh, làm thích ứng và cải thiện các hệ thống hoạt động nhờ AI hoặc được tăng cường bằng AI”.

Thứ hai, tỷ trọng sử dụng vũ khí công nghệ cao, đặc biệt là phương tiện bay không người lái (UAV) nhiều hơn các cuộc chiến tranh trước đây. Vũ khí trang bị với hàm lượng khoa học công nghệ (KHCN) rất cao: Tự động hóa, tính chính xác, hỏa lực mạnh, sát thương cao; đặc biệt, UAV được cả hai phía Nga và Ucraina sử dụng rộng rãi và hiệu quả trên chiến trường. Cả hai bên đều sử dụng các loại UAV khác nhau, trong đó nổi bật là Bayraktar TB2 (do Thổ Nhĩ Kỳ sản xuất, có thể mang bom dẫn đường bằng laser, ngắm bắn xe quân sự và binh lính), Switchblade (Mỹ sản xuất) và Lancet của Nga.

Theo Eric Schmidt, cố vấn cấp cao Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ: “Ucraina đang cho thấy rằng, tương lai của chiến tranh sẽ do UAV quyết định và tiến hành”. Tháng 02/2024, Tổng thống Ucraina thành lập Lực lượng tác chiến UAV; mục tiêu sản xuất 1,5 triệu UAV trong năm 2024, sản xuất loại UAV có cự ly hoạt động 1.000 km.

Thứ ba, tác chiến nhiều lực lượng, phân tán, với nhiều hình thức chiến thuật đan xen: Tác chiến phòng thủ, phòng ngự, phản công, tiến công trên các dạng địa hình khác nhau. Thực tế xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina đến nay cho thấy, cả hai bên vận dụng các loại hình tác chiến khác nhau. Loại hình tác chiến tiến công, được Quân đội Nga sử dụng trong giai đoạn đầu của Chiến dịch quân sự đặc biệt từ 02/2022 ÷ 8/2022; phía Nga thực hiện các chiến dịch tiến công đường không, trên biển, trên bộ. Trong khi đó, Ucraina thực hiện các chiến dịch phòng thủ, phòng ngự trước sức tiến công mãnh liệt của Nga ở các chiến trường, môi trường khác nhau (cả đồng bằng, đô thị và nông thôn).

Giai đoạn từ nửa sau tháng 8/2022 ÷ 12/2022, Quân đội Ucraina đã thực hiện chiến dịch phản công với nhiều quy mô khác nhau trên tất các chiến trường và đã giành lại nhiều diện tích lãnh thổ bị Nga kiểm soát. Quân đội Nga lúc này chuyển sang loại hình tác chiến phòng thủ, phòng ngự để giữ vững trận địa, bảo vệ những khu vực đã giành được ở miền Đông Ucraina (Donbass, Donetsk). Cho tới hiện nay, hai bên đang giằng co, sử dụng tổng hợp các loại hình tác chiến, vận dụng nhiều hình thức chiến thuật để giành và giữ lãnh thổ, khu vực tác chiến có giá trị chiến lược, chiến dịch và chiến thuật.

Dưới sự trinh sát, tác chiến điện tử rộng rãi, đặc biệt sử dụng UAV (trinh sát, tiến công, cảm tử,...) cả hai bên chưa thể thực hiện các trận đánh lớn quy mô lữ đoàn, sư đoàn trở lên mà chỉ có thể tổ chức và thực hiện các trận đánh nhỏ, lẻ, phân tán với quy mô từ cấp tiểu đoàn trở xuống, có sự chi viện hỏa lực của pháo binh, không quân, tên lửa. Do đó, hoạt động bảo đảm HC-KT của cả hai bên cũng bám sát các lực lượng tác chiến, tiến hành các hoạt động chuẩn bị và thực hành bảo đảm cơ động,

phân tán với sự hỗ trợ tích cực và tương đối hiệu quả của UAV: Bảo đảm đạn (pháo binh, súng cối,...), bảo đảm sinh hoạt (doanh cụ, khẩu phần ăn, nước uống,...), tiếp tế quân y (thuốc chiến thương,...)

Thứ tư, mục tiêu tiến công gồm cả quân sự và hạ tầng năng lượng, hạ tầng giao thông, hệ thống viễn thông, nhà máy, khu công nghiệp. Trong thời gian qua, cả hai phía đều chủ động sử dụng hỏa lực không quân, pháo binh, tên lửa, UAV... thực hiện các cuộc tiến công, tập kích đường không vào các mục tiêu HC-KT cả ở tiền phương cũng như trong chiều sâu hậu phương của cả Nga và Ucraina. Phía Nga tập trung hỏa lực nhằm hủy diệt hạ tầng năng lượng của Ucraina, như: Trạm điện, nhà máy điện, kho xăng dầu,...; hạ tầng giao thông (cầu, đường...); hạ tầng viễn thông, mạng lưới thông tin liên lạc, như: Trạm thu phát tín hiệu, tháp phát thanh, truyền hình,... Ngược lại, phía Ucraina, sử dụng hỏa lực pháo binh, UAV tập kích vào sâu lãnh thổ Nga (vùng Belgorod, Crimea, thủ đô Moscow,...); đánh kho đạn, vũ khí, nhiên liệu của Nga.

Từ những đặc điểm của xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina cho đến thời điểm hiện tại có thể rút ra những tác động đến hoạt động chuẩn bị và thực hành bảo đảm HC-KT của Việt Nam cho tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra) như sau: (1). Công tác chuẩn bị HC-KT diễn ra trong thời gian ngắn, yêu cầu bảo đảm khẩn trương, giai đoạn chuẩn bị trực tiếp có xu hướng ngày càng ngắn lại. (2). Bảo đảm HC-KT cho nhiều lực lượng tác chiến phân tán, nhỏ lẻ. (3). Hoạt động bảo đảm diễn ra trong điều kiện đối phương trinh sát, tác chiến điện tử mạnh và tập trung hỏa lực đánh phá nhằm tiêu diệt khả năng, tiềm lực HC-KT. (4). Bảo đảm nhiều chủng loại vật chất, đa dạng, phức tạp với số lượng, yêu cầu khác nhau. (5). Sử dụng tối đa thành quả KHCN, như: Công nghệ

thông tin, AI,... để nâng cao hiệu quả bảo đảm cho các lực lượng tác chiến.

Từ những nhận định trên và trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng KHCN lần thứ Tư, hoạt động bảo đảm HC-KT cần được quan tâm, đầu tư những trang bị, phương tiện có hàm lượng KHCN cao, đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm HC-KT cho chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai. Trong đó, cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Một là, tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng HC-KT phân tán, linh hoạt, cơ động cao. Công tác tổ chức hậu cần nói chung, trong đó tổ chức, sử dụng bố trí lực lượng hậu cần (LLHC) nói riêng phải được tiến hành chuẩn bị trước, dự kiến các phương án ngay từ thời bình: Xác định các căn cứ, phân căn cứ HC-KT, kho trạm, phương án bảo đảm... Nâng cao hiệu quả nguy trang, nghi trang giữ bí mật bảo vệ an toàn lực lượng HC-KT trước sự trinh sát, tác chiến điện tử của địch; duy trì “sức sống” khả năng bảo đảm HC-KT liên tục, “vững chắc”. Không chỉ bao hàm nghĩa “vật lý” mà “vững chắc” còn thể hiện ở sự linh hoạt, cơ động, khả năng bảo đảm liên tục trong mọi tình huống. Tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng HC-KT phải tiến hành đồng bộ nhiều nội dung, giải pháp; trong đó, cần chú trọng tổ chức bảo vệ, nâng cao khả năng cơ động của lực lượng HC-KT các cấp trên một số nội dung, như: Triệt để tận dụng và tích cực cải tạo địa hình để triển khai thể bố trí HC-KT liên hoàn, vững chắc. Bố trí HC-KT phân tán hợp lý, có đủ hàm hào, công sự cho các thành phần lực lượng trong các căn cứ, bộ phận HC-KT các cấp. Tích cực nguy trang, nghi trang kho trạm, phương tiện HC-KT. Nâng cao khả năng cơ động, di chuyển, dịch chuyển của các thành phần lực lượng HC-KT.

Hai là, bảo đảm vật chất, trang bị HC-KT. Nắm chắc các nguồn, đổi mới phương thức, hình thức bảo đảm vật chất

phù hợp, sát thực tế. Nắm chắc nhu cầu, phân cấp dự trữ vật chất; khai thác, tạo nguồn bảo đảm một số vật chất, trang bị HC-KT: đạn, vật chất HC-KT đặc thù. Xây dựng phương án bảo đảm HC-KT nói chung; bảo đảm vật chất HC-KT nói riêng khoa học; có phương án dự kiến trong mọi tình huống. Từng bước nghiên cứu, ứng dụng một số công nghệ mới, như: Công nghệ in 3D, công nghệ vật liệu mới trong bảo đảm một số vật chất, trang bị. Nâng cao hiệu quả quản lý cơ sở vật chất HC-KT bằng việc ứng dụng thành tựu KHCN trong quản lý vật chất: công nghệ mã vạch, QR code, xây dựng hệ thống nhà kho “thông minh”,... để dự trữ, bảo quản, cấp phát vật chất, trang bị.

Ba là, bảo đảm sinh hoạt. Nghiên cứu, chế biến các khẩu phần ăn: Đồ hộp, thanh năng lượng tổng hợp... để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến, đáp ứng yêu cầu gọn nhẹ, tiện sử dụng, đủ dinh dưỡng, rút ngắn thời gian bảo đảm. Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến các bếp nấu ăn dã chiến cơ động, xe bếp,... trang bị cho các đơn vị trong hoạt động huấn luyện, diễn tập từ thời bình, sẵn sàng triển khai khi có tình huống. Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến chất lượng quân trang chiến đấu (quân phục dã chiến, trang bị bảo hộ) bảo đảm chính quy, thuận tiện, hiệu quả trong sinh hoạt cũng như trong điều kiện tác chiến ác liệt.

Bốn là, bảo đảm quân y. Cần ứng dụng UAV trong xác định vị trí bố trí, triển khai kho trạm HC-KT, trinh sát, hỗ trợ tìm kiếm, xác định vị thương binh trên chiến trường; tiếp tế quân y (đơn vị máu, thuốc chiến thương,...). Nghiên cứu các ứng dụng mô đun tổ chức các phân đội quân y (đội phẫu thuật, bệnh viện dã chiến...): cơ động, tự động hoá ngày càng cao, triển khai và thu hồi nhanh; bám

sát đội hình chiến đấu. Huấn luyện nâng cao khả năng tự cứu chữa và cứu chữa cho nhau của bộ đội ngay từ thời bình.

Năm là, công tác vận tải. Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư, trang bị phương tiện vận tải có tải trọng, tính việt dã, cơ động cao. Ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống camera hành trình trong giám sát lịch trình vận chuyển và hoạt động của đội ngũ lái xe, vận tải. Nghiên cứu công tác nguy trang, nghi trang, “dân sự hóa” công tác vận tải. Nắm chắc khả năng, tiềm lực vận tải của hậu cần khu vực phòng thủ ngay từ thời bình, có kế hoạch huấn luyện, bồi dưỡng, đăng ký, thống kê để sẵn sàng huy động phục vụ nhiệm vụ công tác vận tải khi có tình huống.

Cuộc xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina có nhiều diễn biến khó lường về hoạt động tác chiến và bảo đảm HC-KT. Điều đó đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần được nghiên cứu để có đánh giá khách quan, chính xác những tác động đến hoạt động bảo đảm HC-KT của Quân đội ta; trên cơ sở đó, đề ra một số nội dung, giải pháp khoa học, góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm HC-KT cho các lực lượng tác chiến thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2023), *Khái quát về tình hình chiến sự Nga - Ucraina và một số vấn đề về công tác bảo đảm HC-KT*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng Văn Bản (2022), *Kinh nghiệm bảo đảm hậu cần của Quân đội Nga trong cuộc “Xung đột quân sự Nga - Ucraina”*, Trung Quốc.

CÔNG TÁC SƠ CẤP CỨU BỆNH NHÂN BỎNG TẠI QUÂN Y ĐƠN VỊ

Đại tá, BS CKI. TRẦN THỊ KIM THOA

Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Bỏng là tai nạn thường gặp trong sinh hoạt, lao động, huấn luyện và chiến đấu. Quân y đơn vị là lực lượng y tế đầu tiên tiếp cận, sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng khi tai nạn xảy ra. Do vậy, quân y đơn vị cần nắm chắc nguyên tắc, phương pháp sơ cấp cứu và điều trị bước đầu bệnh nhân bỏng để tạo thuận lợi cho tiên lượng và quá trình điều trị tiếp theo ở tuyến sau.

BỎNG là hiện tượng bề mặt da bị tổn thương bất thường do tiếp xúc nhiệt độ nóng lạnh quá mức. Thực tế cho thấy, nếu được sơ cấp cứu đúng cách, kịp thời thì phần lớn bệnh nhân bị bỏng đều có thể nhanh chóng phục hồi và sẽ không gây ảnh hưởng quá lớn đối với sức khỏe; ngược lại, nếu không xử trí kịp thời và đúng cách sẽ gây ra những tổn thương, biến chứng vô cùng nghiêm trọng.

Trong quân đội, thường gặp các loại hình tổn thương bỏng, như: Bỏng da (là chủ yếu), bỏng hô hấp, bỏng đường tiêu hóa, bỏng mắt... Bỏng có thể chỉ đơn thuần trên tổn thương do nhiệt nhưng cũng nhiều trường hợp bỏng có kết hợp với các chấn thương hoặc nhiễm độc khác. Qua khảo sát tại các bệnh viện và ở các đơn vị trong vòng 5 năm cho thấy, còn tồn tại sai lầm khi xử lý vết bỏng, như: Bôi kem đánh răng, bôi mỡ trăn, dội nước mắm.... Để công tác sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng tại tuyến quân y đơn vị đạt hiệu quả, chúng ta cần hiểu rõ những kiến thức cơ bản nhằm xác định đúng nguyên nhân gây bỏng và các cách thông thường phân cấp mức độ tổn thương bỏng.

Thứ nhất, về nguyên nhân gây bỏng.

Trong công tác, sinh hoạt của bộ đội, thường có 4 nhóm nguyên nhân chính gây bỏng, đó là: (1). Bỏng nhiệt độ, gồm hai dạng chính: Bỏng khô và bỏng ướt. Bỏng khô là

bỏng do lửa, kim loại có nhiệt độ cao, tia lửa điện... gây lên. Bỏng ướt là bỏng do dầu mỡ có nhiệt độ cao, nước sôi, hơi nước; thức ăn, đồ uống nóng... gây ra. (2). Bỏng hóa chất, thường do axit, bazơ gây lên: Các loại axit có thể gây bỏng là: Nitric (HNO_3), Sunfuric (H_2SO_4), Clohydric (HCL)... Các bazơ có thể gây bỏng là: KOH , NaOH , $\text{Ca}(\text{OH})_2$... (3). Bỏng điện là do có luồng điện dẫn truyền qua cơ thể. Bỏng điện thường do sét đánh, do nguồn điện sinh hoạt hoặc điện công nghiệp giật. (4). Bỏng do các tia vật lý: Đây là loại bỏng hiếm gặp hơn, bởi nó do các tia tử ngoại, tia hồng ngoại, tia X, tia phóng xạ... gây ra. (Lưu ý, một số trường hợp bệnh nhân có thể bị bỏng trong quá trình trị liệu do sơ suất của nhân viên y tế đã để quá thời gian hoặc khoảng cách từ tia chiếu tới vùng điều trị cũng có thể gây bỏng cho bệnh nhân).

Thứ hai, về phân loại cấp độ bỏng.

Căn cứ vào triệu chứng lâm sàng, biến đổi giải phẫu bệnh, diễn biến tại chỗ và quá trình tái tạo, phục hồi để khẳng định phân loại chính xác các mức độ sâu của tổn thương bỏng. Hiện nay, tuy còn có nhiều cách gọi khác nhau nhưng hình thái tổn thương thực thể và diễn biến bệnh lý đều có nhận định và mô tả thống nhất với các mức độ bỏng như sau:

Đối với bỏng nông, có 3 cấp độ là độ 1, độ 2, độ 3. Độ 1 (bỏng bề mặt - tổn thương

lớp sừng): Ở cấp độ này, chỉ phần da ngoài cùng bị tổn thương. Vùng da tổn thương sẽ bị đỏ ửng lên, người bệnh cảm nhận da khô, đau rát do đầu mút dây thần kinh bị kích thích. Sau khoảng 3 ÷ 4 ngày, vết bỏng sẽ lành. Độ 2 nông (bỏng một phần da - tổn thương lớp biểu bì): Vùng da bỏng sẽ bị tổn thương sâu hơn đến lớp biểu bì; xuất hiện túi phỏng nước tại vết thương, nếu bị vỡ thì lộ ra bề mặt màu hồng, gây đau đớn cho nạn nhân. Nếu vết bỏng không bị nhiễm trùng thì có thể tự lành sau khoảng 1 ÷ 4 tuần mà không cần điều trị. Nếu vết bỏng bị nhiễm khuẩn thì lớp da dưới bị phá hủy; lúc này, bỏng độ 2 sẽ chuyển nặng thành bỏng độ 3. Độ 2 sâu, độ 3 (tổn thương lớp trung bì): Da bị tác động sâu hơn nhưng chưa ảnh hưởng đến gốc lông, tuyến bã, tuyến mồ hôi. Ở cấp độ bỏng này, vết bỏng có vòm dày, màu đỏ và bên trong có dịch màu trắng đục. Thời gian phục hồi cũng lâu hơn so với 2 cấp độ ở trên, khoảng 15 ngày. Bỏng độ 3 (còn gọi là “bỏng trung gian”), là loại bỏng nằm giữa giới hạn bỏng nông và bỏng sâu. Bỏng lan tới một phần của lớp tế bào đáy (lớp nông, phần uốn lượn lên xuống). Bỏng loại này tiến triển tốt, nhưng cũng có thể nặng lên thành bỏng sâu.

Đối với bỏng sâu (bỏng toàn bộ các lớp da - tổn thương đến lớp đáy), có các cấp độ là độ 4 và độ 5: Vùng da bị bỏng sẽ trắng bạch (như thịt luộc) hoặc đỏ xám, đá hoa vân. Lớp tế bào đáy bị phá hủy, bỏng ăn lan tới trung bì, gây hoại tử da diện rộng. Vì mất lớp tế bào sinh sản, da không được bảo vệ, nên bỏng loại này hầu hết bị nhiễm khuẩn. Về lâm sàng, loại bỏng này thể hiện dưới 2 hình thức: Đám da hoại tử ướt và đám da hoại tử khô. Tác nhân gây bỏng phá hủy hết da, bỏng ăn tới tận cơ, xương, vùng bỏng bị cháy đen. Về lâm sàng sẽ thấy da hoại tử khô nổi rõ lưới mạch của lớp dưới da, da hoại tử lõm sâu, nạn nhân mất cảm giác hoàn toàn. Mức độ này thường gặp do điện cao thế, sét đánh, đám cháy... gây lên.

Thứ 3, sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng kịp thời và hiệu quả tại tuyến quân y đơn vị.

Sơ cấp cứu (còn gọi là cấp cứu đầu tiên) phải được thực hiện tại hiện trường ngay sau khi nạn nhân bị bỏng để nhanh chóng loại bỏ tác nhân gây bỏng ra khỏi cơ thể, hỗ trợ khẩn cấp các chức năng sống, hạn chế mức độ ô nhiễm tổn thương bỏng. Tại quân y tuyến đơn vị, bệnh nhân bỏng cần được tiếp nhận, đánh giá và xử trí khẩn trương, phù hợp, phát hiện và xử trí sốc bỏng kịp thời trước khi vận chuyển bệnh nhân về tuyến chuyên khoa. Các bước sơ cấp cứu đầu tiên bao gồm:

Bước 1: Loại bỏ tác nhân gây bỏng. Nhanh chóng tách nạn nhân ra khỏi các tác nhân gây bỏng, như: Dập lửa trên người nạn nhân (với bỏng lửa), tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện (nếu bỏng điện), cởi bỏ quần áo dính hóa chất gây bỏng (với bỏng hóa chất)... Cần lưu ý, không để người tham gia cấp cứu trực tiếp với tác nhân gây bỏng và trở thành nạn nhân, đặc biệt với các tác nhân bỏng do dòng điện, do hóa chất...

Bước 2: Đánh giá và bảo đảm các chức năng sống. Tiến hành theo nguyên tắc cấp cứu ban đầu: CABDE.

- C (Circulation - kiểm soát tuần hoàn): Kiểm tra mạch ngoại vi (cổ tay, nếp bẹn, cổ...). Nếu phát hiện ngừng tim thì tiến hành ngay các biện pháp cấp cứu ngừng tuần hoàn. Chỉ vận chuyển khi nạn nhân đã thở và tim đập trở lại.

- A (Airway - kiểm soát đường thở): Bảo đảm lưu thông đường thở bằng cách lấy sạch đờm dãi, dị vật; nâng cằm, đẩy hàm, giữ đường thở lưu thông, thẳng trục, tránh tụt lưỡi.

- B (Breathing - kiểm soát hô hấp): Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực thoáng khí, đánh giá tần số thở, sự gắng sức khi thở; nếu suy hô hấp, tím tái, ngừng thở thì tiến hành hô hấp nhân tạo.

- D (Disability - chức năng thần kinh): Cần đánh giá nhanh chức năng thần kinh nạn nhân ở các mức độ: Tỉnh táo (nạn nhân tỉnh, giao tiếp bình thường); đáp ứng bằng lời khi hỏi (nạn nhân chỉ trả lời và trả lời đúng khi hỏi); đáp ứng bằng kích thích đau (chỉ áp dụng khi nạn nhân không đáp ứng bằng lời nói khi hỏi); hôn mê (nạn nhân không đáp ứng bằng lời khi hỏi, không đáp ứng bằng kích thích đau).

- E (Epsure - bộc lộ): Bộc lộ kiểm tra tổn thương bỏng và các tổn thương kết hợp để xác định ưu tiên xử lý phù hợp, như tình trạng chảy máu, chấn thương não, chấn thương cột sống, chấn thương bụng...

Bước 3: Làm sạch vùng bỏng. Nhanh chóng ngâm vùng bị bỏng vào nước mát (không dùng nước đá) càng sớm càng tốt (tốt nhất trong 30 phút từ khi bị bỏng); thời gian ngâm rửa từ 15 ÷ 30 phút. Với bỏng hóa chất, thời gian ngâm rửa có thể kéo dài tới 60 phút; tốt nhất là dùng biện pháp tưới rửa liên tục, đặc biệt khi mắt bị bỏng. Riêng trường hợp bệnh nhân bỏng điện cao thế, việc ngâm rửa nước mát ít có tác dụng.

Bước 4: Che phủ tạm thời tổn thương bỏng bằng các vật liệu mềm, sạch. Có thể sử dụng các khăn vải sạch, gạc y tế...

Bước 5: Ủ ấm nạn nhân. Sử dụng chăn, ga, vật dụng có tác dụng sưởi ấm nhằm dự phòng hạ thân nhiệt do mất nhiệt sau bỏng và do hậu quả của ngâm rửa nước trước đó. Lưu ý ủ ấm phù hợp với nạn nhân là trẻ nhỏ, người già, trong thời tiết mùa đông và trên đường vận chuyển.

Bước 6: Bù nước, điện giải. Cho nạn nhân uống các dung dịch điện giải như Oresol, nước hoa quả, cháo loãng; cho trẻ bú mẹ theo nhu cầu. Nếu nạn nhân có triệu chứng chướng bụng, nôn thì dừng uống.

Thứ tư, tích cực điều trị bước đầu bệnh nhân bỏng tại quân y đơn vị. Quân y tuyến đơn vị chỉ giữ lại điều trị bệnh nhân

bỏng nhẹ, không có bỏng sâu, bỏng ở vị trí ít ảnh hưởng đến thẩm mỹ và chức năng vận động.

Bước 1: Tiếp nhận, đánh giá và xử trí bệnh nhân. Ngay khi tiếp xúc với bệnh nhân bỏng, quân y cần thực hiện: Đánh giá sơ bộ toàn trạng; triển khai ngay các biện pháp cấp cứu nếu có sốc bỏng. Đánh giá nguy cơ bỏng hô hấp. Cố định cột sống cổ cho đến khi loại trừ tổn thương cột sống cổ. Xác định vị trí tổn thương bỏng. Chẩn đoán sơ bộ diện tích và độ sâu tổn thương, các tổn thương phối hợp. Khai thác tiền sử bệnh tật. Thực hiện ngay các biện pháp cấp cứu như: Cho thở oxy, truyền dịch, đặt sond dạ dày, sond tiểu...

Bước 2: Phát hiện và xử trí sốc bỏng. Sốc bỏng có thể dẫn đến suy chức năng tạng nhanh chóng, thậm chí tử vong. Vì vậy, bệnh nhân bỏng cần được đánh giá các yếu tố nguy cơ, phát hiện sớm các dấu hiệu lâm sàng và xử trí kịp thời. Triệu chứng lâm sàng thường gặp ở bệnh nhân sốc bỏng là: Tâm thần kinh bị kích thích, vật vã, tiến triển dần thành thờ ơ, đáp ứng chậm, hôn mê... Toàn thân vã mồ hôi lạnh, thân nhiệt giảm; trẻ em thường có sốt cao, co giật, khó thở. Tuần hoàn: Mạch nhanh nhỏ, huyết áp giảm, da tím nổi vân đá. Hô hấp: Thở nhanh nông, suy hô hấp, nghe phổi có ral ẩm. Tiêu hóa: Rối loạn tiêu hóa, buồn nôn, nôn, ỉa chảy hoặc táo bón, chướng bụng, có thể có xuất huyết tiêu hóa. Tiết niệu: Nước tiểu vàng đậm, nâu đậm, đỏ, khét mùi sừng cháy.

Bước 3: Dự phòng và xử trí sốc bỏng. Tiến hành càng sớm càng tốt hồi sức dịch thể. Đây là biện pháp điều trị quan trọng nhất để bù đắp khối lượng máu bị mất, giữ huyết áp, chống thiếu niệu và vô niệu, giảm các rối loạn chuyển hóa, điện giải và cân bằng kiềm toan. Tổng lượng dịch truyền giờ đầu sau bỏng gồm: Ringerlactac 2-4 ml/kg cân nặng/% diện tích bỏng (một nửa lượng dịch truyền trong 8 giờ sau bỏng, nửa còn

lại truyền trong 16 giờ tiếp theo). Từ ngày thứ 2 trở đi, truyền thêm dung dịch Glucose 5% và các loại dung dịch nuôi dưỡng khác.

Giảm đau, trấn tĩnh: Quân y đơn vị có thể sử dụng các nhóm thuốc giảm đau như: Giảm đau không gây nghiện (Paracetamol 15mg/kg, giãn cách liều 4 ÷ 6 giờ), nhóm giảm đau gây nghiện (nên dùng liều nhỏ, nhắc lại và cần theo dõi hô hấp); có thể phối hợp với thuốc kháng Histamin để giảm liều và tăng hiệu quả. An thần, trấn tĩnh: Seduxen 0,5-1mg/kg hoặc midazolam. Kháng Histamin: Sử dụng nhóm kháng Histamin trên thụ thể H1 thế hệ 1 hoặc 2 (Phenergan, pypolphen...)

Bước 4: Thực hiện các biện pháp hỗ trợ khác, như: Điều chỉnh rối loạn điện giải (truyền dịch Ringerlactac). Dự phòng loét do Strees (dùng các thuốc ức chế H2 như Cimetidin, Famotidin hoặc ức chế bơm Proton như Nexium, Losec). Nuôi dưỡng sớm đường ruột (cho bệnh nhân ăn sữa hoặc súp hoặc cháo xay...) Ủ ấm bệnh nhân. Xử trí tổn thương bỏng (Chỉ tiến hành khi bệnh nhân đã ổn định về hô hấp, huyết động với điều kiện giảm đau, theo dõi và cấp cứu tốt). Tiến hành đánh giá nhanh tổn thương bỏng, rạch hoại tử giải phóng chèn ép, làm sạch và băng vết thương bỏng.

Thứ năm, chỉ giữ lại điều trị những trường hợp bỏng nhẹ tại tuyến quân y đơn vị. Tuyến quân y đơn vị chỉ giữ lại điều trị những bệnh nhân bỏng nhiệt (nhiệt ướt hoặc nhiệt khô) với diện tích bỏng nông (độ 2 đến độ 3) dưới 5% diện tích cơ thể, không có bỏng sâu, bỏng ở những vị trí ít ảnh hưởng đến thẩm mỹ và chức năng vận động, bệnh nhân không có bệnh lý nền, tình trạng toàn thân ổn định. Trong quá trình điều trị, nếu bệnh nhân có triệu chứng nhiễm khuẩn, tổn thương bỏng diễn biến không thuận lợi (như tiết dịch, xung huyết, chuyển độ sâu) thì phải chuyển bệnh nhân đến tuyến chuyên khoa để điều trị.

Trong điều trị toàn thân: Nếu dùng thuốc kháng sinh thì chỉ nên sử dụng kháng sinh đường uống, như kháng sinh nhóm betalactam đơn thuần hoặc có thể phối hợp với kháng sinh nhóm quinolon.

Trong điều trị giảm đau: Đa số các bệnh nhân bỏng nhẹ không phải sử dụng thuốc giảm đau thường xuyên, chỉ sử dụng giảm đau khi thay băng. Tại quân y đơn vị, chỉ nên sử dụng nhóm giảm đau uống.

Tăng cường dinh dưỡng: Bảo đảm chế độ dinh dưỡng đủ calo, cung cấp năng lượng cho cơ thể tái tạo biểu mô. Cần đặc biệt quan tâm tăng thành phần protein trong khẩu phần ăn, bổ sung khoáng chất, vitamin. **Khi điều trị tại chỗ tổn thương bỏng:** Thực hiện thay băng hàng ngày hoặc cách ngày, cho đến khi các tổn thương khỏi hoàn toàn. Sử dụng các thuốc điều trị tại chỗ thuộc nhóm kháng khuẩn, như Sulfaiazin bạc, dung dịch Berberin 0,1%. Sau thay băng, cần tiếp tục theo dõi tình trạng toàn thân, tại chỗ để phát hiện và kịp thời xử trí các bất thường, như chảy máu, sốt cao, phản ứng, dị ứng...

Quân y đơn vị là lực lượng y tế đầu tiên tiếp cận, sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng khi tai nạn xảy ra trong sinh hoạt, huấn luyện, chiến đấu... Sơ cấp cứu và điều trị bước đầu đúng sẽ làm giảm nhẹ tổn thương và các tai biến, biến chứng bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho tuyến chuyên khoa điều trị, góp phần giảm nhẹ di chứng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân sau điều trị bỏng♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện quân y (2018), *Bỏng - giáo trình giành cho đào tạo trình độ đại học*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Viện Bỏng Quốc Gia (2006), *Sơ cứu, cấp cứu và điều trị bỏng*, Nxb Y học, Hà Nội.

BÀN VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA TIÊU CHUẨN “TCVN 2737:2023: TẢI TRỌNG VÀ TÁC ĐỘNG - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ” TÁC ĐỘNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DOANH TRẠI QUÂN ĐỘI

Thượng tá, TS. CHU THỊ HẢI NINH
Khoa Doanh trại, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *The article researches and discusses some new contents when applying the standard "TCVN 2737:2023: Loads and Actions - Design standard" (TCVN 2737:2023) and encourages some contents that need doing immediately to contribute to improving the management quality of investment in building Military barracks in the coming time.*

I. TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu trao đổi một số nội dung mới khi vận dụng tiêu chuẩn “TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế” (TCVN 2737:2023) và khuyến nghị một số nội dung cần làm ngay để góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động đầu tư xây dựng doanh trại quân đội trong thời gian tới.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 29/6/2023, tiêu chuẩn TCVN 2737:2023 được ban hành thay thế cho tiêu chuẩn “TCVN 2737:1995: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế” (TCVN 2737:1995) với nhiều điểm mới, ảnh hưởng trực tiếp đến một số nội dung quản lý hoạt động đầu tư xây dựng doanh trại trong quân đội (gồm: quản lý việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với công trình xây dựng (CTXD) doanh trại và quản lý chất lượng CTXD) cũng như hoạt động giảng dạy chuyên ngành Doanh trại - xây dựng dân dụng và công nghiệp (XDDD&CN) ở Học viện Hậu cần (HVHC). Trong khi hệ thống giáo trình, tài liệu liên quan cũng như hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cập nhật những

điểm mới cho cán bộ Doanh trại cũng như đội ngũ nhà giáo chưa kịp thời, chưa đầy đủ hoặc thiếu toàn diện nên gây khó khăn, lúng túng cho quá trình hoạt động thực tiễn ở cả đơn vị (nội dung quản lý chất lượng CTXD của ngành Doanh trại có quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình, gồm: Lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình; thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng; nghiệm thu thiết kế xây dựng. Để thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu đạt chất lượng tốt, cần cập nhật hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan, trong đó có TCVN 2737:2023) vào Học viện, nhà trường.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Những điểm mới nổi bật của TCVN 2737:2023 so với TCVN 2737:1995

TCVN 2737:1995 có hiệu lực 28 năm, đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong một thời gian dài và đã bộc lộ một số hạn chế, như: Thiếu nhiều quy định cho thực tế thiết kế, một số thông số về tải trọng bất cập (ví dụ: hoạt tải gara lớn; thiếu hoạt tải trực thăng, xe cứu hỏa, kho, khu vực chăn nuôi gia súc,...; tải trọng gió số liệu cũ); phương

pháp tính tải trọng gió và cách tổ hợp tải trọng không phổ biến trên thế giới, thiếu tính hiện đại, chưa phù hợp với tiêu chuẩn động đất TCVN 9386-2012, khó tự động hóa và số hóa trong thiết kế do thiếu dữ liệu để xây dựng bộ thư viện về tải trọng; cách xác định thành phần động của gió phức tạp (phân tích dạng dao động, xác định phương dao động,...). TCVN 2737:2023 ra đời cơ bản khắc phục được các hạn chế đó, mang đến phương pháp tiếp cận hiện đại và khoa học hơn (tiệm cận gần hơn với các nguyên lý thiết kế kết cấu hiện đại phổ biến trên thế giới hiện nay trong các tiêu chuẩn ASCE (The American Society of Civil Engineers) và tiêu chuẩn Eurocode); hệ thống ký hiệu, thuật ngữ và bảng biểu logic và mạch lạc hơn; số liệu tải trọng thiết kế và phân cấp công trình được cập nhật mới, tương thích với QCVN 02:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng và QCVN 03:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng; tải trọng gió và tính toán thành phần động của tải trọng gió hiện đại, thuận lợi hơn cho lập bảng tính; cơ sở dữ liệu đầy đủ nên thuận lợi cho lập trình tự động hóa thiết kế. Cả 2 tiêu chuẩn đều chia tải trọng thành 3 loại: tải trọng thường xuyên, tải trọng tạm thời, tải trọng đặc biệt. Các công trình doanh trại thông thường hay gặp chỉ tính tải trọng thường xuyên và tải trọng tạm thời. So với tiêu chuẩn TCVN 2737:1995, việc xác định tải trọng gió và tổ hợp tải trọng có sự thay đổi lớn, gây lúng túng nhiều trong thực tiễn.

2. Điểm mới trong xác định tải trọng gió theo TCVN 2737:2023 cho công trình doanh trại thông thường

TCVN 2737:2023 chỉ áp dụng tính gió cho công trình có chiều cao $H \leq 200\text{m}$ hoặc nhịp $L \leq 150\text{m}$ (trước không hạn chế); chỉ còn 5 vùng gió, từ I÷V (bỏ 3 vùng ảnh hưởng của bão được đánh giá là yếu, gồm

IA, IIA, IIIA); dùng vận tốc gió trung bình trong 3s, chu kỳ lặp 10 năm (thay cho 3s, 20 năm). Theo tiêu chuẩn mới, phải xét 3 tác động do gió gây ra, gồm: (1) Dạng chính của tải trọng gió (hay còn gọi là “tải trọng gió chính”, W , phải được kể đến khi thiết kế mọi nhà và công trình; được xem xét theo một trong hai phương án (PA) là PA1 hoặc PA2 (theo PA1 thì W có 2 thành phần: Áp lực pháp tuyến (gồm W_e tác dụng vào mặt ngoài của công trình + W_i tác dụng vào các mặt trong của công trình có tường bao che không kín, tường có lỗ cửa tự mở hoặc mở thường xuyên); Áp lực ma sát W_f hướng theo tiếp tuyến với mặt ngoài và tính trên diện tích hình chiếu bằng (đối với mái rãng cửa hoặc lượn sóng và mái có cửa trời) hoặc tính trên diện tích hình chiếu đứng (đối với tường có ban công hoặc lô gia). Theo PA2 thì W gồm 2 thành phần: Áp lực pháp tuyến (có W_x và W_y do áp lực gió ngoài gây bởi tổng lực cản của công trình theo hướng các trục x và y - các trục trên mặt bằng công trình); Mômen xoắn W_{M_z} đối với trục z - trục theo phương thẳng đứng); (2) Dạng kích động xoáy cộng hưởng (vortex shedding, chỉ được kể đến đối với nhà có trục trung tâm thẳng, hoặc gần thẳng, cũng như có hình dạng và kích thước tiết diện ngang không đổi hoặc thay đổi uyển chuyển với độ mảnh hiệu dụng $\lambda_e > 20$); (3) Dao động mất ổn định khí động dạng uốn (galloping), xoắn vận (divergence), uốn-xoắn (flutter) (được quy định trong các tiêu chuẩn thiết kế; khi thiết kế cần sử dụng các giải pháp kiến trúc và kết cấu để không xảy ra dao động mất ổn định khí động).

Với đặc điểm công trình doanh trại thông thường (dưới 10 tầng, chủ yếu 2, 3, 4, 5 tầng; $\lambda_e < 20$), giải pháp kiến trúc và kết cấu hợp lý để không xảy ra (3) nên hầu hết chỉ phải tính tải trọng gió chính, với giá trị tiêu chuẩn xác định theo công thức (3.1):

$$W_k = W_{3s,10} \cdot k(z_e) \cdot c \cdot G_f \quad (3.1)$$

Bảng 3.1. Giá trị của áp lực gió cơ sở W_0
(Theo Bảng 7 trong TCVN 2737:2023)

Vùng áp lực gió trên bản đồ (Theo Bảng 5.1 QCVN 02-2022)	I	II	III	IV	V
W_0 , daN/m ²	65	95	125	155	185
Ví dụ: Quận Long Biên, Hà Nội, tra theo Bảng 5.1 QCVN 02-2022 thuộc vùng gió II nên $W_0 = 95 \text{ daN/m}^2$.					

Trong đó: $W_{3s,10}$ là áp lực gió 3s ứng với chu kỳ lặp 10 năm; $W_{3s,10} = \gamma_t \cdot W_0$ ($\gamma_t = 0,852$ là hệ số chuyển đổi áp lực gió từ chu kỳ lặp 20 năm xuống 10 năm). W_0 là áp lực gió cơ sở, lấy theo Bảng 3.1; $k(z_e)$ là hệ số kể đến sự thay đổi áp lực gió theo độ cao và dạng địa hình tại độ cao tương đương z_e (z_e xác định theo Bảng 3.2, Hình 3.1 và lấy $z_e \geq z_{\min}$, với z_{\min} tra Bảng 3.3); c là hệ số khí động; G_f là hệ số hiệu ứng giật (tiêu chuẩn năm 1995 không có hệ số này).

Bảng 3.2. Xác định độ cao tương đương z_e

Chiều cao h	Độ cao z	Độ cao z_e
Khi $h \leq b$: (Hình 3.1a)	Mọi z	$z_e = h$
Khi $b < h \leq 2b$: (Hình 3.1b)	$z > b$	$z_e = h$
	$0 < z \leq b$	$z_e = b$
Khi $h > 2b$: (Hình 3.1c)	$z \geq h - b$	$z_e = h$
	$b < z < h - b$	$z_e = z$
	$0 < z \leq b$	$z_e = b$

Với z là độ cao so với mặt đất; b là chiều “rộng” của nhà, không kể khối đế, b vuông góc với hướng gió; h là chiều cao nhà.

Xác định $k(z_e)$ theo một trong hai cách.
Cách 1, theo công thức (3.2):

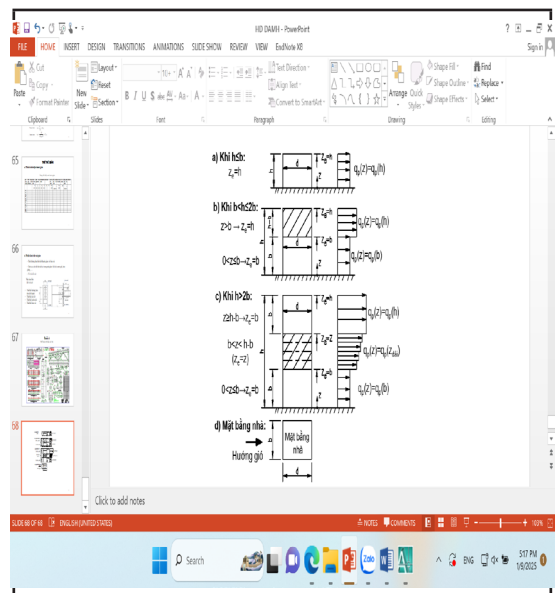
$$k(z_e) = 2,01 \left(\frac{z_e}{z_g} \right)^{2/\alpha} \quad (3.2)$$

Với z_g là độ cao gradient, phụ thuộc vào dạng địa hình; z_g và α lấy theo Bảng 3.3.

Bảng 3.3. Các hệ số z_g , z_{\min} và α

Dạng địa hình	Mô tả dạng địa hình	Giá trị z_g , m	Giá trị z_{\min} , m	Giá trị α
A	Trống trải	213,36	2,13	11,5
B	Tương đối trống trải	274,32	4,57	9,5
C	Bị che chắn mạnh	365,76	9,14	7,0

Cách 2, xác định $k(z_e)$ bằng cách tra Bảng 9 trong TCVN 2737:2023, phụ thuộc vào z_e và dạng địa hình (A, B hay C). Hệ số $k(z_e)$ lấy $\leq (1,99; 1,97; 1,98)$ lần lượt đối với các dạng địa hình (A; B; C).



Hình 3.1. Xác định độ cao tương đương z_e

Khi xác định các thành phần (W_e , W_i , W_x và W_y) thì sử dụng các hệ số khí động tương ứng là (c_e ; c_i ; c_f); (c_x ; c_y). Trong một số trường hợp mà cần phải kể đến mômen xoắn W_{Mz} thì sử dụng hệ số khí


động mômen xoắn c_{Mz} . Các hệ số khí động được xác định theo Phụ lục F trong TCVN 2737:2023 (cách phân vùng xác định hệ số c chi tiết hơn tiêu chuẩn cũ). Hệ số hiệu ứng giật G_f trong công thức (3.1) là hệ số phản ứng của kết cấu dưới tác dụng của tải trọng gió (bao gồm cả thành phần phản ứng tĩnh và thành phần phản ứng động của kết cấu). Đối với công trình doanh trại thường thuộc loại kết cấu “cứng” (do chu kỳ dao động riêng cơ bản thứ nhất $T1 \leq 1s$), nên có thể lấy $G_f = 0,85$. Tải trọng tính toán của gió chính được tính theo công thức:

$$W = W_k \cdot \gamma_f \quad (3.3)$$

Trong đó, γ_f là hệ số độ tin cậy về tải trọng, $\gamma_f = 2,1$ (tiêu chuẩn năm 1995 là 1,2).

3. Điểm mới trong tổ hợp tải trọng theo TCVN 2737:2023 cho công trình doanh trại thông thường

Cả TCVN 2737:2023 và TCVN 2737:1995 đều quy định dùng 2 loại tổ hợp là tổ hợp cơ bản (THCB) và tổ hợp đặc biệt (THĐB). Với công trình doanh trại thông thường chỉ dùng THCB. Khi ấy, theo tiêu chuẩn TCVN 2737:1995, THCB được triển khai thành 2 nhóm là THCB1 và THCB2 tương ứng với công thức (3.4) và (3.5); còn tiêu chuẩn năm 2023 được viết theo công thức tổng quát (3.6);

THCB1 = TT + 1,0xHT	(3.4)
THCB2=TT+0,9x(HT1+HT2+...)	(3.5)
	(3.6)

Trong đó:

+ $G_{k,i}$; $Q_{k,L,j}$; $Q_{k,t,m}$ lần lượt là giá trị tiêu chuẩn của tải trọng thường xuyên thứ i, tải trọng tạm thời dài hạn thứ j, tải trọng tạm thời ngắn hạn thứ m;

+ $\gamma_{f,i}$; $\gamma_{f,j}$; $\gamma_{f,m}$ lần lượt là hệ số độ tin cậy về tải trọng của tải trọng thường xuyên thứ i,

tải trọng tạm thời dài hạn thứ j, tải trọng tạm thời ngắn hạn thứ m;

+ $\psi_{L,j}$; $\psi_{t,m}$ lần lượt là hệ số tổ hợp của tải trọng tạm thời dài hạn thứ j; tải trọng tạm thời ngắn hạn thứ m. Lấy $\psi_{L,1} = 1$; $\psi_{L,2} = \psi_{L,3} = \dots = 0,95$ ($\psi_{L,1}$ là hệ số tổ hợp của tải trọng tạm thời dài hạn chủ đạo; còn $\psi_{L,2}$, $\psi_{L,3}, \dots$ là các hệ số tổ hợp của các tải trọng tạm thời dài hạn còn lại);

+ γ_n là hệ số tầm quan trọng của công trình.

Như vậy, tiêu chuẩn năm 2023 khi triển khai sẽ có số lượng tổ hợp tải trọng lớn hơn rất nhiều và không trùng về độ lớn so với năm 1995.

4. Khảo sát số so sánh tải trọng gió khi tính theo TCVN 2737:2023 và TCVN 2737:1995; khuyến nghị một số nội dung cần làm ngay để góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình doanh trại trong Quân đội

Tiến hành khảo sát số thông qua 9 công trình bê tông cốt thép cả trong và ngoài quân đội (số tầng 4÷26; chiều cao công trình $H=14,4\div 102m$; với nhiều dạng mặt bằng; công trình cả cấp 2 và 3; ở các vùng gió W_0 khác nhau, thu được kết quả tính theo TCVN 2737:2023 so với TCVN 2737:1995 như sau: (1) Với nhóm công trình thấp tầng ($H<40m$) số 1 (4, 5, 6 tầng; $H=14,4\div 18,2m$): tải trọng gió tăng mạnh từ khoảng 40%÷70%; cốt thép khung chịu lực tăng đáng kể, có thể tới $\approx 30\%$; nhóm số 2 (8, 9 tầng; $H = 36\div 39,65m$): gió tăng khoảng 20÷25%, cốt thép tăng $\approx 10-20\%$. (2) Với nhóm công trình chiều cao vừa từ 40÷75m (19÷20 tầng, $H=67-74,75m$) và nhóm chiều cao lớn $H>75m$ (24÷26 tầng, $H=89\div 102m$): tải gió tăng trong khoảng 3÷9%. (3) Với các công trình cấp 2, tải trọng đứng tăng không đáng kể; với công trình cấp 3, có tổ hợp tải trọng đứng tăng khoảng 1,2 lần (do tăng hệ số vượt tải của hoạt tải và hệ số tầm quan trọng của công trình $\gamma_n=1,15$).

Từ các kết quả nghiên cứu trên cho thấy, tính gió theo TCVN 2737:2023 có rất nhiều điểm mới, không còn phụ thuộc vào chiều cao công trình để xem xét việc phải tính gió động hay không như trước nữa, mà tác động của gió luôn được kể đến cả tác động tĩnh và động. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn có hiệu lực ngay từ ngày ban hành, 29/6/2023, không có thời gian chuyển tiếp và cũng không có hướng dẫn chi tiết về nội dung này từ Bộ Xây dựng cũng như trong Bộ Quốc phòng nên có gây ra một số khó khăn trong hoạt động thực tiễn với các dự án chuyển tiếp. Ngoài ra, trong thời gian tới khuyến nghị các cơ quan chức năng một số nội dung nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động đầu tư xây dựng doanh trại trong toàn quân, gồm:

Một là: Cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng quan tâm có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo với trường hợp các công trình đã xây dựng theo TCVN 2737:1995 nhưng cần cải tạo, sửa chữa sau ngày 29/6/2023 mà có sự tác động vào hệ kết cấu chịu lực.

Hai là: Khi tải trọng gió tăng, làm tăng giá thành công trình doanh trại nên cần có nghiên cứu và cập nhật đơn giá, định mức xây dựng công trình doanh trại mới.

Ba là: Cần ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện TCVN 2737:2023 do vẫn còn nhiều nội dung chưa tường minh, đặc biệt một số hình ảnh minh họa không được chú giải rõ ràng. Đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để tự động hóa thiết kế, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình trong toàn quân. Ví dụ, thẩm tra, thẩm định, đánh giá kết quả việc ứng dụng TCVN 2737:2023 vào các dự án có thể sử dụng phần mềm Rdsuite - là phần mềm thiết kế kết cấu có tích hợp Tiêu chuẩn Việt nam.

Bốn là: Khoa Doanh trại, HVHC nghiên cứu cập nhật kịp thời TCVN 2737:2023 vào tài liệu, giáo trình, bài giảng các môn học

liên quan trong chương trình đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học chuyên ngành Doanh trại - XDDD&CN.

IV. KẾT LUẬN

Tiêu chuẩn TCVN 2737:2023 có ảnh hưởng lớn đến các công trình doanh trại (do thường là nhà thấp tầng, dưới 40m), vì tải trọng gió tăng mạnh, có thể lên tới 70%, tùy vào hình dạng của nhà, kích thước mặt bằng, chu kỳ dao động riêng, cấp công trình. Điều đó khiến hệ kết cấu công trình tăng kích thước tiết diện lên đáng kể so với tiêu chuẩn trước đây; lượng dùng bê tông, cốt thép tăng mạnh khiến giá xây dựng tăng có thể tới 20÷30% thậm chí nhiều hơn nữa với tùy công trình cụ thể, làm tăng tổng mức đầu tư. Vì vậy, trong quản lý chất lượng CTXD của ngành Doanh trại phải quan tâm quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình (từ lập nhiệm vụ thiết kế đến thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình), hết sức quan tâm, đánh giá đúng việc vận dụng TCVN 2737:2023 của đơn vị tư vấn để tránh mắc sai phạm góp phần nâng cao chất lượng quản lý hoạt động đầu tư xây dựng doanh trại quân đội trong thời gian tới. Bên cạnh đó, trong hoạt động giảng dạy chuyên ngành Doanh trại - XDDD&CN tại HVHC cần nhanh chóng cập nhật TCVN 2737:2023 vào giảng dạy; tu chỉnh, nâng cấp hệ thống giáo trình, tài liệu cập nhật các kiến thức mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2023), *Điều lệ công tác doanh trại Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội
2. TCVN 2737:1995, Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế .
3. TCVN 2737:2023, Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN TRUNG ĐOÀN BỘ BINH TRUY KÍCH ĐỊCH RÚT CHẠY ĐƯỜNG BỘ

Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN HIỀN
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Providing logistics materials aims to provide necessary materials for personnel and equipment, maintaining combat readiness and capabilities of units. In this article are proposed several measures for providing logistics materials for the mechanized infantry regiment pursuing the land retreating enemy force in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) nhằm cung cấp các loại vật chất cần thiết cho người, trang bị, duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của đơn vị. Bài viết đề cập một số biện pháp bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh (eBB) truy kích địch rút chạy đường bộ (RCĐB) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bảo đảm vật chất eBB truy kích địch RCĐB là một nội dung quan trọng của bảo đảm hậu cần, trực tiếp tác động đến kết quả của trận đánh. Trong chiến tranh giải phóng, ta đã tổ chức một số trận chiến đấu truy kích giành được thắng lợi, như: eBB1 truy kích địch rút chạy khu vực Bản Đông (ngày 23/3/1971); eBB28 truy kích địch rút chạy từ Phước An về Chư Cúc (ngày 17/3/1975); eBB64 truy kích địch rút chạy khu vực Củng Sơn (từ ngày 19 ÷ 25/3/1975)... và để lại nhiều kinh nghiệm quý về bảo đảm hậu cần eBB truy kích địch RCĐB, trong đó có bảo đảm VCHC, như: Hậu cần trung đoàn đã kết hợp chặt chẽ với hậu cần tại chỗ, thu hồi chiến lợi phẩm để bổ sung kịp thời các loại VCHC cho các hướng truy kích; khẩn trương bổ sung vật chất (BSVC), giữ vững khả năng bảo đảm; điều chỉnh lượng vật

chất mang theo bảo đảm gọn, nhẹ tiện cơ động, bám sát đội hình chiến đấu... Tuy nhiên, phân cấp dự trữ VCHC có trận chưa phù hợp, kho trạm hậu cần bố trí chưa hợp lý; việc tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng dự bị chưa khoa học... nên bảo đảm chưa kịp thời. Hơn nữa, chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra), các yếu tố thay đổi, nội dung biện pháp bảo đảm VCHC có sự phát triển. Do đó, phải nghiên cứu các biện pháp bảo đảm vật chất eBB truy kích địch RCĐB cho phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Để ứng cứu giải tỏa cho lực lượng phòng ngự đang bị ta tiến công, địch có thể đổ bộ đường không (ĐBĐK) vào bên sườn, phía sau đội hình chiến đấu của chiến dịch, đánh vào các mục tiêu chủ yếu, quan trọng của ta. Quá trình đổ bộ, lực lượng địch bị ta tiến công, thiệt hại nặng; lực lượng còn lại (khoảng 1 dBB) kiên quyết phá vây và tổ chức rút chạy bằng đường bộ về khu vực đã lựa chọn trước để bốc rút bằng đường không. Địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử rộng rãi; chủ động về không gian, thời gian, vận dụng nhiều thủ đoạn cả trước và trong quá trình rút chạy; chủ động đẩy nhanh tốc độ cơ động, kết hợp với chiến đấu ngăn chặn, phá hoại cầu

đường, bố trí vật cản trên đường. Đòi hỏi hậu cần, kỹ thuật (HCKT) eBB phải xác định nhu cầu vật chất phù hợp và tổ chức dự trữ gọn nhẹ để nâng cao tốc độ cơ động, kịp thời ngăn chặn, truy kích địch.

Về ta, trung đoàn là lực lượng dự bị chiến dịch tiến công quy mô vừa, có nhiệm vụ: Tiêu diệt lực lượng còn lại của lũ đoàn bộ binh địch ĐBĐK tổ chức rút chạy bằng đường bộ; tạo thế và thời cơ có lợi cho các hoạt động chiến đấu của cấp trên và lực lượng vũ trang trong KVPT. Để thực hiện nhiệm vụ, eBB thường xác định khu vực diệt địch với không gian mỗi chiều khoảng $2 \div 3$ km và tổ chức $2 \div 3$ hướng tiến công (trong đó có hướng tiến công chủ yếu). Theo đó, trung đoàn thường tổ chức thành nhiều bộ phận, như: Bộ phận tạo thế (gồm phân đội chặn đầu; phân đội đuổi đánh phía sau và phân đội vây ép hai bên sườn); bộ phận tiến công hướng chủ yếu; bộ phận tiến công hướng thứ yếu; bộ phận dự bị binh chủng hợp thành; bộ phận tăng thiết giáp; bộ phận pháo binh, phòng không; bộ phận công binh, hóa học; bộ phận sở chỉ huy; bộ phận HCKT. Ngoài ra, tùy điều kiện cụ thể, trung đoàn có thể tổ chức bộ phận nghi binh, kiểm chế, đón lõng...

Bảo đảm vật chất eBB truy kích địch RCĐB tiến hành trong điều kiện thời gian chuẩn bị và chiến đấu rất ngắn; tính cơ động, biến động cao, diễn biến chiến đấu nhanh, nhiều hướng mũi chiến đấu có nhu cầu cần BSVC cùng một thời điểm, việc cơ động vận chuyển, BSVC gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Tuy nhiên, trung đoàn chiến đấu trong khu vực phòng thủ (KVPT) của tỉnh, huyện và trong thế chiến tranh nhân dân nên HCKT/e có điều kiện khai thác VCHC, dựa vào thế trận HCKT chiến dịch và hậu cần tại chỗ; tạo thành mạng lưới bảo đảm rộng khắp, chi viện hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình bảo đảm cho các bộ phận chiến đấu.

Để bảo đảm kịp thời, chính xác, đầy đủ mọi mặt VCHC cho eBB truy kích địch RCĐB giành thắng lợi, HCKT/e cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, phân cấp dự trữ VCHC phù hợp với nhiệm vụ của các đơn vị, bảo đảm gọn, nhẹ, nâng cao khả năng cơ động. Trên cơ sở quy định bảo đảm VCHC được quy định trong chỉ lệnh HCKT, quyết tâm chiến đấu của trung đoàn trưởng, khả năng bảo đảm của trung đoàn; HCKT/e xây dựng phương án phân cấp dự trữ cho phù hợp với nhiệm vụ của các đơn vị và khả năng mang theo của bộ đội, kịp thời bảo đảm trong mọi tình huống. Nếu dự trữ nhiều ở đơn vị, ít ở kho, bộ đội không phải BSVC nhưng khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, việc tập trung lại VCHC rất khó khăn, gây lãng phí. Nếu dự trữ ở kho trung đoàn nhiều, ở đơn vị ít, bộ đội gọn nhẹ, tiện cơ động, nhưng trong trường hợp diễn biến chiến đấu kéo dài, chưa kịp BSVC sẽ không bảo đảm kịp thời cho bộ đội chiến đấu. Thực tiễn, trận truy kích địch rút chạy trên Đường 9 (ngày 26/6/1968), eBB246 không tổ chức kho, toàn bộ lượng vật chất đều đưa xuống các tiểu đoàn. Quá trình chiến đấu không phải BSVC, nhưng khi trung đoàn hoàn thành nhiệm vụ, bộ đội phải bỏ lại nhiều vật chất mới theo kịp đội hình. Ngược lại, trong trận truy kích địch rút chạy từ Phước An về Chư Cúc của eBB28 (ngày 17/3/1975), khi cơ động truy kích địch, bộ đội chỉ mang theo 1 ngày lương khô, bông băng, kho hậu cần trung đoàn dự trữ thuốc chiến thương, đường sửa thương binh (ĐSTB) và một số vật chất khác nên kịp thời bảo đảm cho đơn vị truy kích địch và nhanh chóng lui quân sau chiến đấu.

Dự trữ gọn, nhẹ, tiện cơ động là chỉ dự trữ những loại vật chất thiết yếu trên vai bộ đội, những loại vật chất không cần thiết để lại phía sau và tiến hành bổ sung trong từng giai đoạn, ở các khu vực cụ

thể, không làm ảnh hưởng đến khả năng cơ động chiến đấu của bộ đội. Theo đó, phương án dự trữ vật chất như sau:

Tại vị trí bố trí ban đầu, ở đơn vị , dự trữ đủ lượng tiêu thụ giai đoạn chuẩn bị và lượng phải có đến giờ nổ súng. Kho trung đoàn dự trữ các loại VCHC thiết yếu bảo đảm cho đơn vị theo nhu cầu của trận đánh.

Khi vào triển khai, kho trung đoàn dự trữ: 1 ngày lương khô, 2% ĐSTB, 2% quân trang thương binh (QTTB), 1% quân trang tử sĩ (QTTS) và vật chất quân y. Đại đội vận tải dự trữ 1 cơ số xăng dầu. Đại đội quân y dự trữ 8% ĐSTB, 3% QTTB, 9 cơ số Y, một số túi y sĩ, y tá và bông băng cá nhân (BBCN). Quân y các đơn vị dự trữ túi y sĩ, túi y tá, và BBCN. Bộ đội mang theo: 100% quân lương chiến đấu (QLCĐ), 100% quân trang chiến đấu (QTCĐ), 1 ngày lương khô, 2 cuộn BBCN.

Sau chiến đấu, căn cứ quy định bảo đảm của trên, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị để tiến hành dự trữ cho phù hợp. Đối với các đơn vị tiếp tục chiến đấu thì dự trữ theo yêu cầu nhiệm vụ. Kho trung đoàn và các phân đội khác tổ chức dự trữ theo quy định sẵn sàng chiến đấu. Qua tính toán, lượng phải có sau chiến đấu ở kho trung đoàn thường dự trữ khoảng 0,25 cơ số xăng dầu; 02 ngày lương thực, thực phẩm, 01 ngày lương khô; 5% ĐSTB. Đơn vị thường dự trữ khoảng 0,5 cơ số xăng dầu; 02 ngày LLTP và 5% ĐSTB.

Để thực hiện tốt biện pháp trên, chủ nhiệm HCKT/e phải nắm chắc nhiệm vụ các đơn vị để phân cấp dự trữ hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ từng bộ phận; đặc biệt, bộ phận chiến đấu tạo thế, bộ phận tiến công hướng chủ yếu để thực hiện ưu tiên trong phân cấp dự trữ VCHC.

Hai là, tiếp nhận, bổ sung đủ lượng phải có trước giờ nổ súng ngay tại vị trí bố trí ban đầu. Trung đoàn bộ binh truy kích

địch RCĐB là tính cơ động, biến động rất cao; thời gian chuẩn bị và chiến đấu ngắn, diễn biến chiến đấu phức tạp, khẩn trương, các bộ phận bố trí phân tán bám sát địch; trận đánh thường diễn ra ban ngày nên việc BSVC trong giai đoạn chiến đấu rất khó khăn. Mặt khác, khi là lực lượng dự bị chiến dịch, trung đoàn có thể đã trải qua chiến đấu, vật chất có thể đã có tiêu thụ, tổn thất. Do đó, HCKT trung đoàn cần khẩn trương BSVC để khôi phục khả năng bảo đảm. Hơn nữa, trung đoàn làm công tác chuẩn bị tại vị trí bố trí ban đầu, gần căn cứ HCKT cấp trên nên HCKT trung đoàn có điều kiện thuận lợi trong tiếp nhận các loại vật chất do chiến dịch bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị.

Ngay khi nhận nhiệm vụ truy kích, ở vị trí bố trí ban đầu, HCKT trung đoàn sử dụng vật chất hiện có ở kho để bổ sung cho các đơn vị hoặc điều hòa vật chất giữa các đơn vị để bổ sung đủ lượng phải có trước giờ nổ súng cho bộ phận tạo thế cơ động trước. Đồng thời, HCKT trung đoàn khẩn trương hiệp đồng, tiếp nhận vật chất từ HCKT chiến dịch để bổ sung đủ lượng vật chất phải có trước giờ nổ súng cho cả kho trung đoàn và các đơn vị.

Để thực hiện tốt biện pháp trên, HCKT trung đoàn phải nắm chắc quyết tâm chiến đấu, nhiệm vụ bảo đảm HCKT, chỉ lệnh bảo đảm HCKT cấp trên; xác định chính xác lượng phải có trước giờ nổ súng; đồng thời, phải nắm chắc lượng VCHC hiện có. Trên cơ sở đó, HCKT trung đoàn xác định nhu cầu về chủng loại, số lượng vật chất cần tiếp nhận của HCKT cấp trên trong giai đoạn chuẩn bị; hiệp đồng chặt chẽ với HCKT chiến dịch về khối lượng, thời gian, địa điểm, phương pháp tiếp nhận, trách nhiệm vận chuyển BSVC.

Ba là, tổ chức bố trí kho trạm hậu cần hợp lý, linh hoạt, góp phần duy trì khả năng bảo đảm liên tục, kịp thời cho chiến đấu.

Trung đoàn bộ binh truy kích địch RCĐB có thời gian chuẩn bị và chiến đấu ngắn; mọi hoạt động chuẩn bị và thực hành bảo đảm rất khẩn trương và luôn trong trạng thái cơ động liên tục; trong khi nhu cầu BSVC lớn (theo tính toán nhu cầu vận chuyển bổ sung khoảng 33,17 tấn VCHC và khoảng 69,54 tấn đạn các loại). Mặt khác trung đoàn được biên chế 5 xe ô tô vận tải, khả năng vận tải ô tô tương đối lớn. Trong chiến đấu truy kích, địch tháo chạy trước, ta tiến công theo; quá trình trung đoàn thực hành chiến đấu tạo thế, yếu tố bí mật, bất ngờ không còn, tình hình rất khẩn trương. Do đó, HCKT/e cần kết hợp tổ chức “kho trên mặt đất” với tổ chức các “kho cơ động” trên các phương tiện cơ giới.

Khi tổ chức các kho trên mặt đất, HCKT/e cần chọn nơi địa hình có khả năng che khuất, che đỡ, bảo đảm an toàn, bí mật, tiện đường tiếp nhận, BSVC để bố trí kho trạm hậu cần; xác định cả vị trí chính thức, dự bị để sẵn sàng xử lý các tình huống. Theo tính toán, diện tích triển khai của HCKT/e truy kích địch RCĐB thường hẹp hơn các hình thức chiến thuật khác, (khoảng 0,5 km²). Cụ ly giữa các kho, trạm hậu cần khoảng 106 ÷ 110m, cụ ly giữa các thành phần hậu cần khoảng 200 ÷ 300m.

Khi tổ chức các “kho di động”, HCKT/e hiệp đồng chặt chẽ với các kho, trạm, đơn vị được vận chuyển, thống nhất về thời gian, khối lượng, chủng loại vật chất, số lượng phương tiện đến xếp dỡ, yêu cầu trong quá

trình xếp dỡ, thủ tục, phương pháp, hình thức giao nhận, phương án xếp (dỡ) vật chất lên (xuống). Đồng thời, HCKT/e cần tổ chức tốt việc nguy trang, kết hợp chặt chẽ nguy trang thiên nhiên với nguy trang nhân tạo để bảo đảm an toàn, duy trì khả năng bảo đảm liên tục, kịp thời cho chiến đấu.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh truy kích địch RCĐB trong điều kiện thời gian chuẩn bị và chiến đấu rất ngắn, tính cơ động, biến động cao, nhiều tình huống phức tạp. Hậu cần, kỹ thuật trung đoàn phải BĐVC cho nhiều lực lượng, trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, trang bị hiện đại và đánh phá ác liệt bằng nhiều thủ đoạn... Vì vậy, HCKT/e cần vận dụng đồng bộ, sáng tạo các biện pháp trên, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa bàn chiến đấu để bảo đảm VCHC cho trung đoàn truy kích địch giành thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2008), *Bảo đảm hậu cần eBB chiến đấu tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (2001), *Tổng kết công tác hậu cần trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, Hà Nội.
3. Trần Văn Thành (2022), *Phát triển lý luận chiến thuật eBB truy kích địch trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Đà Lạt.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM QUÂN Y TRUNG, LỮ ĐOÀN THAM GIA PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Thiếu tá, ThS. NHỮ VIỆT HÙNG
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Bảo đảm quân y, trong đó có bảo đảm cho nhiệm vụ tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai là một nội dung của bảo đảm hậu cần - kỹ thuật, gồm tổng thể các hoạt động và biện pháp bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho bộ đội, cứu chữa, phục hồi khả năng chiến đấu, lao động cho thương binh, bệnh binh và một số đối tượng khác, góp phần cho đơn vị thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Hiện nay, thiên tai ngày càng có xu hướng diễn biến phức tạp. Hàng năm nước ta chịu ảnh hưởng của nhiều cơn bão, cùng với lụt, lũ quét,... gây tổn thất lớn về người, tài sản và sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Trong những năm qua đã có nhiều đơn vị quân đội tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên các địa bàn được phân công, góp phần cùng với địa phương và nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

Trung, lữ đoàn là lực lượng sẵn sàng tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ trên thì bảo đảm hậu cần - kỹ thuật cho đơn vị đóng vai trò hết sức quan trọng trong đó có bảo đảm quân y. Quá trình thực hiện bảo đảm quân y cùng với thuận lợi là được quân y cấp trên bảo đảm, được chuẩn bị trước và có điều kiện kết hợp với y tế trên địa bàn thì cũng gặp không ít khó khăn đó là phải bảo đảm cho nhiều nhiệm vụ, lực lượng, phạm vi rộng, thời gian dài; cứu chữa, vận chuyển người bị thương, bị bệnh trong điều kiện thiên tai phức tạp, gặp nhiều khó khăn. Thực tế qua khảo sát, cho thấy hiện nay các đơn vị còn chưa có sự thống nhất trong việc xây dựng kế hoạch bảo đảm quân y; tổ chức, sử dụng lực lượng; bảo đảm vệ sinh phòng dịch; bảo đảm vật tư quân y cho thực hiện nhiệm vụ còn chưa thực sự phù hợp dẫn đến việc bảo đảm quân y cho đơn vị gặp

nhiều khó khăn và kết quả bảo đảm còn có những hạn chế. Trước yêu cầu đặt ra ngày càng cao hiện nay, để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quân y cho trung, lữ đoàn tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai cần có những biện pháp cụ thể, đồng bộ và phù hợp. Trong đó cần tập trung vào một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, làm tốt công tác chuẩn bị quân y cho nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai. Bảo đảm quân y phải thực hiện cho nhiều nhiệm vụ, nhiều tình huống thiên tai phức tạp có thể xảy ra dẫn đến việc bảo đảm gặp khó khăn do vậy công tác chuẩn bị có vai trò rất quan trọng, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

Chuẩn bị về kế hoạch: kế hoạch bảo đảm quân y cho phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai được xây dựng trong trạng thái thường xuyên hàng năm. Bao gồm phần thể hiện trên văn bản và phần bản đồ với những nội dung cụ thể, rõ ràng, sát thực tế, được viết vẽ theo quy định công tác tham mưu. Hằng năm chủ nhiệm quân y trung, lữ đoàn căn cứ vào nhiệm vụ, kế hoạch, chỉ thị của người chỉ huy, hướng dẫn quân y của cấp trên, tình hình thiên tai, khả năng lực lượng, phương tiện quân y và các yếu tố khác có liên quan để xây dựng kế hoạch báo cáo thông qua chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật theo qui định. Căn cứ vào tình hình thực tế về thiên tai và quy định của cấp trên để điều

chính, bổ sung kế hoạch bảo đảm quân y khi cần thiết cho phù hợp.

Chuẩn bị lực lượng, vật chất, phương tiện: Lực lượng quân y phải đủ biên chế, tinh thần trách nhiệm cao, chuyên môn tốt, bộ đội thành thạo về 5 kỹ thuật cấp cứu cơ bản; trang bị, thuốc quân y được chuẩn bị đầy đủ, chất lượng theo qui định; bảo đảm phương tiện để kịp thời vận chuyển người bệnh khi cần thiết. Chủ nhiệm quân y trung, lũ đoàn có biện pháp bảo đảm về số lượng, chất lượng của lực lượng, vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quân y; xây dựng cho cán bộ, nhân viên quân y ý chí quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ; tổ chức huấn luyện những nội dung quân y cần thiết cho lực lượng tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai đặc biệt là các kỹ thuật cấp cứu và vận chuyển người bị thương, bị bệnh.

Chuẩn bị tốt phương án bảo đảm cho các tình huống thiên tai. Có phương án bảo đảm quân y cho các tình huống thiên tai như: bão, lụt, lũ quét,...có thể xảy ra ở các cấp độ khác nhau không để bị động, bất ngờ. Chủ nhiệm quân y trung, lũ đoàn cần dựa trên nhiệm vụ, dự kiến sát được các tình huống thiên tai, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng thực hiện chuẩn bị tốt ngay từ trước, khi có tình huống và trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ. Quán triệt phương châm “4 tại chỗ” gồm: Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ. Tổ chức diễn tập theo các phương án khi có điều kiện.

Hai là, tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng quân y hợp lý. Đây là biện pháp quan trọng nhằm phát huy tối đa khả năng bảo đảm trong điều kiện lực lượng quân y của trung, lũ đoàn có hạn. Để bảo đảm, quân y trung, lũ đoàn tổ chức các lực lượng gồm: lực lượng quân y cơ động, lực lượng quân y tại đơn vị, lực lượng quân y dự bị và có thể tăng cường lực lượng cho dưới.

Lực lượng quân y cơ động có nhiệm vụ bảo đảm cho lực lượng cơ động trên những địa bàn trọng điểm và sẵn sàng

thực hiện các nhiệm vụ khác (tăng cường, khắc phục hậu quả,...); thành phần, số lượng cụ thể tùy theo yêu cầu nhiệm vụ và khả năng của quân y đơn vị, có thể là tổ quân y (1 y sĩ, 2 y tá), kíp mổ hoặc đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu,...; bố trí trong bộ phận hậu cần - kỹ thuật cơ động; triển khai khi các lực lượng cơ động làm nhiệm vụ. Lực lượng quân y tại đơn vị bảo đảm cho các lực lượng tại khu vực đóng quân thường xuyên, sẵn sàng tăng cường cho bộ phận cơ động, xử trí tình huống và thu dung, cứu chữa người bị thương, bị bệnh theo quy định; thành phần gồm toàn bộ lực lượng quân y còn lại của trung, lũ đoàn có trong biên chế và tăng cường, huy động (nếu có); bố trí tại vị trí đóng quân thường xuyên của đơn vị; được chuẩn bị từ trước, triển khai bảo đảm khi các lực lượng cơ động làm nhiệm vụ. Lực lượng quân y dự bị sẵn sàng bảo đảm cho xử trí các tình huống đột xuất xảy ra; thường 1 tổ quân y (1 y sĩ, 2 y tá) và một số loại thuốc, hóa chất,...cần thiết; được chuẩn bị sẵn, bố trí ở bộ phận hậu cần - kỹ thuật tại đơn vị, sẵn sàng cơ động bảo đảm; triển khai cùng lúc với lực lượng hậu cần - kỹ thuật. Có thể tăng cường cho đơn vị tại các trọng điểm, nơi nhiều khó khăn 1 tổ quân y (1 y sĩ, 2 y tá) và các loại vật tư quân y phù hợp.

Chủ nhiệm quân y trung, lũ đoàn căn cứ vào: nhiệm vụ; kế hoạch phòng, chống thiên tai của đơn vị; phương án tổ chức lực lượng của chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật, hướng dẫn quân y của cấp trên, khả năng lực lượng quân y, tình hình thiên tai...để tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng quân y bảo đảm cho trung, lũ đoàn thực hiện nhiệm vụ một cách hợp lý, hiệu quả.

Ba là, kết hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế trên địa bàn tổ chức cứu chữa, vận chuyển người bị thương, bị bệnh. Trong thực hiện nhiệm vụ việc tìm kiếm, cứu chữa, vận chuyển khó khăn. Do vậy cần kết hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế trên địa bàn để cứu chữa người bệnh được kịp thời, an toàn và đúng chỉ định.

Để cứu chữa người bị thương, bị bệnh quân y tổ chức các tuyến: (tuyến 1) cấp cứu đầu tiên do quân y đại đội, bộ đội thực hiện; (tuyến 2) bổ sung cấp cứu do quân y tiểu đoàn (tổ quân y trung đoàn); (tuyến 3) quân y trung (lữ) đoàn (kíp mổ, đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu, bệnh xá) tiến hành cứu chữa bước đầu và điều trị người bệnh theo nhiệm vụ quy định sau đó chuyển tuyến về sau hợp lý. Trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của trung, lữ đoàn có các cơ sở y tế như: trạm y tế xá, bệnh viện, phòng khám, quân y của các đơn vị bạn...có thể kết hợp để tổ chức cứu chữa, điều trị người bị thương, bị bệnh. Trường hợp cần thiết có thể chuyển người bệnh vào các cơ sở y tế gần nhất trên địa bàn để cứu chữa kịp thời. Nhân dân được cứu chữa tại các tuyến quân y sau khi ổn định chuyển đến các bệnh viện dân y để điều trị tiếp.

Chủ nhiệm quân y trung, lữ đoàn nắm chắc khả năng và vị trí bố trí của các lực lượng y tế trên địa bàn để xây dựng phương án kết hợp. Hiệp đồng chặt chẽ về thời gian, địa điểm, khối lượng cứu chữa. Cùng với các cơ sở y tế tổ chức cứu chữa, vận chuyển người bị thương, bị bệnh bảo đảm kịp thời và hiệu quả.

Bốn là, làm tốt công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh. Khi thực hiện nhiệm vụ bộ đội thường phải hoạt động với cường độ cao, điều kiện ăn, ở sinh hoạt khó khăn, dịch bệnh dễ phát sinh lây lan,...Vì vậy, cần thực hiện tốt các biện pháp để bảo vệ, giữ vững sức khỏe bộ đội.

Bảo đảm cho bộ đội được ăn uống đủ năng lượng, hợp vệ sinh. Có đủ nước hợp vệ sinh cho bộ đội uống, mang mặc phù hợp. Bảo đảm vệ sinh cá nhân, sinh hoạt. Thực hiện phòng chống các bệnh dễ mắc đường tiêu hóa, hô hấp, ngoài da như: lỵ, đau mắt đỏ, hắc lào,...

Chủ nhiệm quân y trung, lữ đoàn cần chủ động tham mưu cho chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật trong chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện vệ sinh cá nhân, ăn uống, sinh hoạt. Thực hiện tốt các biện pháp phòng chống

dịch bệnh, triển khai cho bộ đội tiêm phòng, uống thuốc dự phòng theo quy định.

Năm là, bảo đảm kịp thời, đầy đủ các loại vật tư quân y. Để thực hiện chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bộ đội, cứu chữa người bị thương, bị bệnh cần bảo đảm tốt các loại vật tư quân y.

Bảo đảm đúng, đủ theo quy định lượng dự trữ thường xuyên và lượng nhu cầu của đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ các loại vật tư quân y bao gồm: thuốc thường xuyên, cơ sở phòng chống thiên tai, hóa chất sát khuẩn,...có thể sử dụng túi y sĩ, y tá khi được phép của chỉ huy đơn vị.

Trên cơ sở nhiệm vụ, kế hoạch của đơn vị, hướng dẫn quân y cấp trên,...quân y trung, lữ đoàn bảo đảm các loại vật tư quân y cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt với các đơn vị làm nhiệm vụ tại các trọng điểm thiên tai, nơi có nhiều khó khăn.

Bảo đảm quân y cho trung, lữ đoàn tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai có vai trò quan trọng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quân y cần thực hiện đồng bộ, linh hoạt các biện pháp trên, góp phần bảo đảm cho đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2017), *Bảo đảm hậu cần - kỹ thuật cho lực lượng vũ trang địa phương tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa trong khu vực phòng thủ huyện*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2014), *Quy định mẫu văn kiện diễn tập, hội thao và ký hiệu công tác cứu hộ - cứu nạn*, Hà Nội.
3. Hán Văn Dũng (2018), *Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh tham gia khắc phục hậu quả thiên tai*, Hà Nội.

NỘI DUNG, GIẢI PHÁP BẢO VỆ HẬU CẦN - KỸ THUẬT TRONG TÁC CHIẾN PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRƯỜNG MIỀN BẮC

Đại tá, ThS. TẠ VIỆT XUÂN

Phó Chủ nhiệm Khoa HC-KT, Học viện Quốc phòng

Thiếu tá, CN. NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Logistics and technical protection is a comprehensive set of measures to prevent, counter, and mitigate enemy sabotage, natural disasters, and other threats. It aims to ensure the safety of headquarters, units, logistics and technical storage facilities, transportation networks, and so on. Based on the analysis of influencing factors, in this article are proposed several measures for protecting logistics and technical support during strategic counteroffensive operations in the Northern battlefield in the Fatherland protection war.

I. TÓM TẮT

Bảo vệ hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) là tổng thể các biện pháp phòng tránh, đánh trả sự phá hoại của địch; phòng tránh và khắc phục hậu quả thiên tai... nhằm bảo đảm an toàn cho cơ quan, đơn vị, kho trạm HC-KT, mạng đường vận chuyển... Từ nghiên cứu những yếu tố tác động, bài viết đề xuất một số nội dung, giải pháp bảo vệ HC-KT tác chiến phản công chiến lược (PCCL) chiến trường miền Bắc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phản công chiến lược là loại hình tác chiến chiến lược có vai trò rất quan trọng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhằm đánh bại lực lượng chiến lược của địch đang trong trạng thái tiến công, tạo chuyển biến cục diện chiến tranh có lợi hoặc kết thúc thắng lợi chiến tranh. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), miền Bắc có thể là chiến trường chủ yếu, nơi ta thực hiện các đòn phản công, tiến công chiến

lược quyết định. Trước những phát triển mới về phương tiện trinh sát và vũ khí công nghệ cao của địch, đặt ra thách thức lớn cho việc giữ bí mật, bảo đảm an toàn lực lượng, phương tiện HC-KT. Để bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác, đồng bộ mọi mặt HC-KT cho PCCL chiến trường miền Bắc giành thắng lợi, vấn đề bảo vệ HC-KT cần được nghiên cứu giải quyết cho phù hợp với điều kiện tác chiến mới.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Khi tiến công vào chiến trường miền Bắc, bị lực lượng phòng thủ, phòng ngự của ta ngăn chặn, thương vong tổn thất lớn, địch buộc phải tạm dừng, củng cố đội hình, bổ sung lực lượng, phương tiện để tiếp tục tiến công. Phát hiện được ý định phản công của ta, địch sẽ sử dụng các phương tiện trinh sát hiện đại, tiến hành trinh sát, chỉ thị mục tiêu, sử dụng hỏa lực không quân, pháo binh, tên lửa đánh phá mãnh liệt vào nơi nghi ngờ ta tập kết lực lượng, trên các

trục đường cơ động, khu vực bố trí HC-KT... Kết hợp với sử dụng lực lượng phản động nội địa phá hoại, chỉ điểm, gây bạo loạn lật đổ từ bên trong, hỗ trợ cho lực lượng tiến công từ ngoài vào. Nghiên cứu về địch cho thấy, địch có phương tiện trinh sát hiện đại, sử dụng vũ khí có độ chính xác cao, uy lực lớn, đánh phá mang tính hủy diệt. Vì vậy, việc bảo toàn tiềm lực, lực lượng, thế trận HC-KT gặp nhiều khó khăn.

Để đánh địch, ta tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp; phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng tại chỗ, tích cực ngăn chặn, sát thương, tiêu hao, kìm giữ, phân tán địch. Kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng cơ động với lực lượng tại chỗ, tiến hành đồng thời hoặc gởi đầu, kế tiếp các trận đánh, các chiến dịch, chiến dịch - chiến lược. Như vậy, cả ta và địch đều trong trạng thái tiến công, tính cơ động, biến động cao, nhiều tình huống phức tạp; tổn thất về người, trang bị lớn, khó dự báo; việc bảo vệ HC-KT gặp khó khăn.

Miền Bắc có địa hình phức tạp bao gồm cả rừng núi, trung du, đồng bằng, ven biển và hải đảo. Vùng rừng núi, trung du có thảm thực vật phong phú thuận lợi để ngụy trang, che giấu, bảo đảm bí mật, an toàn. Tuy nhiên địa hình nhiều đèo dốc, mùa mưa dễ bị sạt lở gây ách tắc giao thông, chia cắt giữa các khu vực. Vùng đồng bằng, ven biển địa hình trống trải, nhiều sông, ngòi, cầu cống dễ bị địch đánh phá chia cắt, việc lựa chọn khu vực bố trí và bảo vệ HC-KT gặp khó khăn.

Từ nghiên cứu những yếu tố tác động cho thấy, để bảo vệ HC-KT có hiệu quả, duy trì khả năng bảo đảm liên tục, kịp thời cho tác chiến, cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, bố trí HC-KT phân tán; ngụy trang, nghi trang, giữ bí mật. Phân tán là yêu cầu rất quan trọng trong chiến tranh hiện đại. Thực tế trong các cuộc chiến tranh và xung

đột quân sự gần đây cho thấy, nếu không có sự phân tán hợp lý, khi đối phương phát hiện, tập trung đánh phá, thiệt hại sẽ rất lớn, làm suy giảm, thậm chí triệt tiêu khả năng bảo đảm. Trong xung đột quân sự Nga - Ukraine, giai đoạn đầu, các kho dã chiến gần tiền tuyến của Nga thường xuyên bị tập kích bằng hỏa lực pháo binh gây thiệt hại lớn, buộc Nga phải di chuyển các kho này từ phạm vi 30 ÷ 50 km (tính từ tuyến tiếp xúc) sang phạm vi 50 ÷ 100 km dựa trên tầm bắn tối đa của các pháo mà Ukraine sử dụng, nhất là hệ thống pháo phản lực cơ động phóng loạt (HIMARS). Thực tiễn đó cho thấy, để vừa giữ an toàn, vừa tập trung được năng lực bảo đảm, cần bố trí HC-KT một cách phù hợp. Đối với các căn cứ HC-KT chiến trường, có thể bố trí các thành phần theo cụm (Quân y, Vận tải, Xăng dầu, các cơ sở sản xuất, sửa chữa...) mỗi cụm cách nhau từ 1,5 ÷ 2 km. Từng cụm, xác định các khu chính thức cách dự bị 2 ÷ 3 km. Cụ thể: Các đại đội ô tô cách nhau 300 ÷ 500 m; tiểu đoàn cách nhau 1 ÷ 2 km. Các kho xăng dầu được thiết kế ngầm hoặc nửa chìm, cách nhau 300 ÷ 500 m. Đối với bệnh viện chiến lược, bố trí các khoa, ban cách nhau từ 300 ÷ 500 m, các khối cách nhau từ 500 ÷ 600 m. Đối với bệnh viện dã chiến, bố trí mỗi bộ phận cách nhau 100 ÷ 200 m, toàn bộ khu vực triển khai có kích thước khoảng 500 x 800 m. Đội điều trị, bố trí các ban cách nhau 50 ÷ 100 m, bộ phận cách nhau 150 ÷ 200 m. Kho đạn cách nhau khoảng 1 ÷ 2 km, kho vật tư kỹ thuật cách nhau 300 ÷ 500 m. Các cơ sở sản xuất, sửa chữa, bố trí cách nhau 1 ÷ 2 km. Tổng thể khu vực căn cứ HC-KT chiến trường có diện tích khoảng 100 ÷ 150 km².

Cùng với phân tán hợp lý, HC-KT chiến trường cần vận dụng linh hoạt các kỹ thuật ngụy trang, nghi trang, ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật hiện đại, sử dụng vật liệu mới, lợi dụng môi trường tự nhiên; kết

hợp thô sơ với hiện đại, kỹ thuật với chiến thuật, dân sự với quân sự... Vận dụng các biện pháp che khuất, tàng hình, biến dạng, thật - giả như nhau, hiệp đồng thống nhất giữa nguy trang HC-KT với nguy trang của toàn bộ chiến trường. Sử dụng các thủ đoạn đánh lừa địch, để khí tài trình sát kỹ thuật cao của địch khó phân biệt được thật, giả. Buộc địch phải mở rộng phạm vi, mục tiêu tập kích, giảm bớt thiệt hại do địch gây ra.

Hai là, xây dựng hệ thống công trình bảo vệ HC-KT. Xây dựng các công trình bảo vệ HC-KT là nội dung, giải pháp rất quan trọng, là nội dung công việc có thể chủ động tiến hành từ thời bình, nhằm giảm áp lực chuẩn bị trực tiếp, có điều kiện tận dụng các nguồn lực để thực hiện.

Ngay từ thời bình, cùng với chuẩn bị thiết bị chiến trường, các khu vực dự kiến bố trí căn cứ HC-KT chiến trường, có thể từng bước xây dựng hệ thống kho trạm, công trình triển khai lực lượng HC-KT, đủ khả năng bố trí các thành phần nòng cốt của lực lượng HC-KT như cơ quan chỉ huy, các kho đạn, xăng dầu, vật tư, hầm phẫu thuật... Trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp cho PCCL, dựa vào hệ thống công trình, kho trạm được sử dụng bảo đảm cho tác chiến phòng thủ chiến lược để bổ sung, hoàn chỉnh; có thể cải tạo, xây mới khi cần thiết. Tận dụng địa hình tự nhiên như hang động, khe núi có thể che đở, che khuất để cải tạo, xây dựng thành kho cất giữ hàng hóa, kho dự trữ xăng dầu, đạn dược vừa đảm bảo kiên cố, vừa dễ quản lý, giảm hao hụt. Xu hướng hiện nay là sử dụng các mô đun bằng bê tông đúc sẵn lắp ghép lại để giảm thời gian và nhân công xây dựng.

Để chuẩn bị đầy đủ các công trình bảo vệ HC-KT trong tác chiến PCCL, ngay trong thời bình HC-KT chiến lược phải tham mưu, đề xuất với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành, đơn vị, địa phương liên quan bố trí nguồn vốn, quỹ đất để từng bước triển khai

xây dựng trước một số kho trạm, hầm, hào, công sự trong các khu vực dự kiến bố trí căn cứ HC-KT chiến trường, căn cứ hậu phương chiến lược... Có thể chuẩn bị các kết cấu làm sẵn, sẵn sàng triển khai trong thời chiến. Đồng thời, có biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy hiệu quả các công trình đã được chuẩn bị từ thời bình. Giai đoạn chuẩn bị trực tiếp cần triệt để tận dụng các công trình đang sử dụng trong tác chiến phòng thủ chiến lược, củng cố, cải tạo để bảo đảm cho PCCL.

Ba là, sẵn sàng di chuyển, dịch chuyển HC-KT. Di chuyển, dịch chuyển HC-KT là giải pháp hiệu quả để đối phó với hoạt động đánh phá của địch, giảm thiểu thiệt hại, bảo toàn lực lượng HC-KT.

Nội dung di chuyển, dịch chuyển gồm: Di chuyển chỉ huy HC-KT; di chuyển lực lượng quân y (các bệnh viện, đội điều trị); di chuyển xăng dầu; di chuyển các kho vật chất; cơ sở sản xuất, sửa chữa và các lực lượng khác. Đối với chỉ huy HC-KT, để di chuyển, dịch chuyển nhanh chóng, an toàn, không bị gián đoạn chỉ huy, đòi hỏi phải chuẩn bị đủ phương tiện cơ động cùng hệ thống thông tin cơ động có thể triển khai nhanh trong mọi tình huống. Hiệp đồng chặt chẽ với Bộ Tham mưu chiến trường bảo đảm thông tin liên lạc, đường cơ động và các công trình cho chỉ huy HC-KT tại vị trí mới. Đối với các bệnh viện, đội điều trị, cần di chuyển thương binh, bệnh binh trước, vật tư, trang thiết bị sau (trừ trang thiết bị hồi sức cấp cứu). Hậu cần - Kỹ thuật chiến trường phải huy động phương tiện vận tải cơ giới, kết hợp lực lượng tại chỗ để nhanh chóng, bí mật di chuyển thương binh, bệnh binh đến nơi an toàn, ưu tiên thương binh nặng; thương binh hóa học, sinh học phải vận chuyển riêng. Đối với các kho xăng dầu, có thể di chuyển từng kho bằng đường ống là chủ yếu, kết hợp di chuyển bằng xe xi-téc khi có điều kiện. Đối với các kho vật chất,

cơ sở sản xuất, sửa chữa và các lực lượng khác, cần triệt để tận dụng phương tiện cơ giới kết hợp huy động phương tiện dân sự trong khu vực phòng thủ để tham gia vận chuyển. Tổ chức di chuyển theo phương pháp cuốn chiếu; quá trình di chuyển, triệt để vận dụng giải pháp dân sự hóa hoạt động vận chuyển, kết hợp ngụ trang, nghỉ trang, giữ bí mật để bảo đảm an toàn.

Để di chuyển, dịch chuyển kịp thời, đảm bảo an toàn, không làm gián đoạn quá trình bảo đảm, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, trong đó lực lượng HC-KT làm nòng cốt, thực hiện phương châm “4 tại chỗ”. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan; tổ chức chỉ huy điều hành; phân công, phân cấp cụ thể rõ ràng; tăng cường kiểm tra, giám sát để hoạt động di chuyển, dịch chuyển diễn ra có trật tự, đúng theo kế hoạch, an toàn tuyệt đối.

Bốn là, tổ chức lực lượng bảo vệ HC-KT phù hợp. Kết hợp “phòng tránh” và “đánh địch” là nguyên tắc cơ bản trong bảo vệ HC-KT. Để chủ động giữ an toàn, giảm thiểu thiệt hại do địch gây ra, phải tổ chức chặt chẽ các lực lượng sẵn sàng đánh địch bảo vệ HC-KT. Lực lượng bảo vệ HC-KT có thể tổ chức các thành phần: Lực lượng trực ban tác chiến; lực lượng cảnh giới; lực lượng phòng không; lực lượng trực chiến; lực lượng chỉ huy. Từng thành phần được giao nhiệm vụ cụ thể, phân cấp trách nhiệm và tổ chức phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ. Trong đó, lực lượng trực ban tác chiến phải thường xuyên nắm chắc tình hình mọi mặt, kịp thời báo cáo người chỉ huy HC-KT; thông báo, báo động kịp thời cho các cơ quan, đơn vị HC-KT. Lực lượng cảnh giới tổ chức tuần tra, canh gác bảo vệ các mục tiêu, kịp thời báo cáo người chỉ huy khi có tình huống, phối hợp các lực lượng tham gia đánh địch bảo vệ HC-KT. Lực lượng phòng không nắm chắc tình hình, kịp thời thông báo, báo động phòng không, tổ chức các trận địa phòng

không bảo vệ mục tiêu, phối hợp với phòng không các cấp đánh máy bay bay thấp, nhất là máy bay không người lái, tên lửa hành trình trong phạm vi, trách nhiệm và khả năng. Lực lượng trực chiến làm nòng cốt, phối hợp với các lực lượng đánh địch đột nhập, địch đổ bộ đường không, tiến công đường bộ vào căn cứ HC-KT. Lực lượng chỉ huy, có trách nhiệm tổ chức chỉ huy, hiệp đồng các lực lượng đánh địch bảo vệ HC-KT. Để tổ chức các lực lượng chặt chẽ, hiệu quả, HC-KT chiến trường phải căn cứ vào nhiệm vụ, điều kiện cụ thể để sử dụng lực lượng linh hoạt, phù hợp. Đồng thời, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng khác trên địa bàn tham gia bảo vệ HC-KT.

IV. KẾT LUẬN

Bảo vệ HC-KT trong tác chiến PCCL là nội dung rất quan trọng có ý nghĩa quyết định đến bảo toàn tiềm lực, lực lượng, thế trận HC-KT. Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, các phương tiện trinh sát và vũ khí công nghệ cao ngày càng có sự đột phá về công nghệ, giữ vai trò quyết định trên chiến trường. Điều này đặt ra những thách thức mới đối với hoạt động bảo vệ HC-KT. Đồng thời cũng tạo ra cơ hội hiện đại hóa trang bị, phương tiện của ngành HC-KT. Vì vậy, cần chủ động chuẩn bị từ thời bình, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, kết hợp chặt chẽ giữa kỹ thuật với chiến thuật, giữa truyền thống với hiện đại để nâng cao hiệu quả bảo vệ HC-KT đáp ứng yêu cầu mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Phân công chiến lược*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Bảo đảm hậu cần trong PCCL*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Trung tâm thông tin Khoa học quân sự (2024), *Hậu cần quân sự Nga trong chiến tranh Ukraine, những cải cách gần đây và hoạt động trong thời chiến*, Hà Nội.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH QUỐC PHÒNG THƯỜNG XUYÊN Ở QUÂN KHU 1

Thiếu tá, ThS. NGUYỄN NAM KHOA

Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Financial auditing and inspection aims to enhance budget management in accordance with estimates, policies, regulations, and spending standards, promoting efficiency and frugality. It also seeks to identify, prevent, and promptly address violations of financial principles and discipline. Based on the survey and assessment of the current situation, in this article are proposed several solutions for improving the quality of regular defense budget auditing and inspection in Military Region 1.*

I. TÓM TẮT

Công tác thanh tra, kiểm tra tài chính (KTTC) nhằm góp phần tăng cường quản lý ngân sách đúng dự toán, đúng chính sách, chế độ, định mức chi tiêu, tiết kiệm, hiệu quả; phát hiện và ngăn chặn, xử lý kịp thời những vi phạm nguyên tắc, kỷ luật tài chính. Qua khảo sát, đánh giá thực trạng, bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác thanh tra, KTTC ngân sách quốc phòng thường xuyên (NSQPTX) ở Quân khu 1.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngân sách quốc phòng thường xuyên được hình thành từ ngân sách nhà nước và được dùng để chi đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội; đảm bảo, duy trì sự hoạt động thường xuyên của các đơn vị trong quân đội, bảo đảm tài chính cho các đơn vị thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Để quản lý chặt chẽ, hiệu quả nguồn ngân sách, cần thực hiện nhiều vấn đề, trong đó tiến hành chặt chẽ công tác thanh tra, KTTC là nội dung có ý nghĩa hết sức quan trọng,

Thời gian qua, cùng với hoạt động kiểm tra do các cơ quan chức năng tiến

hành, công tác thanh tra, KTTC nguồn NSQPTX luôn được Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 1 hết sức quan tâm. Qua đó, đảm bảo cho việc thực hiện ngân sách đúng về pháp luật, chính sách và tài chính; đồng thời, sử dụng nguồn lực theo đúng mục tiêu đề ra, góp phần thiết thực để Quân khu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự, quốc phòng... Tuy nhiên, công tác KTTC vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập, ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả quản lý và sử dụng NSQPTX của đơn vị. Trước yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, tài chính - ngân sách ngày càng cao; cho nên, cần nghiên cứu có giải pháp nâng cao chất lượng công tác thanh tra, KTTC nguồn NSQPTX ở Quân khu 1.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Quân khu 1 gồm 6 tỉnh phía Bắc với 56 huyện, thị, thành phố; dân số hơn 6 triệu người, bao gồm 25 dân tộc; trong đó, các dân tộc thiểu số chiếm 38,77%. Diện tích trên 28 triệu km²; phía Bắc có đường biên giới chung với Trung Quốc dài 564.8 km. Địa bàn Quân khu có vị trí hết sức quan trọng trong chiến tranh giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng và

bảo vệ Tổ quốc. Để Quân khu hoàn thành nhiệm vụ chính trị trung tâm, việc bảo đảm đầy đủ nhu cầu tài chính và quản lý chặt chẽ các nguồn kinh phí cho các hoạt động giữ vai trò hết sức quan trọng.

Những năm qua, Phòng Tài chính và cơ quan tài chính các đơn vị trong Quân khu 1 đã bám sát nghị quyết của các cấp ủy đảng, thường xuyên cập nhật các văn bản chế độ mới, nắm chắc quân số, chế độ định mức, làm tốt chức năng tham mưu cho đảng ủy, chỉ huy đơn vị trong quản lý NSQPTX. Chấp hành nghiêm chế độ quản lý, chế độ chính sách của Nhà nước, Quân đội ban hành. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ cũng như đột xuất đối với Thường vụ Đảng ủy, Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu và cơ quan nghiệp vụ cấp trên. Đặc biệt, công tác KTTC luôn được lãnh đạo, chỉ huy các cấp coi trọng. Hàng năm, Quân khu 1 lập kế hoạch thanh tra quân sự - quốc phòng, bao gồm thanh tra chung và thanh tra chuyên ngành, Phòng Tài chính Quân khu lập kế hoạch kiểm tra tài chính 100% các đơn vị đầu mối sử dụng ngân sách trong quân khu, trừ các đơn vị có kế hoạch thanh tra và kiểm toán của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Qua thống kê cho thấy: Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của quân khu được thực hiện có nền nếp, kế hoạch kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được thực hiện 100%. Làm tốt việc quán triệt, giáo dục, tuyên truyền, tạo sự thống nhất về nhận thức đúng đắn đối với công tác kiểm soát, thanh tra, KTTC, trước hết là đối với chỉ huy đơn vị, các ngành, các cấp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng kiểm tra nội bộ trong các đơn vị, nhằm sớm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hành vi tiêu cực, gian lận trong chi tiêu sử dụng tài chính. Kiện toàn hệ thống kiểm tra tài chính nội bộ ở các đơn vị. Lựa chọn những cán bộ công tâm, có năng lực phát hiện vấn đề, có trình độ nghiệp vụ tài chính,

kế toán giỏi, được đào tạo bồi dưỡng về pháp luật để bố trí vào các tổ chức kiểm tra tài chính. Thực hiện tốt qui chế công khai tài chính, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể và trí tuệ của mọi cán bộ, nhân viên, chiến sĩ đối với công tác kiểm tra tài chính. Với sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp, công tác thanh tra, KTTC đạt hiệu quả thiết thực. Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đều kết luận công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của quân khu và các đơn vị cơ bản tốt, tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng; không để xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý dẫn đến thất thoát tiền, tài sản của đơn vị.

Tuy nhiên, công tác KTTC vẫn còn tồn tại một số hạn chế, đó là: Cấp ủy, chỉ huy các cấp ở một số cơ quan đơn vị chưa triển khai quyết liệt công tác KTTC ở đơn vị mình. Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên, nhân viên, chiến sĩ về công tác KTTC chưa cao. Công tác tuyên truyền, phổ biến chưa phát huy hiệu quả. Một số đồng chí cán bộ, nhân viên tài chính trình độ năng lực còn hạn chế so với yêu cầu nhiệm vụ được giao...

Từ thực trạng trên, để nâng cao chất lượng công tác KTTC ở Quân khu 1, thời gian tới, cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời của cấp ủy đảng và chỉ huy đơn vị đối với công tác thanh tra, KTTC. Đây là vấn đề hết sức quan trọng, có tính chất quyết định đến chất lượng, hiệu quả của công tác thanh tra, KTTC ở mỗi cơ quan, đơn vị. Lãnh đạo, chỉ huy từng đơn vị, cần tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản về công tác KTTC của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; trong đó, tập trung thực hiện Quy chế số 616-QC/QUTW, ngày 29/9/2021 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác tài chính trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Thông tư

số 175/2020/TT-BQP, ngày 30/12/2020, của Bộ Quốc phòng về Ban hành Điều lệ công tác Tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam; Văn bản số 5555/CTC-CĐQLHL, ngày 25/9/2018, của Cục Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán đơn vị dự toán, sự nghiệp trong Bộ Quốc phòng (Chế độ kế toán 5555); Hướng dẫn số 6666/CTC-CĐQLHL, ngày 08/12/2020, của Cục Tài chính sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán đơn vị dự toán, sự nghiệp trong Bộ Quốc phòng theo Hướng dẫn số 5555/CTC-CĐQLHL... Bên cạnh đó, lãnh đạo, chỉ huy đơn vị cần thực hiện tốt các quy định về quy chế dân chủ tại cơ sở, nâng cao vai trò của cơ quan thanh tra trong tập trung giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị và việc sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách nhà nước, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản công, tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và những nội dung khác theo quy định của pháp luật... Trong thanh tra, KTTC, cấp đi kiểm tra cần phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc nghị quyết lãnh đạo chuyên đề của cấp ủy đảng, các chỉ thị, quyết định của người chỉ huy để xác định trách nhiệm, nâng cao chất lượng thanh tra, KTTC.

Hai là, đẩy mạnh việc quán triệt giáo dục tuyên truyền tạo thống nhất cao về nhận thức đối với công tác thanh tra KTTC. Trước hết, đối với các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan, cần thay đổi căn bản quan niệm cho rằng: Kiểm tra, thanh tra là “bới lông, tìm vết” mà phải thấy rằng, công tác kiểm tra, thanh tra có ý nghĩa, tác dụng rất quan trọng, giúp cho cơ quan, đơn vị phát hiện nhân tố tích cực, phát huy tiềm năng, thực hiện tốt nhiệm vụ và bảo đảm tốt đời sống, chính sách cho cán bộ, chiến sĩ. Đồng thời, ngăn chặn kịp thời những vi phạm có thể xảy ra. Trên cơ

sở nhận thức đó, mọi người, mọi ngành nêu cao trách nhiệm, phát huy dân chủ, cùng tự giác chấp hành nghiêm chế độ kiểm tra, thanh tra tài chính trong quản lý NSQPTX ở đơn vị.

Ba là, xây dựng kế hoạch thanh tra, KTTC cụ thể, chu đáo; trong đó, xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp kiểm tra, đối tượng kiểm tra. Thanh tra, KTTC đối với quá trình bảo đảm, quản lý, sử dụng NSQPTX ở đơn vị cần tập trung vào một số trọng tâm sau: (1). Quân số: Quân số thực tế bảo đảm về tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn tới từng loại, từng đối tượng, từng khoản kinh phí. Cần chú ý đến quân số quyết toán sai thường gặp trong các trường hợp quân vào, quân ra; các đối tượng ăn thêm làm nhiệm vụ; (2). Trong chấp hành chính sách, chế độ, định mức, tiêu chuẩn mà đơn vị thường gặp sai sót, vi phạm, như số duyệt quyết toán cho cấp dưới và số tổng hợp xin quyết toán với trên chưa thống nhất; hoặc chưa phản ánh chính xác số thực chi NSQPTX theo chế độ. Thanh toán, quyết toán tiền lương cho đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội phải đúng nguồn kinh phí bảo hiểm quy định. Kiểm tra việc vận dụng cấp phát, thanh toán các khoản phụ cấp: Làm thêm giờ, độc hại nguy hiểm, phụ cấp trên hạn định, phụ cấp đặc thù ở Quân khu 1. Đối với kinh phí nghiệp vụ, cần chú trọng kiểm tra, kiểm soát hồ sơ tài liệu, chứng từ chi tiêu, mua sắm trước khi chấp nhận thanh toán, quyết toán; đặc biệt, các hợp đồng cung ứng vật tư, hàng hóa, các thủ tục nhập xuất kho... Thực hiện thẩm định trước khi quyết toán. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quyết toán, như: Phải đầy đủ chứng từ hợp lệ, hợp pháp; phải đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và giá cả. Cần thiết phải kiểm tra, đôn đốc tình hình tạm ứng, tạm thu đối với các ngành, bảo đảm gọn, kịp thời, đầy đủ, tránh dây dụa, kéo dài.

Bốn là, thực hiện tốt quy chế tự kiểm tra, quy chế công khai tài chính hàng tháng và chế độ dân chủ kinh tế. Các quy định về công khai tài chính trong quân đội là những cơ sở pháp lý cho các đơn vị dự toán ngân sách trong quân đội góp phần tăng cường quản lý ngân sách. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, yêu cầu pháp lý ngân sách ở đơn vị, Phòng Tài chính Quân khu tham mưu cho Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế công khai tài chính và quy chế tự kiểm tra trong nội bộ đơn vị, bảo đảm đúng phạm vi quy định và được thông tin đầy đủ tới bộ đội. Các quy định về nội dung, phương pháp, trình tự công khai tài chính cần được thực hiện nghiêm chỉnh, coi trọng công khai ngân sách năm và chỉ đạo thực hiện công khai tài chính hàng tháng tại các phân đội.

Dân chủ kinh tế là một trong ba mặt của chế độ dân chủ trong quân đội, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể và trí tuệ của mọi cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị về lĩnh vực kinh tế - tài chính. Để dân chủ kinh tế thể hiện rõ mục đích, ý nghĩa, tác dụng sâu rộng và hiệu quả tích cực của nó, đơn vị cần chỉ đạo các hoạt động của hội đồng quân nhân, hội đồng giá, tổ kinh tế và các tổ chức quần chúng thanh niên, phụ nữ, công đoàn... Duy trì thường xuyên các chế độ sinh hoạt dân chủ kinh tế, công khai tài chính rộng rãi.

Năm là, sử dụng phương pháp kiểm tra phù hợp, hiệu quả; nâng cao chất lượng cán bộ tham gia công tác, thanh tra KTTC. Tùy theo nội dung, tính chất mỗi cuộc thanh tra, KTTC mà sử dụng các phương pháp hoặc tổng hợp các phương pháp, như: Phương pháp kiểm tra chứng từ; kiểm tra

thực tế; kiểm tra điển hình và kết hợp với phương pháp trao đổi, chất vấn, dựa vào quần chúng trong kiểm tra tài chính... Đội ngũ cán bộ luôn giữ vai trò quyết định trong mọi công việc. Do vậy, cần nâng cao chất lượng cán bộ tham gia công tác, thanh tra KTTC. Theo đó, cấp ủy, chỉ huy cơ quan tài chính cần lựa chọn, bổ nhiệm, đề bạt người có trách nhiệm, tính gương mẫu, đạo đức, trách nhiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ thanh tra, KTTC. Đồng thời, tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

IV. KẾT LUẬN

Công tác thanh tra, KTTC có ý nghĩa rất quan trọng trong quản lý NSQPTX. Thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp trên nhằm giảm thiểu những tồn tại, sai phạm, góp phần bảo đảm đầy đủ, kịp thời chính xác nguồn tài chính để các cơ quan, đơn vị Quân khu 1 hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị trung tâm được giao♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Quyết định số 3500/2018/QĐ-BQP, ngày 26/8/2018, phê duyệt đề án đổi mới cơ chế quản lý tài chính quân đội theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, giai đoạn 2018 - 2025 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Quân khu 1, *Báo cáo quyết toán ngân sách từ năm 2019 ÷ 2023*, Thái Nguyên.
3. Cục Tài chính (2004), *Hướng dẫn số 2063/TC4, ngày 01/12/2004, Hướng dẫn công tác tự thanh tra tài chính đối với các đơn vị dự toán, doanh nghiệp trong quân đội*, Hà Nội.

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC, SỬ DỤNG, BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG HẬU CẦN SƯ ĐOÀN BỘ BINH TIỀN CÔNG ĐỊCH PHÒNG NGỰ ĐÔ THỊ Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU

Trung tá, ThS. VŨ ĐỨC TUẤN

Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Thiếu tá, CN. NGUYỄN VĂN TRÌNH

Học viên Cao học, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Deploying and mobilizing logistics forces scientifically, along with properly deploying logistics units will maximize the combined strength of logistics components and forces for the success of combat units. Based on theoretical and practical research, in this article are proposed solutions for deploying and mobilizing logistics forces of the infantry division equipped with strong firepower to attack enemy defenses in urban areas in the midland terrain.

I. TÓM TẮT

Tổ chức, sử dụng lực lượng hậu cần (LLHC) khoa học; bố trí LLHC hợp lý sẽ phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần, LLHC bảo đảm cho đơn vị chiến đấu thắng lợi. Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất giải pháp tổ chức, sử dụng, bố trí LLHC sư đoàn bộ binh được biên chế hỏa lực mạnh (fBB) tiến công địch phòng ngự đô thị (PNĐT) ở địa hình trung du.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở địa hình trung du, đô thị là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương; mật độ dân số cao, hệ thống đường sá, sân bay, bến cảng ngày càng phát triển. Cho nên, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), khi đánh chiếm được đô thị, địch sẽ kiên quyết phòng ngự để thực hiện các hoạt động tác chiến tiếp theo.

Sư đoàn bộ binh được biên chế hỏa lực mạnh tiến công địch PNĐT thường là trận đánh then chốt của chiến dịch tiến công. Để trận đánh giành thắng lợi, fBB phải làm tốt công tác tổ chức chiến đấu;

trong đó, tổ chức, sử dụng, bố trí LLHC là một nội dung quan trọng, yếu tố quyết định trong bảo đảm hậu cần (BĐHC) fBB.

Trong chiến tranh giải phóng đã diễn ra nhiều trận đánh của fBB tiến công địch PNĐT; qua đó, để lại những kinh nghiệm quý về BĐHC, nhất là trong tổ chức, sử dụng, bố trí LLHC. Khảo sát phương án diễn tập tiến công địch PNĐT của một số fBB cho thấy: Sử dụng lực lượng ở các bộ phận hậu cần chưa thật hợp lý; xác định vị trí bố trí của một số thành phần LLHC chưa phù hợp... Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố trong trận đánh của fBB tiến công địch PNĐT ở địa hình trung du sẽ có nhiều thay đổi cả về nghệ thuật tác chiến, lực lượng, vũ khí, trang bị và công tác bảo đảm. Do vậy, kế thừa những kinh nghiệm đã có, cần tiếp tục nghiên cứu về tổ chức, sử dụng, bố trí LLHC của fBB cho phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của fBB tiến công địch PNĐT ở địa hình trung du là

sở chỉ huy lữ đoàn bộ binh cơ giới Stryker địch và các lực lượng có liên quan PNĐT. Quá trình phòng ngự, địch tận dụng nhà cao tầng, tầng hầm, dãy phố, công trình công cộng để xây dựng hệ thống công sự trận địa, bố trí hệ thống hỏa lực, vật cản nhiều tầng, nhiều lớp, đa chủng loại cả trong và ngoài khu vực nội đô, trên các trục đường. Trước khi bị ta tiến công, địch tăng cường hoạt động trinh sát trên không, mặt đất; sử dụng hỏa lực pháo binh, không quân, tên lửa đánh phá vào những khu vực nghi ngờ có lực lượng của ta triển khai tiến công. Vì vậy, quá trình cơ động vào vị trí triển khai, việc giữ bí mật, bảo đảm an toàn lực lượng, phương tiện hậu cần fBB gặp nhiều khó khăn. Khi bị ta tiến công, địch dựa vào hệ thống công sự, vật cản, phát huy sức mạnh của hệ thống hỏa lực nhằm ngăn chặn, đẩy lùi các hướng, mũi tiến công của ta trước tiên duyên. Do đó, trận chiến đấu sẽ diễn ra rất ác liệt, tình huống phức tạp, lực lượng, phương tiện hậu cần có thể bị thương vong, tổn thất, hoạt động BĐHC gặp nhiều khó khăn.

Tiến công địch PNĐT ở địa hình trung du, fBB thường xác định một số mục tiêu quan trọng, gồm: Sở chỉ huy lữ đoàn bộ binh cơ giới Stryker địch, tiểu đoàn pháo binh 155 mm, tiểu đoàn trinh sát, tiểu đoàn chỉ huy...; trong đó, mục tiêu chủ yếu là sở chỉ huy lữ đoàn bộ binh cơ giới Stryker địch. Thông thường, fBB tiến công địch trên 3 ÷ 4 hướng và tổ chức thành các lực lượng: Tiến công; thọc sâu; dự bị binh chủng hợp thành; tăng thiết giáp; pháo binh, pháo phòng không; công binh, hóa học; sở chỉ huy fBB; hậu cần, kỹ thuật... Các lực lượng của fBB chiến đấu phân tán cả trong và ngoài nội đô, trên phạm vi rộng, nhu cầu bảo đảm lớn; trong khi khả năng LLHC có hạn. Mặt khác, khu vực bố trí, triển khai hậu cần fBB ở ven đô, địa hình tương đối trống trải, thường xuyên bị địch trinh sát, đánh

phá ác liệt nên việc giữ bí mật, bảo đảm an toàn lực lượng, phương tiện hậu cần gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, hậu cần fBB cũng có những thuận lợi, như: Được hậu cần chiến dịch phối thuộc lực lượng, phương tiện và trực tiếp chỉ đạo, bảo đảm mọi mặt hậu cần; được hậu cần khu vực phòng thủ (KVPT) chi viện, giúp đỡ.

Để phát huy sức mạnh của các LLHC, góp phần bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt hậu cần cho các lực lượng của fBB tiến công địch PNĐT ở địa hình trung du giành thắng lợi, cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, kiện toàn LLHC đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm; sử dụng LLHC hợp lý ở các bộ phận hậu cần - kỹ thuật (HC-KT). Tiến công địch PNĐT ở địa hình trung du, quân số chiến đấu, trang bị kỹ thuật của fBB thường cao (so với fBB thông thường). Tuy vậy, hiện nay, khả năng hậu cần của fBB vẫn tương đương với các sư đoàn thông thường. Cho nên, quá trình bảo đảm, hậu cần fBB sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Theo tính toán, với lực lượng trong biên chế và cấp trên phối thuộc, lực lượng quân y, vận tải fBB chưa đủ khả năng cứu chữa, vận chuyển thương binh, bệnh binh (dự kiến) ngày cao nhất qua tuyến. Vì vậy, cần kiện toàn LLHC fBB theo hướng: Đối với tiểu đoàn quân y, cần biên chế thêm bác sĩ, y sĩ, y tá, xe cứu thương, trang thiết bị quân y để đủ khả năng triển khai được khoảng 6 kíp mổ cứu chữa cơ bản. Đối với lực lượng vận tải, cần bổ sung thêm các xe vận tải thể hệ mới có tính năng việt dã cao, có tải trọng từ 5 ÷ 7 tấn/xe và một số xe tra nạp xăng dầu loại 10 ÷ 12m³; đồng thời, tiếp nhận tại địa phương khoảng 1 tiểu đoàn dân quân tự vệ làm nhiệm vụ vận chuyển.

Bên cạnh việc kiện toàn LLHC, trong chiến đấu, fBB cần sử dụng LLHC hợp lý ở các bộ phận HC-KT, theo nguyên tắc phát huy đúng khả năng, sở trường của từng

lực lượng, tập trung cho hướng chủ yếu. Đối với LLHC trong biên chế của fBB, đây là lực lượng được tổ chức chỉ huy chặt chẽ, được huấn luyện căn bản nên cần ưu tiên sử dụng tập trung ở bộ phận HC-KT chủ yếu. Đối với LLHC cấp trên phối thuộc, là lực lượng có năng lực chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm trong bảo đảm chiến đấu, khi sử dụng lực lượng này cần sử dụng tập trung ở các bộ phận HC-KT, không sử dụng lực lượng này để phối thuộc cho dưới. Đối với lực lượng dân quân tự vệ tiếp nhận của địa phương, lực lượng này chưa có nhiều kinh nghiệm trong chiến đấu nhưng thông thạo địa bàn nên khi sử dụng, cần tổ chức, quản lý, chỉ huy chặt chẽ, có lực lượng vận tải chuyên nghiệp làm nòng cốt cùng đi trong đội hình. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng, các bộ phận hậu cần fBB được tổ chức ra để bảo đảm cho chiến đấu đều có sự kết hợp giữa lực lượng trong biên chế, cấp trên phối thuộc và một số lực lượng huy động tại địa phương. Chẳng hạn, trận fBB316 tiến công thị xã Buôn Mê Thuột năm 1975, hậu cần fBB đã kết hợp lực lượng trong biên chế với lực lượng chiến dịch phối thuộc (1 đội vệ sinh phòng dịch, 2 đại đội vận tải bộ) và lực lượng huy động tại địa phương (1 trung đội du kích) để tổ chức ra bộ phận hậu cần trên hướng Tây và bộ phận hậu cần trên hướng Nam thị xã, lấy LLHC fBB làm nòng cốt.

Để thực hiện giải pháp này, ngay từ thời bình, hậu cần fBB cần tham mưu với lãnh đạo, chỉ huy các cấp từng bước kiện toàn tổ chức biên chế, trang bị, phương tiện hậu cần fBB bảo đảm phù hợp, tương xứng với tổ chức, biên chế của fBB được biên chế hỏa lực mạnh. Hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng có liên quan, tổ chức tiếp nhận lực lượng cấp trên đến phối thuộc, huy động tại địa phương nhanh chóng. Nắm chắc khả năng, sở trường của từng thành phần LLHC, nhu cầu sử dụng LLHC

ở các bộ phận HC-KT để tính toán, cân đối, sử dụng một cách hợp lý, bảo đảm đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Hai là, dựa vào thế trận hậu cần cấp trên, hậu cần KVPT, địa hình có lợi khu vực ven đô để bố trí, triển khai các thành phần hậu cần phân tán hợp lý, bảo đảm bí mật, an toàn, bám sát các lực lượng chiến đấu. Do thời gian chuẩn bị chiến đấu của fBB ngắn, LLHC luôn là mục tiêu địch tập trung trinh sát, đánh phá ngay từ đầu; mặt khác, ở ven đô, hệ thống đường sá tương đối phát triển, có nhiều nhà máy, xí nghiệp, làng mạc, công trình kiến trúc dân sự được xây dựng theo hướng kiên cố; cho nên, hậu cần fBB cần triệt để tận dụng địa hình có lợi để cơ động, bố trí, triển khai theo hướng phân tán, bí mật, thuận tiện trong bảo đảm. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng, hậu cần các fBB đã dựa vào thế trận hậu cần cấp trên, hậu cần tại chỗ, địa hình khu vực chiến đấu để bố trí, triển khai các thành phần hậu cần. Trận fBB316 tiến công thị xã Buôn Mê Thuột, hậu cần sư đoàn đã dựa vào thế bố trí của Cụm hậu cần K20B, tận dụng các rừng cây, công trình kiến trúc khu vực ven thị xã để triển khai kho trạm hậu cần, cơ bản bám sát đội hình chiến đấu của các đơn vị. Nhưng ở phía Nam, cự ly từ hậu cần fBB đến hậu cần eBB149 quá xa (12km), gây nhiều khó khăn trong vận chuyển vật chất và chuyển thương.

Để bố trí, triển khai các thành phần hậu cần bảo đảm bí mật, cần tích cực trinh sát, xác định cụ thể vị trí của từng thành phần trong các bộ phận HC-KT. Quá trình cơ động từ tập kết vào triển khai, hậu cần fBB cần triệt để tận dụng hệ thống đường sá ven đô. Tại vị trí triển khai chiến đấu, cần tận dụng các kho, trạm, xưởng của các cơ sở kinh tế xã hội địa phương, các công trình kiến trúc kiên cố, hầm ngầm có thể che đờ, che khuất để bố trí, triển khai hệ thống kho, trạm hậu cần bảo đảm bí mật,

tạo thành thể bố trí liên hoàn, vững chắc giữa hậu cần fBB với hậu cần cấp trên và KVPT, thuận tiện cho tiếp nhận, bổ sung vật chất và cứu chữa, chuyển thương.

Để bảo đảm an toàn, các LLHC trong từng bộ phận HC-KT cần bố trí thành các khu vực nhưng tiện chỉ huy, bảo vệ. Các loại vật chất phải bố trí phân tán nhất là các loại vật chất dễ cháy, nổ; các kho vật chất có trữ lượng không quá lớn. Mặt khác, bố trí hậu cần phải bám sát đội hình chiến đấu, vừa bảo đảm bổ sung kịp thời vật chất cho các đơn vị phía trước cũng như bảo đảm thời gian chuyển thương về các tuyến quân y fBB. Ngoài ra, bố trí hậu cần còn phải đáp ứng yêu cầu sẵn sàng cơ động di chuyển theo kịp đội hình chiến đấu khi đơn vị phát triển tiến công.

Ba là, kịp thời điều chỉnh lực lượng, thể bố trí hậu cần theo diễn biến chiến đấu. Tiến công địch PNĐT là trận đánh ác liệt, diễn biến phức tạp, phát sinh nhiều tình huống. Cho nên, chủ nhiệm HC-KT sư đoàn cần nắm chắc diễn biến của trận chiến đấu để tiến hành điều chỉnh lực lượng, thể bố trí bảo đảm phù hợp. Thực tiễn trong trận fBB9 tiến công thị xã Bình Long (năm 1972), khi đội phẫu của trung đoàn tiến công trên hướng chủ yếu bị tổn thất lực lượng, fBB đã nhanh chóng điều chỉnh lực lượng cho đội phẫu trung đoàn nên vẫn kịp thời bảo đảm.

Điều chỉnh lực lượng, thể bố trí, hoạt động BDHC theo diễn biến chiến đấu có thể diễn ra theo các tình huống sau: Trường hợp fBB điều chỉnh quyết tâm chiến đấu, thay đổi hướng tiến công từ chủ yếu sang thứ yếu. Để bảo đảm kịp thời cho fBB chiến đấu, hậu cần fBB nhanh chóng điều chỉnh lực lượng, cơ động một phần LLHC từ bộ phận HC-KT chủ yếu ban đầu sang bộ phận

HC-KT thứ yếu. Đồng thời, phân chia, sắp xếp lại và điều chỉnh vị trí bố trí, triển khai của từng thành phần LLHC ở các bộ phận HC-KT mới cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Trường hợp fBB sử dụng lực lượng dự bị để xử trí một số tình huống. Khi đó, hậu cần fBB cần nắm chắc diễn biến chiến đấu, tình hình thương vong, tổn thất của các đơn vị, ý định sử dụng lực lượng dự bị của sư đoàn trưởng để sử dụng LLHC dự bị cơ động sau lực lượng dự bị của fBB, bố trí ở vị trí phù hợp, triệt để tận dụng công trình kiến trúc ven đô để bảo đảm. Khi điều chỉnh lực lượng, vị trí bố trí hậu cần mới, phải giao nhiệm vụ cụ thể, hiệp đồng chặt chẽ với các đối tượng có liên quan; tổ chức điều chỉnh nhanh chóng và hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần cấp trên, hậu cần tại chỗ, hậu cần các đơn vị về thời gian, địa điểm triển khai mới, tránh làm gián đoạn quá trình bảo đảm.

IV. KẾT LUẬN

Tổ chức, sử dụng, bố trí LLHC fBB tiến công địch PNĐT ở địa hình trung du có nhiều khó khăn, phức tạp. Vì vậy, hậu cần fBB cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của từng trận đánh, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng để bảo đảm kịp thời, đầy đủ hậu cần cho fBB chiến đấu thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần fBB bộ binh tiến công địch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2024), *Sư đoàn bộ binh được biên chế hỏa lực mạnh tiến công địch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.

CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG HẬU CẦN, KỸ THUẬT BẢO ĐẢM CHO CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TÁC CHIẾN KHU VỰC PHÒNG THỦ HUYỆN

Thiếu tá, CN. MAI VĂN ĐẠT
Học viên Cao học, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Preparing logistics and technical forces is a crucial aspect of logistics and technical preparation, directly impacting the success of combat operations. Based on theoretical and practical research, in this article are proposed several measures for preparing logistics and technical forces (in peacetime), ready for providing logistics and technical support for the armed forces in defending district-level defense zones.*

I. TÓM TẮT

Chuẩn bị lực lượng hậu cần, kỹ thuật (HCKT) là một nội dung chuẩn bị HCKT, yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả chuẩn bị HCKT, sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến thắng lợi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề cập một số nội dung, biện pháp chuẩn bị lực lượng HCKT (trong thời bình) để sẵn sàng bảo đảm HCKT cho lực lượng vũ trang (LLVT) tác chiến khu vực phòng thủ (KVPT) huyện.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bảo đảm HCKT cho LLVT địa phương tác chiến KVPT huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) là một mặt bảo đảm quan trọng, trực tiếp góp phần bảo đảm cho LLVT địa phương KVPT chiến đấu giành thắng lợi. Để hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm, HCKT khu vực phòng thủ huyện phải được chuẩn bị chu đáo, toàn diện và phải được tiến hành ngay từ thời bình; trong đó, chuẩn bị lực lượng HCKT giữ vị trí hết sức quan trọng, góp phần quyết định hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm hậu cần cho các LLVT tác chiến trong KVPT huyện. Thực tế trong những năm gần đây, xây dựng KVPT huyện nói chung, chuẩn bị lực lượng KCKT nói riêng

ngày càng đi vào chiều sâu, cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Tuy nhiên, vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót. Vì vậy, cần có các biện pháp chuẩn bị lực lượng HCKT bảo đảm cho LLVT tác chiến KVPT huyện phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến của LLVT địa phương KVPT huyện là lũ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới), lũ đoàn hải quân đánh bộ của quân địch hoặc đồng minh, kết hợp chặt chẽ với lực lượng phản động trong nước. Trong tác chiến, địch có ưu thế hỏa lực mạnh, tác chiến điện tử rộng rãi, khả năng cơ động cao, thủ đoạn chiến đấu linh hoạt, kết hợp với sự hỗ trợ của lực lượng phản động tại chỗ để chống phá ta. Lực lượng vũ trang địa phương tác chiến trong KVPT huyện vận dụng nhiều cách đánh và tổ chức thành nhiều lực lượng chiến đấu: Lực lượng chiến đấu phía trước, lực lượng chiến đấu bám trụ khi địch tràn qua, lực lượng đánh địch trong KVPT thủ then chốt, lực lượng đánh địch đổ bộ đường không, lực lượng cơ động đánh vào bên sườn, phía sau lưng địch, lực lượng binh chủng và lực lượng bảo đảm chiến đấu,... Hoạt động tác chiến

diễn ra rất ác liệt, nhiều tình huống xảy ra ngoài dự kiến. Hậu cần, kỹ thuật KVPT phải bảo đảm cho nhiều lực lượng hoạt động tác chiến phân tán trên địa bàn rộng, bảo đảm cho nhiều hình thức và phương pháp hoạt động khác nhau, khối lượng bảo đảm lớn, thời gian tác chiến phòng thủ dài. Vì vậy, hậu cần, kỹ thuật KVPT huyện phải tích cực chuẩn bị chu đáo, toàn diện mọi mặt ngay từ thời bình, trong đó chuẩn bị lực lượng HCKT đóng vai trò then chốt, quyết định để sẵn sàng bảo đảm tác chiến khi có tình huống.

Tham gia bảo đảm cho LLVT địa phương tác chiến KVPT huyện gồm có lực lượng HCKT của lực lượng vũ trang KVPT và HCKT nhân dân địa phương. Hiện nay, lực lượng HCKT của LLVT các huyện đã từng bước củng cố, sắp xếp, kiện toàn theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong đó, lực lượng HCKT của cơ quan quân sự địa phương (QSĐP) huyện đang được kiện toàn theo biểu tổ chức, biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện của Bộ Tổng Tham mưu ban hành. Theo đó, lực lượng HCKT của cơ quan QSĐP huyện được tổ chức thành Ban HCKT gồm: chủ nhiệm HCKT, trợ lý quân khí và một số nhân viên chuyên môn; không biên chế các phân đội bảo đảm chuyên trách như quân y, vận tải. Trên cơ sở nhu cầu bảo đảm cho tác chiến phòng thủ, cơ quan QSĐP huyện đã tham mưu cho huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các phòng ban chức năng của huyện xây dựng các tổ chức HCKT nhân dân như: đội phẫu thuật, đội cấp cứu cơ động, đội vệ sinh phòng dịch, đội chuyển thương, các trạm, xưởng sửa chữa, trạm chế biến, sản xuất, các kho, cửa hàng dự trữ cung cấp vật tư kỹ thuật, các kho dự trữ cung cấp lương thực thực phẩm, nhu yếu phẩm, vật tư xăng dầu... Các tổ chức đoàn thể quần chúng (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...): Tổ chức tổ nấu ăn tiếp tế cơm

nước, tổ bảo đảm sinh hoạt... Đồng thời, chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng lực lượng HCKT nhân dân cơ sở. Tuy nhiên, chất lượng của lực lượng HCKT cấp huyện còn nhiều hạn chế, bất cập. Đội ngũ cán bộ, nhân viên hậu cần, kỹ thuật QSĐP chưa ổn định vững chắc cả về số lượng, chất lượng. Thực lực trang bị, phương tiện cũ kỹ lạc hậu, việc đổi mới còn chậm. Việc chuẩn bị lực lượng HCKT nhân dân địa phương tuy đã được tiến hành từng bước nhưng chưa đồng bộ, chưa phù hợp với điều kiện tác chiến địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Các lực lượng HCKT nhân dân cơ sở, trong các ngành KT-XH tương ứng chưa được tổ chức liên kết chặt chẽ đồng bộ. Chuẩn bị lực lượng HCKT nhân dân chưa đi đôi với công tác quản lý, huấn luyện nâng cao trình độ, chuyên môn và khả năng sẵn sàng động viên bảo đảm cho tác chiến. Lực lượng HCKT chuẩn bị ở một số địa phương còn mỏng, nhất là các huyện vùng sâu, vùng xa, biên giới; chưa đáp ứng được yêu cầu bảo đảm cho LLVT địa phương tác chiến phòng thủ huyện. Vì vậy, để nâng cao chất lượng, hiệu quả chuẩn bị lực lượng HCKT bảo đảm cho tác chiến KVPT huyện, các địa phương cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, quan điểm hậu cần toàn dân. Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành, các địa phương, các LLVT và nhân dân phải tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, quan điểm hậu cần toàn dân của Đảng; vận dụng sáng tạo trong xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức HCKT nhân dân các cấp, gắn với xây dựng KVPT địa phương vững mạnh toàn diện để sẵn sàng chi viện HCKT cho các LLVT trong mọi tình huống. Muốn vậy, cùng với xây dựng, phát triển quy mô lực lượng, cần thường xuyên củng cố hệ thống tổ chức

HCKT nhân dân các cấp đủ mạnh; trước hết là cấp xã và huyện để làm nền tảng xây dựng hậu cần, kỹ thuật KVPT vững mạnh toàn diện. Bám sát phương châm, ở đâu có tổ chức kinh tế xã hội, tổ chức quần chúng, ở đó có tổ chức HCKT nhân dân tương ứng vững mạnh, hoạt động có hiệu quả. Chú trọng thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế của Nhà nước, địa phương và của tư nhân vào công cuộc phát triển KT-XH, tăng cường quốc phòng, an ninh trong tình hình mới ở cấp xã, huyện vừa nâng cao đời sống nhân dân, vừa nâng cao khả năng bảo đảm hậu cần tại chỗ.

Hai là, thường xuyên kiện toàn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực thực hành cho cán bộ, nhân viên hậu cần, kỹ thuật QSDP huyện. Trong KVPT, nguồn lực của hậu cần, kỹ thuật QSDP có hạn, nhưng nguồn bảo đảm của các ngành KT-XH địa phương rất lớn, nhất là trong chiến tranh. Vì vậy phải nâng cao trình độ và năng lực tham mưu cho đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật QSDP để góp phần hoàn thành tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong chuẩn bị lực lượng HCKT, huy động các nguồn lực của địa phương bảo đảm cho xây dựng KVPT trong cả thời bình và thời chiến. Thực tế cho thấy: số lượng cán bộ, nhân viên của cơ quan hậu cần-kỹ thuật QSDP huyện không lớn nhưng thường xuyên biến động do giải quyết chính sách, luân chuyển vị trí công tác. Trong khi đó, yêu cầu đặt ra đối với cán bộ QSDP nói chung và cán bộ HCKT của cơ quan QSDP nói riêng là phải thông thạo, nắm chắc địa bàn, gắn bó với địa bàn. Để có thể hoàn thành tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, cần thiết phải chăm lo bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực tham mưu cho cán bộ, nhân viên HCKT của cơ quan QSDP huyện. Cơ quan QSDP huyện cần tham mưu cho Ban Chỉ huy quân sự huyện và cấp ủy, chính quyền địa phương

kiện toàn biên chế của cơ quan hậu cần, kỹ thuật QSDP; tăng cường công tác huấn luyện, diễn tập nâng cao chất lượng, trình độ tổ chức bảo đảm của lực lượng hậu cần, kỹ thuật KVPT. Huấn luyện tập trung vào bảo đảm HCKT cho các tình huống và cho chiến tranh như: chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ, chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên, phòng tránh đánh trả bằng hỏa lực của địch, tác chiến phòng thủ thời kỳ đầu chiến tranh và năm đầu chiến tranh. Thông qua hoạt động diễn tập KVPT, nâng cao trình độ, năng lực cho lực lượng HCKT của cơ quan QSDP huyện; đồng thời bồi dưỡng, nâng cao khả năng bảo đảm cho lực lượng HCKT nhân dân địa phương huy động từ các ban, ngành KT-XH của huyện.

Ba là, tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Cung cấp khu vực phòng thủ huyện và Ban HCKT nhân dân địa phương cấp xã. Để huy động được các lực lượng HCKT và phương tiện, vật chất từ các ngành KT-XH của địa phương vào xây dựng tiềm lực và thể trận hậu cần, kỹ thuật KVPT, cần phải có cơ quan chỉ đạo thống nhất. Cơ quan chỉ đạo, điều hành của hậu cần, kỹ thuật KVPT huyện là Hội đồng Cung cấp KVPT; đối với cấp xã (phường, thị trấn) là Ban HCKT nhân dân cơ sở. Đây là tổ chức liên ngành do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, bao gồm các thành viên là đại diện các phòng, ban, ngành của địa phương, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp bảo đảm quốc phòng cho KVPT. Trước tiên, cần tập trung rà soát, kiện toàn đủ các thành phần trong Ban HCKT nhân dân cơ sở theo quy định; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh cho các đối tượng cán bộ, nhằm nâng cao trình độ, năng lực làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền

địa phương, đặc biệt là trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế địa phương kết hợp với củng cố quốc phòng; xây dựng tiềm lực và thể trận HCKT đáp ứng yêu cầu tác chiến của KVPT. Nắm chắc tình hình phát triển kinh tế của địa phương, từ đó đề xuất, kiến nghị với cấp ủy, chính quyền quyết định phương thức và phương án tạo nguồn, huy động vật chất và dự trữ vật chất phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; xây dựng các phân đội bảo đảm HCKT trong các ngành KT-XH của địa phương phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của từng ngành ở địa phương.

Bốn là, phát huy vai trò nòng cốt của hậu cần, kỹ thuật QSDP huyện trong chuẩn bị phương tiện HCKT. Phương tiện HCKT là bộ phận cấu thành của lực lượng HCKT, là những công cụ để tiến hành công tác bảo đảm HCKT. Vì vậy, trong quá trình chuẩn bị lực lượng HCKT bảo đảm cho tác chiến KVPT huyện; hậu cần-kỹ thuật QSDP huyện với vai trò là lực lượng nòng cốt làm công tác tham mưu cho hậu cần, kỹ thuật KVPT cần phải chú trọng đến chuẩn bị phương tiện HCKT. Các phương tiện HCKT này bao gồm: phương tiện vận tải, quân y, quân nhu, xăng dầu, doanh trại của QSDP huyện và phương tiện huy động từ các ngành KT-XH huyện. Thực tế nhiều phương tiện HCKT đã qua nhiều năm sử dụng, chất lượng thấp; số lượng, chủng loại phương tiện còn thiếu, chưa đồng bộ; việc đăng ký, theo dõi, quản lý các phương tiện HCKT dự bị động viên chưa tốt, còn nhiều bất cập. Khắc phục tình trạng này, cơ quan hậu cần, kỹ thuật QSDP huyện cần tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện việc chuẩn bị các phương

tiện HCKT dự bị động viên theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan thường xuyên theo dõi, nắm chắc phương tiện HCKT, sự thay đổi của các phương tiện HCKT. Cơ quan hậu cần, kỹ thuật QSDP huyện phải chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng các phương tiện HCKT dự bị động viên theo phân cấp; tham mưu cho chỉ huy trưởng đề nghị trên bổ sung một số phương tiện HCKT bị xuống cấp, hư hỏng; hoặc đề nghị với địa phương bổ sung ngân sách để đổi mới một số phương tiện HCKT.

IV. KẾT LUẬN

Chuẩn bị lực lượng HCKT bảo đảm cho LLVT tác chiến KVPT huyện có vai trò hết sức quan trọng, cần phải được chuẩn bị ngay từ thời bình, bằng những nội dung, biện pháp đồng bộ. Với vai trò nòng cốt hậu cần, kỹ thuật QSDP huyện cần làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chuẩn bị lực lượng HCKT phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, tích cực phối hợp với các ban, ngành KT-XH chủ động xây dựng lực lượng HCKT nhân dân địa phương, sẵn sàng huy động tham gia bảo đảm cho LLVT địa phương khi có tình huống♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2013), *Xây dựng và hoạt động của KVPT huyện, quận*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2014), *Hoạt động của LLVT địa phương tác chiến phòng thủ huyện (quận)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Chính phủ (2019), *Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019 về KVPT*, Hà Nội.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ KINH PHÍ NGHIỆP VỤ TẠI BINH CHŨNG THÔNG TIN LIÊN LẠC

Đại úy, CN. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN
Học viên Cao học, Học viện Hậu cần

Quản lý kinh phí nghiệp vụ (KPNV) là quá trình tổ chức, điều hành kiểm soát việc thực hiện các chế độ quy định về KPNV theo đúng dự toán ngân sách (DTNS) được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng quản lý KPNV ở Binh chủng Thông tin liên lạc (TTLL) hiện nay.

BINH chủng TTLL được Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng (BQP) ưu tiên xây dựng lực lượng hiện đại. Theo đó, Binh chủng TTLL được đầu tư lớn về ngân sách. Để bảo đảm tài chính đúng, đủ, kịp thời cho nhiệm vụ bảo đảm TTLL thường xuyên, sẵn sàng chiến đấu và các nhiệm vụ đột xuất; thời gian qua, ngành Tài chính Binh chủng TTLL đã triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả nhiều giải pháp; trong đó, quản lý KPNV luôn được đặc biệt quan tâm.

Nhìn chung, việc bảo đảm và quản lý chi KPNV ở Binh chủng TTLL cơ bản đã thực hiện đúng các nội dung của Luật ngân sách nhà nước (NSNN) và các nguyên tắc, quy định của BQP, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Cấp ủy, chỉ huy các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và từng bước đưa công tác quản lý KPNV đi vào nền nếp. Việc điều hành ngân sách về cơ bản đã thực hiện đúng cơ chế: Chất lượng lập DTNS của Binh chủng ngày càng tốt hơn, DTNS đã phản ánh nhu cầu trong cân đối chung của ngân sách quốc phòng (NSQP); đã quán triệt định hướng và hướng dẫn cấp trên về tăng cường phân cấp, tăng tự chủ về ngân sách cho đơn vị cấp dưới, hạn chế cấp hiện vật, tăng phân cấp bằng tiền cho các đơn vị.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý KPNV ở Binh

chủng TTLL vẫn còn có những hạn chế, bất cập: Chất lượng công tác lập DTNS có một số nội dung chưa cao, lập DTNS còn cao hơn so với khả năng đảm bảo của trên. Việc phân bổ chi tiêu ngân sách KPNV có nội dung còn mang tính dàn trải, bình quân cho các đơn vị. Quá trình chấp hành ngân sách, chi tiêu KPNV ở một số đơn vị trực thuộc vẫn còn có nội dung chi chưa đúng mục lục ngân sách. Công tác bảo đảm đã theo tiến độ chi ngân sách và yêu cầu nhiệm vụ; song, việc tập hợp hồ sơ chứng từ quyết toán một số khoản chi còn chậm, tập trung chủ yếu chi tiêu và thanh quyết toán dồn vào các tháng, quý cuối năm. Thực hiện vai trò kiểm soát chi của cơ quan tài chính trong sử dụng ngân sách chi KPNV ở một số đơn vị cơ sở còn giản đơn, chưa có biện pháp kiểm soát chi phù hợp. Nhiều nội dung chi chưa xây dựng được định mức; một số định mức chi được xây dựng từ những năm trước, đến nay không còn phù hợp nhưng chưa được nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế trên, trong đó nổi lên là: (1). Việc quán triệt Nghị quyết của Thường vụ Quân ủy Trung ương về công tác Tài chính Quân đội có thời điểm chưa được sâu sắc; (2). Chưa thực sự chú trọng trong thực hiện chu trình quản lý KPNV; (3). Việc kiểm soát chi ngân

sách, công tác kiểm tra tài chính có lúc chưa chặt chẽ; (4). Công tác chỉ đạo xây dựng hệ thống định mức chi, định mức phân bổ ngân sách, chế độ tiêu chuẩn chưa theo kịp sự thay đổi của khung khổ pháp lý...

Từ thực trạng, nguyên nhân, để nâng cao chất lượng quản lý KPNV tại Binh chủng TTLL, thời gian tới, ngành Tài chính Binh chủng cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tài chính nói chung và quản lý KPNV nói riêng. Đây là yếu tố quyết định, điều kiện tiên quyết bảo đảm cho công tác quản lý KPNV của Binh chủng được triển khai đúng nhiệm vụ, đúng pháp luật và quy định của ngành Tài chính. Theo đó, Đảng ủy Binh chủng TTLL cần lãnh đạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức đối với công tác tài chính; lãnh đạo trực tiếp công tác nghiệp vụ tài chính trong quá trình hoạt động của các phòng, ban nghiệp vụ, các cơ quan và cá nhân có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Đảng ủy thực hiện sự lãnh đạo trực tiếp công tác lập, chấp hành và quyết toán ngân sách thông qua xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm quy chế lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tài chính. Trên cơ sở quy chế lãnh đạo, Đảng ủy cần ban hành các quyết định, nghị quyết chuyên đề hoặc đưa vào nghị quyết lãnh đạo của Đảng ủy Binh chủng về quản lý KPNV.

Cùng với tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, cần nâng cao năng lực quản lý và điều hành ngân sách của người chỉ huy đơn vị. Người chỉ huy là chủ tài khoản của đơn vị, chịu trách nhiệm về các quyết định liên quan đến quản lý ngân sách. Vì vậy, người chỉ huy đơn vị cần nắm chắc những vấn đề cơ bản về công tác tài chính và nghiệp vụ tài chính, nội dung công việc và nhiệm vụ trong quản lý và điều hành ngân sách của đơn vị.

Hai là, nâng cao chất lượng thực hiện chu trình quản lý KPNV. Nâng cao chất lượng công tác lập dự toán KPNV ở Binh chủng đòi hỏi công tác lập dự toán ngân sách phải bám sát căn cứ lập dự toán ngân sách, như: Phương hướng nhiệm vụ của từng ngành, đơn vị, tổ chức biên chế, trang bị, chế độ, tiêu chuẩn, định mức. Những căn cứ để lập dự toán, gồm loại phải dự tính, dự báo tương đối khoa học và chính xác như quân số, định hướng nhiệm vụ, nội dung, mức độ công tác; loại phải tuân thủ định mức, chế độ, tiêu chuẩn mang tính tương đối ổn định. Coi trọng việc tổng kết rút kinh nghiệm từ công tác lập dự toán ngân sách của những năm trước để lập dự toán ngân sách năm kế hoạch có độ chính xác và tính khả thi cao. Trên cơ sở số liệu quyết toán, cần phân tích đánh giá toàn diện tình hình bảo đảm và quản lý KPNV, kết quả sử dụng kinh phí cả phần các nghiệp vụ tự chi và phần phân cấp cho các ngành, đơn vị cấp dưới trực thuộc, cả phần bảo đảm bằng tiền và phần bảo đảm bằng hiện vật, cả nội dung kinh tế và tính pháp lý; vừa khái quát hệ thống vừa chi tiết, cụ thể ở từng nội dung chi kinh phí, từng đầu mối đơn vị trực thuộc.

Ba là, tăng cường kiểm soát chi ngân sách, làm tốt công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi kinh phí nghiệp vụ. Kiểm soát chi là một trong những nội dung quan trọng của quá trình quản lý KPNV nhằm bảo đảm cho quá trình chấp hành ngân sách thực hiện đúng quy định của pháp luật, sử dụng kinh phí đúng nội dung, đúng mục đích, tiết kiệm hiệu quả cao, công tác bảo đảm và quản lý KPNV thực hiện đúng nguyên tắc, chặt chẽ, hạn chế lãng phí, tham ô, đáp ứng yêu cầu tài chính cho hoàn thành nhiệm vụ các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật... của Binh chủng. Hoạt động kiểm soát chi KPNV phải thực hiện

đúng nguyên tắc, yêu cầu đặt ra. Để tăng cường kiểm soát chi, các cấp, các ngành cần chú trọng công tác giáo dục bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên tài chính, người làm công tác quản lý kinh phí, nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, phát huy vai trò tham mưu cho cấp ủy, chỉ huy đơn vị.

Bốn là, quán triệt và thực hiện tốt cơ chế quản lý tài chính nói chung và quản lý chi KPNV nói riêng theo Luật NSNN. Cần phải giáo dục, quán triệt cho mọi cơ quan, đơn vị và các cá nhân có chi tiêu sử dụng kinh phí nhận thức rõ việc chi tiêu, sử dụng kinh phí ở đơn vị là sử dụng NSNN và chịu sự điều tiết của Luật trong các khâu lập, chấp hành, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và quyết toán ngân sách. Luật NSNN còn quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan khi sử dụng NSNN. Mọi hành vi vi phạm một trong các khâu của quy trình quản lý ngân sách đều là vi phạm pháp luật.

Năm là, thực hiện thí điểm khoán chi đối với một số nội dung chi KPNV. Đối với hình thức khoán tổng mức chi KPNV ngành cho các đơn vị dự toán ngân sách, Binh chủng cần lựa chọn khoán thí điểm trước khi nhân rộng. Cần khoán chi ở những đơn vị có chức năng, nhiệm vụ ổn định, có sự đoàn kết nội bộ tốt và được sự đồng thuận của cán bộ, chiến sĩ về chủ trương khoán chi. Trước hết, cần khoán ở một số mục chi KPNV như: Chi sử dụng kinh phí điện nước sinh hoạt, chi thông tin liên lạc, chi vật tư văn phòng, chi công tác phí, chi hội nghị, chi tiếp khách... Bởi đây là các khoản chi liên quan trực tiếp tới ý thức tiết kiệm của bộ đội. Để thực hiện tốt việc thí điểm khoán chi, các đơn vị cần thống nhất nhận thức về khoán chi; tăng cường trách nhiệm khi sử dụng vốn kinh phí và đảm bảo công bằng, công khai kinh phí trong đơn vị.

Sáu là, nghiên cứu xây dựng và ban hành định mức chi KPNV tiên tiến, phù hợp

với thực tế. Trước hết, cần sửa đổi và xây dựng các định mức chi kinh phí phù hợp với khả năng ngân sách được cấp của từng thời kỳ nhất định và coi đây là những khoản chi tối thiểu, cần thiết, nhằm đảm bảo cho bộ máy của cơ quan đơn vị được hoạt động bình thường. Xây dựng định mức chi KPNV phải trên cơ sở xác định định mức sử dụng các loại vật tư, văn phòng trung bình và quân số được biên chế phù hợp với từng cấp. Về lâu dài, cần thực hiện định mức chi theo công việc có tính tới đặc thù của từng ngành, từng lĩnh vực. Song, trước mắt, ngành Tài chính Binh chủng TTLL cần rà soát tiêu chuẩn, chế độ quy định đang áp dụng để đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế độ chưa hoàn chỉnh, như: Định mức sử dụng các loại tài sản công, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại, chế độ sử dụng vật tư văn phòng phẩm, chế độ chi tiếp khách, chế độ công tác phí, trang bị chính trị...

Nâng cao chất lượng quản lý KPNV có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Binh chủng TTLL. Tăng cường công tác điều hành quản lý, sử dụng KPNV trong giai đoạn hiện nay là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, liên quan đến phương hướng, nhiệm vụ của nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều đơn vị. Vì vậy, ngành Tài chính Binh chủng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Đề án đổi mới cơ chế quản lý tài chính Quân đội theo Luật NSNN năm 2015, giai đoạn 2018 - 2025 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

2. Bộ Quốc phòng (2020), *Điều lệ công tác Tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN TRẬN THEN CHỐT ĐÁNH ĐỊCH TIẾN CÔNG ĐƯỜNG BỘ CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Thượng tá, ThS. ĐOÀN VĂN LUÂN
Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Logistics material supply is a content of logistics support, which has an important role, affecting the battle's outcome. Based on theoretical and practical research, the article proposes a number of measures in order to material supply for the pivotal battle fighting against the enemy's road attacks of the counter-attack campaign in the military region defensive operation within mixed terrain on the Northern battlefield.

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) là một nội dung của bảo đảm hậu cần (BĐHC), có ý nghĩa và vai trò quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả của trận đánh. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn, bài viết đề xuất một số biện pháp bảo đảm VCHC trận then chốt (TTC) đánh địch tiến công đường bộ (TCĐB) chiến dịch phản công (CDPC) trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK), ở địa hình hỗn hợp trên chiến trường miền Bắc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trận then chốt đánh địch TCĐB là một trong các trận đánh của CDPC, có ý nghĩa quan trọng, quyết định của chiến dịch. Để TTC giành thắng lợi phải thực hiện tốt các mặt bảo đảm, trong đó bảo đảm VCHC đầy đủ, kịp thời, chính xác, góp phần tạo sức mạnh, duy trì khả năng chiến đấu liên tục cho TTC đi đến thắng lợi. Thực tiễn bảo đảm VCHC trận then chốt đánh địch tiến công đường bộ CDPC trong chiến tranh giải phóng đã để lại nhiều kinh nghiệm quý, có thể kế thừa, vận dụng. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố về địch, ta và môi trường tác chiến có những thay đổi. Vì vậy, BĐHC nói chung và bảo đảm VCHC cho TTC nói riêng cần được nghiên cứu, phát triển cho phù hợp..

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của TTC đánh địch TCĐB chiến dịch phản công trong tác chiến PTQK là dBB (bộ binh cơ giới) hoặc SCH lữ đoàn địch trên hướng tiến công chủ yếu, thứ yếu hoặc trên hướng (mũi) vu hồi, đã bị các lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương ngăn chặn, cài xen kẽ, lực lượng bị tiêu hao tổn thất, chia cắt với lực lượng phía sau và các bộ phận khác. Quá trình địch tiến công theo đường bộ đánh chiếm các mục tiêu, với ưu thế về tác chiến điện tử và không gian mạng, được chi viện hỏa lực mạnh từ xa, cường độ cao. Trận then chốt đánh địch TCĐB trong CDPC thường vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu; tổ chức sử dụng nhiều lực lượng, vũ khí và phương tiện,... Hậu cần chiến dịch (HCCD) phải tập trung ưu tiên bảo đảm, vật chất bảo đảm nhiều chủng loại, tính chất bảo đảm phức tạp. Quá trình tác chiến có thể diễn ra nhiều tình huống phức tạp, HCCD vừa bảo đảm, vừa phải điều chỉnh lực lượng, VCHC để đáp ứng yêu cầu các nhiệm vụ. Mặt khác, hoạt động vận chuyển, bổ sung, dự trữ dễ bị địch phát hiện, đánh phá ngăn chặn, tổn thất về đạn, VCHC lớn. Bảo đảm VCHC trong điều kiện hậu cần KVPT chuẩn bị trước từ thời

bình, tuy nhiên, quân khu mở CDPC khi đã trải qua một giai đoạn tác chiến, hậu cần KVPT bị tiêu hao, tổn thất. Vì vậy, để bảo đảm tốt VCHC cho TTC, hậu cần chiến dịch cần thực hiện một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, xác định đúng nhu cầu, phân cấp dự trữ vật chất phù hợp với nhiệm vụ và khả năng mang theo khi cơ động.

Đây là biện pháp quan trọng nhằm chỉ đạo việc tính toán nhu cầu vật chất cho trận đánh, phân cấp vật chất phù hợp với từng nhiệm vụ, khả năng cơ động của từng lực lượng tham gia TTC. Thực tiễn, trong CDPC Đường 9-Nam Lào, sử dụng eBB64/fBB320 được tăng cường xe tăng, pháo binh đánh TTC mở đầu tiêu diệt sở chỉ huy Lữ 3 dù, Tiểu đoàn 3 dù và 1 tiểu đoàn pháo binh ở Điểm cao 543. Để bảo đảm cho trận đánh Điểm cao 543 (từ 20 đến 25/02/1971), HCCD tách một bộ phận hậu cần từ CCHC phía sau triển khai ở Cha Lỳ, tiếp nhận vật chất ở cụm hậu cần Q3, Binh trạm 27 khẩn trương bổ sung vật chất cho eBB64/fBB320 vừa cơ động phía sau lên có đủ đạn dược, lương thực thực phẩm (LTTP). Tuy nhiên, trong quá trình chiến đấu, VCHC mang theo bị tổn thất lớn, lượng mang theo khi bước vào trận đánh không đáp ứng đủ nhu cầu, bổ sung chưa kịp thời.

Căn cứ vào nhiệm vụ, cách đánh, khả năng mang theo của từng lực lượng; HCCD phải nắm chắc nhiệm vụ đơn vị, quyết tâm tác chiến của người chỉ huy để tổ chức phân cấp cho phù hợp. Cụ thể: (1) Đối với lực lượng các binh chủng tham gia TTC, do thời gian tác chiến ngắn hơn, trong quá trình thực hành chiến đấu phải thường xuyên cơ động, di chuyển, có thể tận dụng phương tiện cơ giới có sẵn, nên dự trữ từ 6 ÷ 7 ngày LTTP, 2 ÷ 3 ngày lương khô, 1 cơ số xăng dầu là phù hợp. (2) Đối với lực lượng cơ động và lực lượng còn lại: đây là lực lượng chủ yếu, nòng cốt, quá trình chiến đấu thường xuyên cơ động do vậy phải tổ chức

dự trữ gọn nhẹ, phù hợp với khả năng mang theo của đơn vị nhưng phải đáp ứng nhu cầu chiến đấu. Dự trữ đủ bảo đảm 3 ngày lương khô; 5 ngày LTTP; 1,6 cơ số xăng dầu; 13% quân trang tổn thất; 100% quân trang chiến đấu; 100% quân lương chiến đấu, 14% thuốc chiến thương ... thì phù hợp với khả năng mang theo, đồng thời bảo đảm khả năng cơ động trong quá trình chiến đấu. (3) Đối với LLVT địa phương: thường sử dụng để chiến đấu tạo thế, nghi binh... Lực lượng này thường do hậu cần KVPT bảo đảm.

Hai là, chủ động khai thác các nguồn bảo đảm VCHC, triệt để tận dụng nguồn vật chất hậu cần tại chỗ trong bảo đảm.

Đây là biện pháp nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo đảm kịp thời nhu cầu vật chất cho các đơn vị. Thực tiễn, trong CDPC Đường 7 - Đông Bắc Campuchia (04/2÷31/5/1971) sử dụng Sư đoàn 9 đánh TTC mở đầu. Để bảo đảm cho trận đánh, HCCD đã cùng hậu cần Miền vận chuyển gạo từ trong nước sang kết hợp với thu mua LTTP tại địa bàn nên giảm được công sức vận chuyển, nhanh chóng bổ sung vật chất cho Sư đoàn 9 đánh TTC mở đầu thắng lợi.

Xuất phát từ đặc điểm, tính chất TTC đánh địch tiến công đường bộ CDPC thường xuyên cơ động, thời gian chuẩn bị và chiến đấu ngắn nên nguồn tự tăng gia sản xuất thường không có nên phải triệt để tận dụng các nguồn. Ngoài nguồn trên cấp là cơ bản, HCCD còn có thể khai thác, huy động các nguồn khác tại địa bàn, nguồn thu được của địch (nếu có). Để thực hiện biện pháp này, HCCD cần nắm chắc các nguồn và có biện pháp huy động, khai thác cho hiệu quả, bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt VCHC cho TTC. Mặt khác HCCD cần căn cứ vào phương án tổ chức sử dụng lực lượng, quyết tâm tác chiến của Tư lệnh chiến dịch, khả năng của HCCD và hậu cần đơn vị để xác định phương án bổ sung vật chất cho phù hợp. Quá trình bảo đảm vật chất cần

ưu tiên tập trung cả về lực lượng, phương tiện, VCHC; bổ sung kịp thời, đầy đủ cho lực lượng tiến công trên các hướng ở tất cả các giai đoạn, trong các thời điểm. Trong giai đoạn chuẩn bị, HCCD kết hợp chặt chẽ tiếp nhận VCHC của cấp trên với khai thác tại KVPT để bổ sung đầy đủ, kịp thời mọi VCHC cho TTC đủ lượng phải có trước giờ quy định. Sử dụng VCHC trong các CCHC và phân CCHC gần khu vực tác chiến để bổ sung, ưu tiên bổ sung đủ cho lực lượng cơ động tiến công trên các hướng. Quá trình thực hành chiến đấu, HCCD sử dụng các CCHC và phân CCHC gần khu vực tác chiến, tập trung bổ sung VCHC cho các lực lượng tiến công (chủ yếu, thứ yếu,...) và lực lượng các binh chủng. Đối với các lực lượng chiến đấu phân tán, nhỏ lẻ như lực lượng tạo thế, nghi binh,... hoặc trong trường hợp trận đánh địch tiến công đường bộ diễn ra ngoài khu vực dự kiến, xa các CCHC và phân CCHC thì HCCD phải hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần KVPT. Đối với nguồn thu được của địch, HCCD cần tổ chức chỉ đạo thu hồi, kiểm tra, quản lý chặt chẽ để bổ sung vào lượng dự trữ chiến đấu và chỉ đạo bộ đội sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

Ba là, kết hợp vận tải cơ giới của chiến dịch với các lực lượng vận tải trên địa bàn tác chiến, thực hiện vận chuyển bổ sung vật chất vượt cấp cho trận đánh.

Đây là biện pháp nhằm vận dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp vận chuyển bổ sung vật chất kịp thời theo yêu cầu trận đánh. Thực tiễn, để nhanh chóng bổ sung gạo và vật chất cho Sư đoàn 9 đánh TTC mở đầu trong CDPC Đường 7 - Đông

Bắc Campuchia, HCCD đã kết hợp với hậu cần Miền chỉ đạo sử dụng vận tải cơ giới tập trung ưu tiên vận chuyển cho trận đánh. Để thực hiện biện pháp trên HCCD phải tiến hành tốt một số nội dung sau: Chuẩn bị VCHC cho trận đánh phải được thực hiện khẩn trương, chu đáo về mọi mặt, sẵn sàng cơ động LLHC bảo đảm cho các tình huống tác chiến giành thắng lợi. Chủ động hiệp đồng hậu cần KVPT trên địa bàn tác chiến, kết hợp với lực lượng vận tải cơ giới của hậu cần KVPT và của các thành phần khác trên địa bàn tác chiến, thực hành chuyển thẳng VCHC cho trận đánh. Tổ chức LLHC cơ động mạnh, sẵn sàng cơ động bổ sung vật chất vượt cấp cho trận đánh.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC trận then chốt đánh địch TCĐB chiến dịch phản công trong tác chiến PTQK là một nội dung quan trọng cần được quan tâm nghiên cứu và giải quyết triệt để. Những biện pháp nêu trên chỉ là bước đầu, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, cả ta và địch đều có sự phát triển, do đó cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển để ngày càng hoàn thiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2011), *Bảo đảm hậu cần chiến dịch phản công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2011), *Nghệ thuật chiến dịch phản công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2012), *Tổng kết công tác hậu cần chiến dịch phản công trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

TỔ CHỨC VẬN CHUYỂN THƯƠNG BINH TRUNG ĐOÀN BỘ BINH CHIẾN ĐẤU TẬP KÍCH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG MÙA NƯỚC NỔI

Trung tá, TS. ĐINH VĂN ĐỒNG

Ban Khảo thí và bảo đảm chất lượng GDĐT, Học viện Hậu cần

Đại úy, CN. TRẦN TUẤN ANH

Học viên Cao học, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Arranging the transport of wounded soldiers is of utmost importance, directly impacting the treatment of wounded soldiers at medical facilities and the outcome of battles. Based on the analysis of relevant factors, in this article are proposed solutions for arranging the transport of wounded soldiers of the infantry regiment conducting ambush operations in the Mekong Delta during the flood season.

I. TÓM TẮT

Tổ chức vận chuyển thương binh có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ cứu chữa thương binh ở các tuyến quân y và kết quả trận đánh. Trên cơ sở phân tích các yếu tố liên quan, bài viết đề cập một số giải pháp tổ chức vận chuyển thương binh trung đoàn bộ binh chiến đấu tập kích (CĐTK) ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) mùa nước nổi.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trung đoàn bộ binh CĐTK nhằm tiêu diệt địch tạm dừng, tạo thế và thời cơ có lợi cho các hoạt động tiếp theo của cấp trên và lực lượng vũ trang địa phương. Do CĐTK thường mang tính bí mật rất cao; tính cơ động, khẩn trương lớn nên nhiệm vụ vận chuyển thương binh của trung đoàn bộ binh sẽ rất khó khăn. Hơn nữa, trong mùa nước nổi, địa bàn ĐBSCL rất trống trải, khó cơ động, địch dễ trinh sát, đánh phá nên vận chuyển thương binh của trung đoàn bộ binh càng thêm khó khăn, phức tạp hơn.

Hiện nay, một số trung đoàn bộ binh đứng chân trên địa bàn ĐBSCL, khi diễn tập, đã vận dụng, kế thừa những kinh nghiệm tổ chức vận chuyển thương binh được đúc rút từ kháng chiến chống Mỹ; qua đó, đã thu

được kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, trong tổ chức vận chuyển thương binh bảo đảm cho đơn vị CĐTK vẫn còn một số nội dung chưa được giải quyết triệt để, đó là: Phương án tổ chức lực lượng chuyển thương và vận dụng phương pháp vận chuyển thương binh, bệnh binh (TBBS) chưa phù hợp với điều kiện chiến đấu ở ĐBSCL mùa nước nổi; việc phát huy vai trò của lực lượng vận tải huy động trong tìm kiếm, vận chuyển TBBS chưa hiệu quả; xác định biện pháp bảo đảm an toàn khi tiếp nhận vận chuyển TBBS trên sông nước chưa cụ thể... Những tồn tại đó rất cần được khắc phục. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để tìm giải pháp tổ chức vận chuyển thương binh trung đoàn bộ binh CĐTK ở ĐBSCL mùa nước nổi mang tính cấp thiết.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng CĐTK của trung đoàn bộ binh ở ĐBSCL là tiểu đoàn bộ binh địch tạm dừng. Địch có thể tận dụng những xóm, ấp nhỏ, vườn cây dọc hai bên trục đường, bờ kênh rạch lớn hoặc gò đồng trên cánh đồng để bố trí đội hình. Quá trình tạm dừng, địch rất chú trọng cảnh giới, trinh sát phát hiện ta từ xa bằng các phương tiện hiện đại. Chúng

có thể cơ động, điều chỉnh đội hình tạm dừng để đánh lạc hướng ta; sử dụng hỏa lực, vũ khí công nghệ cao đánh phá những nơi nghi ngờ và chống trả quyết liệt khi bị ta tiến công.

Trong tiến công địch tạm dừng, trung đoàn thường tổ chức thành các bộ phận: Bộ phận tập kích trên hướng chủ yếu; tập kích trên hướng thứ yếu; dự bị binh chủng hợp thành; hỏa lực; công binh, hóa học; sở chỉ huy; hậu cần - kỹ thuật. Các bộ phận được triển khai từ nhiều hướng, tạo thành các mũi bao vây áp sát địch; bất ngờ nổ súng đánh nhanh, diệt gọn và lui quân nhanh. Vì vậy, thời gian chuẩn bị cho nhiệm vụ vận chuyển TBBB rất ngắn, tính chất khẩn trương, biến động cao, địa bàn chiến đấu bị chia cắt, bao bọc bởi đồng nước. Trong khi đó, khả năng vận chuyển TBBB của trung đoàn có hạn, thương binh phân tán, rải rác trên các hướng, mũi. Tuy nhiên, trung đoàn chiến đấu trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện và trong thế chiến tranh nhân dân được chuẩn bị trước nên trung đoàn có điều kiện huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn tham gia vận chuyển TBBB.

Để vận chuyển TBBB về các tuyến quân y cứu chữa kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ CĐTK của trung đoàn ở ĐBSCL mùa nước nổi cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tổ chức lực lượng tải thương và vận dụng các phương pháp vận chuyển thương binh linh hoạt. Trung đoàn bộ binh CĐTK có thời gian chiến đấu rất ngắn, phải giải quyết trận đánh trong đêm và tổ chức lui quân ngay trước khi trời sáng, nhiệm vụ vận chuyển TBBB đòi hỏi phải khẩn trương, chu đáo để tạo thuận lợi cho trung đoàn tổ chức lui quân nhanh chóng và an toàn. Mặt khác, trong quá trình chiến đấu, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, vận dụng linh hoạt các thủ đoạn chiến đấu, diễn biến chiến đấu nhanh, TBBB nằm rải rác, phân tán. Hơn nữa, địa bàn chiến đấu bị chia cắt và bao

bọc bởi đồng nước, khả năng TBBB nhẹ tự đi được là rất thấp, việc vận chuyển TBBB trong điều kiện địa bàn sông nước rất khó khăn. Vì vậy, để tránh ùn tắc TBBB ở các tuyến quân y, tạo thuận lợi cho trung đoàn lui quân nhanh chóng cần phải tổ chức lực lượng tải thương và vận dụng linh hoạt các phương pháp vận chuyển TBBB. Thực tiễn, trong trận tập kích tại cánh đồng Sáu Kim của eBB20/fBB4 (đêm 28 rạng 29/9/1973), hậu cần trung đoàn đã tổ chức lực lượng tải thương ở các cấp, trong đó ở tuyến đại đội có các tổ tải thương bằng cáng bộ để vận chuyển thương binh từ hỏa tuyến ra vị trí giấu TBBB ở các bờ kênh, rạch, sau đó các tổ tải thương bằng vận tải thủy (VTT) của tiểu đoàn và trung đoàn chuyển về tuyến sau bằng xuồng chèo tay; riêng vận chuyển TBBB từ tuyến trung đoàn gửi vào bệnh viện huyện Gò Quao và đội điều trị 901B được vận chuyển bằng xuồng, ghe gắn máy.

Kế thừa kinh nghiệm đó, hậu cần trung đoàn cần chỉ đạo các tiểu đoàn tổ chức các tổ tải thương xung kích, gồm cả vận tải bộ (VTB) và VTT, bám sát các đại đội để tìm kiếm và chuyển nhanh TBBB về tuyến quân y tiểu đoàn hoặc trạm y tế xã gần nhất. Khi đồng nước có mực nước thuận lợi cho VTT thô sơ cơ động thì mở các luồng vận chuyển với đường ngắn nhất để giảm thời gian vận chuyển TBBB và không bị lạc trên đồng nước vào ban đêm. Khi đồng nước có mực nước thấp, VTT thô sơ khó cơ động thì tận dụng hệ thống kênh, rạch... để vận chuyển TBBB.

Hậu cần trung đoàn tổ chức các tổ, đội tải thương từ 2÷3 thuyền, xuồng kết hợp với VTB bám sát các tiểu đoàn bộ binh, trận địa hỏa lực trên từng hướng, mũi chiến đấu để kịp thời vận chuyển thương binh về quân y trung đoàn hoặc các cơ sở y tế tuyến huyện gần nhất. Khi thương binh dồn dập ở tuyến dưới, yêu cầu vận chuyển khẩn trương thì các tổ, đội tải thương phải xuống đến các đại đội bộ binh để tiếp nhận thương binh

(thực hiện vận chuyển vượt cấp). Trường hợp luồng lạch không thuận lợi cho VTT vận chuyển thẳng thì sử dụng cách bố trí tại các vị trí mà VTT không thể cơ động được để vận chuyển TBBB ra các bến bãi, vị trí tiếp nhận của VTT. Sử dụng các phương tiện VTT thô sơ gồm: thuyền, xuồng loại nhỏ, hoặc các loại phao, bè mảng... bám sát bộ đội, những nơi gần địch để hạn chế trinh sát, phát hiện của địch; đồng thời, luồn lách qua các mương liếp được thuận lợi, tiếp cận đội hình chiến đấu để vận chuyển TBBB. Những phương tiện VTT cơ giới nhỏ, được gắn máy đẩy (trọng tải dưới 3 tấn), thường sử dụng ở những khu vực xa địch hoặc thời điểm địch khó phát hiện. Ngoài việc tổ chức riêng lực lượng tải thương, hậu cần trung đoàn còn kết hợp vận chuyển vật chất bổ sung cho các đơn vị với vận chuyển TBBB về tuyến sau.

Hai là, huy động lực lượng, phương tiện tại khu vực phòng thủ tham gia tìm kiếm, vận chuyển thương binh, bệnh binh. Trung đoàn bộ binh CĐTK trong thời gian rất ngắn, tính chất khẩn trương trong điều kiện đêm tối, địa bàn sông nước và phải giải quyết hậu quả trận đánh nhanh để trung đoàn lui quân trước khi trời sáng nên việc tìm kiếm, vận chuyển TBBB rất khó khăn, yêu cầu khẩn trương, trong khi khả năng vận chuyển TBBB của lực lượng vận tải trung đoàn có hạn. Mặt khác, trung đoàn chiến đấu trong khu vực phòng thủ địa phương nên có điều kiện huy động lực lượng, phương tiện. Vì vậy, việc huy động lực lượng, phương tiện tại khu vực phòng thủ để tìm kiếm, vận chuyển TBBB là rất cần thiết. Thực tiễn, trong trận tập kích địch tại cánh đồng Sáu Kim của eBB20/fBB4 (đêm 28 rạng 29/9/1973), hậu cần trung đoàn đã huy động ở xã Vĩnh Hòa Hưng và xã Hòa Thuận được 50 dân công và gần 35 xuồng. Hoặc, trong trận tập kích địch tại ấp Long Điền của eBB1/fBB8 (đêm 27 rạng 28/4/1975), để đáp ứng nhu cầu vận chuyển bảo đảm cho chiến đấu, hậu cần trung đoàn

đã huy động ở xã Tam Hiệp được 1 trung đội dân công và 30 xuồng, ghe. Với lực lượng và phương tiện huy động đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển TBBB trận đánh.

Lực lượng huy động tại địa phương thường là dân quân tự vệ hoặc một bộ phận nhân dân chưa sơ tán. Đây là lực lượng rất thông thạo địa hình, mạng luồng lạch, biết sử dụng các phương tiện VTT thô sơ, cơ giới nhỏ, được xây dựng huấn luyện vững mạnh cả về số lượng và chất lượng nên thuận lợi cho việc tìm kiếm, vận chuyển TBBB. Khi sử dụng lực lượng huy động tham gia tìm kiếm, vận chuyển TBBB cần kết hợp với lực lượng vận tải chuyên nghiệp của trung đoàn và lấy vận tải chuyên nghiệp làm nòng cốt, tổ chức thành các tổ, đội tải thương cơ động bám sát các hướng, mũi chiến đấu để tìm kiếm, tiếp nhận, vận chuyển TBBB về tuyến sau.

Để thực hiện tốt việc huy động, hậu cần trung đoàn phải trên cơ sở nhu cầu vận chuyển, cân đối với khả năng của vận tải trung đoàn để tính toán, xác định cụ thể về số lượng, chủng loại phương tiện cần huy động. Trên cơ sở đó, hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần khu vực phòng thủ về số lượng, chủng loại phương tiện, nhất là phương tiện VTT. Phối hợp với hậu cần khu vực phòng thủ nắm chắc số lượng, chất lượng lực lượng, phương tiện huy động, và hiệp đồng chặt chẽ trong tiếp nhận, tổ chức chỉ huy, bảo đảm trong quá trình chuyển thương. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm, vận chuyển TBBB cần phải hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị và địa phương, phân cấp tìm kiếm, vận chuyển TBBB trên các hướng phù hợp.

Ba là, thực hiện tốt các biện pháp bảo đảm an toàn trong tiếp nhận, vận chuyển TBBB trên sông nước. Việc bảo đảm an toàn trong tiếp nhận, vận chuyển thương binh trên sông nước có vai trò quan trọng, nhằm bảo đảm an toàn, kịp thời đưa TBBB về các tuyến cứu chữa nhanh chóng, giảm tỷ lệ tử vong, tàn phế. Hơn nữa, khi thực hiện các biện

pháp bảo đảm an toàn trong tiếp nhận, vận chuyển thương binh ở địa bàn sông nước khó khăn hơn so với tiếp nhận, vận chuyển bằng đường bộ. Nếu như việc tiếp nhận, vận chuyển thương binh bằng đường bộ có điều kiện lợi dụng hầm hào, vật che đỡ thì tiếp nhận vận chuyển TBBB bằng thuyền, xuồng hoạt động trên sông nước trống trải rất dễ bị địch phát hiện, gặp khó khăn trong việc che giấu và thường phải độc lập bảo vệ. Khi địch đánh phá trên luồng lạch vận chuyển cũng dễ gây mất an toàn, phương tiện có thể chìm đắm gây ra tổn thất, việc cứu nạn cũng khó khăn hơn. Vì vậy, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong tiếp nhận, vận chuyển thương binh trên sông nước là rất quan trọng. Trong trận CĐTK địch tại cánh đồng Sáu Kim của eBB20/fBB4, khi hỏa lực địch đánh phá luồng lạch vận chuyển, lực lượng tải thương đã nhanh chóng cho xuồng, ghe ép sát vào bờ kênh rạch, đồng thời tìm luồng lạch vòng tránh để bảo đảm an toàn TBBB.

Khi VTT tiếp nhận TBBB tại các trạm quân y hoặc các vị trí tập trung thương binh có thể dùng cầu, hoặc cho phương tiện cập mạn, neo đậu phương tiện chắc chắn với các địa vật xung quanh, sau đó khiêng cáng hoặc diu TBBB lên, xuống được thuận tiện và an toàn. Khi phải nhận TBBB ngay trên sông nước, cần phải ghim giữ phương tiện chắc chắn; để bảo đảm an toàn, chống chìm, chống lật cần phải vận dụng một số cách sau: Bố trí người đứng ngoài phương tiện để nâng đỡ thương binh; tạo ra đối trọng để nâng thương binh; liên kết các phương tiện giữ ổn định để đưa thương binh lên... Việc bố trí TBBB trên thuyền, xuồng có thể sắp xếp xen kẽ giữa thương binh nằm với thương binh ngồi, thương binh nằm được đặt trên cáng hoặc nằm trực tiếp xuống mặt sàn dọc theo thuyền, xuồng.

Trong quá trình vận chuyển TBBB trên sông nước khi có tình huống về địch phải lấy các biện pháp phòng tránh là chính và

phải có phương án bảo vệ cụ thể; triệt để lợi dụng địa hình, địa vật ven sông, kênh rạch để tạo thế che đỡ, che khuất, làm nơi ẩn nấp; chú trọng nguy trang, nghi trang người và phương tiện phù hợp với điều kiện chuyển thương trong đêm tối; chỉ huy vận chuyển chủ động, quyết đoán, linh hoạt, đồng thời tổ chức các tổ, đội tải thương cùng với đội hình vận chuyển phù hợp, có thể phân tán nhanh thoát khỏi khu vực nguy hiểm, đối phó có hiệu quả trước các phương tiện trinh sát và thủ đoạn đánh phá của địch; sử dụng các đường (luồng lạch) dự bị để vận chuyển trong tình huống địch ngăn chặn quyết liệt; nhanh chóng thực hiện các phương án cứu hộ khắc phục tổn thất để bảo đảm an toàn về người và phương tiện.

IV. KẾT LUẬN

Tổ chức vận chuyển TBBB có ý nghĩa quan trọng, góp phần khôi phục, giữ vững sức chiến đấu, giảm tỷ lệ tử vong, tàn phế và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ của trung đoàn. Vì vậy, để làm tốt việc vận chuyển TBBB trong trận đánh cần vận dụng tổng hợp các giải pháp trên; đồng thời, cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm cho chiến đấu thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Trung đoàn bộ binh chiến đấu tập kích ở địa hình đồng bằng*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Cục Hậu cần Quân khu 9 (1985), *Tổng kết hậu cần nhân dân ở ĐBSCL trong kháng chiến chống Mỹ 1954 - 1975*, Cần Thơ.
3. Đinh Văn Đông (2023), *Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh chiến đấu tập kích ở ĐBSCL*, Luận án tiến sĩ khoa học quân sự, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

BẢO VỆ VẬN TẢI TRONG ĐIỀU KIỆN DỊCH SỬ DỤNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

Thượng tá, TS. LÊ QUANG VINH

Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

Bảo vệ vận tải là một nội dung quan trọng của công tác vận tải, gồm tổng thể các biện pháp nhằm bảo đảm an toàn cho lực lượng vận tải, hạn chế thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển. Bài viết trao đổi một số vấn đề cơ bản về bảo vệ vận tải khi dịch sử dụng vũ khí công nghệ cao (VKCNC) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

CHIẾN tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), với ưu thế vượt trội của VKCNC nên ngay từ đầu, địch sẽ khống chế, làm chủ trên không, trên biển, thực hiện đòn tiến công hỏa lực mãnh liệt “làm tê liệt chiến trường”; tập trung vào một số mục tiêu trọng yếu quốc gia như sân bay, bến cảng, đầu mối giao thông, cơ sở kinh tế quan trọng, hệ thống chỉ huy, thông tin, ... các cơ sở công nghiệp quốc phòng; khu vực bố trí quân sự, hậu cần, kỹ thuật các cấp. Vì vậy, ta cần có các biện pháp phòng, tránh đánh trả để bảo vệ các mục tiêu yếu địa, trong đó bảo vệ vận tải là nhiệm vụ quan trọng để bảo đảm an toàn cho lực lượng vận tải, duy trì khả năng vận chuyển sẵn sàng thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ tiếp theo của công tác vận tải.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 - 1975), với trang bị vũ khí hiện đại, Mỹ đã triển khai máy bay không người lái (UAV Ryan Lightning Bug) để ghi lại hình ảnh, rải truyền đơn; hệ thống điện tử nhận diện tên lửa đất đối không, định vị, do thám miền Bắc nước ta. Bên cạnh đó, chúng đã sử dụng 75 kiểu máy bay các loại; 65 tàu chiến, tàu đổ bộ; 18 loại xe tăng, xe thiết giáp; 12 kiểu loại tên lửa; 14 loại bom mìn, 27 loại lựu đạn, đạn hoá học, bom cháy để đánh phá các khu vực trọng yếu, đặc biệt là các tuyến đường vận tải nối liền hậu phương miền Bắc với tiền tuyến miền Nam...gây

thiệt hại to lớn cho lực lượng, phương tiện, trang bị kỹ thuật và vật chất, kỹ thuật vận chuyển của ta.

Các cuộc chiến tranh trên thế giới những năm gần đây cho thấy, VKCNC được sử dụng ngày càng phổ biến và chiếm tỷ trọng ngày càng cao. Theo thống kê, VKCNC lần đầu tiên được sử dụng là trong chiến tranh vùng Vịnh, năm 1991 (chiếm 8%); chiến dịch “Con cáo sa mạc” ở I-rắc (12/1998), VKCNC chiếm 50%; chiến tranh Nam Tư (năm 1999) là 75-80%; chiến tranh Ápganixtan (năm 2001) chiếm 90%; chiến tranh I-rắc (năm 2003) chiếm trên 90%. Cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina càng cho thấy vai trò to lớn của VKCNC. Máy bay không người lái (UAV), “tác chiến không gian mạng”, vũ khí thông minh, robot chiến đấu được liên kết chặt chẽ với nhau giúp quá trình chỉ huy, trinh sát, chỉ điểm, dẫn đường và tấn công mục tiêu rất chính xác, hiệu quả.

Như vậy, có thể thấy sự ra đời và phát triển của VKCNC đã đánh dấu một bước nhảy vọt trong tiến bộ của ngành vũ khí. Với độ chính xác cao, uy lực lớn, khả năng hoạt động tầm xa và có thể thích nghi với điều kiện phức tạp, đạt hiệu quả cao hơn gấp nhiều lần vũ khí thông thường. Làm thay đổi phương thức tiến hành chiến tranh, không gian và thời gian tác chiến, xóa nhòa ranh

giới giữa tiến công và phòng ngự, thúc đẩy sự phát triển các hình thức và phương thức tác chiến, quan hệ các thành tố nghệ thuật quân sự, chi phối đến tổ chức quân đội, tác động rất lớn đến khả năng bảo đảm hậu cần, kỹ thuật. Vì vậy, bảo vệ vận tải gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Tuy nhiên, VKCNC cũng có những hạn chế nhất định, đó là: Hiệu quả của VKCNC phụ thuộc nhiều vào địa hình, thời tiết, khí hậu; việc xử lý số liệu phức tạp nên dễ mất thời cơ đánh phá khi mục tiêu thay đổi; phụ thuộc vào sóng điều khiển nên có thể bị chế áp bởi gây nhiễu điện tử; hạn chế trong nhận biết trận địa, vũ khí giả, nghi binh thấp; nếu lực lượng, phương tiện phân tán, cơ động, di chuyển linh hoạt, nguy trang kín đáo thì cuộc tiến công hỏa lực sẽ bị hạn chế; sử dụng dài ngày sẽ rất tốn kém do chi phí sản xuất cao;... Do đó, trong chiến tranh tương lai, để bảo vệ vận tải cần tập trung vào một số biện pháp chủ yếu như sau:

Một là, triệt để tận dụng và tích cực cải tạo địa hình, xây dựng mạng đường vận tải (MĐVT) bí mật, an toàn, thông suốt. Tận dụng và tích cực cải tạo địa hình là biện pháp quan trọng để bảo đảm an toàn cho đường vận tải. Nước ta 3/4 địa hình được bao bọc là đồi núi, có nhiều rừng cây; đây là đặc điểm thuận lợi chúng ta có thể tận dụng để xây dựng MĐVT bí mật, an toàn, thông suốt bởi lẽ rừng cây có khả năng hấp thụ mạnh bức xạ nhiệt, các sóng rada, hồng ngoại, trinh sát laze, vô hiệu hóa trinh sát quang học. Hệ thống đồi núi tạo ra những dải đất và địa vật không bằng phẳng hình thành nên những góc khuất, vùng không nhìn thấy ảnh hưởng rất lớn đến kết quả trinh sát của đối phương. Rừng cây, đồi núi còn có tác dụng lớn làm giảm sóng xung kích của bom đạn, giảm khả năng đánh trúng mục tiêu. Vì vậy, ngay từ thời bình Ngành Vận tải cần tiến hành khảo sát, đánh giá trên cả bản đồ và thực địa, kịp thời bổ sung, điều chỉnh MĐVT cho phù hợp; tổ

chức nắm chắc tiềm năng giao thông vận tải; chuẩn bị nhiều trục đường (đường dọc, đường ngang, đường nhánh, đường vòng tránh), có đường chính thức, đường dự bị, đường bí mật; kết hợp cả đường có sẵn và soi mở mới, tiết kiệm thời gian và nhân lực trong chuẩn bị MĐVT. Mặt khác, không phải đường nào có sẵn cũng phù hợp với yêu cầu của tác chiến, nên muốn tận dụng được phải cải tạo, sửa chữa (nhưng không phá vỡ, thay đổi hình dáng tự nhiên của địa hình) để biến đường có sẵn thành đường có khả năng phục vụ cho tác chiến; kết hợp chuẩn bị đường cơ giới với chuẩn bị đường thô sơ sức người, đường vận tải thủy, đường sắt, đường hàng không. Chuẩn bị đủ đường phải đi đôi với thường xuyên nâng cao chất lượng đường, bố trí cung trạm hợp lý; tổ chức bảo vệ đường và bảo đảm giao thông.

Thực tiễn, trong chiến kháng chiến chống Mỹ, với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” quân và dân ta đã chủ động, sáng tạo, linh hoạt tận dụng thể che phủ của rừng cây kết hợp với cải tạo địa hình xây dựng đường Trường Sơn huyền thoại bao gồm 05 hệ thống trục dọc, 21 trục ngang, hàng ngàn đường nhánh nối Đông với Tây Trường Sơn, với tổng chiều dài gần 20.000 km đường ô tô, 1.400 km đường dẫn ống xăng dầu, 3.140 km “đường kín” cho xe chạy ban ngày và hàng ngàn cầu cống ngầm là cơ sở hạ tầng bảo đảm vận chuyển liên tục vật chất, cơ động lực lượng, binh khí kỹ thuật vươn tới các hướng chiến trường.

Hai là, làm tốt công tác nguy trang, nghi binh lực lượng, phương tiện vận tải. Trong chiến tranh VKCNC, chiến trường trở lên trong suốt; công tác nguy trang che giấu mục tiêu, lực lượng và nghi trang có vai trò quan trọng bảo đảm cho lực lượng vận tải bí mật, an toàn, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Lực lượng vận tải (LLVT) là mục tiêu động nên phải triệt để tận dụng thể che đỡ,

che khuất của địa hình, màn ngụy trang thiên nhiên; kết hợp chặt chẽ giữa ngụy trang và nghi trang, kỹ thuật thô sơ và hiện đại, giữa kỹ thuật và chiến thuật, tại chỗ và cơ động để chống trinh sát ra đa, hồng ngoại, quang học, âm thanh, trinh sát mặt đất, trên không của địch.

Tại khu vực trú quân, tận dụng các hang động, công trình sẵn có kết hợp với cải tạo, làm mới hầm hào, công sự và ngụy trang kín đáo, nghi trang cho lực lượng, phương tiện vận tải. Có thể sử dụng các biện pháp ngụy trang truyền thống như dùng các tấm đệm (viền của các tấm đệm không được làm vuông vắn để giảm bậc lộ dấu hiệu hình học trước trinh sát quang học), cành cây, vàng cỏ tươi, đồng màu với thiên nhiên, có đủ độ dày cần thiết kết hợp với lưới ngụy trang tổng hợp, hộp khói ngụy trang... chống trinh sát ra đa, hồng ngoại của địch.

Trên các tuyến đường vận chuyển, bên cạnh việc ngụy trang cho người và phương tiện vận chuyển cần chú ý các biện pháp phòng, chống trinh sát điện tử. Trong quá trình vận chuyển, động cơ của phương tiện vận tải tạo ra nhiệt, tiếng ồn nên dễ bị trinh sát điện tử phát hiện. Chủ động nắm kết quả trinh sát của cấp trên, kết hợp với lực lượng chuyên trách của các binh trạm trên đường vận chuyển theo dõi khu vực địch thả máy thu tín hiệu, tổ chức tìm kiếm, phá hủy; giảm nhỏ tiếng ồn của động cơ, tìm đường vòng tránh khu vực có thiết bị trinh sát; tổ chức nghi binh bằng các biện pháp đơn giản như tạo âm thanh giả, chấn động giả tạo tiếng xe trên đường không có xe đi qua...; làm mô hình giả các phương tiện ô tô vận chuyển bằng cao su, tôn, tre nứa ghép xen kẽ với các xe hồng nhằm đánh lừa trinh sát đối phương; ngoài ra, để bảo vệ đội hình vận chuyển cần tổ chức đội hình phân tán, nhỏ lẻ; cải trang xe quân sự thành xe dân

sự hoặc huy động xe dân sự để cùng vận chuyển...

Thực tiễn, trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, để đối phó với hệ thống trinh sát tối tân, hiện đại của đế quốc Mỹ, bộ đội ta đã mưu trí tổ chức xây dựng tuyến đường Trường Sơn theo kiểu đan xen nhau cực kỳ chằng chịt, mỗi khi có khu vực được coi là nghi vấn, ngay lập tức đoàn xe vận tải sẽ được chuyển hướng, di chuyển theo lộ trình khác, vì vậy không những vô hiệu hóa mà còn đánh lừa chúng. Mặt khác, tại các binh trạm thường thành lập các nhóm chuyên trách săn tìm các thiết bị do thám, là những người rất thông thạo trong việc định vị và tháo dỡ chúng, do đó không chỉ cây nhiệt đới mà hàng loạt các thiết bị khác của Mỹ cũng bị vô hiệu hóa.

Ba là, nâng cao khả năng cơ động, dịch chuyển của LLVT. Đây là biện pháp cơ bản, đem lại hiệu quả cao trong phòng, chống VKCNC của địch, bảo vệ an toàn cho LLVT. Trong chiến tranh Xô-viê, Nam Tư đã bố trí nhiều trận địa pháo dự bị được chuẩn bị trước nên khi có lệnh đã di chuyển nhanh chóng, liên quân NATO rất khó tìm thấy mục tiêu đã được chỉ định trước đó để đánh phá. Để nâng cao khả năng cơ động của LLVT, cần chuẩn bị kế hoạch cơ động, dịch chuyển chu đáo, dự kiến được các tình huống dịch chuyển, xác định rõ vị trí dự bị, đường cơ động, thành phần từng lực lượng... phân công và chỉ huy cụ thể, rõ ràng. Tại các khu vực trú quân, khi có dấu hiệu bị lộ, bị địch uy hiếp cần di chuyển ngay sang vị trí dự bị (cách vị trí cũ không quá xa khoảng 200 - 300 m). Quá trình di chuyển phải tổ chức chỉ huy, chỉ đạo chặt chẽ; triệt để tận dụng điều kiện và thời cơ có lợi (đêm tối, sương mù, thời gian giữa các đợt đánh phá của địch...); đội hình cơ động phải gọn, phân tán, hòa vào các hoạt động dân sự thời chiến và ngụy trang phù hợp với môi trường hoạt động; ngoài ra, ngay

từ trong thời bình vận tải các cấp chú trọng huấn luyện, báo động, diễn tập cơ động dịch chuyển lực lượng phù hợp với các tình huống chiến đấu trong điều kiện dịch sử dụng VKCNC.

Bốn là, lựa chọn thời cơ vận chuyển hợp lý, thường xuyên thay đổi quy luật vận chuyển kết hợp với tổ chức chiến đấu bảo vệ LLVT. Tác chiến tương lai, với hệ thống trinh sát trên không và mặt đất hiện đại, các hoạt động vận chuyển dễ bị phát hiện, đánh phá; do đó, lựa chọn thời cơ và thường xuyên thay đổi quy luật vận chuyển sẽ hạn chế được sự trinh sát phát hiện của địch. Trong chiến tranh giữa Nga và Ucraina, quân đội Ucraina sử dụng các UAV thay vì bay lượn trên bầu trời tìm kiếm mục tiêu, sẽ ẩn nấp chờ thời cơ, sẵn sàng tấn công cảm tử vào đoàn xe tiếp tế hậu cần, hoặc sử dụng UAV rải các đinh kim loại ba cạnh xuống các tuyến đường vận chuyển gây khó khăn rất lớn trong bảo vệ, làm gián đoạn hoạt động vận tải của quân đội Nga.

Để thực hiện hiệu quả biện pháp trên, LLVT phải nắm chắc quy luật, âm mưu, thủ đoạn của địch trong đánh phá vận tải của ta; chủ động phòng tránh bảo vệ an toàn cho lực lượng, phương tiện, vật chất vận chuyển; triệt để tận dụng điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, đêm tối...) để vận chuyển; hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng công binh, hoá học, phòng không, thông tin bảo vệ đội hình vận chuyển qua những khu vực địa hình trống trải, các trọng điểm giao thông địch thường xuyên đánh phá; chủ động, linh hoạt thay đổi thời gian,

cung đường, đội hình vận chuyển không cho địch theo dõi được các hoạt động vận chuyển của ta.

Bên cạnh đó, cần tổ chức chiến đấu bảo vệ lực lượng vận tải. Xây dựng kế hoạch chiến đấu bảo vệ đơn vị; xác định cụ thể các tình huống và biện pháp phòng tránh đánh địch sát thực tế và hiệu quả; thường xuyên huấn luyện kỹ chiến thuật phân đội bộ binh cho LLVT sử dụng thành thạo các loại vũ khí bộ binh, trang bị đầy đủ khí tài, trang bị cho LLVT. Tại các khu bố trí, trú quân phải tổ chức đào hầm hào công sự cho người và phương tiện; duy trì nghiêm hệ thống trực chỉ huy, trực ban tuần tra, canh gác, cảnh giới sẵn sàng đánh địch bảo vệ vận tải.

Bảo vệ vận tải trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là vấn đề cấp thiết, phải tiến hành đồng bộ nhiều nội dung, biện pháp. Đây là những vấn đề mới, cần được nghiên cứu và không ngừng hoàn thiện♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2022), *Điều lệ Công tác vận tải Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục II (2005), *Nghiên cứu cơ bản các cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành từ 1991 đến 2003, Dự báo về chiến tranh tương lai*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Viện lịch sử quân sự (2015), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.

MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG LỮ ĐOÀN TÀU TÊN LỬA - NGƯ LÔI TIẾN CÔNG NHÓM TÀU CHI VIỆN HỎA LỰC DỊCH ĐỔ BỘ ĐƯỜNG BIỂN

Thiếu tá, ThS. NGUYỄN MẠNH QUỲNH

Học viện Chính trị

TRONG chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tiến công từ hướng biển, địch có thể đổ bộ đường biển (ĐBĐB) để xâm lược nước ta. Tùy theo địa hình và mục đích của cuộc ĐBĐB mà chúng sử dụng lực lượng ở các quy mô khác nhau. Song, dù ĐBĐB ở quy mô nào thì trong thành phần ĐBĐB của chúng luôn có các tàu chi viện hỏa lực (CVHL) để bảo vệ đội hình ĐBĐB của chúng. Vì vậy, việc tập trung tiêu diệt các tàu CVHL sẽ góp phần tiêu hao, tiêu diệt, làm giảm nhịp độ tiến công của địch. Bài viết đề cập một số yêu cầu cơ bản về sử dụng lữ đoàn tàu tên lửa - ngư lôi (TTL-NL) tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBĐB.

Lữ đoàn TTL-NL là một trong những thành phần chủ yếu của vùng hải quân, là lực lượng đột kích mạnh, có thể độc lập hoặc hiệp đồng với các lực khác để tiến công nhóm tàu CVHL, nhóm tàu bảo vệ, tàu bảo đảm của địch ĐBĐB; nhằm tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực và làm giảm nhịp độ đổ bộ của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng khác của ta chiến đấu giành thắng lợi. Tuy nhiên, trước đối tượng tác chiến có ưu thế trên không, trên biển, sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử mạnh và tác chiến không gian mạng rộng rãi, để bảo toàn lực lượng và nâng cao hiệu quả chiến đấu của lữ đoàn TTL-NL, cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo một số yêu cầu chủ yếu sau:

Một là, sử dụng lữ đoàn TTL-NL phải phù hợp với ý định tác chiến chống ĐBĐB của tư lệnh vùng (cụm lực lượng) hải quân. Phù hợp với ý định tác chiến chống ĐBĐB

của tư lệnh vùng (cụm lực lượng) hải quân là yêu cầu quan trọng mang tính xuyên suốt và định hướng cho việc sử dụng lữ đoàn TTL-NL tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBĐB. Hoạt động chiến đấu của lữ đoàn TTL-NL tiến công nhóm tàu CVHL địch nằm trong thể trận chống ĐBĐB của khu vực phòng thủ (KVPT) nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, đạt được mục đích nhất định và theo một kế hoạch thống nhất, thực hiện thắng lợi quyết tâm đánh địch ĐBĐB của tư lệnh vùng (cụm lực lượng) hải quân. Sử dụng lữ đoàn TTL-NL tiến công nhóm tàu CVHL địch sẽ góp phần làm giảm nhịp độ tiến công của chúng, làm cho địch phải căng kéo, đối phó. Căn cứ vào ý định sử dụng lữ đoàn TTL-NL của tư lệnh vùng (cụm lực lượng) hải quân, lữ đoàn trưởng và cơ quan tham mưu của lữ đoàn TTL-NL tổ chức và thực hành tiến công các mục tiêu trên biển, ven bờ nói chung và tiến công nhóm tàu CVHL địch nói riêng phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn chiến đấu và khả năng của lữ đoàn TTL-NL. Quá trình tổ chức chuẩn bị và thực hành tiến công, lữ đoàn TTL-NL hành động thống nhất với hoạt động của các lực lượng khác trong khu vực chiến đấu. Ngược lại, hoạt động của các lực lượng khác cũng phải thống nhất với lữ đoàn TTL-NL và tạo điều kiện thuận lợi để lữ đoàn TTL-NL thực hành tiến công nhóm tàu CVHL địch giành thắng lợi.

Để sử dụng lữ đoàn TTL-NL phù hợp với ý định tác chiến chống ĐBĐB của tư lệnh vùng (cụm lực lượng) hải quân, người chỉ huy lữ đoàn TTL-NL cần tiến hành tạo

lập thế trận, dựa vào thế trận của KVPT và thế trận của trên; tổ chức, bố trí đội hình chiến đấu lữ đoàn TTL-NL hợp lý, khoa học; tổ chức hỏa lực phải bảo đảm đạt được mục đích chiến đấu là tiêu diệt nhóm tàu CVHL địch; chọn hướng, khu vực chiến đấu phù hợp với điều kiện địa hình, tổ chức ngụy trang kín đáo, tạo yếu tố bất ngờ; đồng thời, giữ được bí mật của thành phần lực lượng, bố trí đội hình chiến đấu một cách hợp lý, tập trung tên lửa, ngư lôi tiêu diệt mục tiêu và rời khỏi khu vực chiến đấu bí mật, an toàn. Đồng thời, phải hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng khác của cụm lực lượng và lực lượng của KVPT để tác chiến hiệu quả. Chỉ đạo các đơn vị trong toàn lữ đoàn nắm chắc nhiệm vụ được giao, duy trì trạng thái sẵn sàng chiến đấu, tổ chức phòng tránh bảo toàn lực lượng.

Hai là, bí mật, bất ngờ, đánh chắc thắng, bảo toàn lực lượng. Đây là yêu cầu quan trọng, định hướng chỉ đạo việc sử dụng các lực lượng của lữ đoàn tàu TTL-NL; giữ bí mật mới tạo được yếu tố bất ngờ, tạo ưu thế về sức mạnh chiến đấu trong thời điểm quyết định, giành thế chủ động trong tiến công nhóm tàu CVHL địch, làm chuyển hóa thế trận thuận lợi cho ta, góp phần quyết định thắng lợi của trận chiến đấu, bảo toàn lực lượng của lữ đoàn; hạn chế ưu thế của vũ khí, trang bị kỹ thuật và khả năng phòng vệ của địch.

Bí mật, bất ngờ, đánh chắc thắng, bảo toàn lực lượng bao gồm các nội dung công tác bảo đảm chiến đấu, đặc biệt là công tác bảo đảm bí mật hoạt động lữ đoàn TTL-NL và các lực lượng bảo đảm trinh sát, phát hiện mục tiêu; bảo đảm phòng vệ tổng hợp và tổ chức sử dụng các lực lượng của lữ đoàn TTL-NL đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ tiến công nhóm tàu CVHL đổ bộ đường biển. Với phương châm “đánh chắc thắng” và trên cơ sở bí mật, bất ngờ, lữ đoàn TTL-NL tổ chức hỏa lực độc lập hoặc hiệp đồng

mãnh liệt, hiểm hóc vào mục tiêu, bảo đảm hiệu quả chiến đấu đạt kết quả cao nhất.

Để đáp ứng yêu cầu này, người chỉ huy lữ đoàn TTL-NL cần nghiên cứu, tính toán chu đáo, tỉ mỉ sử dụng, bố trí các tàu trong biên chế, tạo và giành được yếu tố bí mật, bất ngờ. Lữ đoàn trưởng và cơ quan tham mưu lữ đoàn trên cơ sở tính chất, nhiệm vụ được giao, đánh giá khả năng chiến đấu của lữ đoàn, tình hình địch; sử dụng lực lượng hợp lý, lợi dụng triệt để địa hình khu vực gần bờ, đêm tối nhanh chóng chớp thời cơ, cơ động lực lượng bảo đảm không bộc lộ sớm ý định chiến đấu trên biển, nhanh chóng chiếm lĩnh các vị trí hỏa lực có lợi, tập trung hỏa lực tiến công tiêu diệt địch. Đồng thời, tiến hành các hoạt động nghi binh, lừa địch và các biện pháp để chống trinh sát, tác chiến điện tử của địch; linh hoạt vận dụng các phương pháp hoạt động, thủ đoạn chiến đấu, sử dụng tập trung hỏa lực, thực hiện các đòn đánh hiệu quả, chính xác, nhanh chóng rời khỏi khu vực chiến đấu, bảo toàn lực lượng.

Ba là, bảo đảm chiến đấu kịp thời, toàn diện. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến đấu của lữ đoàn TTL-NL. Công tác bảo đảm, nhất là bảo đảm chiến đấu có ý nghĩa quan trọng, là điều kiện tạo nên thắng lợi. Trong chống ĐBDB, đối tượng tác chiến của lữ đoàn TTL-NL có khả năng cơ động cao, thực hành tiến công nhanh chóng và phòng thủ vững chắc; vì vậy, khi có thời cơ tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBDB cần phải tiến hành nhanh chóng, chính xác và hiệu quả, công tác bảo đảm chiến đấu cho lữ đoàn TTL-NL phải kịp thời, toàn diện để khi thời cơ xuất hiện có thể tiến công địch được ngay.

Để bảo đảm chiến đấu kịp thời, toàn diện người chỉ huy lữ đoàn và cơ quan tham mưu phải chủ động, tích cực tổ chức bảo đảm hoạt động chiến đấu cho tàu tên lửa,

tàu ngư lôi đầy đủ, chu đáo trên tất cả các mặt. Trong đó, cần phải tập trung vào các dạng bảo đảm có tầm quan trọng đặc biệt như bảo đảm trinh sát và chỉ thị mục tiêu, bảo đảm nguy trang nghi binh và các dạng phòng vệ.

Để bảo đảm trinh sát, chỉ thị mục tiêu cho tàu tên lửa, tàu ngư lôi được kịp thời, chính xác cần phải sử dụng lực lượng, phương tiện có khả năng trinh sát tốt, được tổ chức tinh, gọn và cơ động; bố trí đội hình có chính diện, có chiều sâu hợp lý để phát huy hết lợi thế sở trường, bao quát được toàn bộ khu vực chiến đấu. Để nguy trang, nghi binh, che giấu các lực lượng của lữ đoàn TTL-NL được bí mật, bất ngờ, người chỉ huy lữ đoàn cần phải nghiên cứu, tổ chức đa dạng các hình thức, biện pháp nguy trang, nghi binh phù hợp với đặc điểm của địa hình và trang bị khí tài của từng loại TTL-NL nhằm giảm thiểu, triệt tiêu các dấu hiệu gây bộc lộ lực lượng. Đồng thời, người chỉ huy lữ đoàn TTL-NL phải hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng hiệp đồng để phát huy hiệu quả của các dạng phòng vệ, kết hợp với việc tổ chức nguy trang, nghi binh, sử dụng lực lượng, phương tiện tự phòng vệ để bảo đảm an toàn cho lữ đoàn TTL-NL trước hỏa lực địch trong tất cả các giai đoạn chiến đấu.

Bốn là, sử dụng đúng thời cơ, hành động kiên quyết, linh hoạt. Sử dụng lữ đoàn TTL-NL tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBDB đúng thời cơ, hành động kiên quyết, linh hoạt là yêu cầu có tính nguyên tắc, chỉ đạo việc sử dụng các lực lượng chiến đấu phù hợp với khả năng của lữ đoàn TTL-NL tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBDB. Sử dụng đúng thời cơ, với quy mô thích hợp, hành động kiên quyết, linh hoạt gồm các nội dung: Công tác bảo đảm chiến đấu, đặc biệt là công tác nắm địch; công tác xây dựng kế hoạch thực hiện đúng quyết tâm chiến đấu và kiện toàn hệ thống chỉ huy phù hợp; trên

cơ sở đó, lựa chọn sử dụng các lực lượng, các loại vũ khí, phương tiện đúng khả năng, đúng thời điểm, hành động kiên quyết, linh hoạt trong tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBDB đạt hiệu quả chiến đấu cao nhất.

Để sử dụng lữ đoàn TTL-NL đúng thời cơ, hành động kiên quyết, linh hoạt, lữ đoàn trưởng và cơ quan tham mưu lữ đoàn cần nắm chắc ý định chiến đấu của vùng (cụm lực lượng); nắm chắc tình hình mọi mặt của khu vực chiến đấu, nhất là tình hình trên không, trên biển, dưới ngầm, trên đất liền; xác định khu vực, mục tiêu chiến đấu phù hợp với khả năng, sở trường của lữ đoàn và các lực lượng có liên quan trong khu vực chiến đấu. Bên cạnh đó, cần tích cực chủ động, linh hoạt, tạo thế, tạo thời cơ cho các lực lượng tham gia tiến công nhóm tàu mặt nước địch ĐBDB đạt hiệu quả cao nhất.

Năm là, tổ chức chỉ huy tập trung, thống nhất, hiệp đồng chặt chẽ giữa lữ đoàn TTL-NL với các lực lượng khác tiến công nhóm tàu CVHL địch. Đây là yêu cầu cấp thiết đối với hoạt động tác chiến chống ĐBDB nói chung và tiến công nhóm tàu CVHL địch nói riêng. Đánh địch ĐBDB có nhiều lực lượng tham gia, diễn ra ở phạm vi rộng, địch chủ động về mặt thời gian, quy mô lực lượng, phương tiện để ĐBDB. Vì vậy, công tác tổ chức chỉ huy, hiệp đồng cần được thực hiện một cách chặt chẽ, bảo đảm thống nhất ý chí, hành động giữa các lực lượng thì mới có thể giành thế chủ động, kịp thời đối phó với mọi tình huống.

Tổ chức chỉ huy phải tập trung, thống nhất ở tất cả các khâu, đối với tất cả các lực lượng; trong quá trình chiến đấu chỉ huy lữ đoàn vẫn dành cho các tàu trong toàn lữ đoàn (hoặc các nhóm đột kích, các tốp chiến thuật) quyền chủ động, quyết đoán, linh hoạt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Để tổ chức chỉ huy tập trung, thống nhất, hiệp đồng chặt chẽ, lữ đoàn trưởng và cơ quan tham mưu lữ đoàn cần nắm chắc ý

định chiến đấu của tư lệnh vùng (cụm lực lượng) hải quân, tình hình mọi mặt có liên quan tại khu vực hoạt động chiến đấu: Tổ chức, triển khai, duy trì các mạng hướng, kênh thông tin liên lạc chặt chẽ, thông suốt, vững chắc trong tất cả các giai đoạn thực hiện nhiệm vụ chiến đấu. Hệ thống chỉ huy cần phải tổ chức gọn, vận hành hiệu quả, sức sống cao và phải có sở chỉ huy dự bị, hệ thống thông tin liên lạc phải bảo đảm bí mật, thông suốt, kịp thời.

Đề hiệp đồng chặt chẽ giữa lữ đoàn TTL-NL hiệp đồng chiến đấu với các đơn vị không quân, tên lửa bờ và các lực lượng bảo đảm khác trong tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBDB, người chỉ huy lữ đoàn phải căn cứ vào quyết tâm, kế hoạch chiến đấu để chỉ đạo lập kế hoạch và tổ chức hiệp đồng. Kế hoạch hiệp đồng của lữ đoàn phải cụ thể, sát thực tiễn chiến đấu, phải làm rõ nội dung nhiệm vụ cần phối hợp hành động giữa các đơn vị, phương pháp, thứ tự thực hiện, thời gian bắt đầu và kết thúc các hành động của lữ đoàn TTL-NL, hành động của đơn vị hiệp đồng.

Làm rõ các khu vực (mặt quạt) hoạt động, quy định phương pháp thông báo tình hình, thông tin, tín hiệu và dự kiến các tình huống, phương án khôi phục khi mất hiệp đồng. Hiệp đồng chặt chẽ, chu đáo, sử dụng các hình thức, phương pháp hiệp đồng thích hợp để lữ đoàn TTL-NL và các lực lượng tham gia chiến đấu khác nắm chắc nội dung chỉ thị hiệp đồng; sau khi tổ chức hiệp đồng chung, chỉ huy lữ đoàn TTL-NL tiếp tục tổ chức hiệp đồng với những lực lượng cần thiết khác, nhất là đối với lực lượng trinh sát, chỉ thị mục tiêu. Quá trình chiến đấu phải duy trì hiệp đồng liên tục, vững chắc trước mọi tình huống, khi có thay đổi, điều chỉnh hiệp đồng phải lập tức thông báo cho tất cả các lực lượng có liên quan, khi mất hiệp đồng phải tìm mọi cách khôi phục ngay

để bảo đảm thực hành chiến đấu đúng theo ý định đã xác định, hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đối tượng tác chiến của lữ đoàn TTL-NL có ưu thế hơn ta về lực lượng, phương tiện hiện đại, vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử mạnh, tác chiến không gian mạng rộng rãi, địch sử dụng nhiều phương thức và thủ đoạn thực hành tác chiến mới, hoạt động chống ĐBDB của ta có thể gặp nhiều khó khăn và phức tạp. Vì vậy, nắm vững một số yêu cầu cơ bản khi sử dụng lữ đoàn TTL-NL tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBDB có ý nghĩa quan trọng định hướng cho người chỉ huy và cơ quan tham mưu lữ đoàn xác định cách đánh, tổ chức chỉ huy và các mặt bảo đảm, nhất là bảo đảm hậu cần, kỹ thuật. Những yêu cầu về sử dụng lữ đoàn TTL-NL tiến công nhóm tàu CVHL địch ĐBDB là cơ sở quan trọng để chủ nhiệm hậu cần, kỹ thuật lữ đoàn đề ra phương án sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần kỹ thuật phù hợp với cách đánh của người chỉ huy; đồng thời, cũng là cơ sở để chủ nhiệm xác định phương thức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật một cách hợp lý ♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Điều lệnh tác chiến hải quân*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2019), *Điều lệnh chiến đấu lữ đoàn tàu mặt nước*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hải quân (2016), *Chiến thuật các lực lượng hải quân trong chiến đấu hiệp đồng chống tàu mặt nước địch*, Khánh Hòa.

TỔ CHỨC, SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG HẬU CẦN DỰ BỊ LỮ ĐOÀN TÀU TÊN LỬA TIẾN CÔNG TÀU MẶT NƯỚC ĐỊCH BẢO VỆ VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN CHI VIỆN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Thượng tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

ABSTRACT: A fundamental principle in providing combat logistics at sea is the maintenance of a sufficiently strong reserve logistics force to address unforeseen tasks. The effective deployment and mobilization of reserve logistics forces is an art influenced by many factors. In this article is examined the deployment and mobilization of reserve logistics forces for a missile boat squadron tasked with attacking enemy surface combatants protecting sea lines of communication to support the Spratly Islands in naval defense operations.

I. TÓM TẮT

Một nguyên tắc trong bảo đảm hậu cần trận chiến đấu trên biển là luôn phải tổ chức lực lượng hậu cần (LLHC) dự bị đủ mạnh để sử dụng cho các nhiệm vụ phát sinh. Tổ chức hợp lý và sử dụng hiệu quả LLHC dự bị là nghệ thuật, bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Bài viết nghiên cứu tổ chức, sử dụng LLHC dự bị lữ đoàn tàu tên lửa (TTL) tiến công tàu mặt nước chiến đấu (TMNCĐ) địch bảo vệ vận tải đường biển (VTĐB) chi viện quần đảo Trường Sa (QĐTS) trong tác chiến bảo vệ biển, đảo.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong “Chiến lược hướng Nam” của địch, Biển Đông giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Do vậy, âm mưu “Độc chiếm Biển Đông” của địch là xuyên suốt, nhất quán. Gần đây, thực hiện chiến thuật “gặm nhấm”, địch thường xuyên có hoạt động xâm phạm, lấn chiếm chủ quyền biển, đảo của ta; bồi đắp, mở rộng và tăng cường phương tiện chiến đấu trên các đảo chiếm đóng trái phép thuộc QĐTS của ta. Điều đó làm cơ sở thuận lợi để địch lựa chọn thời điểm tạo cơ gây xung đột, leo thang chiến tranh nhằm đánh

chiếm một số hoặc toàn bộ QĐTS của ta. Để tạo thuận lợi trong đánh chiếm QĐTS, địch sẽ tổ chức nhiều lực lượng; trong đó, TMNCĐ là lực lượng chủ yếu ngăn chặn ta VTĐB chi viện từ bờ ra Trường Sa. Lực lượng TMNCĐ địch thường hoạt động ở khu vực giữa Biển Đông, cách bờ từ 200 ÷ 250 hải lý.

Để bảo vệ VTĐB chi viện QĐTS, ta sử dụng nhiều lực lượng; trong đó, lữ đoàn TTL là lực lượng nòng cốt. Một nhiệm vụ chủ yếu của lữ đoàn là bảo vệ tàu vận tải đi qua khu vực giữa Biển Đông. Điều đó cho thấy, khu vực chiến đấu của lữ đoàn TTL sẽ rất xa bờ. Trong chiến tranh hiện đại, việc bảo đảm hậu cần xa bờ là thách thức rất lớn đối với lữ đoàn TTL. Bởi nó thường chứa đựng nhiều tình huống bất định, khó lường; khả năng bị tổn thất LLHC là không thể tránh khỏi. Vì vậy, lữ đoàn TTL cần tổ chức LLHC dự bị đủ mạnh để giải quyết những vấn đề phát sinh.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Khi ngăn chặn ta VTĐB chi viện QĐTS, trên vùng biển miền Trung, có thể địch sẽ

tổ chức khoảng $2 \div 3$ nhóm TMNCĐ; mỗi nhóm có từ $2 \div 3$ tàu, gồm 1 tàu khu trục tên lửa và $1 \div 2$ tàu hộ vệ tên lửa. Do được trang bị tên lửa đối hải JY-83, JY-62 có tầm bắn xa $150 \div 280$ km nên các nhóm tàu địch sẽ tuần tiễu dọc hướng Bắc - Nam, cách bờ từ $200 \div 250$ hải lý nhằm tránh sự uy hiếp của không quân, hải quân ta mà vẫn đe dọa khống chế những khu vực quan trọng, trọng tâm là khu vực giữa Biển Đông. Khi phát hiện các TTL hoặc tàu vận tải chi viện QĐTS của ta, nhóm TMNCĐ địch ở gần nhất sẽ phối hợp với lực lượng khác tiến công từ xa. Trong trường hợp các tàu vận tải của ta không được hộ tống thì nhóm TMNCĐ địch sẽ cơ động đến gần và đánh phá bằng pháo tàu, với tính chất ác liệt hơn.

Để tiến công nhóm TMNCĐ địch trực tiếp uy hiếp các tàu vận tải chi viện của ta, lữ đoàn TTL sẽ tổ chức thành 02 nhóm đột kích và các nhóm tàu bảo đảm. Theo đó, hậu cần lữ đoàn TTL thường tổ chức thành $2 \div 3$ bộ phận hậu cần (BPHC), được bố trí phía sau đội hình chiến đấu của các nhóm đột kích để bảo đảm. Do tầm hỏa lực trên TTL của ta có hạn; cho nên, để tiến công địch ở giữa Biển Đông, các TTL của ta thường phải đợi cơ cách bờ hàng chục hải lý, trong chiến đấu dễ phát sinh tình huống ngoài dự kiến. Vì vậy, sử dụng LLHC dự bị trong bảo đảm là vấn đề nhạy bén, mang tính nghệ thuật của chủ nhiệm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) lữ đoàn TTL; trong đó, cần đặc biệt chú ý những vấn đề sau:

Thứ nhất, xác định thành phần LLHC dự bị dựa trên đánh giá khoa học. Gần đây, một số công trình khoa học đã lượng hóa thành phần LLHC dự bị lữ đoàn TTL. Tuy nhiên, kết quả còn chưa thống nhất, bởi đây là nghệ thuật tổ chức, sử dụng lực lượng. Vì là nghệ thuật trong tác chiến nên khi xác định số lượng, thành phần LLHC dự bị, chủ nhiệm HCKT lữ đoàn TTL phải nghiên cứu thấu đáo, khoa học và dựa vào những kinh

nghiệm thực tiễn. Trước hết, chủ nhiệm HCKT phải đánh giá đúng tình hình, bằng việc phát huy tối đa tư duy chiến thuật, nhận định chính xác hướng phát triển của tình hình, chủ yếu là phán đoán phản ứng của địch trước các hoạt động của ta. Từ đó, dự báo tình huống có thể phát sinh và tổ chức LLHC dự bị để giải quyết. Dự báo tình hình phải được đúc kết từ các nghiên cứu kỹ về địch, hiểu rõ khả năng, thủ đoạn của chúng, kết hợp với thông tin trinh sát trên thực địa để nhận định về địch thật khách quan.

Bên cạnh đó, do hoạt động trên chiến trường quen thuộc, rộng lớn nên các tàu vận tải chi viện QĐTS phải lấy tránh địch làm hành động chủ yếu. Lữ đoàn TTL cũng chỉ tiến công nhóm TMNCĐ địch khi cần thiết. Vì vậy, trong chiến đấu, lữ đoàn có thể phải chuyển hóa thế trận so với kế hoạch ban đầu. Trong điều kiện đó, LLHC dự bị lữ đoàn TTL có thể được sử dụng vào một trong các nhiệm vụ như: (1). Bổ sung cho BPHC trên hướng tiến công thứ yếu khi chuyển hóa thành hướng tiến công chủ yếu; (2). Bổ sung cho các BPHC trên biển khi bị tổn thất; (3). Nếu lữ đoàn sử dụng một bộ phận hộ tống tàu vận tải vượt qua khu vực giữa Biển Đông thì LLHC dự bị sẽ được sử dụng vào nhiệm vụ này... Ngoài ra, do các tàu bảo đảm hậu cần của ta đã qua nhiều năm sử dụng, xác suất hư hỏng cao; cho nên, mặc dù điều lệnh chiến đấu lữ đoàn TMN không quy định tổ chức LLHC dự bị để thay thế lực lượng chủ yếu khi có hư hỏng kỹ thuật nhưng chủ nhiệm HCKT vẫn phải dự kiến tình huống này.

Trên cơ sở mệnh lệnh chiến đấu của lữ đoàn trưởng và từ dự báo những tình huống phát sinh, chủ nhiệm HCKT lựa chọn thành phần LLHC dự bị cho hợp lý, bảo đảm phải giải quyết được tình huống cao nhất, nặng nề nhất mà vẫn tiết kiệm lực lượng để sử dụng trong chiến đấu. Tổ chức LLHC dự bị phải đa dạng thành phần; trọng tâm

là lực lượng vận tải, quân y. Riêng các tàu dự bị không nhất thiết phải là tàu hậu cần, có thể sử dụng tàu kiểm ngư, cảnh sát biển hoặc tàu chiến đấu đảm nhiệm thêm nhiệm vụ dự bị hậu cần. Ý định tổ chức LLHC dự bị phải được chủ nhiệm HCKT xác định khi chuẩn bị chiến đấu và tham mưu, giúp người chỉ huy cụ thể hóa bằng nhiệm vụ cho các thành phần. Như vậy, dù lựa chọn thành phần LLHC dự bị thế nào, số lượng bao nhiêu, nhiệm vụ ra sao đều đòi hỏi chủ nhiệm HCKT phải hiểu chiến thuật TTL, sắc sảo trong nhận định, phán đoán tình hình.

Thứ hai, lựa chọn khu vực bố trí LLHC dự bị hợp lý. Để nâng cao hiệu quả trong sử dụng thì phải bố trí LLHC dự bị một cách hợp lý, phù hợp thể trận hậu cần cấp trên và thể chiến đấu của lữ đoàn TTL.

Khi nhận lệnh tiến công nhóm TMNCĐ địch, lữ đoàn TTL sẽ được triển khai ra khu sơ tán bí mật để chuẩn bị chiến đấu. Do trong thời bình ta đã dự kiến các tuyến VTĐB chi viện QĐTS nên khu sơ tán bí mật của lữ đoàn TTL có thể đã được chuẩn bị trước một số công trình, như: Hệ thống đường bộ, luồng lạch, phao tiêu; hệ thống điện, nước; kho tàng, bể chứa... Khu sơ tán bí mật của lữ đoàn TTL thường được bố trí ở các vùng, vịnh, cửa sông và chia thành 3 tuyến trú đậu: Trong, giữa, ngoài. Trong đó, tuyến trú đậu trong là nơi che giấu TTL nên được bố trí bí mật. Tuyến trú đậu ngoài là nơi TTL sẵn sàng cơ động ra khu vực đợi cơ để xuất kích tiến công địch. Tuyến trú đậu giữa là khu vực đệm, nơi bố trí cho các TTL từ tuyến trú đậu trong nhích dần ra tuyến trú đậu ngoài và ngược lại. Căn cứ các điều kiện trên, có thể bố trí LLHC dự bị tại tuyến trú đậu giữa để thuận tiện trong bảo đảm và đáp ứng yêu cầu chiến thuật của TTL. Vị trí của LLHC dự bị lữ đoàn TTL thường cách căn cứ HCKT cấp trên khoảng 40 ÷ 50 km (tương đương 02 giờ ô tô chạy), cách khu vực bổ sung VCHC cho các TTL khoảng 05

÷ 10 hải lý; có 01 ÷ 02 vị trí dự bị. Khi đó, các thành phần của LLHC dự bị cần được tổ chức một cách khoa học, theo hướng: Xe ô tô sẽ bố trí gần trục đường, nơi thuận tiện trong hiệp đồng với các lực lượng khác (kho tàng, bệnh xá, cảng vụ); các tàu bảo đảm có thể bố trí tại các thương cảng, nơi bảo đảm bí mật. Tổ quân y có thể triển khai trong bệnh xá hoặc tại các trạm tiếp nhận thương binh của lữ đoàn, khi có tình huống thì phái ra để thực hiện nhiệm vụ. LLHC dự bị được triển khai cùng thời điểm triển khai BPHC cơ bản.

Sử dụng LLHC dự bị, lữ đoàn TTL tiến công nhóm TMNCĐ địch trong điều kiện chúng có khả năng làm chủ trên không, trên biển là một nghệ thuật nhằm ngăn ngừa hoặc giải quyết các diễn biến phức tạp của trận đánh. Đáp ứng điều đó đòi hỏi chủ nhiệm HCKT lữ đoàn TTL cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

Một là, chủ động, linh hoạt triển khai và đưa LLHC dự bị vào chiến đấu đúng thời điểm. Trên cơ sở hiểu về địch, điều kiện địa hình, khí tượng, hải văn...; chủ nhiệm HCKT lữ đoàn TTL cần kết hợp giữa dự báo với phân tích các thông tin trinh sát thu thập được để nhận định thủ đoạn của địch. Từ đó, chủ động tham mưu cho người chỉ huy triển khai LLHC dự bị vào bảo đảm cho chiến đấu. Tổ chức bảo đảm hậu cần trong điều kiện địch có ưu thế về vũ khí trang bị, phương tiện trinh sát, đòi hỏi chủ nhiệm HCKT lữ đoàn TTL cần quán triệt quan điểm: Chủ động đưa LLHC dự bị vào để ngăn ngừa tình huống phát sinh sẽ tốt hơn là đợi tình huống phát sinh mới triển khai giải quyết.

Nhằm bảo đảm triển khai kịp thời và chủ động đối phó với tình huống phát sinh trong trận chiến đấu, LLHC dự bị phải được bố trí sẵn trên các khu vực thuận tiện triển khai đến nơi dự báo sẽ phát sinh tình

huống. Thời điểm triển khai phải được tính toán trên cơ sở phân tích các thông tin trinh sát thu thập được trên thực địa. Tuy nhiên, các hoạt động nghi binh của địch sẽ tạo nên các thông tin đa chiều, trái ngược, đòi hỏi chủ nhiệm HCKT phải phân tích, nhận định đúng để chọn lọc các thông tin tin cậy làm cơ sở để triển khai LLHC dự bị một cách quyết đoán, nhằm chủ động, kịp thời đối phó với diễn biến tình hình.

Hai là, sử dụng LLHC dự bị đúng tình huống, sẵn sàng thay thế LLHC chủ yếu khi cần thiết. Chiến đấu trên biển thường chứa đựng tình huống bất ngờ, diễn biến mau lẹ. Do vậy, chủ nhiệm HCKT phải luôn có quan điểm: LLHC dự bị cũng chính là LLHC chủ yếu; nếu được sử dụng một cách sáng tạo, kịp thời thì vai trò của LLHC dự bị cũng như LLHC chủ yếu, có thể giải quyết nhiệm vụ của trận chiến đấu khi diễn biến tình hình có những thay đổi đột biến. Trong trường hợp LLHC dự bị có lợi thế bảo đảm, nếu sử dụng sẽ đạt được mục đích thì chủ nhiệm HCKT cần tham mưu cho người chỉ huy quyết đoán sử dụng LLHC dự bị để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu. Muốn vậy, đòi hỏi chủ nhiệm HCKT lữ đoàn TTL phải am hiểu sâu sắc, vận dụng sáng tạo nghệ thuật “chính - kỳ” trong chiến đấu để không bị bó buộc bởi những quy tắc thông thường.

Tổ chức LLHC dự bị để sử dụng khi phát sinh tình huống. Do tình huống phát sinh có thể xuất hiện trên nhiều hướng, khu vực, ở các thời điểm, trong khi đó, LLHC dự bị không nhiều; cho nên, chủ nhiệm HCKT lữ đoàn TTL cần ưu tiên sử dụng LLHC dự bị vào các tình huống diễn ra trên hướng chủ yếu hoặc các tình huống khác nhưng trực tiếp ảnh hưởng tới kết quả chiến đấu trên hướng chủ yếu.

Ba là, tổ chức LLHC dự bị chu đáo, toàn diện. Với tinh thần sẵn sàng đưa LLHC dự bị vào thực hiện nhiệm vụ chủ yếu để

bảo đảm cho lữ đoàn TTL chiến đấu; cho nên, cần tổ chức, chỉ huy LLHC dự bị một cách chu đáo, toàn diện. Theo đó, đối với lực lượng quân y, thường được tổ chức thành từng tổ, mỗi tổ có 03 đồng chí gồm 01 y sĩ và 02 y tá; hoặc tổ chức thành các kíp mổ cứu chữa bước đầu, một kíp mổ có 05 người, do 01 bác sĩ điều hành. Đối với xe ô tô thường được tổ chức theo nhóm, mỗi nhóm 03 xe tải (mỗi xe có khả năng chở được 12 thương, bệnh binh (05 năm, 07 ngời) hoặc khoảng 04 tấn vật chất thể rắn). Đối với tàu bảo đảm thường được tổ chức thành từng tốp, mỗi tốp gồm 02 tàu. Chỉ huy LLHC dự bị thuộc quyền của lữ đoàn trưởng. Tuy nhiên, để tham mưu, giúp lữ đoàn trưởng ra mệnh lệnh đúng đắn, cần phải ra một số quan hậu cần để điều hành chuyên môn của LLHC dự bị.

IV. KẾT LUẬN

Tổ chức, sử dụng LLHC dự bị là trách nhiệm của người chỉ huy lữ đoàn TTL, do chủ nhiệm HCKT tham mưu, đề xuất. Để tổ chức hợp lý, sử dụng LLHC dự bị đạt hiệu quả cao, đòi hỏi chủ nhiệm HCKT lữ đoàn TTL phải có luôn nắm chắc tình hình, am hiểu chiến thuật TTL; có bản lĩnh, kỹ năng chỉ huy vững vàng và phải linh hoạt, vận dụng sáng tạo nhiều biện pháp phù hợp♦

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đăng Thành (2017), *Sử dụng TTL tiến công TMN địch bảo vệ tuyến VTĐB chi viện Trường Sa trong tác chiến bảo vệ chủ quyền biển, đảo*, Luận án tiến sĩ quân sự, Học viện Hải quân, Khánh Hòa.
2. Nguyễn Quốc Hoài (2022), *Bảo đảm hậu cần lữ đoàn TTL tiến công TMN địch bảo vệ VTĐB chi viện Trường Sa trong tác chiến bảo vệ biển, đảo*, Luận án tiến sĩ quân sự, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ MÔ HÌNH ỨNG XỬ PHI TUYẾN CỦA BÊ TÔNG CỐT THÉP

Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

Khoa Doanh trại, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Non-linear behavior models of reinforced concrete are widely used in the design calculations for high-rise buildings subjected to earthquakes, civil defense structures considering potential incidents and disasters, and defense structures under bomb and shell loads. In this article are clarified the behavioral characteristics, mathematical models, and input parameters of non-linear behavior models of reinforced concrete. Based on this, recommendations are provided for the effective application of these models in the design of reinforced concrete structures in the military.*

I. TÓM TẮT

Các mô hình ứng xử phi tuyến của bê tông cốt thép (BTCT) được sử dụng nhiều trong tính toán thiết kế các công trình cao tầng chịu động đất, công trình phòng thủ dân sự khi tính đến các sự cố, thảm họa có thể xảy ra hay các công trình quốc phòng chịu tải trọng do bom, đạn. Bài viết làm rõ đặc điểm ứng xử, mô hình toán học, tham số đầu vào các mô hình ứng xử phi tuyến của BTCT. Từ đó, có khuyến nghị để áp dụng hiệu quả các mô hình khi thiết kế các công trình BTCT trong quân đội.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

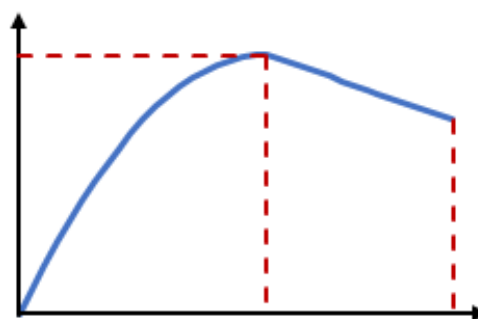
Mô hình ứng xử là mô hình mô tả mối quan hệ giữa sức kháng - biến dạng của kết cấu khi chịu tải trọng. Mô hình ứng xử phi tuyến của BTCT thường được thể hiện các cấp độ: Cấp độ vật liệu (ứng suất - biến dạng); cấp độ tiết diện (mô men - độ cong); cấp độ cấu kiện (mô men - góc xoay). Trong phân tích tĩnh phi tuyến, mô hình ứng xử được biểu diễn bằng một đường cong quan hệ sức kháng - biến dạng dưới tải trọng tăng đơn điệu. Trong phân tích động phi tuyến, mô hình ứng xử là các mô hình trễ (hysteretic models) biểu diễn mối quan hệ sức kháng - biến dạng dưới tác động của tải trọng lặp, đảo chiều. Một mô hình trễ phải có khả năng biểu diễn quan hệ sức kháng - biến dạng

dưới bất kỳ lịch sử chuyển vị nào. Các mô hình ứng xử của BTCT thường được xuất phát từ các kết quả thí nghiệm, sau đó được lý tưởng hóa bằng các mô hình toán học để thuận tiện cho trong phân tích kết cấu. Khi thiết kế các công trình trong Quân đội, trong phân tích phi tuyến kết cấu BTCT, cần phải lựa chọn một mô hình ứng xử phù hợp với mô hình kết cấu và yêu cầu của bài toán.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Quan hệ ứng suất - biến dạng (σ - ϵ) của bê tông và cốt thép

a) Quan hệ ứng suất - biến dạng của bê tông



Hình 1. Quan hệ σ - ϵ của bê tông

Với $\epsilon_0 \approx 0,2\%$, $\epsilon_u = (0,3 \div 0,4)\%$.

Thực nghiệm nhận được mối quan hệ σ - ϵ của bê tông dưới tác dụng của tải trọng nén đơn trục có dạng Hình 1 [5].

Năm 1951, Hognestad [2] đã đề xuất quan hệ $\sigma_c - \epsilon_c$ của bê tông chịu nén gồm hai nhánh ứng xử theo biểu thức (1), (2):

$$\sigma_c = \sigma_0 \left[2 \frac{\epsilon_c}{\epsilon_0} - \left(\frac{\epsilon_c}{\epsilon_0} \right)^2 \right] \quad \text{với } \epsilon_c \leq \epsilon_0 \quad (1)$$

$$\sigma_c = \sigma_0 \left[1 - \frac{0,15}{\epsilon_u - \epsilon_0} (\epsilon_c - \epsilon_0) \right] \quad \text{với } \epsilon_c > \epsilon_0 \quad (2)$$

Trong đó: σ_c, ϵ_c lần lượt là ứng suất và biến dạng của bê tông; σ_0 là cường độ chịu nén của bê tông, $\sigma_0 = 0,85 f'_c$; f'_c là cường độ chịu nén của bê tông trên mẫu hình trụ; ϵ_0 là biến dạng ứng với cường độ chịu nén σ_0 , $\epsilon_0 = 0,2\%$; ϵ_u là biến dạng cực hạn của bê tông chịu nén, $\epsilon_u = 0,38\%$.

Năm 1971, Kent và Park [5] đã sửa đổi mô hình của Hognestad như Hình 2. Trong đó, nhánh tăng ứng suất vẫn được xác định theo (1), nhánh giảm ứng suất xác định theo công thức (3) để tính đến ảnh hưởng của cốt thép đai.

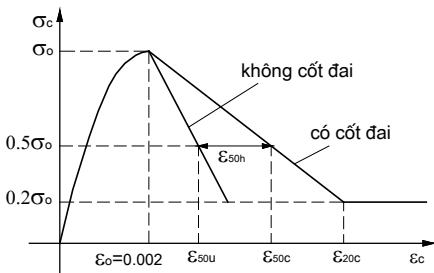
$$\sigma_c = \sigma_0 [1 - Z(\epsilon_c - \epsilon_0)] \quad \text{với } \epsilon_c > \epsilon_0 \quad (3)$$

$$\text{Đồng thời } \sigma_c \geq 0,2\sigma_0$$

$$Z = \frac{0,5}{\epsilon_{50u} + \epsilon_{50h} - \epsilon_0}; \quad \epsilon_{50h} = \left(\frac{3}{4} \right) p_s \sqrt{\frac{b''}{s_h}}$$

$$\text{Với } \epsilon_{50u} = \frac{0,021 + 0,002\sigma_0}{\sigma_0 + 6,89}$$

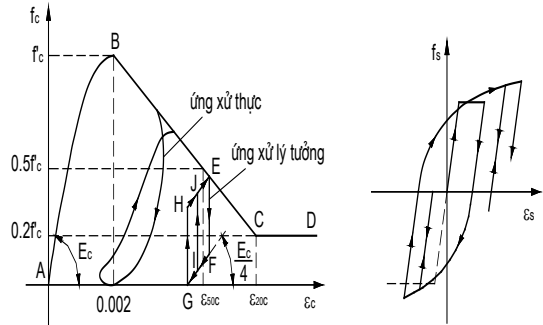
Trong đó: p_s là hàm lượng cốt thép đai; b'' là chiều rộng của lõi bê tông bị hạn chế; s_h là khoảng cách giữa các vòng đai.



Hình 2. Mô hình ứng xử của Kent, Park

Một số mô hình ứng xử khác của bê tông như Smith và Young (1955), Attard và Setunge (1996) [5].

Mô hình ứng xử trễ điển hình của bê tông khi chịu ứng suất đảo chiều là mô hình do Park, Kent và Sampson đề xuất năm 1971 [5], thể hiện trong Hình 3.



Hình 3. Mô hình trễ của Park, Kent và Sampson (1971)

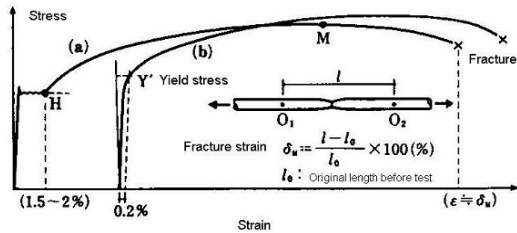
Trong Hình 3, đường ABCD là đường cong cơ bản của bê tông (Kent và Park năm 1971). Quan hệ $\sigma - \epsilon$ của bê tông khi chịu tải trọng nén lặp được diễn tả bằng những đoạn thẳng EFGH, EJIJ. Khi dỡ tải từ điểm E trên đường cong cơ bản, ứng suất giảm 75% trong khi biến dạng không giảm (đoạn EF). Tiếp theo ứng suất giảm theo đoạn FG với độ dốc bằng 25% độ dốc ban đầu. Khi biến dạng tiếp tục giảm ($G \rightarrow A$) ứng với trạng thái bê tông chịu kéo, ứng suất trong bê tông được giả thiết bằng 0. Khi chất tải lại, điểm ứng xử di chuyển theo đoạn AG, quay về điểm G trước khi ứng suất tăng. Tiếp sau, ứng suất tăng theo đoạn GH và HE, trong đó GH song song với EF, HE song song với FG. Nếu quá trình chất tải lại diễn ra trước khi dỡ tải về ứng suất 0, ứng suất sẽ tăng theo các đoạn thẳng IJ và JE.

Một số mô hình trễ khác được đề xuất như Karsan và Jirsa (1969), Darwin và Pecknold (1974), Blakely (1973) [5].

b) Quan hệ ứng suất - biến dạng của cốt thép

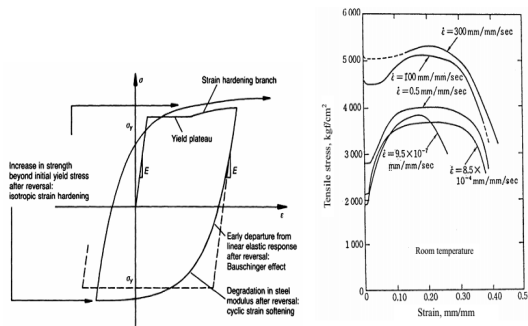
Mối quan hệ $\sigma_s - \epsilon_s$ [5] của thép dưới lực kéo tăng đơn điệu như Hình 4, cho thấy một khoảng đàn hồi tuyến tính, chảy dẻo,

cứng hóa biến dạng trước khi đứt. Thép cường độ cao không có điểm chảy và miền chảy rõ ràng. Điểm chảy được quy ước là giao điểm của đường thẳng song song với độ cứng ban đầu tại biến dạng 0,2% và đường cong U'S-BD. Thép chịu nén tương tự kéo cho đến khi xảy ra hiện tượng oằn.



Hình 4: Quan hệ U'S-BD của cốt thép

Khi ứng suất đảo chiều, quan hệ U'S-BD của thép như hình 5 [5]. Trong đó có hai đặc điểm quan trọng là hiệu ứng “Bauschinger” và “cứng hóa biến dạng”.



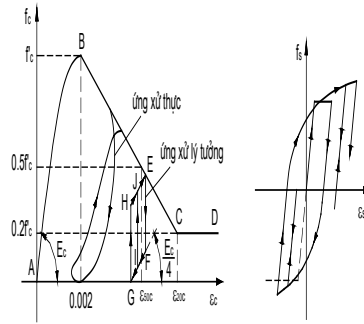
Hình 5. Quan hệ U'S-BD của thép khi chịu ứng suất đảo chiều

Năm 1943, Ramberg và Osgood [5] đề nghị mô hình ứng xử của thép với công thức (4) cho nhánh tăng đơn điệu, công thức (5) cho nhánh chất tải lại. Nhánh dỡ tải ứng xử tuyến tính với độ dốc ban đầu.

$$\frac{\varepsilon_s}{\varepsilon_y} = \frac{\sigma_s}{\sigma_y} \left(1 + \left| \frac{\sigma_s}{\sigma_y} \right|^{r-1} \right) \quad (4)$$

$$\frac{\varepsilon_s - \varepsilon_0}{2\varepsilon_y} = \frac{\sigma_s - \sigma_0}{2\sigma_y} \left(1 + \left| \frac{\sigma_s - \sigma_0}{2\sigma_y} \right|^{r-1} \right) \quad (5)$$

Mô hình ứng xử của Ramberg và Osgood được thể hiện trong Hình 6.



Hình 6. Mô hình ứng xử của Ramberg và Osgood

Năm 1972, Park, Kent và Sampson [4] đề xuất sửa đổi mô hình Ramberg-Osgood với nhánh tăng tải theo (6)÷(9):

$$\varepsilon_s - \varepsilon_{si} = \frac{\sigma_s}{E_s} \left(1 + \left| \frac{\sigma_s}{\sigma_{ch}} \right|^{r-1} \right) \quad (6)$$

$$\sigma_{ch} = \sigma_{sy} \left[\frac{0,744}{\ln(1 + 1000\varepsilon_{ip})} - \frac{0,71}{1 - e^{1000\varepsilon_{ip}}} + 0,2411 \right] \quad (7)$$

$$r = \frac{4,49}{\ln(1+n)} - \frac{6,03}{(e^n - 1)} + 0,297 \quad \text{khi } n \text{ lẻ} \quad (8)$$

$$r = \frac{2,20}{\ln(1+n)} - \frac{0,469}{(e^n - 1)} + 3,04 \quad \text{khi } n \text{ chẵn} \quad (9)$$

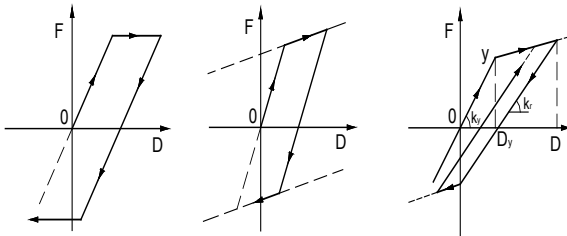
Trong đó: ε_s , σ_s , E_s là biến dạng, ứng suất, mô đun đàn hồi của thép; ε_{si} là biến dạng ứng với $\sigma_s = 0$; ε_{ip} là biến dạng dẻo của thép trong lần tăng tải trước; σ_{ch} là ứng suất phụ thuộc cường độ chảy và ε_{ip} ; r là hệ số mô hình; n là số lần tăng tải vượt qua dẻo, $n=0$ cho lần dẻo đầu tiên.

2. Các mô hình ứng xử phi tuyến của cấu kiện bê tông cốt thép

Mô hình ứng xử phi tuyến của cấu kiện BTCT phụ thuộc vào các đặc trưng hình học cấu kiện và thuộc tính vật liệu. Đã có nhiều mô hình được đề xuất và sử dụng trong phân tích. Một số mô hình điển hình được trình bày dưới đây.

a) Các mô hình song tuyến tính (Bilinear Model)

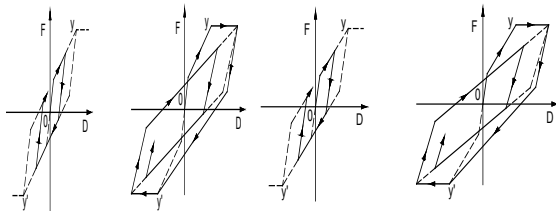
Mô hình song tuyến tính [1], [5] được phát triển đầu tiên với mô hình đàn hồi-dẻo lý tưởng (Hình 7a). Sau khi chảy, điểm ứng xử di chuyển trên đường dẻo hoàn toàn. Đường dỡ tải song song với đường đàn hồi ban đầu. Mô hình này không xem xét sự suy giảm độ cứng dưới tải trọng chu kỳ. Phát triển mô hình đàn hồi-dẻo lý tưởng, mô hình song tuyến tính (bilinear model) với nhánh sau chảy có độ dốc dương để mô tả đặc điểm cứng hóa biến dạng của BTCT (Hình 7b). Độ cứng dỡ tải sau chảy bằng với độ cứng đàn hồi ban đầu. Mô hình song tuyến tính không xét đến suy giảm độ cứng.



a) đàn dẻo lý tưởng; b) song tuyến tái bền

Hình 7. Mô hình trễ song tuyến tính

b) Mô hình tam tuyến tính suy giảm (Degrading Tri-linear Model)



a) Trước chảy dẻo; b) Sau chảy dẻo

Hình 8. Mô hình tam tuyến tính suy giảm

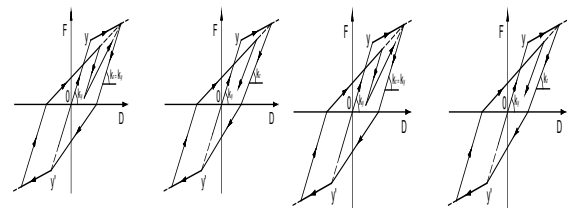
Mô hình tam tuyến tính suy giảm [5] được thể hiện trong Hình 8. Trong đó, đường cong cơ bản có dạng tam tuyến tính với độ cứng thay đổi tại điểm nứt uốn và dẻo uốn. Lên đến dẻo uốn, mô hình này ứng xử tương tự như mô hình song tuyến tính. Khi ứng xử vượt quá điểm dẻo, ứng xử tiếp theo di chuyển theo nhánh cứng hóa biến dạng của đường cong cơ bản. Khi dỡ tải diễn ra từ một điểm trên đường cong cơ bản, điểm dỡ tải được xem là một “điểm dẻo” mới trong hướng. Mô hình

này ứng xử theo lối song tuyến tính giữa điểm dẻo dương và âm với độ cứng suy giảm tỷ lệ thuận với độ dốc của đường nối giữa điểm dẻo hiện tại và điểm dẻo ban đầu.

c) Mô hình suy giảm Clough

Năm 1966, Clough và Johnston [5] đã đề xuất một mô hình ứng xử (Hình 9a), trong đó đường cong cơ bản là đường song tuyến tính. Độ cứng dỡ tải sau chảy dẻo bằng với độ cứng đàn hồi ban đầu. Điểm ứng xử khi chất tải lại di chuyển về phía điểm ứng xử lớn nhất trước đó, diễn tả sự suy giảm độ cứng. Nếu chảy dẻo không xảy ra theo hướng chất tải lại, điểm ứng xử di chuyển về phía điểm dẻo theo hướng chất tải lại.

Năm 1972, Mahin và Bertero [3] đã đề nghị sửa đổi mô hình Clough (Hình 9b). Sau khi dỡ tải, chất tải lại, mô hình Clough gốc giả định rằng điểm ứng xử di chuyển về phía điểm ứng xử lớn nhất trước đó. Mahin và Bertero đề nghị điểm ứng xử di chuyển hướng tới một điểm dỡ tải liên kề ngay trước đó. Khi đến điểm dỡ tải ban đầu, điểm ứng xử di chuyển về phía điểm ứng xử lớn nhất trước đó.



a) Mô hình Clough; b) MH Clough sửa đổi

Hình 9. Mô hình Clough (1966) và Clough sửa đổi (1972)

3. Nhận xét và khuyến nghị trường hợp áp dụng hiệu quả các mô hình

Qua nghiên cứu về đặc điểm của các mô hình ứng xử phi tuyến của BTCT, rút ra một số nhận xét và khuyến nghị sau:

- Các mô hình ứng xử ở cấp độ vật liệu (các mô hình quan hệ $U-S-BD$ của bê tông và cốt thép từ Hình 1 đến Hình 6) mô tả được chi tiết ứng xử của các vật liệu thành phần. Trong đó có thể mô hình hóa nhiều đặc trưng

cơ học của BTCT như: Khả năng nứt và nén vỡ, từ biến, co ngót của bê tông; khả năng chảy dẻo và hiệu ứng Bauschinger của thép; dính bám và neo cốt thép trong bê tông. Kết quả phân tích cho phép hiểu được chi tiết và bản chất ứng xử của kết cấu, tuy nhiên khối lượng tính toán rất lớn, đồng thời khó có thể dùng kết quả thí nghiệm để hiệu chỉnh mô hình tính. Do đó, các mô hình này phù hợp cho nghiên cứu ứng xử của các vùng tới hạn trong kết cấu. Từ đó, khuyến nghị áp dụng hiệu quả các mô hình *U^S-BD* để phân tích ứng xử nhằm đưa ra cấu tạo hợp lý các khớp dẻo ở đầu dầm và chân cột trong công trình chịu động đất, công trình phòng thủ dân sự chịu sự cố đặc biệt, các vùng cục bộ chịu trực tiếp tác dụng của bom, đạn trong công trình quốc phòng.

- Các mô hình ứng xử ở cấp độ cấu kiện (các mô hình từ Hình 7 đến Hình 9) mô tả quan hệ sức kháng - biến dạng trung bình trên mỗi cấu kiện hoặc trên một số tiết diện quan trọng. Sử dụng các mô hình này cho khối lượng tính toán nhỏ, dễ sử dụng kết quả thí nghiệm để hiệu chỉnh mô hình tính, cho phép diễn tả được ứng xử phi tuyến của các cấu kiện thành phần và toàn bộ kết cấu với độ chính xác cần thiết. Do vậy, khuyến nghị áp dụng các mô hình này phù hợp cho phân tích phi tuyến kết cấu hệ thanh phục vụ cho thiết kế kết cấu và kiểm soát chuyển vị tổng thể các công trình BTCT trong Quân đội.

- Mỗi mô hình ứng xử trên chỉ mô tả cho một loại quan hệ sức kháng - biến dạng (nén, uốn, cắt...) mà chưa mô tả được đồng thời quan hệ của mô men, lực dọc, lực cắt với các biến dạng tương ứng và không xét đến sự làm việc theo hai phương. Trong thiết kế, có thể sử dụng đồng thời nhiều mô hình ứng xử riêng biệt để mô tả cho các kiểu ứng xử

khác nhau tại cùng một tiết diện hoặc cùng một cấu kiện. Tuy nhiên khó có thể phản ánh đúng sự tương tác giữa các kiểu ứng xử.

IV. KẾT LUẬN

Bài viết đã trình bày làm rõ về các mô hình ứng xử phi tuyến của BTCT và các khuyến nghị áp dụng cho tính toán thiết kế các công trình trong Quân đội. Qua đó thấy rằng mỗi mô hình chỉ có khả năng mô tả được một vài đặc điểm ứng xử chung nhất của các cấu kiện BTCT, không một mô hình nào là hoàn chỉnh và mô tả được tất cả đặc điểm ứng xử thực. Tùy thuộc vào mục đích của bài toán mà lựa chọn mô hình ứng xử cho phù hợp. Khi thiết kế các công trình trong Quân đội chịu tải trọng đặc biệt nên lựa chọn các mô hình ứng xử theo hướng đơn giản, có khối lượng tính toán nhỏ mà vẫn đảm bảo có được các kết quả cần thiết với độ chính xác cho phép♦

Tài liệu tham khảo

1. Võ Thanh Lương (2006), *Tính toán động lực học nhà cao tầng dạng kết cấu thanh chịu tác dụng động đất có kể đến tính dẻo của vật liệu*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Kỹ thuật Quân sự, Hà Nội.
2. Hognestad E (1951), *A study of combined bending and axial load in reinforced concrete members*, Urbana.
3. Mahin, Bertero (1972), "Rate of Loading Effect on Uncracked and Repaired Reinforced Concrete Members", EERC No. 73-6, Earthquake Engineering Research Center, University of California, Berkeley.
4. Park R, Kent (1972), "Reinforced Concrete Members with Cyclic Loading", Journal, Structural Division, ASCE, 98(7).
5. Shunsuke Otani (2002), "Nonlinear Earthquake Response Analysis of Reinforced Concrete Buildings", Lecture Notes, Tokyo.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỰ HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHO ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI HỌC VIỆN HẬU CẦN

Thiếu tá, ThS. HOÀNG THỊ THU HÀ
Khoa Ngoại ngữ, Học viện Hậu cần

Từ vựng đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và sử dụng tiếng Anh. Từ vựng giúp người học hiểu được hầu hết các thông tin truyền đạt qua các bài đọc, nghe và giao tiếp bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, tiếng Anh có vốn từ vựng phong phú, điều này khiến cho người học gặp không ít khó khăn. Vì vậy, cần có phương pháp học từ vựng tiếng Anh một cách phù hợp.

THỜI gian qua, Học viện Hậu cần rất chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ tiếng Anh cho các đối tượng học viên. Đối với học viên (HV) đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học (sau đây gọi tắt là HV), trước khi học tiếng Anh chuyên ngành, HV phải trải qua quá trình học và thi B1 theo khung tham chiếu châu Âu. Ở trình độ B1, học viên cần tích lũy khoảng 2.000 từ tiếng Anh để có khả năng xử lý các tình huống trong giao tiếp, nói hoặc viết văn bản về các chủ đề liên quan đến cuộc sống; có thể miêu tả các sự kiện, các trải nghiệm... Đây là vấn đề khó nên cần có phương pháp học tập phù hợp.

Thực tế cho thấy, trong học tập, HV đã gặp không ít khó khăn để đáp ứng yêu cầu trình độ B1. Điều tra tình hình học tập từ vựng tiếng Anh đối với HV Khóa 29, có thể khái quát thực trạng như sau: (1). Học viên chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của học từ vựng tiếng Anh; cho nên, chỉ chú tâm vào học ngữ pháp mà không củng cố, mở rộng vốn từ vựng. Do vậy, khi làm bài có nhiều từ mới, HV không hiểu nội dung hoặc không viết được đoạn văn hoàn chỉnh vì thiếu từ vựng cần thiết để diễn đạt đúng ý của mình. (2). Việc học từ vựng còn hạn chế về chủ đề; sự trao đổi, gắn kết giữa

giảng viên (GV) và HV trên lớp chưa thường xuyên. Kết quả điều tra: Có trên 50% HV được hỏi đều thừa nhận bài học có nhiều từ mới; trên 45% HV được hỏi tìm kiếm sự trợ giúp của bạn học khi không hiểu từ mới; trong khi đó, chỉ có gần 30% chọn cách tra từ điển, 19% tìm các cách giải quyết khác. Có đến hơn 95% HV chỉ học một số từ vựng gặp trong bài học trên lớp; rất ít HV tự học thêm các từ vựng ngoài chương trình sách giáo khoa. Điều này làm giảm hiệu quả việc học từ vựng của HV. (3). Việc tự học từ vựng của HV còn chưa đầy đủ. Kết quả điều tra: Có 60,4% HV chỉ chú trọng học nghĩa và cách viết chính tả của từ mới; 25,3% HV tập trung vào học phát âm của từ; rất ít HV quan tâm đến các khía cạnh khác của học từ vựng như từ loại, cách sử dụng của từ trong các cấu trúc câu, v.v. Điều này làm cho HV không vận dụng được từ vựng vào đặt câu hay làm các bài tập có liên quan đến từ loại. Ở một khía cạnh khác, có một số lượng lớn HV không đặt từ vựng vào ngữ cảnh cụ thể; việc học từ chủ yếu bằng cách viết từ lặp đi lặp lại. Cách học này có thể giúp HV nhớ từ nhanh, nhưng cũng rất nhanh quên. (4). Học viên chưa chủ động và chưa hình thành thói quen học từ vựng tại đơn vị. Kết quả điều tra: Có trên 50% HV được hỏi cho

rằng, chỉ học từ vựng với tần suất 1 ÷ 2 lần/tuần; 67,2% HV học ít hơn 20 từ mới/tuần. Điều này tạo ra sự thiếu hụt rất lớn so với yêu cầu về vốn từ vựng (khoảng 2.000 từ). (5). Học viên chưa có phương pháp học từ vựng hiệu quả. Kết quả điều tra: Có 82,4% HV được hỏi thừa nhận chỉ tự học từ vựng một mình; 17,6% HV học từ vựng theo cặp hoặc nhóm. Việc HV tự học từ vựng một mình dễ gây nhàm chán, thiếu hứng thú và sẽ không tự phát hiện ra lỗi khi phát âm hoặc đặt câu sai. Hơn nữa, tự học viết từ một mình dễ sa vào máy móc, không kết hợp viết từ, với luyện phát âm và học thuộc nghĩa.

Từ thực trạng trên, để nâng cao chất lượng tự học từ vựng tiếng Anh của HV tại Học viện Hậu cần, trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức của HV để hiểu rõ vai trò, tầm quan trọng của tự học từ vựng tiếng Anh. Muốn vậy, trước hết, khi lên lớp, GV cần truyền thụ vai trò của từ vựng trong phát triển kỹ năng tiếng và nâng cao hiệu quả, chất lượng của học tiếng Anh; tích cực đưa ra dẫn chứng để HV hiểu rõ mối liên quan giữa việc học từ vựng và rèn luyện các kỹ năng tiếng, cần chỉ ra cho HV thấy rõ những yêu cầu cụ thể về từ vựng để đạt được trình độ năng lực B1. Từ đó, HV xác định đúng mục tiêu, yêu cầu đối với môn tiếng Anh nói chung cũng như với việc học từ vựng nói riêng. Qua đó, HV tích cực, chủ động hơn mỗi khi tự học từ vựng tại đơn vị, biến việc học từ vựng thành một nhiệm vụ học tập cần phải hoàn thành hàng ngày trước mỗi giờ lên lớp. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý HV cũng cần có sự phối hợp với GV trong việc đôn đốc, nhắc nhở HV tự học từ vựng tại đơn vị, góp phần tạo thói quen học từ vựng mỗi ngày cho HV. Cán bộ quản lý cần nắm chắc, hiểu rõ thực trạng học từ vựng của HV, những khó khăn, trở ngại mà HV gặp phải khi tự học để phản ánh kịp thời,

giúp GV và nhà quản lý giáo dục đưa ra biện pháp khắc phục.

Hai là, tăng cường sự tương tác, trao đổi giữa HV và GV trong quá trình học trên lớp. Thực tế cho thấy, chỉ một số lượng rất ít HV tìm sự giúp đỡ của GV khi gặp từ mới. Việc hạn chế trao đổi giữa GV và HV sẽ khiến GV không nắm được nhu cầu, nguyện vọng, khó khăn khi học từ của HV; còn HV không nhận được sự trợ giúp khi cần. Chỉ có sự trao đổi thẳng thắn, cởi mở hai chiều mới giúp giải đáp những vướng mắc gặp phải khi học từ vựng, cả ở trên lớp cũng như tại đơn vị. Để làm được điều này, đòi hỏi GV và HV cần có sự chủ động, tích cực hơn trong quá trình giảng dạy và học tập trên lớp. GV cần sát sao hơn nữa trong việc hướng dẫn HV học từ vựng đồng thời phải kiểm tra, đánh giá chất lượng học từ của HV. Trước tiên, khi lên lớp, GV cần hướng dẫn HV các phương pháp học từ vựng, như: Viết từ, luyện phát âm, đặt câu, trò chơi từ vựng, viết sơ đồ tư duy... Mỗi phương pháp có ưu, nhược điểm; cho nên, HV cần tìm cho mình các phương pháp phù hợp và hiệu quả. Sau mỗi bài học, GV cần nêu rõ yêu cầu về học từ vựng của bài cho HV và giao bài tập từ vựng (viết từ, đặt câu, viết chuyện, phân loại từ vựng theo chủ đề...) và thường xuyên kiểm tra, đánh giá để HV có ý thức học tốt hơn. Đối với HV, cần nhận thức đúng đắn về sự quan trọng trong việc tương tác với GV, nhằm tháo gỡ những khó khăn trong quá trình học tập. Chỉ có sự chủ động, tích cực, tự giác mới giúp HV phá tan sự e ngại trên lớp, góp phần biến hoạt động học từ thành một niềm vui, một hoạt động thú vị hàng ngày.

Ba là, học viên cần tích cực, chủ động rèn luyện thói quen thường xuyên tự học từ vựng. Trước hết, HV cần thiết lập cho mình mục tiêu học từ vựng cụ thể. Để làm được điều này, cần trả lời các câu hỏi: Bản thân cần học bao nhiêu từ mỗi ngày? Cần tập

trung vào chủ đề nào?... Khi bắt đầu rèn thói quen tự học từ vựng, HV nên học khoảng 5 ÷ 7 từ mỗi ngày, trong 30 ngày đầu.

Khi đã xác định được mục tiêu, HV lựa chọn phương pháp học phù hợp. Một số phương pháp học từ vựng mà HV có thể áp dụng trong môi trường học tập tại Học viện Hậu cần, gồm: Học từ vựng gắn với ngữ cảnh và thực tiễn; học chính tả kết hợp với ngữ nghĩa và phát âm; đặt câu với từ mới; học từ vựng bằng thẻ từ; học thông qua trò chơi; học qua sơ đồ tư duy. Học viên không nên học từ vựng riêng lẻ mà phải gắn với câu hoặc ngữ cảnh cụ thể. Có nhiều cách để HV dễ nhớ từ mới, như: Liên tưởng bằng hình ảnh; lồng từ mới vào những ngữ cảnh sử dụng thực tế; gọi tên các đồ vật, phương tiện, vũ khí bằng tiếng Anh.

Bước kế tiếp là tạo môi trường học tập thuận lợi. Tìm một không gian yên tĩnh để tập trung học tập mà không bị phân tâm. Lên lịch học tập cố định, dành ra một khoảng thời gian nhất định mỗi ngày để học từ vựng. Bước cuối cùng trong quá trình hình thành thói quen học từ vựng là luyện tập thường xuyên và vận dụng từ mới vào thực tế. Cố gắng sử dụng từ mới để giao tiếp với các HV khác, tham gia câu lạc bộ tiếng Anh, các hội nhóm học tập hoặc viết nhật ký bằng tiếng Anh.

Bốn là, duy trì việc học từ vựng một cách thường xuyên kết hợp tự kiểm tra, đánh giá chất lượng việc tự học từ. Học từ vựng là một quá trình, đòi hỏi sự kiên trì và nỗ lực. Để việc học từ không bị nhàm chán, HV nên thường xuyên thay đổi phương pháp học từ, thay đổi đối tượng cùng học, kết hợp học theo đối, theo nhóm, đổi cặp, đổi nhóm học tập. Trong quá trình học từ, HV có thể mắc lỗi như phát âm sai, đặt câu không đúng ngữ pháp mà đôi khi, chính HV

cũng không tự phát hiện ra những lỗi sai đó. Vì vậy, việc học theo cặp, nhóm hoặc tìm sự hỗ trợ của GV có thể giải quyết được tồn tại này. Điều quan trọng là không nên sợ mắc lỗi vì sai lầm là một phần của quá trình học tập. Một việc quan trọng HV cần làm sau mỗi giai đoạn cụ thể (một tuần hay một tháng) là cần tự kiểm tra, đánh giá quá trình tự học từ của mình so với kế hoạch đề ra, đã vận dụng được các từ vựng đó vào bài tập thực hành hay chưa. Từ đó, HV có thể đánh giá hiệu quả của các phương pháp mà mình đang áp dụng để có sự điều chỉnh cho phù hợp với các mục tiêu tiếp theo trong quá trình học từ vựng của mình.

Tự học từ vựng của học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học tại Học viện Hậu cần là một quá trình luôn cần có sự đổi mới, sáng tạo. Những biện pháp nêu trên có thể đáp ứng quá trình đó; hoàn toàn có khả năng thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng tự học từ vựng nói riêng và chất lượng học tiếng Anh nói chung cho mỗi HV ở Học viện Hậu cần♦

Tài liệu tham khảo

1. Asgari, A., & Mustapha, G. (2010), *The type of vocabulary learning strategies used by ESL students in University Putra Malaysia*. English Language Teaching.
2. Laufer, B. (1988), *The development of passive and active vocabulary in a second language: same or different*, Applied Linguistics.
3. O'Malley, J.M., & Chamot, A.U. (1995), *Learning strategies in second language acquisition*, UK: Cambridge University Press.
4. Rubin, D. (1987), *Learner strategies: Theoretical assumptions, research, history, and typology*. In A. Wenden & J. Rubin (Eds.), *Learner strategies in language learning*.

BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN PHÂN ĐỘI BỘ BINH CƠ ĐỘNG CHIẾN ĐẤU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đại tá, TS. PHẠM TRỌNG DIỄN
Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN THÁI
Trường Sĩ quan Lục quân 2

ABSTRACT: *Providing logistics materials is an aspect of logistics support, aiming to fulfill the material needs of combat units to gain victory. Based on theoretical and practical research, in this article are proposed several measures for providing logistics materials for mobile infantry platoons in the Mekong Delta in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC), một mặt của bảo đảm hậu cần, nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất cho đơn vị chiến đấu thắng lợi vị. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất một số biện pháp bảo đảm VCHC phân đội bộ binh cơ động chiến đấu (CĐCĐ) ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phân đội bộ binh khi chiến đấu ở ĐBSCL có thể được giao nhiệm vụ phòng ngự; tiến công địch trong hoặc ngoài công sự; CĐCĐ... nhằm tiêu diệt quân địch tiến công, phòng ngự hoặc cơ động, rút chạy trong khu vực đảm nhiệm, làm chủ trận đánh, chiếm giữ địa hình có lợi; tạo thế và thời cơ cho các hoạt động tác chiến của cấp trên và lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ (KVPT). Để hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, bảo đảm hậu cần, nhất là bảo đảm vật chất cho phân đội cơ động trước, trong và sau chiến đấu giữ vai trò quan trọng, góp phần quyết định đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu thắng lợi của đơn vị. Trong chiến tranh giải phóng, ta đã có một số kinh nghiệm quý về bảo đảm VCHC cho phân đội bộ binh CĐCĐ. Tuy nhiên, chiến

tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh hiện đại, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử rộng rãi. Cho nên, bảo đảm VCHC phân đội bộ binh CĐCĐ rất khó khăn, phức tạp, nhất là tiếp nhận, bổ sung, dự trữ vật chất, trang bị hậu cần. Vì vậy, cần nghiên cứu biện pháp bảo đảm VCHC phân đội bộ binh CĐCĐ cho phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của phân đội là tiểu đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) địch tiến công, phòng ngự hoặc cơ động có tổ chức biên chế linh hoạt, sử dụng vũ khí, trang bị hiện đại, được hỏa lực pháo binh, không quân trực tiếp chi viện, sử dụng tác chiến điện tử rộng rãi. Bảo đảm VCHC cho phân đội bộ binh CĐCĐ thường diễn ra trong điều kiện thời gian gấp; vừa bảo đảm trực tiếp cho nhiệm vụ chiến đấu, vừa vận chuyển vật chất, trang bị hậu cần trên quãng đường từ khu vực bố trí đến khu vực chiến đấu; các đơn vị, bộ phận thường bố trí phân tán; yêu cầu bảo đảm VCHC phải đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời không làm ảnh hưởng đến hiệu quả chiến đấu của phân đội.

Bảo đảm VCHC phân đội bộ binh CĐCĐ ở ĐBSCL có nhiệm vụ bảo đảm đầy

đủ, kịp thời, chu đáo cho các lực lượng trong biên chế; bảo đảm một số mặt (theo quy định) cho lực lượng tăng cường. Để thực hiện tốt nhiệm vụ, hậu cần DBB phải chuẩn bị khẩn trương, chu đáo mọi mặt về VCHC cho phân đội; phân chia lực lượng, vật chất, phương tiện phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu; giải quyết những vấn đề tồn đọng trong quá trình bảo đảm VCHC của trận chiến đấu trước đó; phân công giao nhiệm vụ, hiệp đồng bảo đảm cụ thể cho cán bộ, phân đội hậu cần và đơn vị có liên quan; chuẩn bị tốt việc tổ chức tiếp nhận, vận chuyển, bổ sung vật chất, trang bị hậu cần cho đơn vị trước khi cơ động chiến đấu; phân cấp dự trữ vật chất, trang bị mang theo phù hợp với khả năng mang vác của bộ đội; thu hồi, bàn giao vật chất, phương tiện không mang theo trong trận đánh. Vì vậy, để bảo đảm VCHC đầy đủ, kịp thời góp phần bảo đảm cho tiểu đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ CĐCĐ thắng lợi, cần thực hiện tốt các biện pháp chủ yếu sau đây:

Một là, tổ chức dự trữ vật chất gọn nhẹ, tiện cơ động, kết hợp huy động vật chất tại chỗ để bảo đảm. Đây là vấn đề rất quan trọng, nếu dự trữ không hợp lý thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả trận đánh. Thực tiễn, các Tiểu đoàn bộ binh 4,5,6 (Trung đoàn 24, Sư đoàn 304) vận động tiến công kết hợp chốt cầu Ka Ky (ngày 11/02/1971), hậu cần đơn vị đã nắm chắc nhiệm vụ, tính chất trận đánh nên tổ chức dự trữ 10 ngày lương thực, thực phẩm (LTTP) và 2 ngày lương khô; khi đơn vị CĐCĐ, bộ đội chỉ mang theo lương khô, còn LTTP để ở hậu cần tiểu đoàn...

Do phân đội bộ binh cơ động chiến đấu bao gồm nhiều đơn vị (tiểu đoàn, đại đội và trung đội); cho nên, bảo đảm VCHC phân đội bộ binh CĐCĐ phải căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị để phân cấp dự trữ vật chất cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu đầy đủ kịp thời. Do đó, không tổ chức kho

dự trữ VCHC mà quy định bộ đội phải có đủ trên vai 3 ÷ 4 ngày LTTP; 1 ngày lương khô; 100% quân trang chiến đấu; 100% quân lương chiến đấu; 1 cuộn bông băng/người...

Để thực hiện tốt biện pháp trên, hậu cần các phân đội cần nắm chắc ý định tổ chức sử dụng lực lượng của cấp trên, nhiệm vụ của phân đội, khả năng hậu cần của từng đơn vị và khả năng mang vác của bộ đội trong từng thời điểm cụ thể. Tổ chức phân cấp dự trữ gọn nhẹ, hợp lý. Hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần cấp trên, hậu cần các đơn vị bạn trong khu vực chiến đấu để bảo đảm. Đồng thời, hiệp đồng chặt chẽ với hội đồng cung cấp KVPT tỉnh, để tăng cường lượng dự trữ lương thực và bảo đảm theo phạm vi được phân công. Tranh thủ sự quyên góp ủng hộ, giúp đỡ của Nhân dân trong quá trình cơ động chiến đấu.

Hai là, kết hợp và vận dụng linh hoạt các hình thức, phương thức, lực lượng, phương tiện trong vận chuyển bổ sung VCHC. Phân đội bộ binh CĐCĐ trực tiếp tiếp xúc rất gần địch, chiến đấu diễn ra ác liệt, khối lượng VCHC tiêu thụ lớn, khả năng bảo đảm vận tải của các đơn vị gặp nhiều khó khăn. Để giải quyết kịp thời, bảo đảm cho khả năng cơ động, phát triển chiến đấu của đơn vị, cần phải sử dụng linh hoạt nhiều hình thức vận chuyển vật chất; trong đó, hình thức cơ động, vượt tới trận địa để bổ sung đạn và VCHC cho các phân đội đang cơ động tiến công trên các hướng, mũi là biện pháp khả thi và có hiệu quả cao. Khi có điều kiện, cần tích cực sử dụng vận tải bằng các phương tiện cơ giới, tàu, xuồng, thuyền, mảng..., để vận chuyển bổ sung VCHC bảo đảm kịp thời nhu cầu vật chất cho các phân đội cơ động chiến đấu thắng lợi.

Phân đội bộ binh CĐCĐ trong thế trận tác chiến phòng thủ có nhiều lực lượng cùng chiến đấu, như: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội của các quân binh chủng. Mỗi lực lượng có các đơn vị vận tải

làm nhiệm vụ bảo đảm cho cấp mình và sẵn sàng hỗ trợ cho nhau trong thực hiện nhiệm vụ. Do vậy, huy động, kết hợp chặt chẽ lực lượng vận tải của các thành phần tham gia để bảo đảm VCHC sẽ giải quyết được những khó khăn trong công tác vận chuyển, tiếp nhận, bổ sung vật chất bảo đảm cho phân đội ĐCĐĐ.

Hậu cần phân đội bộ binh cần phát huy tối đa khả năng lực lượng và phương tiện vận tải thuộc biên chế để vận chuyển bổ sung vật chất trong các trường hợp ĐCĐĐ. Lực lượng vận tải trong biên chế của hậu cần phân đội chủ yếu là vận tải bộ (có thể huy động ô tô, tàu, xuồng...). Vận tải ô tô và tàu, xuồng có khả năng vận chuyển bổ sung vật chất được nhanh, xa, với khối lượng lớn; song, ở ĐBSCL, đường cơ động cho các phương tiện này thường khó khăn; cho nên, cần có phương án tổ chức mạng đường vận tải phù hợp. Đối với vận tải thô sơ sức người, tuy năng suất vận chuyển thấp, cung đường vận chuyển ngắn nhưng tính bí mật cao và chuyển vật chất đến tận trận địa. Do đó, ngoài việc phát huy tối đa khả năng lực lượng và phương tiện vận tải của từng hình thức vận tải, cần kết hợp hiệu quả hai hình thức vận tải vào trong quá trình vận chuyển bổ sung vật chất cho phân đội chiến đấu.

Bên cạnh đó, hậu cần phân đội cần hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần cấp trên, đơn vị bạn và hậu cần KVPT để huy động lực lượng, phương tiện vận tải vận chuyển bổ sung VCHC; tranh thủ sự ủng hộ của Nhân dân để huy động các loại xuồng cùng tham gia vận chuyển. Muốn vậy, phải nắm chắc nhu cầu VCHC của đơn vị; khả năng vận chuyển của từng lực lượng, phương tiện vận tải; chủ động hiệp đồng chặt chẽ, cụ thể, đáp ứng yêu cầu của phân đội.

Ba là, hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần KVPT để bảo đảm. Phân đội bộ binh ĐCĐĐ trong điều kiện bị chi phối trực tiếp bởi các hoạt động của pháo binh, không quân địch;

nhiệm vụ khó khăn, diễn ra trong điều kiện ác liệt, tiêu thụ tổn thất vật chất lớn, trong khi lực lượng hậu cần có hạn. Mặt khác, phân đội ĐCĐĐ là lực lượng trực tiếp tiếp xúc, chiến đấu gần địch. Cho nên, hoạt động bảo đảm VCHC phân đội ĐCĐĐ gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Mặt khác, trong chiến tranh BVTQ, thế trận KVPT được xây dựng và chuẩn bị từ trước. Hậu cần KVPT dự trữ VCHC “đủ bảo đảm cho lực lượng vũ trang địa phương từ 2 ÷ 3 đợt tác chiến (mỗi đợt 15 ÷ 20 ngày) và chi viện cho bộ đội chủ lực 1 ÷ 2 chiến dịch”, nên có đủ điều kiện, khả năng chi viện VCHC cho phân đội bộ binh ĐCĐĐ. Vì vậy, cần kết hợp chặt chẽ với hậu cần KVPT để bảo đảm VCHC cho các lực lượng của đơn vị ĐCĐĐ.

Để thực hiện biện pháp này, hậu cần phân đội cần tiến hành tốt một số vấn đề sau: Trước hết, cần xác định phương án bảo đảm VCHC phù hợp. Để bảo đảm được đầy đủ, kịp thời, phải căn cứ vào phương án tổ chức sử dụng lực lượng, kế hoạch chiến đấu của người chỉ huy, khả năng của đơn vị và hậu cần địa phương trong khu vực chiến đấu để xác định phương án bảo đảm VCHC phù hợp. Tập trung cả về lực lượng, phương tiện, VCHC bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho các đơn vị ĐCĐĐ ở tất cả các giai đoạn, trong các tình huống. Xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần KVPT để bảo đảm. Cần tập trung hiệp đồng chặt chẽ về trách nhiệm, phạm vi bảo đảm cho các lực lượng; hiệp đồng về phương thức bảo đảm, hình thức giao nhận, vận chuyển vật chất; về thời gian, địa điểm, phương pháp bổ sung vật chất trong các giai đoạn với hậu cần các thành phần lực lượng đánh địch. Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ về huy động, khai thác VCHC; tận dụng các cơ sở, nguồn lực hậu cần; chi viện, hỗ trợ VCHC trong các tình huống cần thiết... Các nội dung hiệp đồng phải có kế hoạch khả thi.

Bốn là, tổ chức lót trước vật chất; tăng cường lượng vật chất dự bị cơ động để kịp thời bổ sung trong các nhiệm vụ chiến đấu. Bổ sung vật chất là nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là khâu quyết định đến kết quả công tác bảo đảm VCHC trong chiến đấu. Đồng thời, bổ sung vật chất luôn là khâu khó khăn, gian khổ nhất, đòi hỏi phải có kế hoạch cụ thể, biện pháp bổ sung phù hợp. Khi lót trước vật chất phải được sự nhất trí của người chỉ huy và cơ quan hậu cần cấp trên.

Tổ chức lót trước vật chất nhằm bổ sung ngay lượng vật chất cần thiết trong giai đoạn chuẩn bị và trong chiến đấu. Trong chiến tranh BVTQ, ta có điều kiện chuẩn bị từ trước, chớp thời cơ thuận lợi mà hoạt động tác chiến phòng thủ, phòng ngự tạo ra. Do đó, ngay sau khi có ý định chiến đấu của tiểu đoàn, trên cơ sở thể trận hậu cần đang bảo đảm cho hoạt động tác chiến phòng thủ, phòng ngự, thể trận hậu cần KVPT địa phương, cần tổ chức lót ngay vật chất tại những vị trí (khu vực) dự kiến sẽ cơ động lực lượng chiến đấu. Tận dụng các cơ sở hậu cần đang bảo đảm cho tác chiến phòng thủ, phòng ngự để dự trữ vật chất; tổ chức lót trước các loại vật chất có khối lượng lớn, như các loại đạn hỏa lực, LTTP... Lượng vật chất này sẽ được dùng để bổ sung ngay sau khi các phân đội cơ động vào tập kết, hình thành thế bố trí vững chắc trong bảo đảm VCHC. Bên cạnh đó, trong thực hành CĐCĐ, nếu phải bổ sung thì lượng VCHC cũng không lớn lắm. Song, các trường hợp phải bổ sung trong giai đoạn này đều là những trường hợp khẩn cấp, có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của trận chiến đấu.

Cho nên, phải tăng cường lượng vật chất dự bị cơ động.

Trên cơ sở đó, hậu cần phân đội bộ binh cần nắm chắc ý định tổ chức chiến đấu của người chỉ huy, nghiên cứu nắm vững địa bàn chiến đấu để xác định phương án lót VCHC. Cùng với đó, phải hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần KVPT địa phương về phương án tận dụng, sử dụng các cơ sở hậu cần phục vụ cho việc lót trước vật chất; chuẩn bị tốt VCHC và các trang bị, dụng cụ chứa đựng, cất giấu; đồng thời, thực hiện tốt khâu bảo vệ, bảo đảm an toàn cho lượng vật chất lót trước; tăng cường lượng vật chất dự bị cơ động để xử lý các tình huống.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC cho phân đội bộ binh CĐCĐ là nhiệm vụ khó khăn phức tạp, tính biến động cao. Vì vậy, hậu cần phân đội cần phải thực hiện đồng bộ và linh hoạt các biện pháp trong bảo đảm VCHC, phù hợp với từng bộ phận, từng nhiệm vụ, từng trận đánh, góp phần bảo đảm cho phân đội bộ binh CĐCĐ ở ĐBSCL chiến đấu thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1998), *Lịch sử hậu cần lực lượng vũ trang đồng bằng sông Cửu Long (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1999), *Những trận đánh của lực lượng vũ trang ĐBSCL (1945 - 1975), Tập 10*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2009), *Bảo đảm hậu cần tác chiến phòng thủ quân khu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (2008), *Giáo trình bảo đảm hậu cần tiểu đoàn bộ binh chiến đấu tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC MÔN VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG CHO ĐỐI TƯỢNG SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CHUYÊN NGÀNH VẬN TẢI

Trung tá, ThS. ĐINH VĂN THƯỜNG
Khoa Khoa học cơ bản, Học viện Hậu cần

Nắm chắc kiến thức cơ bản môn học Vật lý đại cương (VLĐC) là cơ sở để học tập tốt các môn cơ sở ngành đáp ứng chuẩn đầu ra. Bài viết đề xuất một số giải pháp đối với giảng viên (GV) trong dạy học môn học VLĐC cho đối tượng sĩ quan hậu cần (SQHC) cấp phân đội, trình độ đại học, chuyên ngành vận tải (CNVT) ở Học viện Hậu cần (HVHC).

VẬT lý đại cương là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo SQHC cấp phân đội, trình độ đại học, CNVT, với thời gian giảng dạy 46 tiết (lý thuyết: 22 tiết; bài tập: 14 tiết; thí nghiệm: 06 tiết; kiểm tra, thi: 04 tiết), là một môn học khó, với lượng kiến thức lớn, cả về lý thuyết (cơ học, nhiệt học, điện học) và thí nghiệm, cần có tư duy logic cao. Quá trình dạy học VLĐC nhằm hình thành cho học viên (HV) những kiến thức cơ bản của VLĐC làm cơ sở để học tập, nghiên cứu các môn học trong khối kiến thức cơ sở ngành (nhiệt kỹ thuật, kỹ thuật điện - điện tử; cơ học ứng dụng, nguyên lý chi tiết máy) và các môn học trong khối kiến thức chuyên ngành (thiết bị điện ô tô, nguyên lý kết cấu động cơ, lý thuyết kết cấu của ô tô); đồng thời, ứng dụng kiến thức vào trong thực tế.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, của Khoa Khoa học Cơ bản, các GV đã quán triệt tốt chủ trương về đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng đào tạo; sự phối hợp nhịp nhàng giữa GV với các cơ quan, đơn vị, cán bộ quản lý HV; sự đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong đội ngũ nhà giáo của khoa, đã góp phần không nhỏ đến chất lượng dạy học nói chung, môn học VLĐC nói riêng.

Khảo sát chất lượng dạy học môn học VLĐC của đối tượng SQHC cấp phân đội,

trình độ đại học, CNVT ở HVHC (từ Khóa 24 đến Khóa 29), được thể hiện qua bảng thống kê dưới đây.

Lớp (quân số)	Xuất sắc, giỏi	Khá	Trung bình khá	Trung bình
S324AB (57)	3,51%	36,84%	45,61%	14,04%
S325AB (68)	2,94%	14,71%	36,76%	45,59%
S326AB (85)	15,29%	25,88%	29,41%	29,41%
S327ABC (86)	17,44%	32,56%	32,56%	17,44%
S328AB (70)	7,14%	42,86%	32,86%	17,14%
S329ABC (78)	21,79%	26,92%	37,18%	14,10%
Tổng hợp (504)	15,67%	30,95%	32,94%	20,44%

Với kết quả học tập cho thấy, việc giảng dạy VLĐC đã thực hiện đúng phương châm “dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất”. Tuy nhiên, chất lượng dạy và học còn bộc lộ những hạn chế nhất định, trong đó tỷ lệ HV đạt khá, giỏi và xuất sắc còn thấp, chưa đạt được chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ HVHC lần XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Điều này có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, bởi hầu hết các học viên đều mới tốt nghiệp phổ thông nên chưa có phương pháp học ở bậc đại học, nhận thức về vai trò của môn học chưa cao, thời gian tự học tập của HV còn ít, vẫn còn thụ động trong học tập; phương pháp giảng dạy của GV chưa sát, thiếu việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình tự học... Để nâng cao chất lượng dạy học môn học VLĐC, trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học cho GV. Phẩm chất chính trị đúng đắn ở người GV sẽ là cái gốc cơ bản để hoàn thành nhiệm vụ giáo dục được giao trong bất kỳ tình huống khó khăn nào. Thường xuyên phổ biến, quán triệt các nghị quyết, văn bản, quy định, quy chế, chỉ tiêu để GV nắm chắc, áp dụng một cách linh hoạt trong quá trình giảng dạy, như nghị quyết Trung ương về yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo; của Quân ủy Trung ương về nâng cao chất lượng huấn luyện, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại... Hiện tại, bộ môn Lý có 01 tiến sĩ; 01 nghiên cứu sinh; 04 thạc sĩ; 01 nhân viên phòng thí nghiệm. Để nâng cao chất lượng đội ngũ GV cần đẩy nhanh tốc độ đào tạo GV đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, đồng thời nâng cao trình độ về kiến thức chuyên ngành. Để thực hiện việc này tự bản thân GV hoặc thông qua sự liên hệ giới thiệu của Học viện, tham gia các hội thảo chuyên ngành đổi mới phương pháp dạy học VLĐC. Qua đó, GV không những học tập, cập nhật tri thức mới mà còn học tập cả phương pháp truyền thụ kiến thức, phương pháp tổ chức học tập, nghiên cứu và đánh giá kết quả.

Nghiên cứu khoa học là động lực thúc đẩy niềm say mê nghề nghiệp trong mỗi GV, giúp GV làm chủ tri thức trên cơ sở độc lập suy nghĩ, sáng tạo, vận dụng hợp lý và hiệu quả tri thức vào bài giảng, cũng như thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, mỗi vấn đề nghiên cứu đòi hỏi GV phải xây dựng đề cương, tìm tòi tri thức từ nhiều nguồn tài liệu... để tích lũy về lượng và biến đổi về chất, tri thức ngày càng được mở rộng và chuyên sâu. Qua đó, GV sẽ thực sự chủ động, sử dụng nhuần nhuyễn các phương pháp trong mỗi giờ giảng.

Hai là, nâng cao chất lượng từng bài giảng của môn học VLĐC. Qua giảng dạy

và ý kiến của đồng nghiệp trong bộ môn, cần thực hiện tốt các vấn đề chủ yếu sau:

Làm tốt công tác chuẩn bị huấn luyện. Chuẩn bị huấn luyện là bước rất quan trọng, quyết định phần lớn đến chất lượng bài giảng, theo đó có hai việc cần quan tâm, là nắm đối tượng HV và soạn giáo án. Nắm đối tượng để hiểu rõ về đối tượng, có định hướng tốt trong việc biên soạn bài giảng, chất lượng bài giảng cho phù hợp; từ đó, GV tự tin hơn khi lên lớp, dự đoán trước được những vấn đề HV sẽ trao đổi, ví dụ nào đưa ra sẽ thiết thực với họ. Đối với CNVT, giảng viên cần nắm tổng quát chương trình các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành và chức trách trên cương vị công tác sau khi ra trường, để có thể nhấn mạnh, liên hệ trong giảng dạy lý thuyết. Như phần cơ học là cơ sở để học tập các môn (cơ học ứng dụng, nguyên lý chi tiết máy, nguyên lý kết cấu động cơ); phần nhiệt học là cơ sở để nghiên cứu các môn (nhiệt kỹ thuật, lý thuyết kết cấu của ô tô); phần điện và từ, làm cơ sở để học (kỹ thuật điện - điện tử, thiết bị điện ô tô). Vì vậy, khi biên soạn giáo án cần xác định nội dung chính, cốt lõi của từng phần; đọc kỹ và hiểu rõ các nội dung trong giáo trình, tài liệu tham khảo; các ví dụ minh họa và các ứng dụng của từng phần đối với CNVT. Có như vậy, mới có thể soạn được giáo án hay, sâu sắc và khi giảng bài, sẽ tự tin giảng giải, cắt nghĩa.

Nâng cao chất lượng thực hành giảng bài. Đây được là khâu quyết định nhất đến chất lượng bài giảng, nó phản ánh năng lực sư phạm của một GV. Lý luận dạy học đại học đã đưa ra một hệ thống các phương pháp dạy học, nhưng sử dụng phương pháp nào thì lại tùy thuộc vào mỗi GV, mỗi bài giảng và đối tượng HV. Trong VLĐC, một trong những phương pháp rất hữu hiệu để có thể giúp HV hiểu sâu hơn về các vấn đề lý thuyết đã đưa ra là giải bài toán ví dụ đặc trưng. Ví dụ như, trong phần xác định

véc tơ cường độ điện trường tại một điểm có thể tính toán bằng cách hợp véc tơ hoặc dùng số phức hoặc xác định thông qua điện thế; giải bài toán chuyển động cơ học có thể thông qua Định luật II Newton hoặc phương pháp năng lượng...

Tu chỉnh, bổ sung hoàn thiện bài giảng. Bài giảng phải là bài giảng mở, sau mỗi bài giảng cho mỗi lớp, GV cần rút kinh nghiệm để bổ sung, tu chỉnh giáo án và điều chỉnh phương pháp cho phù hợp. Cơ sở để bổ sung dựa vào các kênh thông tin chủ yếu như: Thông qua kết quả kiểm tra, thi; qua dân chủ huấn luyện sẽ nắm được sự phản hồi của HV về nội dung, chương trình, mà đặc biệt là phương pháp giảng dạy...

Ba là, ứng dụng công nghệ thông tin để mô phỏng các bài toán nhằm nâng cao chất lượng tự học của HV. Để triển khai phương pháp này, thì GV phải đề xuất vấn đề nghiên cứu, nêu ra các bài toán cụ thể, yêu cầu HV tìm hiểu phần mềm để mô phỏng bài toán (Matlab). Tiếp theo, GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm, giới thiệu tài liệu và hướng dẫn gợi ý cho mỗi nhóm, các vấn đề cần lưu ý khi trả lời câu hỏi và hoàn thành. Khi làm việc nhóm, phải phân công nhóm trưởng, từng cá nhân làm việc độc lập, sau đó thảo luận trong nhóm và báo cáo kết quả làm việc của nhóm. Cuối cùng, GV kết luận và chuẩn xác kiến thức. Phương pháp này là một trong những phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính tự giác, chủ động sáng tạo của HV, bồi dưỡng phương pháp tự học, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn và giải quyết vấn đề, đem lại hứng thú cho HV, chống lại thói quen học tập thụ động.

Bốn là, nâng cao chất lượng thí nghiệm VLĐC. Với 06 tiết thực hành (Đo kích thước; đo hệ số đoạn nhiệt; đo hệ số ma sát và mô men quán tính của đĩa tròn; đo điện trở nhờ mạch cầu cân bằng), để HV có cơ hội rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo thực hành; đồng thời,

rèn luyện những phẩm chất của quân nhân, như đức tính cẩn thận, kiên trì, trung thực, làm việc nhóm... Ngoài ra, hoàn thành báo cáo thí nghiệm sau khi đo, góp phần nâng cao khả năng xử lý, tổng hợp và phân tích số liệu. Như vậy, dạy học thí nghiệm không những giúp HV hiểu đúng bản chất của hiện tượng vật lý, làm cơ sở nghiên cứu sâu hơn các kiến thức vật lý, hình thành và phát triển năng lực HV, mà còn thu hút sự chú ý của HV, tạo đam mê, kích thích HV chủ động tích cực nhận thức; thông qua đó, hiện thực hóa phương châm lý thuyết đi đôi với thực hành và lấy thực hành là chính.

Nâng cao chất lượng dạy và học môn VLĐC cho đối tượng đào tạo SQHC cấp phân đội, trình độ đại học, CNVT ở HVHC cần đổi mới một cách toàn diện, từ khâu quản lý đến phương pháp giảng dạy. Điều quan trọng hơn là HV phải tiếp cận được với phương pháp học tập chủ động, lấy tự học và học tập theo nhóm làm chính, GV nắm chắc kiến thức chuyên môn và vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học mới, sao cho phù hợp với từng bài học cụ thể, thì chất lượng đào tạo sẽ được nâng lên, qua đó góp phần hiện thực hóa phương châm “Chất lượng đào tạo ở nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”♦

Tài liệu tham khảo

1. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2020), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ HVHC lần XXII-Nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.
2. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 884-NQ/ĐU, Về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022, về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới*, Hà Nội.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRONG ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀO ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN HIỆN NAY

Trung tá, TS. TRẦN VĂN HOAN
Khoa CTĐ - CTCT, Học viện Hậu cần

Đội ngũ giảng viên là lực lượng nòng cốt trong thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng trong ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, nhất là ứng dụng thành tựu của quá trình chuyển đổi số (CĐS) vào đổi mới phương pháp dạy học, góp phần tích cực vào đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Học viện.

CHUYỂN đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nói chung, ở các nhà trường quân đội nói riêng là một nội dung của phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số trong Bộ Quốc phòng. Hiện nay, Học viện Hậu cần đang đẩy mạnh triển khai hoạt động CĐS; hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị về công nghệ thông tin, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; trong đó, đội ngũ giảng viên của Học viện, có vai trò hết sức quan trọng trong lĩnh vực này.

Thời gian qua, Đảng ủy, Ban Giám đốc, cán bộ chủ trì, cơ quan chức năng và các khoa, đơn vị trong Học viện đã chủ động, tích cực quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ, của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, CĐS. Học viện đã có nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong ứng dụng CĐS, tạo ra bước đột phá về đổi mới phương pháp dạy học theo hướng “xây dựng phẩm chất, năng lực của người học”, lấy người học làm trung tâm, coi đó là khâu đột phá trong đổi mới giáo dục, đào tạo. Đội ngũ giảng viên tích cực xây dựng và hoàn thiện những bài giảng “mẫu”, tăng cường áp dụng các

phương pháp dạy học hiện đại, kích thích tính độc lập, sáng tạo của người học, khắc phục triệt để lối dạy truyền thụ kiến thức một chiều; đổi mới các hình thức đánh giá kết quả học tập; đề cao tích cực tự học, lấy tự học, tự nghiên cứu là chính, qua đó phát triển hoàn thiện phẩm chất, năng lực, có khả năng hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ và hướng phát triển sau này.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong ứng dụng CĐS vào đổi mới phương pháp dạy học vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, như: Nhận thức của một số cán bộ, giảng viên về CĐS chưa đầy đủ, chưa mạnh dạn thay đổi phương pháp dạy học; năng lực của nhiều giảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu; việc số hóa tài liệu và số hóa bài giảng còn chậm; hạ tầng số của Học viện còn hạn chế. Để phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong ứng dụng CĐS vào đổi mới phương pháp dạy học ở Học viện Hậu cần hiện nay, cần thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp sau:

Một là, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chỉ huy, cơ quan chức năng và các lực lượng sư phạm trong Học viện về phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong ứng dụng CĐS

vào đổi mới phương pháp dạy học. Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần tăng cường quán triệt, phổ biến, giáo dục cho các tổ chức, lực lượng nhận thức rõ về những vấn đề cơ bản của CĐS đối với đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu xây dựng “Nhà trường thông minh”; nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên về lợi ích, cơ hội và thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư đối với giáo dục, đào tạo và những yêu cầu của CĐS trong đổi mới phương pháp dạy học ở Học viện nói riêng, nhất là Quyết định số 889/QĐ-BQP, ngày 22/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về “Kế hoạch hành động của hệ thống nhà trường quân đội trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư giai đoạn 2018 - 2020 và những năm tiếp theo” và Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm - 2030” của Chính phủ; Kế hoạch số 588/KH-BTTM, ngày 04-3-2022 của Bộ Tổng Tham mưu về CĐS trong giáo dục, đào tạo ở các nhà trường quân đội giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Trên cơ sở đó, cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình sát thực tế, phù hợp với đặc điểm của từng cơ quan, đơn vị; tập trung nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, giữ vững định hướng chính trị cho đội ngũ cán bộ, giảng viên nhất là đội ngũ giảng viên trẻ về CĐS. Các cơ quan chức năng, khoa giáo viên cần tăng cường hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời động viên, khích lệ, phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong ứng dụng triển khai CĐS vào đổi mới phương pháp dạy học.

Hai là, tăng cường bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên. Đội ngũ giảng viên ở Học viện Hậu cần là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong thực hiện nhiệm vụ

giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, là những người được đào tạo cơ bản, có trình độ đại học trở lên, có phẩm chất tốt, năng lực toàn diện. Để có thể đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, hiện nay đội ngũ giảng viên ở Học viện cần phát triển năng lực toàn diện, nhất là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và năng lực số. Đây là nhân tố trực tiếp quyết định đến chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đổi mới phương pháp dạy học trong môi trường CĐS. Do đó, cần tập trung bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên về năng lực vận hành thiết bị và phần mềm công nghệ; năng lực xử lý dữ liệu và sáng tạo; năng lực giao tiếp, hợp tác; năng lực an ninh, an toàn; sáng tạo nội dung số; học tập và phát triển kỹ năng số. Ngoài ra, cần tích cực trang bị cho đội ngũ giảng viên các kỹ năng về công nghệ và phương pháp sư phạm để thực hiện CĐS, như phương pháp dạy học theo tiếp cận mới, phương thức vận hành các công cụ/môi trường số, cách thức biên soạn tài liệu số, xây dựng, thiết kế bài giảng tương tác...

Ba là, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đội ngũ giảng viên trong ứng dụng CĐS vào đổi mới phương pháp dạy học. Đây được xem là “chìa khóa” để mỗi giảng viên ở Học viện phát triển bản thân. Mỗi giảng viên cần tích cực, chủ động trong tự học tập, bồi dưỡng và phát triển năng lực số; tăng cường giao tiếp và hợp tác trên nền tảng số; từng bước xây dựng văn hóa giao tiếp trên không gian số. Thường xuyên cập nhật thông tin, tiến bộ của khoa học và công nghệ; không ngừng nâng cao năng lực thu thập, xử lý thông tin phục vụ giảng dạy, phát triển tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, vượt qua những rào cản của tư duy ngại biến, lối mòn, dập khuôn, máy móc. Luôn cập nhật, sáng tạo phương pháp giảng dạy phù hợp với bản thân, thích hợp với đối tượng người học để từ đó vận dụng linh hoạt trong nâng

cao chất lượng giảng dạy. Thông qua các nguồn, kênh thông tin khác nhau, như: Giao lưu, hợp tác; Internet; công trình nghiên cứu khoa học đã công bố; các hoạt động khoa học... để nắm bắt, cập nhật, bổ sung thông tin cần thiết. Bên cạnh đó, mỗi giảng viên cần tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh để có thể tiếp cận được những tài liệu nước ngoài, mở rộng, cập nhật tri thức.

Bốn là, hoàn thiện công tác quản lý, hoàn thiện quy chế, quy định. Xây dựng cơ chế, chính sách, huy động các nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ giảng viên tiếp cận và hiện thực hóa CĐS trong dạy học. Chuyển đổi số là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, là quá trình tất yếu khách quan trong tiến trình phát triển của xã hội hiện nay. Vì vậy, thời gian tới, Học viện cần tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý, nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về CĐS phù hợp với hệ thống các thông tư, chỉ thị, quy chế, quy định, hướng dẫn của cơ quan công nghệ thông tin cấp trên, vận dụng sáng tạo phù hợp trong điều kiện Học viện. Nâng cao hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng, khai thác tốt hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đào tạo, ID hóa toàn bộ đội ngũ nhà giáo, học viên, học phần, môn học, thời khóa biểu, giảng đường, điểm thi... được tích hợp vào hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu của Học viện, được sử dụng trên phần mềm quản lý để phục vụ công tác giáo dục, đào tạo. Hệ thống giảng đường, phòng làm việc của các khoa, các đơn vị quản lý học viên cần được phủ mạng nội bộ, kết nối với hệ thống dữ liệu kết nối, phục vụ 24/7. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hiện đại hóa thư viện số; đẩy mạnh số hóa dữ liệu đào tạo và nghiên cứu khoa học, như: Giáo trình, tài liệu, sách chuyên khảo, tham khảo, luận án, luận văn, đề tài, ngân hàng câu hỏi đề thi; số hóa hệ thống thông tin và quyết định quản lý ở các

cấp với độ bảo mật cao, thuận lợi cho tra cứu. Quan tâm thực hiện tốt chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ giảng viên nhằm tạo động lực thúc đẩy, thu hút nhân tài...

Chuyển đổi số là một xu thế mới, đòi hỏi phải có nhiều thay đổi, chuyển biến toàn diện. Ở Học viện Hậu cần, CĐS có tác động trực tiếp, nhiều mặt đến quá trình dạy học, nhất là việc đổi mới phương pháp dạy học. Việc triển khai hiệu quả những giải pháp nêu trên nhằm phát huy tốt vai trò của đội ngũ giảng viên trong ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS vào trong đổi mới phương pháp dạy học, góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nhất là đổi mới quy trình, chương trình đào tạo các đối tượng cán bộ hậu cần - kỹ thuật hướng tới xây dựng Học viện thông minh, hiện đại trong kỷ nguyên số♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2021), *Kế hoạch số 4396/KH-BQP, ngày 04/11/2021, về Phát triển Chính phủ Điện tử hướng tới Chính phủ số trong Bộ Quốc phòng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
2. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2024), *Nghị quyết số 1443-NQ/ĐU, ngày 05/8/2024, về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025*, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2020), *Báo cáo số 2793/BC-HV, ngày 18/5/2020 về Tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, phương hướng công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030*, Hà Nội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020, về Phê duyệt "Chương trình CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*, Hà Nội.
5. Tổng cục Chính trị (2020), *Tài liệu nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Nxb QĐND, Hà Nội.

NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ, QUẢN LÝ HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC MƯA BẢO ĐẢM TRONG SINH HOẠT CHO CÁC ĐƠN VỊ ĐÓNG QUÂN Ở ĐỊA BÀN KHAN HIẾM NƯỚC

Trung tá, ThS. TRẦN MẠNH DŨNG
Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Water supply is a critical aspect of logistics support, directly impacting the daily lives and work of military personnel. Based on theoretical and practical research, in this article are studied the design and management of rainwater harvesting and treatment systems to provide water for military units stationed in water-scarce areas.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm nước cho sinh hoạt là một nội dung quan trọng của công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt và làm việc của bộ đội. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất nghiên cứu thiết kế, quản lý hệ thống thu gom, xử lý nước mưa bảo đảm trong sinh hoạt cho các đơn vị quân đội đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời gian qua, hầu hết đơn vị đã được đầu tư, xây dựng hệ thống cấp nước đồng bộ, hiện đại, bảo đảm đầy đủ nhu cầu nước của bộ đội và đáp ứng chất lượng nước theo các quy chuẩn hiện hành. Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu toàn cầu, nguồn nước mặt (nước từ ao, hồ, sông, suối), nguồn nước ngầm (nước ở các mạch, khe trong lòng đất) giảm sút cả về lưu lượng và trữ lượng, nhất là vào mùa khô hạn, dẫn tới bảo đảm nước cho bộ đội gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới công tác bảo đảm hậu cần của đơn vị, đặc biệt là những đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước. Để giải quyết vấn đề trên, một trong những giải pháp quan trọng đó là cần phải nghiên cứu thiết kế, quản lý

hệ thống thu gom, xử lý nước mưa bảo đảm cho bộ đội sinh hoạt sao cho phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của các đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước.

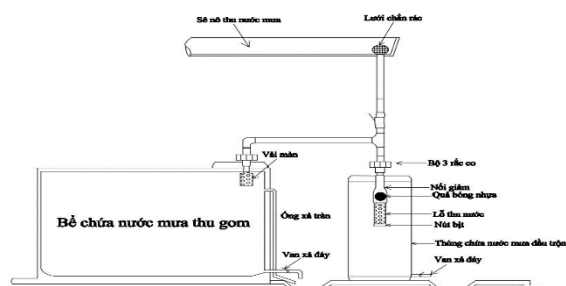
III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nước mưa được hình thành từ quá trình ngưng tụ nên không chứa tạp chất, tương đối trong suốt, tổng chất rắn hòa tan trong nước mưa gần như không xuất hiện, độ pH trong nước mưa dao động quanh giá trị 6.5 (trong giới hạn cho phép). Việt Nam là quốc gia có nguồn nước mưa dồi dào, tuy nhiên, lượng mưa lại không phân bố đều theo thời gian, có tháng lượng mưa chỉ chiếm khoảng 1 - 2% tổng lượng mưa.

Hiện nay, một số đơn vị quân đội đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước đã sử dụng nguồn nước mưa để bảo đảm cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của bộ đội. Ví dụ, những đơn vị đóng quân trên các đảo thuộc Quần đảo Trường Sa, một số đồn, trạm biên phòng đứng chân ở khu vực biên giới phía Bắc, Tây Bắc..., nước mưa là nguồn nước được sử dụng chủ yếu tại các khu vực này. Nước mưa được thu gom trực tiếp từ mái các công trình sinh hoạt, làm việc và được dự trữ trong các bể ngầm, téc inox, bể chứa

độc lập trên các đảo, đồn, trạm biên phòng. Ngoài ra, việc thu gom, sử dụng nước mưa ở những đơn vị trên còn nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ, quy mô nhỏ và nước mưa chủ yếu được sử dụng trực tiếp, chưa qua xử lý, nên chất lượng nước mưa chưa đáp ứng được theo các quy chuẩn hiện hành. Để thu gom, sử dụng nước mưa bảo đảm trong sinh hoạt cho các đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước cần thiết kế, xây dựng đồng bộ hệ thống sau:

Một là, thiết kế hệ thống thu gom nước mưa từ mái các công trình. Thu gom nước mưa từ mái các công trình là một giải pháp đơn giản, bền vững và hiệu quả cao, đảm bảo được chất lượng nước mưa. Trong quân đội hiện nay, theo thiết kế mẫu của Cục Doanh trại, một số công trình như: Nhà ở của chiến sĩ, nhà chỉ huy, nhà ăn, phòng Hồ Chí Minh đều sử dụng mái tôn, hệ thống sênô xung quanh và đường ống để thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước chung của đơn vị. Vì vậy, để thu gom chỉ cần hướng dòng chảy nước mưa trên bề mặt sênô vào hệ thống thu gom hoặc tận dụng đường ống thoát nước mưa từ mái các công trình để tổ chức thu gom. Hệ thống thu gom nước mưa được thiết kế như hình sau:



Hình 1. Hệ thống thu gom nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa gồm 03 bộ phận chính là: Bộ phận thu, dẫn nước mưa; bộ phận lọc nước mưa và bể chứa nước mưa. Ngoài ra, còn có thêm các thiết

bị xả tràn, xả đáy, ống dẫn, lõi lọc, các phụ kiện đi kèm.

Bộ phận thu, dẫn nước mưa gồm: sênô thu nước, lưới chắn rác, đường ống dẫn nước mưa, dùng để thu, dẫn nước mưa từ mái công trình vào hệ thống thu gom. Bộ phận lọc nước mưa gồm: thùng chứa nước mưa và thiết bị loại bỏ nước mưa, dùng để loại bỏ lượng nước mưa, chất lượng kém trong các cơn mưa đầu mùa và đầu trận mưa. Thể tích thùng chứa nước mưa bản phụ thuộc vào diện tích mái của công trình. Theo thiết kế mẫu, các công trình trong đơn vị có diện tích mái dưới 1.000 m², nên xác định thùng chứa nước mưa đầu trận có thể tích từ 0,8 - 1 m³. Bể thu gom dùng để chứa trữ lượng nước mưa sạch, có chất lượng tương đối tốt sau mỗi trận mưa. Bể cũng có các đường ống dẫn nước, thiết bị xả tràn, xả đáy. Thể tích của bể từ 5 - 7 m³, làm bằng bê tông cốt thép, inox, nhựa; bể có thể thiết kế ngầm hoặc nổi cạnh công trình thu nước mưa tùy thuộc vào đặc điểm địa hình của đơn vị.

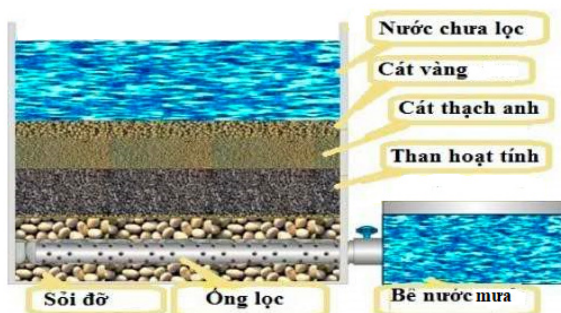
Hệ thống thu gom nước mưa hoạt động theo 03 giai đoạn. Giai đoạn 1: Loại bỏ lượng nước mưa ở các cơn mưa đầu mùa (từ 2 - 3 trận mưa). Giai đoạn 2: Loại bỏ lượng mưa đầu trận (từ 10 - 15 phút đầu mỗi trận mưa). Giai đoạn 3: Dẫn nước mưa sạch vào bể thu gom. Khi lượng nước trong thùng chứa nước mưa bản đầy, quả bóng nhựa trong thiết bị loại bỏ nước mưa đầu mùa và đầu trận nổi lên, đến vị trí của nút giảm bằng nhựa, quả bóng nhựa trở thành 1 van khóa, không cho nước mưa từ bộ phận thu nước mưa chảy vào thùng chứa, nước mưa chảy về bể thu gom. Nước mưa trước khi chảy vào bể, cần được lọc sơ bộ qua thiết bị lọc đơn giản gồm vải màn và lưới lọc để loại bỏ các tạp chất lơ lửng còn sót lại trong nước.

Hai là, thiết kế hệ thống xử lý, bể chứa nước mưa sạch. Nước mưa sau khi được

thu gom có chất lượng tốt, các chỉ tiêu đều đạt và đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 01 - 1 : 2018/BYT của Bộ Y tế về chất lượng nước dùng trong sinh hoạt. Tuy nhiên, chỉ có 2 chỉ tiêu về vi khuẩn có trong nước mưa là: Coliforms và E. Coli là không đáp ứng được theo quy chuẩn. Do vậy, để sử dụng nước mưa vào mục đích sinh hoạt cần dẫn nước mưa đã thu gom vào bể lọc để loại bỏ vi khuẩn thông qua các lớp vật liệu lọc. Hệ thống xử lý nước mưa được thực hiện theo sơ đồ sau:



Theo sơ đồ trên nước mưa từ bể thu gom qua mạng lưới đường ống dẫn vào bể xử lý để loại bỏ các cặn bẩn còn sót lại cũng như các loại vi khuẩn. Sau khi qua bể xử lý, nước mưa sẽ đảm bảo chất lượng và được dẫn vào bể chứa nước mưa sạch để sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Để xử lý nước mưa cần thiết kế bể xử lý như hình sau:



Hình 2. Bể xử lý nước mưa

Bể gồm các lớp vật liệu lọc được đặt theo thứ tự và khoảng cách quy định, ngoài ra còn có đường ống dẫn nước vào, ra khỏi bể. Các lớp vật liệu lọc bao gồm: Lớp cát vàng và cát thạch anh có độ dày từ 10 -15 cm có tác dụng loại bỏ các cặn bẩn còn sót lại trong nước mưa; lớp than hoạt tính có độ dày 10 cm để hấp thụ các chất gây

màu, gây mùi, loại bỏ vi khuẩn Coliforms và E. Coli có trong nước mưa; lớp sỏi đỡ với kích cỡ hạt từ 1 - 2 cm phủ đều phía dưới bể, có chiều dày 20 cm để làm thoáng và chống tắc. Ống lọc được làm bằng thép đường kính 50 - 100mm có các lỗ khoan với kích thước 5 - 25mm dùng để dẫn nước đã xử lý vào bể chứa nước mưa. Bể xử lý có dạng hình chữ nhật, được xây bằng gạch hoặc bê tông cốt thép, bể có kích thước: 2 m × 1,5 m × 1,5 m (dài × rộng × cao); công suất xử lý của bể là 5 m³/h.

Để xác định thể tích của bể chứa nước mưa cần xác định được lượng nước mưa có thể thu gom được từ mái các công trình, được xác định theo công thức:

$$Q = \sum R \times A \times C_r \quad (1-1) \text{ Trong đó:}$$

R: lượng mưa trung bình năm; ở nước ta khoảng 1.800 mm → R = 1.800

A: diện tích hứng nước mưa;

C_r: hệ số dòng chảy của bề mặt hứng nước mưa. (TCVN 7957-2023 với mái dốc C_r = 0,9)

Theo công thức (1-1) tổng lượng nước mưa có thể thu gom được trong 01 năm từ các công trình trên theo thiết kế mẫu của Cục Doanh trại là: Q = 7.000m³.

Công thức xác định dung tích bể chứa nước mưa tập trung theo TCVN 7957-2023:

$$V = q \times N \times T / 1000 \quad (1-2) \text{ Trong đó:}$$

q: Tiêu chuẩn nước dùng nước (Hiện nay, đối với những đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước thì tiêu chuẩn dùng nước là 40l/người/ngày)

T: Thời gian cần dự trữ nước

N: Quân số đơn vị

Ba là, quản lý hệ thống thu gom, xử lý nước mưa an toàn, hiệu quả.

Quản lý hệ thống thu gom, xử lý nước mưa giúp nâng cao hiệu quả bảo đảm nước trong sinh hoạt, tránh thất thoát, lãng phí cho đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm

nước. Trước hết, cần thường xuyên kiểm tra định kỳ hệ thống thu gom, xử lý nước mưa giúp cho các công trình, thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt, đúng công suất, kéo dài tuổi thọ của hệ thống. Theo đó, hệ thống thu gom nước mưa cần thường xuyên vệ sinh, loại bỏ rác, các chất bẩn chảy vào đường ống; định kỳ kiểm tra bộ phận lọc, đặc biệt là đầu mùa mưa để đảm bảo chất lượng nước mưa không bị ảnh hưởng; kiểm tra các bộ phận của bể xử lý và các lớp vật liệu lọc 3 tháng /lần, trước khi bổ sung phải loại bỏ một phần lớp vật liệu lọc cũ với chiều dày từ 3 - 5 cm. Bể chứa nước mưa cần được thiết kế kín để tránh các tác nhân gây ô nhiễm, bảo đảm chất lượng nước khi sử dụng và phải thau rửa định kì để loại bỏ cặn lắng tích lũy trong bể. Cùng với đó, cần phải chú trọng công tác bảo quản, sửa chữa kịp thời các thiết bị để chống thất thoát, rò rỉ nước đặc biệt là hệ thống ống dẫn, van phao chống tràn trong các bể.

Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa được thiết kế đơn giản, đồng bộ, dễ triển khai thực hiện, có tính khả thi cao và tiết kiệm chi phí. Việc sử dụng nước mưa thay vì sử dụng nước từ nguồn nước ngầm, nước mặt giúp giảm chi phí cho đầu tư, xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước; đồng thời, sử dụng nước mưa giúp bảo vệ nguồn tài nguyên nước, góp phần đảm bảo

và nâng cao chất lượng sinh hoạt cho cán bộ chiến sĩ, đặc biệt tại những đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm đầy đủ nhu cầu, chất lượng nước trong sinh hoạt cho các đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước là yêu cầu cấp thiết. Vì vậy, thiết kế hệ thống thu gom, xử lý nước mưa bảo đảm trong sinh hoạt của bộ đội, cần được nghiên cứu và vận dụng phù hợp với đặc thù của từng đơn vị đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2023), *Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 7957 - 2023 về thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - yêu cầu thiết kế*, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2018), *QCVN 01-1:2018/BYT quy định chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt*, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2011), *Giáo trình cấp thoát nước trong doanh trại*, Hà Nội.
4. Trần Mạnh Dũng (2019), *"Nghiên cứu bảo đảm nước cho sinh hoạt và tăng gia sản xuất trung đoàn bộ binh đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước"*, Luận văn, Hà Nội.

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý, PHÊ BÌNH

PHÁT HUY VAI TRÒ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH, THÀNH PHỐ TRONG XÂY DỰNG TIỀM LỰC VẬN TẢI KHU VỰC PHÒNG THỦ

Trung tá, TS. NGUYỄN HUY THỤ
Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

Xây dựng tiềm lực vận tải khu vực phòng thủ (KVPT) là một nội dung của xây dựng tiềm lực cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, yếu tố quan trọng xây dựng tiềm lực quân sự, được thực hiện thường xuyên; với nhiều công việc, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành. Trong đó, bộ chỉ huy quân sự (CHQS) tỉnh, thành phố là cơ quan nòng cốt, giữ vai trò quan trọng trong xây dựng tiềm lực vận tải.

BỘ CHQS tỉnh, thành phố là cơ quan quân sự cấp tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu cho tỉnh ủy, thành ủy, hội đồng nhân dân (HĐND), ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố về công tác quân sự, quốc phòng; quản lý nhà nước về mặt quốc phòng ở địa phương, giữ vai trò quan trọng trong xây dựng KVPT tỉnh, thành phố nói chung và xây dựng tiềm lực vận tải nói riêng. Để tiềm năng giao thông vận tải (GTVT) ở địa phương trở thành tiềm lực vận tải KVPT, sẵn sàng bảo đảm cho các trạng thái quốc phòng và tác chiến phòng thủ (khi chiến tranh), Bộ CHQS tỉnh, thành phố cần phát huy tốt vai trò xây dựng tiềm lực vận tải KVPT.

Xây dựng tỉnh, thành phố thành KVPT vững chắc là chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước ta nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng tỉnh, thành phố thành KVPT vững chắc thực hiện nhiều nội dung, trong đó xây dựng tiềm lực vận tải là một nội dung của xây dựng tiềm lực cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, yếu tố quan trọng xây dựng tiềm lực quân sự nhằm chuẩn bị lượng dự trữ vận tải một cách chủ động để sẵn sàng vận chuyển bảo đảm cho các nhiệm vụ quốc

phòng, an ninh (QP,AN) của KVPT trong mọi tình huống. Quá trình xây dựng tiềm lực vận tải KVPT tỉnh, thành phố tiến hành nhiều công việc, đa dạng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành trong và ngoài quân đội, với nhiều lực lượng cùng tham gia. Trong đó, Bộ CHQS là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp HĐND, UBND tỉnh, thành phố quản lý nhà nước về mặt quốc phòng trên địa bàn; góp phần quan trọng phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương, trực tiếp triển khai thực hiện xây dựng thể trận vận tải KVPT nói chung và xây dựng tiềm lực vận tải KVPT nói riêng. Vì vậy, phát huy vai trò hoạt động của Bộ CHQS trong xây dựng tiềm lực vận tải KVPT tỉnh, thành phố là vấn đề đặc biệt cần quan tâm, cấp thiết trong tình hình hiện nay.

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò chiến lược của xây dựng tỉnh, thành phố thành KVPT vững chắc theo tinh thần Nghị quyết số 28/NQ-TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị và Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ, những năm qua, các tỉnh, thành phố đã chú trọng xây dựng KVPT nói chung và tiềm lực vận tải nói riêng, từng bước tạo nguồn tiềm lực, quản lý và chủ động xây dựng phương án huy

động tiềm lực vận tải theo các phương án tác chiến, điều kiện địa bàn. Quá trình xây dựng, bộ CHQS các địa phương đã phối hợp với các ban, sở, ngành, tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh, thành phố và trực tiếp tham gia xây dựng tiềm lực vận tải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) gắn với tăng cường, củng cố QP,AN. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai xây dựng, có thời điểm, có địa phương, bộ CHQS tỉnh, thành phố chưa thực sự phát huy hiệu quả vai trò hoạt động, chức năng tham mưu thường xuyên cho cấp ủy, chính quyền địa phương về xây dựng tiềm lực vận tải như: chưa tham mưu đúng mức cả về kế hoạch cũng như chương trình tổng thể trong quá trình tổ chức xây dựng; vấn đề quy hoạch tổng thể phát triển GTVT gắn với xây dựng thể trận QP,AN ở địa phương hiệu quả chưa cao, chưa thúc đẩy phát triển toàn diện các đối tượng tiềm lực vận tải ở các quận, huyện và các thành phần kinh tế; chưa thống nhất mô hình quản lý cho các đối tượng tiềm lực vận tải; cơ chế phối hợp, hiệp đồng, triển khai thực hiện giữa bộ CHQS với các ban, sở, ngành liên quan chưa tiến hành thường xuyên, liên tục, nên việc nắm chắc nguồn tiềm lực vận tải và phương án huy động cho các nhiệm vụ QP,AN của bộ CHQS chuẩn bị từ thời bình không được điều chỉnh, bổ sung kịp thời; khó đánh giá chính xác được khả năng, tiềm năng cơ sở hạ tầng giao thông, phương tiện vận tải để sẵn sàng huy động cho các trạng thái quốc phòng và tác chiến phòng thủ... Vì vậy, phát huy vai trò hoạt động của bộ CHQS trong xây dựng tiềm lực vận tải cho KVPT tỉnh, thành phố cần tập trung một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, thường xuyên, chủ động tham mưu, đề xuất cho HĐND, UBND tỉnh, thành phố về xây dựng tiềm lực vận tải để sẵn sàng bảo đảm cho các trạng thái quốc phòng và tác chiến phòng thủ. Phát triển tiềm lực vận tải để phục vụ cho phát triển kinh tế, đồng

thời sẵn sàng huy động cho các nhiệm vụ QP,AN của KVPT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cần phải thực hiện thường xuyên ngay từ thời bình, có quy hoạch, kế hoạch tổng thể, phù hợp với từng địa phương. Hiện nay, bộ CHQS đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo các ban, sở, ngành hướng dẫn các quận, huyện trong việc rà soát, đánh giá lại các quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch GTVT gắn với QP,AN; định hướng đầu tư phát triển vào những địa bàn trọng yếu về an ninh, quốc phòng, hướng phòng thủ chủ yếu, KVPT then chốt; tạo điều kiện phát triển GTVT để thúc đẩy, thu hút nguồn lực đầu tư phát triển KT-XH và củng cố an ninh, quốc phòng ở địa phương trong phát triển tiềm lực vận tải KVPT; đề xuất các phương án, biện pháp huy động tiềm lực vận tải từ nền kinh tế địa phương cho các trạng thái quốc phòng. Tuy nhiên, có địa phương, có thời điểm việc tham mưu, đề xuất của bộ CHQS với cấp ủy, chính quyền địa phương chưa được thường xuyên, hiệu quả chưa cao, chưa quan tâm đúng mức phát triển ở những địa bàn trọng yếu về an ninh, quốc phòng (biên giới, biển, đảo...) và việc quy hoạch cơ sở hạ tầng GTVT, ngành công nghiệp sản xuất ô tô, đóng tàu, các căn cứ hậu cần, kỹ thuật, cảng, bến bãi,... chưa chú trọng phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Bộ CHQS tỉnh, thành phố cần thường xuyên, chủ động tham mưu, đề xuất cho HĐND, UBND tỉnh, thành phố trong quy hoạch tổng thể phát triển tiềm lực vận tải, tập trung vào quy hoạch phát triển GTVT bảo đảm nhu cầu xây dựng thể trận quốc phòng trong KVPT, đặc biệt các loại hình, phương thức vận tải mũi nhọn phù hợp với điều kiện, tiềm năng của địa phương; kế hoạch 5 năm, hàng năm, chương trình, dự án về phát triển GTVT để phát triển tiềm lực vận tải KVPT; phương án, cơ chế và chính

sách trong quản lý và huy động lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị GTVT cho từng nhiệm vụ QP-AN. Để tham mưu hiệu quả, bộ CHQS tỉnh, thành phố cần phải nắm chắc đường lối chiến tranh nhân dân, về động viên quốc phòng được Đảng và Nhà nước ta quy định trong Luật quốc phòng, Pháp lệnh về động viên công nghiệp, Nghị định của Chính phủ, thông tư liên bộ, các quyết định của Bộ Quốc phòng, quân khu về xây dựng KVPT....; nắm chắc trình tự, hình thức, nội dung lập quy hoạch và định hướng phát triển KT-XH, quy hoạch phát triển GTVT của Trung ương, vùng và ở địa phương; phối hợp với các ban, sở, ngành và đoàn thể, các UBND cấp huyện tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành tổ chức khảo sát tiềm năng KT-XH trên địa bàn, tập trung khảo sát chi tiết về mạng đường vận tải, vị trí, diện tích, năng lực thông qua của các bến, cảng, các bến xe, bến tầu, khu bố trí, trữ lượng các kho, cửa hàng kinh doanh xăng dầu; số lượng, quy mô các đơn vị kinh doanh vận tải, kho bãi,...; dự báo nhu cầu vận tải cho các nhiệm vụ QP,AN, đặc biệt cho nhiệm vụ tác chiến phòng thủ. Từ đó xác định nhu cầu tiềm lực vận tải, cần xây dựng cho từng đối tượng tiềm lực, từng khu vực, địa bàn ở các trạng thái quốc phòng khác nhau của KVPT.

Hai là, tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác quản lý, huấn luyện, diễn tập và huy động tiềm lực vận tải cho các nhiệm vụ QP,AN của KVPT. Bộ CHQS tỉnh, thành phố phát huy tốt vai trò hoạt động này sẽ góp phần quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng của nguồn tiềm lực vận tải, sẵn sàng ở mức cao phục vụ cho các trạng thái khẩn cấp về quốc phòng của KVPT. Thực tiễn, công tác quản lý tiềm lực vận tải ở một số địa phương còn những bất cập: chưa thống nhất về mô hình quản lý, chưa có quy định, cơ chế cụ thể để các ban, sở, ngành

ở địa phương cùng tham gia vào công tác quản lý tiềm lực vận tải KVPT, đặc biệt sở GTVT, công an, sở kế hoạch và đầu tư. Công tác huấn luyện, diễn tập cho lực lượng vận tải mặc dù luôn được các địa phương quan tâm, tổ chức thường xuyên, tuy nhiên quy mô, hình thức và nội dung còn hạn chế do ngân sách và phương tiện, trang thiết bị bảo đảm cho huấn luyện, diễn tập chưa đầy đủ; chương trình, nội dung huấn luyện còn thiếu tính đồng bộ, gắn với hoạt động vận tải bảo đảm cho tác chiến còn ít, chưa thực sự phù hợp với từng đối tượng tiềm lực vận tải và từng địa bàn. Trong huy động tiềm lực vận tải, bộ CHQS tỉnh, thành phố đều xây dựng các phương án huy động cho các nhiệm vụ QP,AN của KVPT. Tuy nhiên, còn thiếu phương án cụ thể trong điều kiện huy động nhanh, số lượng lớn hoặc huy động tiềm lực vận tải cho các vùng trọng điểm về QP,AN (vùng sâu, biên giới, biển, đảo...); trong các cuộc diễn tập gần đây, đối tượng huy động chủ yếu tập trung ở các đơn vị vận tải của ngành GTVT địa phương, chưa chú trọng xây dựng phương án huy động cho các đối tượng tiềm lực khác trong nền kinh tế địa phương (tiềm lực vận tải của các hợp tác xã vận tải, liên minh hợp tác xã vận tải, các đơn vị kinh doanh vận tải, kho bãi không thuộc khối Nhà nước và tiềm lực vận tải tư nhân...). Vì vậy, bộ CHQS tỉnh, thành phố cần quản lý chặt chẽ về danh sách, phân loại các phương tiện kỹ thuật, trang thiết bị vận tải và lực lượng lao động vận tải đã được đăng ký, theo dõi ở các ban CHQS các cấp; duy trì nền nếp công tác xây dựng và triển khai kế hoạch huấn luyện cho mọi đối tượng tiềm lực vận tải về kỹ năng, nghiệp vụ vận tải quân sự trong điều kiện khẩn cấp và trong tác chiến phòng thủ; xây dựng các phương án huy động cụ thể cho từng nhiệm vụ QP,AN dựa trên tiềm lực vận tải đã được quản lý chặt chẽ, có phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp, bao gồm cả

phương án trưng mua, trưng dụng tiềm lực vận tải dân sự cho nhiệm vụ quốc phòng. Đồng thời, duy trì và tổ chức, chỉ đạo, điều hành diễn tập chặt chẽ, chú trọng trong thực hành huy động tiềm lực vận tải từ các ngành KT-XH và nhân dân địa phương.

Ba là, giải quyết tốt mối quan hệ phối hợp, hiệp đồng với các ban, sở, ngành liên quan trong xây dựng tiềm lực vận tải. Quá trình xây dựng tiềm lực vận tải KVPT tiến hành nhiều công việc, từ xác định thành phần cấu thành của tiềm lực đến cơ chế huy động tiềm lực vận tải; đa dạng về thành phần tiềm lực (tiềm lực vận tải thủy, vận tải bộ, vận tải đường sắt, vận tải hàng không...) và cũng đa dạng về loại hình sở hữu. Thực hiện các công việc đó liên quan trực tiếp đến những vấn đề KT-XH ở địa phương (chủ thể thực hiện, dân cư, khả năng và sự phân bổ các nguồn lực, các tổ chức chính trị, xã hội, cơ chế, chính sách...). Vì vậy, bộ CHQS cần đặc biệt chú trọng khâu phối hợp, hiệp đồng giữa các cấp, ngành trong và ngoài quân đội, nhằm tạo sự thống nhất, phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng tiềm lực vận tải. Theo đó, bộ CHQS giải quyết tốt mối quan hệ phối hợp, hiệp đồng trong việc hướng dẫn cho ban CHQS cấp huyện thực hiện chế độ đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động cho quốc phòng theo Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật; phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với sở GTVT, công an, sở kế hoạch và đầu tư trong việc nắm, quản lý mọi tiềm lực vận tải trong nền kinh tế địa phương, cũng như các phương án huy động cho các nhiệm vụ QP, AN và tác chiến phòng thủ. Nội dung phối hợp, hiệp đồng cần tập trung: xác định thành phần lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm GTVT; thời gian gửi báo cáo tiềm lực vận tải ở các ngành

KT-XH và nhân dân địa phương mà các ban, sở, ngành quản lý; nội dung, phương pháp động viên, phương án tổ chức khu vực tiếp nhận và bàn giao tiềm lực vận tải động viên; chỉ tiêu, biện pháp bảo đảm GTVT trong các giai đoạn tác chiến phòng thủ; phương án tổ chức sử dụng, bố trí lực lượng, phương tiện trang thiết bị; tổ chức mạng đường GTVT; tiến hành các mặt bảo đảm, bảo vệ vận tải... Đồng thời, phối hợp, hiệp đồng trong tổ chức huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ về quân sự, vận tải quân sự hàng năm cho nguồn lực lượng vận tải dự bị động viên ở các ban, sở, ngành của địa phương.

Bộ CHQS tỉnh, thành phố giữ vai trò quan trọng trong xây dựng KVPT nói chung và xây dựng tiềm lực vận tải nói riêng. Để tiềm năng GTVT trở thành tiềm lực vận tải KVPT, bộ CHQS cần phát huy tốt vai trò tham mưu, thực hiện hiệu quả chức năng, quyền hạn quản lý nhà nước về quốc phòng và phối hợp chặt chẽ với các ban, sở, ngành, đặc biệt với sở GTVT, công an, sở kế hoạch và đầu tư trong quá trình xây dựng tiềm lực vận tải♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2008), *Nghị quyết số 28/NQ-TW, ngày 22/9/2008 về tiếp tục xây dựng các tỉnh (thành phố) thuộc Trung ương thành KVPT vững chắc trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2020), *Thông tư số 41/2020/TT-BQP, ngày 31/3/2020 quy định một số điều của Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019 của Chính phủ về KVPT*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2019), *Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019 về KVPT*, Hà Nội.
4. Nguyễn Huy Thụ (2021), *Xây dựng tiềm lực vận tải cho KVPT tỉnh, thành phố ven biển trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học GTVT, Hà Nội.

BẢO ĐẢM QUÂN NHU SƯ ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG TRONG HÀNH TIẾN Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU

Thượng tá, TS. TRẦN MẠNH CƯỜNG
Viện Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

ABSTRACT: *Providing military supplies is a crucial aspect of logistics and technical support, aimed at maintaining and improving the health of troops, contributing to the principle of 'well-fed, victorious troops' and helping units successfully complete combat missions. Based on theoretical and practical research, in this article are proposed several solutions for providing military supplies for the infantry division conducting offensive operations in the midland terrain in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm quân nhu (BĐQN) là một nội dung quan trọng của bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT), nhằm giữ gìn, nâng cao sức khỏe của bộ đội, góp phần cho bộ đội “ăn no, đánh thắng”, giúp đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề cập một số giải pháp BĐQN sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến ở địa hình trung du trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến là hình thức chiến thuật quan trọng có thể được vận dụng ngay từ đầu hoặc trong suốt thời kỳ của cuộc chiến tranh BVTQ trong tương lai, nhằm tiêu diệt bộ phận sinh lực địch lâm thời hoặc mới chuyển vào phòng ngự, trong điều kiện thời gian chuẩn bị chiến đấu rất gấp, bộ đội cơ động, triển khai chiến đấu dưới sự chi viện của hỏa lực, tiếp cận sát địch công kích ngay. Để sư đoàn chiến đấu giành thắng lợi cần tiến hành các mặt bảo đảm, trong đó BĐQN là một nội dung quan trọng. Trong chiến tranh

giải phóng trước đây, công tác BĐQN sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến đã để lại nhiều kinh nghiệm quý có thể kế thừa, vận dụng, phát triển. Tuy nhiên, chiến tranh BVTQ trong tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố về địch, ta, môi trường tác chiến có sự thay đổi, phát triển, BĐQN sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến ở địa hình trung du có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có các giải pháp đồng bộ, phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của sư đoàn là lực lượng chủ yếu của lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới, hải quân đánh bộ, kỵ binh đường không) địch, có thể chủ động hoặc bị động chuyển vào lâm thời phòng ngự trong đội hình cấp trên hoặc độc lập, trên các dạng địa hình khác nhau, nhằm ngăn chặn hoạt động tác chiến của ta và bảo toàn, củng cố, bổ sung lực lượng, phương tiện để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao.

Sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến trong thể trận cấp trên, thể trận khu vực

phòng thủ (KVPT) phát triển. Sư đoàn được cấp trên tăng cường binh khí kỹ thuật và chi viện hỏa lực mạnh, bảo đảm liên tục, kịp thời trong suốt quá trình chiến đấu, có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt lực lượng chủ yếu, đánh chiếm các cụm cứ điểm tiêu đoàn hoặc sở chỉ huy lữ đoàn địch, đánh bại quân địch phản kích đường bộ, đường sông và đổ bộ đường không của lữ đoàn, sư đoàn, phát triển vào chiều sâu phòng ngự của chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tác chiến của cấp trên và lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương phát triển. Bảo đảm quân nhu sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến có thuận lợi là được quân nhu cấp trên trực tiếp bảo đảm, được hậu cần KVPT chi viện về lực lượng, vật chất quân nhu (VCQN). Tuy nhiên, khối lượng VCQN phải bảo đảm lớn, thời gian chuẩn bị ngắn, vừa chuẩn bị, vừa thực hành bảo đảm; bảo đảm cho nhiều lực lượng với những yêu cầu bảo đảm khác nhau; tính chất chiến đấu khẩn trương, gay go, quyết liệt, nhiều tình huống có thể xảy ra; trong điều kiện địch trinh sát, đánh phá hoạt động bảo đảm HCKT nói chung, hoạt động BĐQN nói riêng rất ác liệt... Để giải quyết những vấn đề trên, quân nhu sư đoàn (QN/f) cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, tích cực chuẩn bị trực tiếp về quân nhu để bảo đảm kịp thời cho sư đoàn chiến đấu. Đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng nhằm thực hiện phương châm “đánh có chuẩn bị”, đồng thời là cơ sở, tiền đề để thực hiện các nội dung BĐQN cho sư đoàn chiến đấu. Công tác chuẩn bị quân nhu sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến hầu như được tiến hành ở thực địa với thời gian gấp rút (chỉ khoảng 1÷2 ngày đêm), khối lượng công việc nhiều, vật chất phải bảo đảm lớn, nhiều đầu mối phải bảo đảm; trong khi lực lượng trong biên chế của QN/f có hạn (khoảng 4÷5 sĩ quan, 1÷2 nhân viên). Do vậy, QN/f phải tích cực chuẩn bị

về quân nhu mới kịp bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu. Để thực hiện giải pháp này QN/f cần: Nhanh chóng nắm chắc nhiệm vụ chiến đấu của sư đoàn, kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tình hình thực tế; khẩn trương điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch BĐQN sư đoàn chiến đấu; nắm chắc khả năng bảo đảm của các cấp và địa phương, chỉ đạo quân nhu các trung đoàn và đơn vị trực thuộc tiến hành các hoạt động BĐQN ở khu tập kết chiến đấu, quá trình cơ động vào vị trí triển khai chiến đấu; phát huy sức mạnh tổng hợp của nhiều lực lượng để bảo đảm. Để đáp ứng yêu cầu về thời gian, các nội dung công việc phải tiến hành đồng thời; trong đó, phải nhanh chóng hoàn thành để đạt quân nhu, báo cáo thông qua chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật sư đoàn, làm cơ sở thực hiện các nội dung tiếp theo. Quá trình chuẩn bị trực tiếp phải giữ bí mật cho các khu vực bố trí lực lượng, kho trạm quân nhu, không để địch phát hiện, đánh phá.

Hai là, triệt để khai thác vật chất quân nhu tại chỗ, kết hợp với tiếp nhận vật chất từ quân nhu cấp trên để bảo đảm đầy đủ nhu cầu cho sư đoàn chiến đấu.

Đây là giải pháp thể hiện thống nhất quan điểm của ngành Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam về phương thức bảo đảm vật chất hậu cần trong tác chiến. Vật chất quân nhu bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu gồm nhiều chủng loại, khối lượng lớn, trong khi thời gian chuẩn bị trực tiếp của sư đoàn rất ngắn, do vậy, cần triệt để khai thác VCQN tại chỗ để rút ngắn thời gian và công sức vận chuyển. Thực hiện các quan điểm, nghị quyết, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng KVPT, hiện nay và trong chiến tranh tương lai, các KVPT cấp tỉnh, huyện đều được xây dựng vững mạnh về mọi mặt, trong đó có chuẩn bị đầy đủ vật chất HCKT để bảo đảm cho LLVT địa phương chiến đấu và chi viện cho các đơn vị bộ đội chủ lực đến tác chiến trên địa bàn.

Mặt khác, địa bàn trung du là khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội tương đối phát triển. Do đó, QN/f có thể dựa vào nguồn VCQN của hậu cần KVPT để hiệp đồng, khai thác, đặc biệt là về lương thực, thực phẩm (LTTP), đường sữa thương binh, chất đốt. Ngoài ra, quá trình tác chiến, một số chủng loại LTTP của địch mà ta thu được, trong điều kiện cho phép, có thể tận dụng để bảo đảm một phần cho sư đoàn. Thực tiễn trong trận tiến công trong hành tiến của Sư đoàn bộ binh 3 tiến công thị xã Phan Rang (14 ÷ 16/4/1975), quá trình hành quân, bộ phận đi trước đã chuẩn bị thêm một số lương thực; ngoài ra, trong quá trình đánh địch, ta cũng đã thu thêm được một số loại LTTP của địch; được sự cho phép của chỉ huy cấp trên, ta đã đưa vào sử dụng cho bộ đội trong quá trình tác chiến đem lại hiệu quả nhất định.

Trong chiến tranh BVTQ tương lai, quá trình bảo đảm VCQN cho sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến, nguồn VCQN khai thác tại chỗ không phải lúc nào cũng kịp thời và đầy đủ, đặc biệt là một số chủng loại VCQN mang tính đặc thù như quân trang chiến đấu, quân lương chiến đấu, dụng cụ cấp dưỡng, quân trang bổ sung thương binh, quân trang tử sĩ... Do vậy, QN/f cũng cần nắm chắc khả năng khai thác VCQN tại chỗ trên địa bàn chiến đấu, khả năng bảo đảm của quân nhu cấp trên. Đồng thời, hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần, kỹ thuật KVPT về khối lượng, phương tiện, địa điểm huy động, khai thác, tiếp nhận VCQN từ hậu cần, kỹ thuật KVPT, làm cơ sở để bảo đảm đầy đủ, kịp thời nhu cầu VCQN cho sư đoàn trong các giai đoạn chiến đấu, nhất là những loại VCQN mang tính đặc thù.

Ba là, tổ chức bảo đảm ăn uống linh hoạt, phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ của từng lực lượng sư đoàn trong các giai đoạn chiến đấu.

Sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến ở địa hình trung du được tổ chức thành

nhiều lực lượng, mỗi lực lượng có đặc điểm, nhiệm vụ chiến đấu khác nhau. Giai đoạn chuẩn bị và thực hành chiến đấu thường diễn ra rất khẩn trương, tính cơ động, biến động cao. Do vậy, tổ chức bảo đảm ăn uống linh hoạt, phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ của từng lực lượng trong các giai đoạn chiến đấu, giúp duy trì sức khỏe, khả năng chiến đấu của bộ đội mà vẫn đảm bảo được nhiệm vụ chiến đấu của từng lực lượng.

Tại khu tập kết chiến đấu, tổ chức cho bộ đội ăn 3 bữa nóng trong ngày theo cơ cấu 2 - 4 - 4 hoặc 4 - 2 - 4, tổ chức bếp ăn cấp trung đội hoặc đại đội tùy theo quân số bảo đảm, sử dụng bếp Hoàng Cầm cấp 1. Đối với lực lượng phái đi trước, thường cơ động trước lực lượng tiến công trên hướng chủ yếu từ 2 ÷ 3 giờ hoặc hơn. Do vậy, cần bảo đảm cho lực lượng này ăn sớm khoảng 1 giờ trước khi hành quân cơ động. Quá trình cơ động và chiến đấu, để đảm bảo yếu tố bí mật, bất ngờ, lực lượng này cần được bảo đảm ăn bằng cơm nắm mang theo, kết hợp với lương khô hoặc khẩu phần ăn chiến đấu. Sau khi kết thúc chiến đấu được bảo đảm ăn nóng tại khu tập kết sau chiến đấu. Với các lực lượng khác của sư đoàn, trước khi chiến đấu, căn cứ vào thời gian nổ súng để bảo đảm cơm nắm, nước uống mang theo. Trong quá trình chiến đấu, do tính chất cơ động và biến động cao của hình thức tiến công trong hành tiến, thời gian thực hành chiến đấu thường không dài (khoảng 1 ÷ 2 ngày đêm), nên các lực lượng của sư đoàn chủ yếu sử dụng lương khô hoặc khẩu phần ăn chế biến sẵn mang theo; nếu chiến đấu kéo dài và trong điều kiện cho phép, nuôi quân các bếp, tiếp cận phía sau đội hình chiến đấu của đơn vị để tổ chức nấu ăn và tiếp tế cơm nước cho bộ đội vào cuối ngày chiến đấu. Có thể sử dụng các loại bếp có tính cơ động cao như bếp dầu hỏa hơi cấp trung đội, xe bếp tự hành..., thực hiện nấu ăn tập trung, chia ăn phân tán. Sau chiến

đấu, tại vị trí trú quân mới, QN/f chỉ đạo hậu cần các đơn vị bảo đảm ăn 3 bữa nóng trong ngày cho bộ đội, sử dụng bếp Hoàng cầm cấp 1, chú ý tăng cường thực phẩm tươi và rau xanh để bộ đội nhanh chóng hồi phục sức khỏe. Thực hiện nội dung này, QN/f cần có phương án bảo đảm ăn uống sát đúng; hướng dẫn quân nhu đầy đủ, chi tiết; thường xuyên tiến hành đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo việc bảo đảm ăn uống ở đơn vị; có phương án tổ chức dự trữ, cấp phát lương khô, khẩu phần ăn chiến đấu đầy đủ cho đơn vị để bảo đảm ăn uống trong mọi tình huống.

Bốn là, tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng quân nhu (LLQN) phù hợp với tổ chức sử dụng lực lượng, bố trí HCKT. Đây là giải pháp thể hiện nguyên tắc trong tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí HCKT. Theo đó, QN/f là một thành phần lực lượng của HCKT sư đoàn, nên tổ chức, sử dụng, bố trí LLQN phải phù hợp với tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí HCKT của sư đoàn.

Hậu cần - kỹ thuật sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến có thể tổ chức thành 1 hoặc 2 bộ phận HCKT trực tiếp bảo đảm cho chiến đấu, có HCKT dự bị, HCKT tăng cường cho cấp dưới và một số thành phần lực lượng HCKT khác. Trong hai trường hợp trên, phương án tổ chức thành 2 bộ phận HCKT là phổ biến thường được sử dụng. Trên cơ sở đó, LLQN sư đoàn cũng tổ chức bố trí thành 2 lực lượng phù hợp với tổ chức bố trí của HCKT, cụ thể: Lực lượng quân nhu trên hướng tiến công chủ yếu gồm: 1÷2 sĩ quan, 1 nhân viên, do trưởng ban quân nhu trực tiếp chỉ huy, VCQN gồm lương khô, đường sữa thương binh, quân trang bổ sung thương binh và quân trang tử sĩ với khối lượng phù hợp với nhu cầu

bổ sung theo dự kiến bảo đảm cho các lực lượng tiến công trên hướng chủ yếu; LLQN trên hướng tiến công thứ yếu có 1 sĩ quan, VCQN gồm một số loại gọn nhẹ, thiết yếu như lương khô, đường sữa thương binh, quân trang bổ sung thương binh và quân trang tử sĩ, có khối lượng phù hợp với dự kiến bổ sung đột xuất trong giai đoạn thực hành chiến đấu cho các lực lượng tiến công trên hướng thứ yếu; LLQN dự bị, cơ động trong thành phần lực lượng HCKT dự bị gồm một số loại VCQN thiết yếu, gọn nhẹ, được xếp sẵn trên xe vận tải, sẵn sàng cơ động để bảo đảm cho các tình huống đột xuất; LLQN ở bộ phận HCKT ở lại phía sau, thành phần gồm toàn bộ cơ quan và VCQN còn lại, thường bố trí ở khu tập kết chiến đấu của sư đoàn, có nhiệm vụ tổ chức khai thác tiếp nhận vật chất của cấp trên và địa phương, sẵn sàng chi viện cho các LLQN phía trước khi có yêu cầu.

IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), BĐQN sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến ở địa hình trung du có những thuận lợi, song cũng có nhiều khó khăn, phức tạp. Vì vậy, các giải pháp BĐQN nêu trên cần vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo và cần được tiếp tục nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (1993), *Bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công trong kháng chiến chống Mỹ*, Tập 1, Hà Nội.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ CÁC TỈNH TRUNG LÀO TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Trung tá, ThS. KHAM LOUANG THOUMMALA

Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Providing logistics materials is a critical aspect of logistics support, contributing to the success of combat operations. Based on theoretical and practical research as well as influencing factors, in this articles are proposed several solutions for providing logistics materials for local armed forces conducting defensive operations in the provincials Central Lao in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) là một nội dung của bảo đảm hậu cần, góp phần quan trọng để các lực lượng chiến đấu thắng lợi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn và các yếu tố tác động, bài viết đề xuất một số giải pháp bảo đảm VCHC cho lực lượng vũ trang địa phương tác chiến phòng thủ các tỉnh Trung Lào trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tác chiến phòng thủ tỉnh, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ là hai lực lượng chủ yếu, tổ chức thành các lực lượng chiến đấu giữ khu vực phòng thủ then chốt, cơ động tiến công, tác chiến rộng khắp, tác chiến quần lộn, cùng lực lượng quân binh chủng, bảo đảm phục vụ. Để các lực lượng hoàn thành nhiệm vụ, cần giải quyết nhiều vấn đề, trong đó bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi nhu cầu VCHC có vị trí, ý nghĩa hết sức quan trọng. Thực tiễn, trong chiến tranh giải phóng, các tỉnh Trung Lào đã thực hiện nhiều trận đánh tác chiến phòng thủ giành thắng lợi và để lại nhiều kinh nghiệm quý, trong đó có bảo đảm VCHC. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai

(nếu xảy ra) đã có sự phát triển, nhu cầu VCHC lớn, nhiều chủng loại, liên quan đến nhiều cấp, ngành, lực lượng của trên và địa phương, trong điều kiện kinh tế, xã hội các tỉnh Trung Lào còn nhiều khó khăn... Vì vậy, phải có những giải pháp bảo đảm phù hợp cho lực lượng vũ trang địa phương tác chiến thắng lợi.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương khu vực phòng thủ các tỉnh Trung Lào khoảng 1 ÷ 2 lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới), kết hợp khoảng 1 tiểu đoàn đồ bộ đường không, 1 lữ đoàn quân đồng minh, cùng với bọn phản động nội địa và lực lượng khác gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng vũ khí công nghệ cao. Quá trình tiến công được hỏa lực không quân, pháo binh, tên lửa chi viện, tác chiến điện tử mạnh; sử dụng nhiều thủ đoạn, biện pháp tác chiến; tiến công trên nhiều hướng, kết hợp với thọc sâu, vu hồi, đồ bộ đường không..., nên diễn biến chiến đấu rất ác liệt, có nhiều biến động. Vì vậy, bảo đảm VCHC cho lực lượng vũ trang tỉnh chiến đấu gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tác chiến phòng thủ, lực lượng vũ trang địa phương tổ chức nhiều thành phần lực lượng (phòng ngự, ngăn chặn; cơ động tiến công; đánh nhỏ lẻ rộng khắp; bảo đảm hậu cần, kỹ thuật...). Đồng thời, vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu. Do đó, khối lượng VCHC lớn, đa dạng về chủng loại, bảo đảm cho nhiều đối tượng, phạm vi hoạt động rộng khắp, chịu ảnh hưởng của địa hình bị chia cắt, cách xa nhau; thời gian tác chiến kéo dài...

Để bảo đảm kịp thời VCHC cho các lực lượng tác chiến, hậu cần quân sự địa phương cần thực hiện tốt một số nội dung giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tổ chức dự trữ VCHC phù hợp với nhiệm vụ, hình thức, phương pháp tác chiến của từng lực lượng. Tác chiến phòng thủ các tỉnh Trung Lào, có nhiều thành phần tham gia, vận dụng nhiều hình thức, phương pháp hoạt động; nhiều hình thức chiến thuật, nhiều thủ đoạn chiến đấu phong phú, linh hoạt. Mỗi nhiệm vụ, hình thức, phương pháp hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương có yêu cầu và phương pháp bảo đảm khác nhau. Do đó, tổ chức dự trữ VCHC phải phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ, phương pháp, hình thức tác chiến của từng lực lượng. Cụ thể:

Đối với lực lượng phòng ngự bảo vệ khu vực, mục tiêu trọng yếu: Cần dự trữ toàn diện, có trọng điểm, có chiều sâu. Ở điểm tựa đại đội, dự trữ lương thực, thực phẩm, nước sinh hoạt, chất đốt được dài ngày, lương khô từ 1 ÷ 2 ngày, dự trữ đủ túi y tá và bông băng cá nhân; đạn các loại dự trữ theo phân cấp của cơ quan kỹ thuật. Ở cụm điểm tựa tiểu đoàn, dự trữ lương thực, thực phẩm từ vài ngày, lương khô khoảng 1 ngày, đường sữa thương binh khoảng 1%, dự trữ đạn theo phân cấp.

Đối với lực lượng cơ động tiến công: VCHC trên vai bộ đội chỉ cần mang theo

ít ngày, nhất là lương thực, thực phẩm và lương khô, còn lại dự trữ ở kho tiểu đoàn.

Đối với lực lượng bám trụ, chiến đấu xen kẽ với địch, sau lưng địch: Ngoài lương vật chất mang theo trên vai bộ đội, đối với tiểu đoàn bộ binh dự trữ vài ngày lương thực, thực phẩm, ít nhất có 1 ngày lương khô, thuốc chiến thương theo quy định.

Đối với lực lượng đánh địch vòng ngoài: Cần dự trữ VCHC gọn nhẹ, phân tán hợp lý. Theo đó, vật chất mang theo trên vai bộ đội khoảng 2 ÷ 3 ngày lương thực, thực phẩm và từ 1 ÷ 2 ngày lương khô, vật chất còn lại dự trữ ở căn cứ hậu cần.

Đối với lực lượng chiến đấu rộng khắp: Chủ yếu do dân quân tự vệ tại chỗ, các tổ chuyên trách, bố trí xen kẽ với các lực lượng khác ở các làng bản, cụm bản chiến đấu. Dự trữ VCHC cho lực lượng này chủ yếu ở hậu cần nhân dân và các cơ sở hậu cần bí mật.

Kho hậu cần tiểu đoàn bộ binh: Dự trữ đầy đủ, đồng bộ các loại VCHC đủ bảo đảm cho lực lượng phòng ngự và lực lượng cơ động tiến công của tiểu đoàn chiến đấu, ngoài ra còn dự trữ các loại vật chất để sẵn sàng chi viện bảo đảm cho lực lượng vũ trang khác chiến đấu trong khu vực chiến đấu của tiểu đoàn.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa dự trữ VCHC trong lực lượng vũ trang với dự trữ vật chất của ngành kinh tế, xã hội để bảo đảm tại chỗ rộng khắp. Đây vừa là yêu cầu, vừa là giải pháp nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm VCHC cho các lực lượng chiến đấu thắng lợi. Thực hiện kết hợp tổ chức dự trữ VCHC có thể theo phương án sau:

Lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, dự trữ đủ bảo đảm đủ cho các đợt tác chiến. Lương vật chất này có thể dự trữ trong các kho của huyện hoặc trong các kho của các ngành kinh tế, xã hội địa phương.

Xăng dầu: Dự trữ cho các phương tiện hoạt động từ 2 ÷ 3 đợt tác chiến. Hậu cần quân sự địa phương phải nắm tình hình các trạm xăng dầu của Nhà nước, các ngành kinh tế, xã hội trên địa bàn khu vực phòng thủ tỉnh để đăng ký khả năng huy động cho chiến tranh có thể dự trữ đặt mua và gửi ngay ở các cửa hàng, đại lý xăng dầu... khi chuyển lực lượng vũ trang lên trạng thái sẵn sàng chiến đấu toàn bộ, một phần của lượng xăng dầu dự trữ cho tác chiến được đóng vào các thùng phuy, hoặc bể chứa cơ động chuyển vào căn cứ hậu cần của tỉnh, hoặc phân tán tại chỗ hợp lý để bảo đảm cho tác chiến. Nhu cầu về xăng dầu mỡ cho các hoạt động của các lực lượng vũ trang và nhân dân ở khu vực phòng thủ tỉnh cũng rất lớn, phải tính cả khả năng tiêu thụ, tiêu hao và tổn thất trong hoạt động thường xuyên và khi chiến đấu để có dự trữ bảo đảm cho hoạt động thường xuyên và chuẩn bị cho tác chiến theo đầu phương tiện, theo đầu mỗi đơn vị, cơ quan và quy định sử dụng, phân cấp dự trữ để hoạt động dài ngày trong điều kiện tác chiến độc lập. Thuốc và dụng cụ y tế: Ngoài việc tiếp nhận vật chất của cấp trên theo ngành để cứu chữa thường xuyên cho nhân dân, thường tổ chức dự trữ các cơ sở thuốc như sau: Cơ sở Y, cơ sở K tổ chức dự trữ hợp lý ở các bệnh viện tỉnh, huyện, cơ sở T2a, T2b thường dự trữ trạm y tế cụm bản và công, nông, lâm trường có y sĩ, bác sĩ phụ trách. Bên cạnh đó, trên địa bàn cụm bản có một số cửa hàng, đại lý thuốc tân dược của tư nhân, của các ngành kinh tế, xã hội cũng là nơi dự trữ thuốc y tế. Ban hậu cần nhân dân cơ sở phải nắm chắc tình hình, có kế hoạch hiệp đồng đặt mua hoặc đề nghị hỗ trợ, cung cấp cho lực lượng vũ trang của khu vực phòng thủ huyện ven sông Mê Kông trên các hướng tác chiến. Bên cạnh dự trữ vật chất y tế phải dự trữ một số lượng đường sữa thương binh ở bệnh viện, trạm y tế...

Đối với hộ gia đình: Dự trữ cho 1 dân quân 7 ÷ 10 ngày (5 ÷ 7 kg gạo nếp). Thực tiễn trong kháng chiến chống Pháp có nơi trước khi đi sơ tán nhân dân đã đào hầm cất giấu lương thực, thực phẩm và quy định ký hiệu cho lực lượng vũ trang địa phương lấy sử dụng khi hoạt động chiến đấu quần lộn xen kẽ với địch trên địa bàn.

Hậu cần nhân dân cơ sở: Dự trữ cho dân quân tự vệ và nhân dân tự nguyện ở lại chiến đấu bảo vệ xóm, làng... dự trữ từ một tháng trở lên. Lượng dự trữ (khoảng 60 ÷ 70%) để tại khu vực triển khai nấu ăn tiếp tế; còn lại (khoảng 30 ÷ 40%) giữ lại trong các tổ chức kinh tế, xã hội của địa phương.

Hậu cần nhân dân địa phương huyện: Dự trữ cho dân quân tự vệ thực hiện 1 ÷ 2 đợt hoạt động tác chiến, dự trữ chi viện cho các lực lượng vũ trang khác 7 ÷ 10 ngày. Lượng vật chất này có thể phân cấp một phần ở kho (20 ÷ 30% nhu cầu), một phần dự trữ tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, trong các ngành kinh tế, xã hội của địa phương (70 ÷ 80% nhu cầu).

Hậu cần nhân dân địa phương tỉnh: Dự trữ cho dân quân tự vệ thực hiện đủ các đợt tác chiến, dự trữ chi viện cho các lực lượng vũ trang khác khoảng một tháng. Lượng vật chất này, có thể phân cấp một phần ở kho (20 ÷ 30% nhu cầu), một phần dự trữ tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, trong các ngành kinh tế, xã hội của địa phương (70 ÷ 80% nhu cầu)...

Ba là, kết hợp các lực lượng, phương tiện và vận dụng linh hoạt các hình thức, phương thức vận chuyển, bổ sung vật chất. Đây là giải pháp giải quyết mâu thuẫn giữa khả năng mang theo và nhu cầu tiêu thụ trong quá trình tác chiến. Trước hết, hậu cần quân sự địa phương cần làm tốt việc tham mưu cho chính quyền địa phương phân cấp, phân vùng tiếp nhận vật chất huy động từ nền kinh tế, xã hội địa phương gọn địa

bàn tác chiến của từng đơn vị. Trong cùng một thời điểm có nhiều lực lượng vừa tiến hành huy động, vừa tiếp nhận vật chất tại địa phương. Để tránh chồng chéo cần phải phân vùng huy động, tiếp nhận cho từng lực lượng. Phân vùng tiếp nhận vật chất phải cân đối giữa nhu cầu đơn vị và khả năng huy động của từng vùng. Phân vùng phải thực hiện nguyên tắc thu hẹp địa bàn tiếp nhận, một đơn vị bộ đội địa phương có thể tiếp nhận được nhiều chủng loại vật chất tại một địa bàn gần nhất. Thực hiện được việc này vừa tạo điều kiện cho địa phương huy động vật chất nhanh gọn vừa giảm công vận chuyển, giảm hao hụt mất mát dọc đường, tận dụng được phương tiện vận chuyển của địa phương. Nội dung phân cấp, phân vùng tiếp nhận vận chuyển vật chất phải được xác định cụ thể trong chỉ lệnh hậu cần gồm: Xác định quyền hạn, trách nhiệm của đơn vị đối với khu vực được phân cấp, phân vùng; số lượng chủng loại vật chất được tiếp nhận; phương thức giao nhận thanh toán...

Thực hiện vận chuyển vượt cấp bổ sung cho lực lượng vũ trang địa phương phòng ngự, lực lượng cơ động tiến công. Giai đoạn chuẩn bị, hậu cần quân sự địa phương cần có kế hoạch đề xuất với hậu cần cấp trên chuyển thẳng một số loại vật chất, như: Đạn hỏa lực xuống trận địa đơn vị; đạn và các vật chất quốc phòng khác cho dân quân tự vệ xuống căn cứ hậu cần huyện; vật liệu xây dựng công trình xuống khu vực cụm điểm tựa... Giai đoạn chiến đấu sẽ có nhiều tình huống đột biến, khi đơn vị có nhu cầu đột xuất cần bổ sung ngay, vận tải của đơn vị gặp khó khăn, hậu cần tỉnh có thể tổ chức vận chuyển vượt cấp bổ sung vật chất kịp thời cho các đơn vị. Chủ nhiệm hậu cần phải nắm chắc tình hình, nhất là diễn biến chiến đấu, quyết tâm xử trí tình huống của người chỉ huy để xác định những trường hợp cần chuyển vượt cấp, những trường hợp cần thực hiện đúng phân

cấp, để vừa bảo đảm cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, vừa phát huy sự chủ động sáng tạo của cấp dưới.

Đồng thời, từng bước bổ sung vật chất cho cơ sở hậu cần bí mật bảo đảm cho lực lượng vũ trang địa phương trụ bám chiến đấu xen kẽ với địch. Vật chất sinh hoạt như: Lương thực, thực phẩm, đường sữa, nhu yếu phẩm..., nhận tại kho địa phương chuyển vào. Các loại vật chất khác, như lương khô, thuốc chiến thương, đạn..., được chuyển từ bộ phận hậu cần phía sau lên. Các điểm cất giấu vật chất phải nguy trang kín đáo, đánh dấu kí tín hiệu chỉ dẫn để lực lượng chiến đấu trụ bám tiếp nhận thuận lợi.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC cho lực lượng vũ trang địa phương tác chiến phòng thủ các tỉnh Trung Lào gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Để thực hiện hiệu quả, cần tiến hành đồng bộ các nội dung giải pháp trên chặt chẽ, phù hợp, nhằm bảo đảm kịp thời mọi nhu cầu VCHC cho lực lượng vũ trang địa phương tác chiến thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên truyền, huấn luyện Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào (1999), *30 năm truyền thống lực lượng vũ trang cách mạng Lào (1968 - 1998)*, Nxb Viêng Chăn.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND Việt Nam.
3. Học viện Hậu cần Quân đội nhân dân Lào (2020), *Báo đảm hậu cần cho lực lượng vũ trang địa phương tác chiến phòng thủ tỉnh*, Nxb QĐND Lào.
4. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Viêng Chăn (2020), *Tổng kết công tác hậu cần năm 2020*, Viêng Chăn
5. Tỉnh Khăm - muôn (2020), *Kế hoạch bảo đảm kinh tế trong việc xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh*, Khăm - muôn.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HUẤN LUYỆN THỰC HÀNH MÔN HỌC TỔ CHỨC VẬN TẢI BẰNG Ô TÔ Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Thượng úy, CN. TRỊNH ĐỨC QUANG

Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

Trung tá, ThS. TRẦN VĂN HỮU

Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

Huấn luyện thực hành (HLTH) môn học Tổ chức vận tải (TCVT) bằng ô tô là hoạt động huấn luyện có tính đặc thù, chịu tác động bởi nhiều yếu tố. Bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng HLTH môn học TCVT bằng ô tô, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở Học viện Hậu cần.

MÔN học TCVT bằng ô tô nằm trong chương trình đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học, chuyên ngành Vận tải ở Học viện Hậu cần. Huấn luyện thực hành môn học TCVT bằng ô tô nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về thực hành giao nhận, xếp dỡ vật chất kỹ thuật; đưa bộ đội lên, xuống xe ô tô; thực hành đưa thương binh, bệnh binh lên, xuống xe ô tô..., nhằm củng cố lý luận, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo và phương pháp, tác phong của người chỉ huy vận tải.

Quán triệt phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, “học đi đôi với hành” và “nhà trường gắn liền với đơn vị”, những năm qua, lãnh đạo, chỉ huy Khoa Vận tải (KVT) đã có nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng HLTH ở KVT nói chung và môn học TCVT bằng ô tô nói riêng. Vì vậy, kết quả huấn luyện có những chuyển biến rõ rệt. Qua khảo sát, kết quả thi kết thúc Môn học từ năm 2021 đến 2024, có: 100% đạt yêu cầu; trong đó, tỷ lệ khá, giỏi: 86% (8% giỏi); trung bình khá: 14%. Kết quả kiểm tra HLTH: 100% đạt đạt yêu cầu (82% khá, giỏi). Học viên đã nắm được nội dung cơ bản, bước đầu xử trí được các tình huống trong quá trình thực hành giao nhận, xếp dỡ

vật chất và nắm được thứ tự các bước, động tác cá nhân khi đưa bộ đội, thương binh lên, xuống xe ô tô. Tuy nhiên, mức độ thành thạo nội dung HLTH chưa cao, một số học viên còn lúng túng trong thực hiện các nội dung công việc và xử lý tình huống. Nguyên nhân của những hạn chế này là do: Kiến thức về quân sự hậu cần, thực tiễn đơn vị và năng lực chuyên môn của một số giảng viên còn hạn chế; tài liệu HLTH chưa đầy đủ, một số nội dung không phù hợp; phương tiện, trang thiết bị HLTH còn thiếu và đã xuống cấp; phương pháp HLTH của một số giảng viên chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo của học viên; hệ thống thao trường, bãi tập chưa sát với thực tiễn trong chiến đấu. Vì vậy, để nâng cao chất lượng HLTH môn học TCVT bằng ô tô, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao năng lực toàn diện đội ngũ giảng viên, đặc biệt là năng lực, phương pháp HLTH gắn với chuẩn đầu ra môn học và thực tiễn hoạt động của các đơn vị vận tải trong toàn quân. Đây là biện pháp có vai trò quyết định đến việc nâng cao chất lượng HLTH môn học TCVT bằng ô tô, bởi vì giảng viên có thành thạo nội dung, động tác, có kỹ năng, kỹ xảo và có phương

pháp phù hợp thì huấn luyện, hướng dẫn học viên mới đem lại hiệu quả. Hiện nay, đội ngũ giảng viên HLTH môn học đều có trình độ năng lực chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ, yêu cầu đề ra (01 tiến sĩ: 16,7%; 01 thạc sĩ: 16,7% và 04 kỹ sư, cử nhân: 66,6%). Tuy nhiên, số giảng viên có kinh nghiệm HLTH môn học mới chỉ có 03 đồng chí, đạt tỷ lệ 50% so với tổng số giảng viên huấn luyện môn học. Để thực hiện được biện pháp này, cần tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng giảng viên, tăng cường phân công đi đào tạo cao học, nghiên cứu sinh, thực tế đơn vị, đi tập huấn bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ sư phạm... Kết hợp chặt chẽ giữa tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ với đào tạo chính quy đội ngũ cán bộ, giảng viên của bộ môn như Khoa, Bộ môn tổ chức thực hiện có hiệu quả ngày hoạt động phương pháp, tập trung vào rút kinh nghiệm HLTH. Từ đó, các giảng viên có kinh nghiệm truyền đạt, hướng dẫn, bồi dưỡng những giảng viên trẻ. Đối với giảng viên, cần phát huy tính chủ động, bản thân phải tự trau dồi, bồi dưỡng kiến thức về quân sự, hậu cần và nghiệp vụ vận tải. Đối với các giảng viên trẻ, phải tích cực tự nghiên cứu, tự thực luyện các nội dung HLTH, đồng thời phát huy tính sáng tạo nghiên cứu các sáng kiến, cải tiến phục vụ quá trình huấn luyện để tự hoàn thiện mình và nâng cao trình độ.

Hai là, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện tài liệu HLTH, bảo đảm đầy đủ vật chất cho huấn luyện. Biện pháp này có vị trí, vai trò rất quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả huấn luyện của người học. Đối với tài liệu HLTH, cần hoàn thiện, bổ sung một số nội dung: thực hành giao nhận vật chất, thực hành giao và nhận thương binh, bệnh binh; nội dung cần gắn với phương tiện vận tải ô tô được biên chế ở các đơn vị trong toàn quân (Kamaz). Mặt khác, số lượng xe Kamaz được biên chế sử dụng cho HLTH

còn tương đối ít vì thế để giúp cho học viên được luyện tập nhiều hơn thì Bộ môn, Khoa chủ động đề nghị tăng cường bổ sung các phương tiện mới để phục vụ giảng dạy cho các khóa học tiếp theo. Bên cạnh đó, thực tế hiện nay, trang thiết bị phục vụ cho huấn luyện cơ bản bảo đảm được mục đích, yêu cầu huấn luyện. Tuy nhiên, một số thiết bị còn ít như hòm đạn, cáng thương binh; do đó, quá trình HLTH học viên phải chờ đợi lâu, số lượt được thực hành ít; nhiều thiết bị đã cũ, xuống cấp, hư hỏng ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng của buổi huấn luyện. Do vậy, trước khi tham gia huấn luyện, Bộ môn cần chủ động đề nghị, hiệp đồng với các cơ quan bổ sung, sửa chữa và thay thế bảo đảm đầy đủ vật chất huấn luyện theo quy định. Ngoài ra, tăng cường bổ sung thêm các vật chất khác như còi, cờ chỉ huy, cáng thương binh.

Ba là, tích cực đổi mới phương pháp HLTH môn học, phát huy tính tích cực, chủ động của học viên. Qua rút kinh nghiệm huấn luyện của các khóa học, phương pháp hướng dẫn giảng viên còn dập khuôn, chưa có sự đổi mới mang tính đột phá về phương pháp tích cực, nên học viên tiếp thu kiến thức thực hành một cách thụ động, ảnh hưởng đến chất lượng HLTH. Để nâng cao chất lượng HLTH môn học, giảng viên cần tích cực đổi mới phương pháp huấn luyện theo hướng áp dụng phương pháp đóng vai, nắm chắc quy trình, thực hiện chuẩn các động tác mẫu; tăng cường sử dụng phương tiện kỹ thuật dạy học trực quan.

Huấn luyện bằng phương pháp đóng vai, là phương pháp huấn luyện dựa trên việc giao cho học viên giải quyết một tình huống cụ thể trên cương vị chức trách. Qua đó, rèn luyện cho người học được làm quen với vai của người cán bộ sẽ đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, luyện tập năng lực giải quyết vấn đề theo cương vị mà học viên sẽ đảm nhiệm. Để áp dụng phương pháp

huấn luyện đóng vai cần các yêu cầu như: Học viên được trang bị trước về lý thuyết; nhóm học viên tham gia phương pháp đóng vai không quá đông (dưới 10 người); giảng viên cần chuẩn bị trước và phải thường xuyên có mặt để theo dõi. Căn cứ nội dung HLTH, giảng viên giao nhiệm vụ cho các vai, cho người quan sát phải cụ thể theo đúng mục tiêu học tập (người đóng vai “chính”, người đóng vai “phụ” phải thực hiện nhiệm vụ, công việc, động tác gì..., trong các tình huống trên). Người quan sát (học viên khác) được phân thành nhóm nhỏ. Mỗi nhóm được giao các nhiệm vụ cụ thể như: nhóm theo dõi nhận xét vai “chính”; nhóm theo dõi nhận xét vai “phụ”; các nhóm theo dõi về kỹ năng giao tiếp, thái độ, kiến thức, năng lực giải quyết vấn đề... Khi thực hiện đóng vai, người thực hiện hoàn toàn chủ động về nội dung và thời gian. Vai đóng cần thực hiện các động tác đúng điều lệnh, dứt khoát; cần bám sát mục tiêu học tập, nhiệm vụ được giao, có ý thức cộng tác, hỗ trợ nhau. Sau khi kết thúc huấn luyện theo phương pháp đóng vai, sẽ tiến hành thảo luận. Qua các vai đóng, học viên nhận xét, thảo luận: Phương pháp, tác phong của các vai chính, phụ có tốt không, khẩu lệnh có chính xác, to, rõ hay chưa. Cuối cùng giảng viên có nhận xét về buổi học: Cần dựa trên kết quả thảo luận để có nhận xét chung; tránh tình trạng áp đặt, không phân biệt đúng, sai, cái nên, không nên làm; nêu lên được những điều học tập và những điều cần rút kinh nghiệm.

Bốn là, tiếp tục đầu tư và nâng cấp, củng cố hệ thống thao trường, bãi tập HLTH. Hệ thống thao trường, bãi tập trong HLTH là một thành phần quan trọng trong công tác HLTH, giúp người học áp dụng lý luận vào xử lý các tình huống xảy ra trong thực tiễn. Hiện nay, hệ thống các khu kỹ thuật để phục vụ cho huấn luyện chưa được xây dựng, quá trình HLTH vẫn tận dụng các công trình có sẵn. Điều này ảnh hưởng rất

lớn đến chất lượng HLTH giao nhận, xếp dỡ vật chất không sát với thực tiễn ở đơn vị. Do đó, Khoa Vận tải cần tham mưu đề xuất với Học viện triển khai xây dựng hệ thống thao trường, bãi tập thực hành giao nhận, xếp dỡ vật chất mới phù hợp với điều kiện thực tế ở các đơn vị. Khi xây dựng thao trường, bãi tập tổng hợp vận tải ô tô phải dựa trên quy trình tổ chức thực hành nhận, xếp vật chất, tổ chức xếp bộ đội lên, xuống xe và giao nhận thương binh, bệnh binh. Như vậy xây dựng bãi tập HLTH cần đầy đủ các công trình như sau: vị trí chỉ huy kho; vị trí các kho VCKT như kho vật chất doanh trại, vật chất quân nhu...; khu vực tập kết phương tiện để chờ xếp, dỡ; khu vực tập trung chuẩn bị hành quân vận chuyển, đơn vị nhận, giao bộ đội, quân y các cấp... Khi xây dựng thao trường, bãi tập với đủ điều kiện như trên, sẽ giúp học viên thực hành đóng vai phân đội trưởng vận tải đạt chất lượng tốt, sát với thực tiễn ở đơn vị.

Nâng cao chất lượng HLTH Môn học TCVT bằng ô tô ở Học viện Hậu cần hiện nay, cần tiến hành đồng bộ các biện pháp nêu trên một cách linh hoạt, sáng tạo. Đây là cơ sở góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Học viên, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2020), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.
2. Đảng bộ Khoa Vận tải, *Nghị quyết Đại hội đảng bộ Khoa Vận tải, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.
3. Khoa Vận tải, *Báo cáo tổng kết năm học (từ 2020+2023)*, Hà Nội.

CÔNG TÁC HẬU CẦN, KỸ THUẬT TRONG DIỄN TẬP KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH LẠNG SƠN

Thượng tá, TS. NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Diễn tập khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh Lạng Sơn là một nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng của Đảng ủy, Chính quyền địa phương. Các cuộc diễn tập KVPT tỉnh Lạng Sơn thường được tiến hành trên quy mô lớn, phạm vi rộng, với sự tham gia của các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang (LLVT), các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh và một số đơn vị đứng chân trên địa bàn. Vì vậy, công tác hậu cần, kỹ thuật (HCKT) trong diễn tập gặp nhiều khó khăn, phức tạp; đòi hỏi phải được quan tâm đúng mức.

Để không ngừng hoàn thiện, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương; trình độ công tác tham mưu, phối hợp hiệp đồng tác chiến của các ban, ngành, đoàn thể với LLVT toàn tỉnh, kịp thời đối phó hiệu quả các tình huống khi có chiến tranh xảy ra; thời gian qua, tỉnh Lạng Sơn đã tổ chức nhiều cuộc diễn tập KVPT cấp tỉnh, huyện. Trong diễn tập, công tác HCKT giữ vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả diễn tập. Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác HCKT trong diễn tập KVPT tỉnh Lạng Sơn vẫn có những hạn chế nhất định. Do vậy, cần nghiên cứu biện pháp để nâng cao chất lượng công tác HCKT trong diễn tập KVPT tỉnh Lạng Sơn trong thời gian tới.

Trong mỗi cuộc diễn tập, cơ quan HCKT quân sự địa phương tỉnh, huyện (thành phố) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn luôn chú trọng công tác chuẩn bị: Tổ chức nghiên cứu sâu, kỹ Chỉ thị của Tư lệnh Quân khu 1, Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn về việc diễn tập KVPT cấp huyện, tỉnh. Tích cực tuyên truyền, làm cho cán bộ, nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của

các cuộc diễn tập KVPT cấp huyện, tỉnh; nhất là đối với địa bàn có trưng dụng mặt bằng phục vụ xây dựng các công trình bảo đảm cho diễn tập. Phòng HCKT Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các phòng nghiệp vụ cấp trên tổ chức bồi dưỡng các nội dung có liên quan trong thực hành diễn tập cho cán bộ, chiến sĩ của cơ quan, phân đội HCKT; chủ động hướng dẫn các sở (phòng) ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của địa phương xây dựng đầy đủ văn kiện khối B trong diễn tập đúng quy định; chuẩn bị đề cương, văn kiện cho các hội nghị của tỉnh, huyện, nhất là hội nghị hội đồng cung cấp KVPT...; xây dựng các loại kế hoạch, phương án, kịch bản diễn tập theo quy định. Cơ quan HCKT quân sự địa phương tỉnh phối hợp với các cơ quan và địa phương có liên quan chuẩn bị tốt các nội dung bảo đảm HCKT cho diễn tập, nhất là trong thực binh thiết quân luật, đánh địch tiến công hỏa lực, tiến công địch đổ bộ đường không và chuẩn bị cho tham quan các công trình HCKT. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bảo đảm đầy đủ vũ khí trang bị, phương tiện sử dụng trong các cuộc diễn tập và xây dựng các hạng mục công trình

phục vụ diễn tập gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) ở địa phương, như: Cải tạo, nâng cấp đường vào căn cứ chiến đấu, khu thực binh diễn tập; bảo đảm đầy đủ các trang thiết bị, cơ sở vật chất ở các khu căn cứ HCKT, thực binh, các công trình sơ tán nhân dân, học sinh và lớp các học thời chiến...

Khi bước vào diễn tập, cơ quan, phân đội HCKT các cấp đã thực hiện đúng thứ tự, nội dung các bước trong chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ), gắn với chức trách được giao. Tiến hành bổ sung, điều chỉnh các văn kiện HCKT trong chuyển trạng thái SSCĐ đúng quy định. Tổ chức cơ động lực lượng cơ quan, phân đội HCKT quân sự tỉnh, huyện, thành phố ra khu sơ tán, căn cứ chiến đấu bảo đảm an toàn. Giai đoạn tổ chức chuẩn bị tác chiến phòng thủ, cơ quan HCKT quân sự địa phương các cấp đã tổ chức quán triệt, nghiên cứu, triển khai các văn bản của đạo diễn đúng các bước. Thực hành điều chỉnh kế hoạch bảo đảm HCKT sát quyết tâm tác chiến phòng thủ của Chỉ huy trưởng, đúng chỉ lệnh, hướng dẫn của HCKT Quân khu. Đồng thời, tham mưu, hướng dẫn các sở (phòng), ban, ngành của địa phương có liên quan, bổ sung điều chỉnh kế hoạch của ngành bảo đảm cho tác chiến phòng thủ tỉnh, huyện, thành phố. Thực hành triển khai bố trí kho hậu cần tổng hợp, kho xăng dầu dã chiến DC-100, trạm sửa chữa tổng hợp và thực hành tiếp nhận, cấp phát vật chất theo thủ tục, nguyên tắc, sát với tình huống diễn tập và điều kiện thực tế khi tác chiến xảy ra. Phối hợp với ngành y tế địa phương triển khai đội phẫu thuật cứu chữa cơ bản (cấp tỉnh), đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu (cấp huyện, thành phố) thu dung cứu chữa thương binh, bệnh binh bảo đảm thời gian, đáp ứng yêu cầu chiến thuật, sát điều kiện thời chiến. Quá trình tiếp nhận, phân loại, cứu chữa thương binh bảo đảm nhanh, kịp thời. Hành động chỉ huy

điều hành của đội ngũ bác sĩ, y tá, nhân viên chuyên môn nhip nhàng, thuần thực. Tham mưu xây dựng đầy đủ hệ thống văn kiện hội nghị hội đồng cung cấp KVPT; triển khai hội nghị đúng thứ tự các bước. Công tác phối hợp, hiệp đồng trong bảo đảm HCKT với các đơn vị chủ lực tác chiến trên địa bàn chặt chẽ, hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác HCKT trong diễn tập KVPT (tỉnh, huyện) ở Lạng Sơn vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập, như: Công tác phối hợp giữa cơ quan HCKT quân sự địa phương các cấp với các cơ quan chức năng của địa phương có liên quan trong chuẩn bị diễn tập chưa chặt chẽ; hiệp đồng chưa cụ thể về huy động lực lượng của các ban, ngành địa phương tham gia và phục vụ diễn tập. Ban HCKT cơ quan quân sự các huyện, thành phố còn lúng túng trong triển khai các tổ bảo đảm HCKT ở trạm tập trung quân nhân dự bị. Triển khai vị trí kiểm tra sức khỏe, cấp phát quân trang còn đơn giản, chưa làm tốt công tác ngụ trang HCKT. Việc tham mưu, hướng dẫn các sở (phòng), ban, ngành của địa phương diễn các nội dung có liên quan trong các hội nghị vận hành cơ chế và thực hành tác chiến phòng thủ hiệu quả còn thấp. Hoạt động của các sở, phòng, ban chức năng địa phương có nội dung chưa gắn sát thực tiễn trong từng giai đoạn tác chiến. Bảo đảm HCKT cho diễn tập có thời điểm chưa kịp thời, chính xác. Công tác chỉ huy, chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, đơn vị bảo đảm cho diễn tập chưa chặt chẽ; vật chất phục vụ diễn tập còn thiếu, vũ khí trang bị sử dụng trong diễn tập chưa bảo đảm hệ số kỹ thuật. Xử trí một số tình huống phát sinh trong bảo đảm cho diễn tập còn lúng túng, máy móc.

Từ thực trạng trên, để nâng cao chất lượng công tác HCKT trong diễn tập KVPT tỉnh Lạng Sơn, thời gian tới, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, quán triệt sâu sắc nhiệm vụ công tác HCKT trong diễn tập KVPT tới toàn thể cán bộ, chiến sĩ; phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng lực lượng; động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực tham gia công tác HCKT. Tiến hành công tác HCKT trong diễn tập KVPT liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; là nhiệm vụ quan trọng của cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân và LLVT. Thực tiễn cho thấy, trình độ nhận thức và năng lực của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân là nhân tố hàng đầu quyết định chất lượng, hiệu quả công tác HCKT trong diễn tập KVPT. Những kết quả đạt được, trước hết, đều bắt nguồn từ ý thức, trách nhiệm đúng đắn và năng lực tổ chức thực tiễn của lãnh đạo, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các lực lượng trực tiếp tiến hành công tác HCKT trong diễn tập KVPT. Do vậy, cần tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các tổ chức, các lực lượng; làm cho từng cán bộ, chiến sĩ, toàn dân có thái độ, động cơ đúng đắn và trách nhiệm chính trị cao đối với việc tiến hành công tác HCKT trong diễn tập KVPT; từ đó tạo ra sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm và thực hành diễn tập các nội dung về HCKT đạt hiệu quả cao.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác HCKT trong diễn tập KVPT. Đây là điều kiện cơ bản, quyết định đến khả năng động viên, sử dụng hợp lý nhân lực, phương tiện, vật chất của các ban, ngành KT-XH địa phương tham gia vào công tác bảo đảm HCKT cho diễn tập và thực hành diễn tập các nội dung về HCKT đạt hiệu quả thiết thực. Muốn vậy, cần thực hiện nghiêm Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị, Kết luận số 64-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố thành KVPT vững chắc trong tình hình mới; Nghị định 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/2/2019

của Chính phủ về KVPT, các chỉ thị của Quân khu 1 về tổ chức diễn tập... Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác HCKT trong diễn tập KVPT, chính quyền cơ sở và cơ quan quân sự các cấp nắm vững và quán triệt nghiêm túc cơ chế lãnh đạo của KVPT; nắm vững các chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên về công tác HCKT trong diễn tập KVPT. Đồng thời, trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng thực trạng công tác diễn tập KVPT để đề ra nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác HCKT trong diễn tập KVPT bảo đảm đúng đắn, phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

Ba là, chú trọng tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành HCKT và các ban, ngành, đoàn thể địa phương có liên quan về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Theo đó, cơ quan HCKT quân sự các cấp cần chủ động tham mưu, giúp người chỉ huy quân sự đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức chu đáo các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Nội dung, chương trình bồi dưỡng phải phù hợp với từng đối tượng; cần chú trọng bồi dưỡng về phương pháp tác chiến mới của địch, lý luận về xây dựng và hoạt động của KVPT, tổ chức, phương pháp diễn tập, công tác tham mưu của các cơ quan ban, ngành, đoàn thể trong tác chiến phòng thủ, nội dung, phương pháp xây dựng hệ thống văn kiện của các ban, ngành. Để việc huấn luyện, bồi dưỡng cho các đối tượng đạt hiệu quả, cần xây dựng kế hoạch sát tình hình thực tiễn tại địa phương và nhiệm vụ, yêu cầu công tác HCKT trong diễn tập KVPT. Tổ chức chuẩn bị chu đáo nội dung, lực lượng, phương tiện, vật chất cho huấn luyện; thực hành huấn luyện chặt chẽ, đúng quy định. Cơ quan HCKT quân sự địa phương các cấp tham mưu và giúp các ngành KT-XH địa phương tiến hành bồi dưỡng những kiến thức quân sự cần thiết cho cán bộ, viên chức theo kế hoạch.

Bốn là, phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan HCKT quân sự địa phương các cấp với lực lượng tham gia diễn tập của các ban, ngành KT-XH, các tổ chức đoàn thể địa phương và HCKT các đơn vị bộ đội chủ lực trong diễn tập KVPT. Công tác HCKT trong diễn tập KVPT có nhiều nội dung, liên quan mật thiết với hoạt động của ban, ngành, đoàn thể địa phương trong các trạng thái quốc phòng. Quá trình bảo đảm HCKT liên quan đến bảo đảm tài chính, huy động nhân lực, vật lực từ các ban, ngành, đoàn thể địa phương. Cho nên, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa HCKT quân sự địa phương với các ban, ngành, đoàn thể địa phương trong diễn tập và bảo đảm HCKT cho diễn tập KVPT. Tác chiến KVPT, ngoài lực lượng của địa phương có thể có các đơn vị chủ lực của quân khu, của Bộ tham gia tác chiến trên địa bàn; việc phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng của địa phương với các lực lượng chủ lực của cấp trên trong diễn tập KVPT là cần thiết; là cơ sở để phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác diễn tập KVPT. Để thực hiện tốt việc phối hợp, yêu cầu HCKT quân sự địa phương, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể phải có kế hoạch phối hợp cụ thể, rõ ràng về nội dung công việc, trách nhiệm của các bên liên quan. Quá trình phối hợp, phải thường xuyên trao đổi tình hình, kết quả và các vấn đề liên quan để thống nhất trong nhận thức và hành động; phối hợp tổ chức nhiều hoạt động thiết thực. Xây dựng mối đoàn kết, thống nhất cao giữa các lực lượng cùng tham gia diễn tập trên địa bàn, giữa các lực lượng tham gia diễn tập với cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân.

Năm là, tổ chức rút kinh nghiệm về công tác HCKT trong diễn tập; kịp thời khắc phục hạn chế, thiếu sót. Mỗi cuộc diễn tập đều có những ưu điểm, hạn chế nhất định; cho nên, cần kịp thời tổng kết, rút kinh nghiệm. Nội dung rút kinh nghiệm cần tập trung vào những vấn đề chủ yếu, như: Công

tác chuẩn bị và bảo đảm diễn tập; công tác HCKT chuyển trạng thái SSCĐ, bảo đảm HCKT cho các nhiệm vụ tác chiến. Cần tăng cường hoạt động tham quan của các đơn vị, địa phương, làm cơ sở rút kinh nghiệm trong toàn tỉnh; từ đó, làm rõ ưu điểm, hạn chế bảo đảm HCKT cho diễn tập KVPT. Các xã, huyện của tỉnh Lạng Sơn cần kế thừa các bài học kinh nghiệm rút ra từ các cuộc diễn tập KVPT để vận dụng linh hoạt vào điều kiện thực tế của địa phương mình.

Diễn tập KVPT (tỉnh, huyện) ở Lạng Sơn là hoạt động quốc phòng địa phương thường niên, góp phần củng cố, xây dựng tỉnh, thành phố thành KVPT vững chắc theo kế hoạch thống nhất của Quân khu 1. Ngoài ra, diễn tập KVPT còn nâng cao trình độ huấn luyện, khả năng SSCĐ của LLVT, từng bước hoàn thiện công tác HCKT khu vực phòng thủ tỉnh Lạng Sơn. Để đạt được mục đích trên, ngành HCKT của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn cần tham khảo và vận dụng tốt các biện pháp đã nêu♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2013), *Xây dựng và hoạt động của KVPT tỉnh, thành phố*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Chính phủ (2019), *Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/2/2019 về KVPT*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành KVPT vững chắc trong tình hình mới*, Hà Nội
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019 của Chính phủ về KVPT từ năm 2019 – 2023*, Lạng Sơn.

KHAI THÁC, TẠO NGUỒN VẬT CHẤT HẬU CẦN CỦA CÁC ĐOÀN HẬU CẦN TRÊN CHIẾN TRƯỜNG B2 TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ - KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Đại tá, TS. VŨ QUANG HÒA

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

ĐOÀN hậu cần khu vực là một bộ phận của hậu cần Miền, làm nhiệm vụ tổ chức bảo đảm hậu cần trên một khu vực tác chiến, được tổ chức đồng bộ các cơ quan, phân đội bảo đảm, có lượng vật chất đủ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ bảo đảm và có khả năng độc lập bảo đảm cao. Được bố trí thành từng cánh hậu cần, phối hợp với các tổ chức hậu cần địa phương, hậu cần nhân dân; vừa bảo đảm cho lực lượng vũ trang địa phương trụ bám giữ vững địa bàn, vừa đáp ứng yêu cầu cơ động chiến đấu của các sư đoàn chủ lực.

Đối với chiến trường B2, đây là địa bàn chiến lược gồm Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ. Chiến trường có 5 quân khu (6, 7, 8, 9) và Sài Gòn - Gia Định. Do xa hậu phương miền Bắc, dễ bị địch bao vây đánh phá, cô lập, nên nhiệm vụ bảo đảm hậu cần chiến trường B2 rất nặng nề và khó khăn. Mặc dù vậy, các đoàn hậu cần khu vực trên chiến trường B2 vẫn luôn khắc phục khó khăn, vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, tạo nét đặc sắc trong tổ chức, bảo đảm hậu cần của Quân đội ta. Trong khai thác, tạo nguồn vật chất hậu cần tại chỗ trên chiến trường B2, các đoàn hậu cần đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý, được thể hiện trên một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, dựa vào nhân dân, chủ động khắc phục mọi khó khăn, gian khổ để tạo nguồn và khai thác nguồn vật chất hậu cần.

Trên chiến trường B2, địch đặt nhiều cơ quan đầu não của bộ máy chiến tranh, nên chúng tập trung dày đặc các lực lượng thiện chiến; trang bị vũ khí hiện đại hòng giữ vững địa bàn; dùng mọi thủ đoạn buộc dân ta bỏ ruộng vườn, không chế dân trong “áp chiến lược” hòng triệt đường tiếp tế của nhân dân cho lực lượng vũ trang. Trước tình hình đó, để thu mua, khai thác tạo nguồn vật chất hậu cần, các đoàn hậu cần đã tuyên truyền, vận động nhân dân kiên trì trụ bám; ra sức xây dựng cơ sở chính trị, cơ sở hậu cần trong “lòng dân”; kết hợp đấu tranh chính trị với quân sự để thu mua khai thác nguồn cung cấp tại chỗ có trong nhân dân. Khi ta mở chiến dịch Bình Giã, hậu cần Miền lấy Đoàn hậu cần khu vực 84 (khu E) làm nòng cốt, kết hợp với ban quân nhu khu B cử cán bộ về địa phương đi sâu vào vùng địch kiểm soát để xây dựng cơ sở, vận động nhân dân quyên góp và tổ chức thu mua lương thực, thực phẩm. Đồng bào các địa phương đã tìm mọi cách ủng hộ, nhiều gia đình sống trong các đồn điền cao su ở Bà Rịa, Long Khánh đã gom gạo, muối..., chuyển ra căn cứ bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm trước giờ nổ súng. Trong chiến dịch Nguyễn Huệ (năm 1972), Đoàn hậu cần 18 kết hợp với bộ phận hậu cần Quân khu 6 và Hội đồng cung cấp Miền đề ra phương châm “quân đâu, gạo đó”, tiến hành “lót” sẵn lương thực trên địa bàn tác chiến. Chiến dịch Hồ Chí Minh,

ở hướng Đông, trong 5 ngày, Đoàn hậu cần 814 đã khai thác tại chỗ được 150 tấn đạn, 50 tấn gạo, 20 tấn xăng dầu, 7 tấn lương khô. Quá trình tiến công vào Sài Gòn, các đoàn hậu cần dựa vào mạng lưới hậu cần nhân dân rộng khắp trên địa bàn để khai thác nguồn vật chất tại chỗ bằng các biện pháp thích hợp, như nhận sự giúp đỡ, ủng hộ của nhân dân hoặc dùng tiền để mua vật chất cần thiết. Chính vì biết dựa vào dân, quán triệt tốt quan điểm hậu cần toàn dân nên các đoàn hậu cần đã được nhân dân ủng hộ, bảo vệ.

Thứ hai, tổ chức bố trí các đoàn hậu cần linh hoạt đáp ứng yêu cầu tạo nguồn vật chất hậu cần, thực hiện bảo đảm hậu cần theo khu vực. Cuối năm 1964, bốn khu vực hậu cần A, B, C, E (tiền thân của các đoàn hậu cần trên chiến trường B2) được bổ sung các lực lượng quân nhu, quân y, quân giới, vận tải và gọi là “đoàn hậu cần khu vực” (khu A là đoàn 81, khu B là đoàn 82, khu C là đoàn 83, khu E là đoàn 84). Mỗi đoàn hậu cần đều có cơ quan phân đội và cơ sở hậu cần để bảo đảm hậu cần trên một khu vực nhất định. Tháng 6/1971, Bộ Chỉ huy Miền quyết định sát nhập 2 Đoàn 81 và 84 thành Đoàn 814, gồm cơ quan, kho xưởng, bệnh viện và 5 cánh hậu cần hoạt động ở Biên Hoà, Bà Rịa, Long Khánh.

Để chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược năm 1972, Quân ủy Miền quyết định: Chuyển một số đoàn hậu cần để xây dựng thành các khu căn cứ hậu phương (gọi là quân khu căn cứ) trên đất Campuchia nhằm phối hợp với Bạn xây dựng và bảo vệ căn cứ hậu phương; đồng thời, làm chức năng của khu vực hậu cần. Tiến hành điều chỉnh thể bố trí các đoàn hậu cần khu vực và vươn sâu xuống miền Nam, bao gồm 9 đoàn, chia thành 3 tuyến: Tuyến trước có 5 đoàn (210, 220, 230, 235 và 814). Ở tuyến sau có 3 đoàn (340, 770 và 500). Ở Tây Nam Campuchia có Đoàn hậu cần 200.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, các đoàn hậu cần phía sau được điều chỉnh sắp xếp lại tổ chức: Đoàn hậu cần 770 chuyển lực lượng về triển khai khu đầu cầu tiếp nhận hàng của tuyến chiến lược và tổng kho dự trữ hậu cần chiến dịch ở Đồng Xoài; Đoàn 220 triển khai các cụm kho và lực lượng hậu cần dự bị của chiến dịch (gồm các đội điều trị, các tiểu đoàn vận tải, các trạm sửa chữa lưu động...) đặt ở An Lộc, sẵn sàng tăng cường cho các hướng tiến công chủ yếu (Tây Bắc và Bắc), sẵn sàng cơ động theo trục đường 13, bảo đảm cho tác chiến thọc sâu vào Sài Gòn; Đoàn hậu cần 814 chuyển dịch đội hình về Nam Sông Đồng Nai, đường 20, đường 1, bảo đảm cho lực lượng Quân đoàn 4, Quân đoàn 2 và các lực lượng tiến công vào hướng Đông Sài Gòn; Đoàn hậu cần 210 chuyển dịch đội hình về hướng Nam Đồng Xoài, Bến Bàu... bảo đảm cho Quân đoàn 1 và các lực lượng tiến công từ hướng Bắc vào Sài Gòn; Đoàn hậu cần 235, chuyển đội hình xuống khu vực Nam sông Sài Gòn, Bắc Đường 1, Chơn Thành, Dầu Tiếng bảo đảm cho Quân đoàn 4 và các lực lượng tiến công từ hướng Bắc vào Sài Gòn; tổ chức thêm Đoàn hậu cần 240 đứng chân tại khu vực Bắc Đường 4 cùng với Đoàn hậu cần 230 triển khai ở khu vực Đồng Tháp Mười bảo đảm cho Đoàn 232 và các lực lượng tiến công từ hướng Tây và Tây Nam vào Sài Gòn; chi viện cho hậu cần Quân khu 8, bảo đảm cho các lực lượng tấn công từ hướng Nam.

Lúc này trên chiến trường B2 đã có 7 đoàn hậu cần khu vực (Đ770, 340, 210, 220, 230, 235 và 814) được bố trí từ tuyến sau ra tuyến trước vây quanh áp sát Sài Gòn và các mục tiêu quan trọng, nối liền với nhau bằng hệ thống hành lang vận tải ngang dọc, tạo điều kiện chi viện cho nhau từ tuyến sau ra tuyến trước, từ chiến trường rừng núi tới đồng bằng, áp sát các đô thị sẵn sàng bảo đảm cho 5 cánh quân giải phóng thành phố Sài Gòn.

Thứ ba, tích cực chủ động, trụ bám địa bàn, vận dụng linh hoạt sáng tạo, các hình thức, biện pháp để tạo nguồn vật chất hậu cần. Từ năm 1965 đến 1972, địch tập trung càn quét các cơ sở hậu cần của ta, đẩy mạnh thủ đoạn gom dân, bao vây kinh tế, đi đôi với tập trung đánh phá ác liệt vào hậu phương kháng chiến và cơ sở hậu cần. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy Miền ra chủ trương: Kiên quyết trụ bám, “bám đất, bám dân” xây dựng cơ sở, khôi phục phong trào. Tạm hoãn mọi chi phí khác để tập trung tiền mua lương thực, thực phẩm. Với phương châm: Dựa vào cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng cách mạng để trụ lại, hoạt động nhỏ lẻ, giữ vững địa bàn, không cho địch tạo thành “vùng trắng”. Theo đó, các đoàn hậu cần chia thành từng tổ nhỏ, bí mật trụ lại các vùng ven để móc nối với các cơ sở Đảng, vận động nhân dân bán lương thực, thực phẩm rồi chuyển về căn cứ. Đoàn hậu cần 82 trụ bám ở hướng tây Sài Gòn và vùng Định Thanh, Bà Hảo, núi Bà Đen (Tây Ninh). Ban ngày, Đoàn ở trong hang núi, đêm đến đột nhập áp chiến lược vận động nhân dân thu gom lương thực, thực phẩm. Bộ phận thu mua của Đoàn (C20) đóng ở Bà Hảo lấy địa bàn suối Ông Hùng, Bàu Trâm, Truong Mít để trụ lại, móc nối với cơ sở, xây dựng đường dây từ các ấp chiến lược như Suối Đá, Chà Là, Truong Mít, Cầu Khởi tuyên truyền, vận động nhân dân bán lương thực, thực phẩm. Một hệ thống gần 200 cơ sở tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh từ Sài Gòn và các tỉnh được thiết lập, chuyển được gần 1.400 tấn gạo, nhiều loại thực phẩm, nhu yếu phẩm đưa về Đoàn hậu cần 82, căn cứ Rừng Sác. Quá trình tạo nguồn vật chất hậu cần, các đoàn hậu cần thực hiện phương châm “3 có” (có dân, có đất đứng chân, có vật chất) và “4 được” (mua được; vận chuyển được; bảo quản, bảo vệ được và sử dụng được). Thu mua, khai thác lương thực, thực phẩm ở nội địa được tổ

chức theo ba phương thức: thu mua nhỏ lẻ trong nhân dân, đột nhập áp chiến lược, “đổ đường dài”. Vì vậy, trong giai đoạn này, mặc dù địch càn quét mạnh nhưng các đoàn hậu cần đã mua được khối lượng vật chất nhiều nhất so với các giai đoạn trước.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến của quân đội ta sẽ có nhiều thay đổi về phương pháp tác chiến, với lực lượng và phương tiện hiện đại gây cho ta nhiều khó khăn. Theo đó, khối lượng vật chất hậu cần phải bảo đảm cho tác chiến lớn, nhiều chủng loại, thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn; công tác tạo nguồn vật chất hậu cần chịu tác động không nhỏ của cơ chế thị trường. Tuy nhiên, ta có thuận lợi là có tiềm lực hậu cần tại chỗ vững chắc; có điều kiện huy động vật chất hậu cần trong nhân dân, trong các thành phần kinh tế - xã hội... Điều kiện đó cùng những kinh nghiệm quý về tạo nguồn vật chất hậu cần của các đoàn hậu cần trên chiến trường B2 định hướng cho tác chiến, cần thực hiện những vấn đề sau:

Một là, đẩy mạnh xây dựng hậu cần khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh (thành phố) kết hợp với xây dựng các tổ chức hậu cần nhân dân địa phương rộng khắp, gắn với thể phòng thủ chung của cả nước thành thể liên hoàn, vững chắc. Ngày nay, trong thế chiến tranh nhân dân phát triển cao, các chiến dịch thường diễn ra trong thế trận phòng thủ của từng địa phương được chuẩn bị từ thời bình, sẽ là chỗ dựa vững chắc để tiến hành tác chiến chiến dịch. Phát triển kinh nghiệm của các đoàn hậu cần, ta cần tập trung xây dựng các căn cứ hậu cần bảo đảm cho tác chiến phòng thủ. Đồng thời, xây dựng mạng lưới hậu cần nhân dân tại chỗ rộng khắp ở các địa phương trong cả nước, tạo thành thể trận liên hoàn, vững chắc, có chiều sâu. Đó là sự kết hợp hậu cần tại chỗ với hậu cần cơ động thành phương thức bảo đảm hậu cần theo khu vực. Quy mô tổ chức căn cứ hậu cần, mạng lưới hậu cần nhân dân phụ

thuộc vào điều kiện cụ thể của từng địa bàn, phạm vi bảo đảm của từng cấp, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài trên các hướng chiến dịch, chiến lược.

Tích cực xây dựng hậu cần KVPT bảo đảm cho các lực lượng vũ trang trong KVPT của quân khu, tỉnh (thành), huyện (quận, thị xã) hoạt động tác chiến; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh trong các chiến lược quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội một cách tổng thể trên từng địa phương cũng như trên cả nước. Đặc biệt, chú trọng các địa bàn chiến lược dễ bị chia cắt khi chiến tranh, nguồn cung cấp tại chỗ hạn chế về số lượng, chủng loại những loại vật chất cần bảo đảm mà trên địa bàn chiến dịch không có khả năng khai thác hoặc khả năng khai thác tại chỗ có hạn. Trong sự kết hợp này, coi trọng xây dựng, khai thác nguồn hậu cần tại chỗ là cơ bản; đồng thời chú trọng đúng mức đến việc xây dựng, tổ chức khai thác nguồn vật chất từ nơi khác đến dự trữ bảo đảm kịp thời cho các lực lượng trong mọi tình huống.

Hai là, triệt để khai thác khả năng bảo đảm hậu cần tại chỗ, quản lý chặt chẽ trong mọi khâu, tránh thất thoát, lãng phí; phát huy trách nhiệm cao nhất của từng cấp trong tổ chức, chỉ huy, hiệp đồng khai thác vật chất hậu cần. Hiện nay, Nghị định số 21/2019/NĐ-CP về KVPT đã phân cấp trong tổ chức tạo nguồn: Đối với phòng thủ quân khu, Bộ Quốc phòng chỉ đạo các quân khu tổ chức tạo nguồn vật chất hậu cần đáp ứng yêu cầu phòng thủ quân khu và sẵn sàng chi viện, hỗ trợ cho các quân khu, đơn vị khác theo kế hoạch hiệp đồng; trên cơ sở đó, lực lượng vũ trang quân khu tổ chức tạo nguồn vật chất hậu cần tại chỗ, kết hợp với nguồn nơi khác chi viện, hỗ trợ. Đối với KVPT tỉnh (thành phố), cơ quan quân sự địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp huy động, khai thác nguồn lực tại chỗ để bảo đảm vật chất hậu cần cho xây dựng, hoạt động

của KVPT và sẵn sàng chi viện, hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị khác theo kế hoạch hiệp đồng. Qua kinh nghiệm tạo nguồn của các đoàn hậu cần trên chiến trường B2 cho thấy: các đoàn hậu cần khai thác nguồn tại chỗ, bao gồm: Nguồn nhân dân đóng góp, nguồn thu mua của dân; nguồn tự sản xuất của các đoàn hậu cần và lực lượng vũ trang; nguồn chiến lợi phẩm thu được của địch. Với tiềm lực này đã tạo ra nguồn vật chất hậu cần tại chỗ rất lớn. Trong điều kiện mới hiện nay, ta cũng chủ yếu dựa vào các nguồn ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương; nguồn đóng góp của các doanh nghiệp, nguồn tăng gia sản xuất của bộ đội, nguồn ủng hộ của các đơn vị tập thể, cá nhân trong và ngoài nước. Song, cần phải phát huy trách nhiệm của từng cấp, từng lực lượng một cách linh hoạt, liên tục, chủ động khắc phục được khó khăn trong tạo nguồn khai thác vật chất tại chỗ đạt hiệu quả cao nhất, tạo được yếu tố bí mật, bất ngờ; đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng hậu cần bảo đảm cho tác chiến thắng lợi trong mọi tình huống. Trong tác chiến, do ta có điều kiện chuẩn bị trước từ thời bình, nền kinh tế tăng trưởng nhanh; cho nên, trong quá trình khai thác, tạo nguồn hậu cần tại chỗ cần tiến hành hiệp đồng chặt chẽ giữa hậu cần các cấp về từng loại vật chất bảo đảm, cả về phương thức, thời gian, địa điểm giao, nhận trong từng giai đoạn để có kế hoạch khai thác, huy động hậu cần tại chỗ của địa phương, của hậu cần KVPT... Quá trình thực hiện lựa chọn cách thức khai thác vật chất hậu cần hợp lý, đạt hiệu quả cao nhất để bảo đảm cho bộ đội. Một vấn đề cần giải quyết trong đổi mới phương thức bảo đảm vật chất hiện nay, không có nghĩa là tất cả các loại vật chất, cấp nào, đơn vị nào cũng được “tiền tệ hóa”, bảo đảm đủ kinh phí cho đơn vị cấp dưới được là xong; mà phải nghiên cứu, xem xét cụ thể mọi yếu tố tác động đến tạo nguồn khai thác vật chất như phân cấp khai thác

lượng thực: cấp chiến lược, trong thời bình không tổ chức tạo nguồn khai thác bảo đảm cho các đơn vị, kể cả lượng dự trữ sẵn sàng chiến đấu. Khi có nhiệm vụ đột xuất, khẩn cấp, thực hiện phân cấp bảo đảm, nếu vượt quá khả năng của cấp chiến dịch thì cấp trên mới tạo nguồn khai thác bảo đảm. Đối với các sư đoàn đóng quân tập trung, tổ chức tạo nguồn khai thác tập trung cho đơn vị; các sư đoàn đóng quân phân tán, giao cho các trung đoàn khai thác bảo đảm. Thực phẩm, giao cho cấp trung đoàn và tương đương tạo nguồn khai thác bảo đảm là chủ yếu. Các bếp ăn tiểu đoàn, đại đội mua rau xanh, gia vị. Mục đích là để hậu cần các đơn vị tận dụng tối đa nguồn có sẵn tại các địa phương để khai thác bảo đảm, hạn chế tối đa việc phân cấp tạo nguồn khai thác vật chất cấp trên bảo đảm cho cấp dưới. Qua đó, phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp dưới.

Ba là, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn, định mức hậu cần; thực hiện xã hội hóa công tác khai thác nguồn bảo đảm hậu cần. Việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và tổ chức tạo nguồn vật chất hậu cần phải hạch toán kịp thời và chịu sự kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Về cơ bản, các tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ đã được quy định trong Nghị định của Chính phủ. Ngoài ra, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần đã ban hành một số tiêu chuẩn về hậu cần. Các định mức vật tư kỹ thuật mới đang được Tổng cục Hậu cần tích cực xây dựng hoàn chỉnh; một số mặt hàng được quy định theo tiêu chuẩn chất lượng quốc gia (thuốc quân y, xăng dầu...), có mặt hàng do Bộ Quốc phòng, có mặt hàng do ngành quy định. Nhưng nhìn chung, hệ thống chỉ tiêu chất lượng và định mức, tiêu chuẩn hậu cần còn thiếu đồng bộ, có tiêu chuẩn, chế độ không còn phù hợp với điều kiện hiện nay hoặc mang tính tạm thời. Do đó, cần xây dựng hoàn chỉnh

hệ thống chỉ tiêu chất lượng, định mức sản phẩm để đánh giá, xác định chính xác chất lượng sản phẩm khai thác, giá cả hàng hóa thu mua. Làm cơ sở trong việc ký kết hiệp đồng, nghiệm thu cung ứng sản phẩm; qua đó từng bước xã hội hóa công tác khai thác nguồn bảo đảm hậu cần. Hậu cần các cấp căn cứ vào tình hình cụ thể để vận dụng cho phù hợp, thu hút đồng đảo các đối tượng, thành phần kinh tế tham gia vào cung ứng nguồn hàng, nhất là đối với các mặt hàng thông dụng, có sẵn trên thị trường cần mở rộng đối tượng sản xuất, cung ứng thông qua hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, kể cả lĩnh vực bảo đảm ăn, uống, điện, nước sinh hoạt, dịch vụ công.

Kế thừa, phát triển kinh nghiệm khai thác, tạo nguồn vật chất hậu cần của các đoàn hậu cần trên chiến trường B2 trong kháng chiến chống Mỹ là điều kiện cần thiết để bảo đảm hậu cần cho Quân đội ta xây dựng, chiến đấu trong cả thời bình và thời chiến. Đó là sức mạnh tổng hợp của cả thể và lực các lực lượng, các cấp, các ngành để tạo nguồn vật chất hậu cần tại chỗ với hiệu quả cao nhất, huy động được nhiều nguồn lực sẵn sàng bảo đảm cho lực lượng vũ trang tác chiến thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Cục Hậu cần Quân khu 9 (1998), *Lịch sử hậu cần lực lượng vũ trang nhân dân đồng bằng sông Cửu Long (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1987), *Hậu cần trong tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1985), *Tổng kết công tác hậu cần chiến trường Nam Bộ - cực Nam Trung Bộ (B2) trong kháng chiến chống Mỹ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (2001), *Tổng kết hậu cần trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

KINH NGHIỆM TỔ CHỨC CỨU CHỮA, VẬN CHUYỂN THƯƠNG BINH TRUNG ĐOÀN BỘ BINH CHIẾN ĐẤU PHÒNG NGỰ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

Thượng tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG
Phó Chánh Văn phòng, Học viện Hậu cần

THỰC hiện kế hoạch vạch ra từ trước, ngày 17/02/1979, nhà cầm quyền nước ngoài (NN) đã phát động cuộc tiến công quy mô lớn xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc, từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Móng Cái (Quảng Ninh). Trên chiến trường, NN sử dụng 60 vạn quân; trên 500 xe tăng, xe bọc thép; hàng ngàn khẩu pháo các loại... tiến công Việt Nam theo các hướng: Hướng tiến công chủ yếu là Cao Bằng - Lạng Sơn; hướng tiến công quan trọng là Lào Cai (Hoàng Liên Sơn); hướng phối hợp là Phong Thổ (Lai Châu); hướng nghi binh thu hút lực lượng là Quảng Ninh, Hà Tuyên.

Để đối phó địch, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai đoạn đầu, ta phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân địa phương, sử dụng lực lượng tại chỗ của Quân khu 1, Quân khu 2 là chính, có sự bổ sung một bộ phận lực lượng từ tuyến sau lên tăng cường. Đến đầu tháng 3/1979, Bộ Quốc phòng điều động Quân đoàn 2 đang làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia về phía Bắc tập kết; đồng thời, thành lập Quân đoàn 5 ngay tại mặt trận biên giới (gồm 4 Sư đoàn bộ binh: 3, 338, 327, 337 cùng một số đơn vị kỹ thuật và bảo đảm khác). Các đơn vị chủ lực của Quân đoàn 1, Quân chủng Phòng không - Không quân và các binh chủng kỹ thuật khác sẵn sàng tham gia chiến đấu. Để phát huy sức mạnh tổng hợp cả nước, ngày 05/3/1979, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam ra quyết định tổng động viên lực lượng bảo vệ Tổ quốc.

Với tinh thần chiến đấu oanh liệt, hy sinh tất cả để bảo vệ Tổ quốc, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 62.500 tên

địch; bắn cháy và phá hủy 550 xe quân sự, trong đó có 280 xe tăng, xe thiết giáp; phá hủy 115 khẩu pháo và cối hạng nặng, thu nhiều vũ khí, đồ dùng quân sự. Bị thiệt hại nặng nề mà chưa đạt được mục tiêu cơ bản đề ra, lại bị dư luận quốc tế lên án mạnh mẽ, tối 05/3/1979, chính quyền NN phải tuyên bố rút quân về nước. Nhưng sau đó, NN chuyển sang thực hiện chiến lược chiến tranh phá hoại nhiều mặt, chiến tranh lấn chiếm biên giới đối với nước ta, tạo ra một cuộc chiến kéo dài căng thẳng.

Trong cuộc chiến đấu ở biên giới phía Bắc (1979 - 1989), các trung đoàn bộ binh (eBB) của ta là lực lượng nòng cốt ở cấp chiến thuật tuyến đầu đã chiến đấu phòng ngự anh dũng, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của đối phương. Để các eBB hoàn thành nhiệm vụ, công tác hậu cần giữ vai trò quan trọng, để lại nhiều kinh nghiệm quý; trong đó, có tổ chức cứu chữa, vận chuyển (CCVC) thương binh eBB. Những kinh nghiệm về CCVC thương binh eBB được khái quát trên những nội dung sau:

Thứ nhất, chủ động chuẩn bị mọi mặt về quân y phù hợp với từng cấp. Lường định về một cuộc chiến tranh có thể xảy ra, cuối năm 1978, Đảng, Nhà nước và Quân đội ta tăng cường lực lượng, củng cố tuyến phòng thủ biên giới phía Bắc. Trong thời gian chuẩn bị, các eBB đã chú trọng xây dựng đội ngũ y sĩ, y tá, nhân viên quân y; gửi đi đào tạo tại quân khu các lớp y tá, dược tá, chuyên tu y sĩ và cứu thương; lực lượng quân y tham gia diễn tập thực binh của trung đoàn sát với địa hình chiến đấu. Nội dung tập trung vào CCVC thương binh theo tuyến, với tính chất đặc thù của eBB

phòng ngự trực tiếp tiếp xúc, bảo đảm 100% cán bộ, chiến sĩ thành thạo cách buộc võng, mang cáng thương binh trong giao thông hào, 5 kỹ thuật băng bó cấp cứu. Ngoài ra, các eBB còn chú trọng bảo đảm thuốc, bông băng, trang bị quân y. Thực tế, tại eBB124/f345, đến ngày 20/02/1979, đã dự trữ được 8 cơ số Y (ở tiểu đoàn 1 cơ số, ở trung đoàn 7 cơ số); 4 túi y sĩ, 15 túi y tá, một bộ tiểu phẫu, một bộ trung phẫu, 5.000 cuộn băng cá nhân; thuốc cứu thương 4 tháng; tại các điểm tựa đều có cáng, nẹp, túi cấp cứu. Do chuẩn bị tốt nên trong chiến đấu, khi bộ đội bị thương, tổ cấp cứu đã kịp thời tiếp cận thương binh.

Thứ hai, tổ chức, triển khai, phát huy khả năng kỹ thuật và cơ động triển khai thành đội phẫu thuật quân y trung đoàn (QY/e) với các đơn vị phía trước; kết hợp với y tế địa phương làm tốt nhiệm vụ cứu chữa của tuyến và mở rộng phạm vi cứu chữa. Trong chiến đấu, mặc dù lực lượng quân y không đủ theo biên chế, phạm vi chiến đấu rộng, địa hình hiểm trở, nhưng QY/e đều tổ chức thành 2 bộ phận: Mỗi đội phẫu thuật eBB triển khai được 1 ÷ 2 bàn mổ, chủ yếu xử trí phẫu thuật tối khẩn cấp. Bộ phận còn lại (thường do 1 y sĩ phụ trách cùng 2 ÷ 3 y tá) triển khai thành bệnh xá phía sau, để thu dung điều trị thương binh nhẹ. Tuy nhiên, ở một số đơn vị, do đại đội quân y trung đoàn (cQY/e) chỉ đủ triển khai 1 tổ cấp cứu đơn giản nên tỷ lệ thương binh xử trí qua tuyến QY/e thấp: e121/f345/QK2 xử trí được 22% thương binh, e12/f3 xử trí được 16,5% thương binh, các đơn vị khác đa số chỉ xử trí được dưới 10% tổng số thương binh.

Thứ ba, tổ chức CCVC thương binh được thực hiện theo tuyến, bộ đội tự cứu chữa cho nhau tại hỏa tuyến là chính. Ngày 18/11/1984 ÷ 18/01/1985, địch liên tiếp mở các đợt phản kích vào đội hình phòng ngự của eBB226/f313, hòng lấy lại bình độ 300, 400 và E1 (ở Điểm cao 685). Do địa hình

và khả năng bảo đảm rất khó khăn nên eBB226 phải dừng lại ở các vị trí gần sát đối phương để xây dựng công sự phòng ngự vững chắc ở đồi Chuối, đồi Cô Ích, đồi Đài, Cốt Ép, A21, toàn bộ khu C và các Mỏm E2, E3, E5 (Điểm cao 685), có nơi chỉ cách đối phương từ 7 ÷ 15 m. Do vậy, việc tiếp cận cấp cứu thương binh ở hỏa tuyến khó khăn, quân y đại đội thực hiện cấp cứu đầu tiên do y tá, cứu thương ở đại đội tiến hành; song, thương binh nhiều, dồn dập nên bộ đội phải tự cấp cứu lẫn nhau. Trong chiến đấu phòng ngự khu vực Bắc Thanh Thủy, Vị Xuyên của eBB148/f316 (10/1988 ÷ 5/1989), QY/e tổ chức cấp cứu, cứu chữa thương binh, được thực hiện kết hợp các tuyến quân y và bộ đội: Quân y băng bó cho thương binh đạt 34 ÷ 35%; tự băng bó và bộ đội băng bó cho nhau là 60%; thương binh không được băng chiếm 4 ÷ 5%. Tỷ lệ thương binh được xử trí qua tuyến QY/e thấp, như quân y eBB12/f3 xử trí được 16,5% thương binh; các đơn vị khác, đa số chỉ xử trí được dưới 10% tổng số thương binh. Cấp cứu tại hỏa tuyến: Bộ đội tự cứu 18,6%, đồng đội cứu 59,85%, quân y cứu 17,9%. Nhìn chung, từ tuyến chiến đấu về đại đội QY/e, phải cáng, cõng là 44%, còn 56% là tự đi. Qua đó cho thấy, tại hỏa tuyến, việc cấp cứu cho thương binh chủ yếu là tự cứu và đồng đội cứu. Nguyên nhân một phần do thiếu y tá, trận địa của đại đội phân tán hoặc bị chia cắt. Mặt khác, do địch tiến công ác liệt nên đã làm tổn thất lực lượng, phương tiện quân y.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, công tác CCVC thương binh eBB chiến đấu phòng ngự ở địa hình rừng núi sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp hơn so với chiến tranh biên giới phía Bắc. Vì vậy, một mặt, cần nghiên cứu biện pháp CCVC thương binh phù hợp với điều kiện mới; mặt khác, cần kế thừa, vận dụng những kinh nghiệm của lực lượng quân y trong chiến tranh biên giới phía Bắc trên những nội dung sau đây:

Một là, kết hợp chặt chẽ các lực lượng quân y, dân y, y tế trong khu vực phòng thủ để tổ chức, CCVC thương binh cho eBB chiến đấu. Khi tiến công vào trận địa phòng ngự của eBB, địch sẽ phát huy sức mạnh tổng lực, sử dụng vũ khí, phương tiện hiện đại; cho nên, tỷ lệ thương vong của eBB sẽ cao và dồn dập. Việc kết hợp các lực lượng quân, dân y trên địa bàn sẽ giảm số thương binh về trạm QY/e, tạo thuận lợi trong tổ chức cấp cứu, điều trị và cân đối được nhu cầu và khả năng CCVC thương binh ở các tuyến QY/e. Thực tế, từ 01/12/1985 ÷ 17/6/1986, quân y eBB866/f31 đã làm tốt công tác cứu chữa ban đầu với việc vận chuyển thương binh từ trận địa về trạm nhanh, nên thương binh có điều kiện được cứu chữa kịp thời; thương binh được chuyển về đúng tuyến điều trị và nuôi dưỡng. Trong trận chiến đấu của eBB124/f345, diễn ra từ 20/02 ÷ 05/3/1979, Qy/e đã vận dụng linh hoạt kết hợp với dân y chuyển thương từ quân y các đơn vị về Qy/e, góp phần điều trị kịp thời.

Công tác CCVC thương binh eBB phải tiến hành nhanh chóng ngay tại các trận địa; cứu thương cần nắm vững vị trí cất giấu để thông báo cho tải thương kịp thời đưa thương binh về sau khi có thời cơ; lực lượng thực hiện là bộ đội hoặc tăng cường lực lượng tải thương. Chuyển thương binh từ đại đội về trạm quân y tiểu đoàn chủ yếu do trung đội vận tải của tiểu đoàn đảm nhiệm. Phương tiện chuyển thương chủ yếu là cáng, vồng, dùi, cồng, đi bộ... Khi vận chuyển thương binh qua địa hình phức tạp, cần có những phương tiện chuyên biệt để đưa thương binh từ các điểm cao, dốc đứng xuống, bảo đảm an toàn.

Trước chiến đấu, QY/e cần có kế hoạch đề nghị đưa trước lực lượng xuống các trạm quân y tiểu đoàn, nhằm thuận tiện chuyển thương về trung đoàn. Tăng cường lực lượng tải thương cho các tiểu đoàn làm nhiệm vụ chuyển thương từ tuyến trước. Sử

dụng cáng, dùi, đi bộ, có thể tận dụng các phương tiện sẵn có để chuyển thương. Thời cơ chuyển thương nên chọn trong đêm tối. Do vậy, cần phải huy động đủ lực lượng tải thương, hiệp đồng chu đáo.

Hai là, tổ chức các tuyến cứu chữa thương binh hợp lý. Kinh nghiệm trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, trong đội hình của cấp trên, quân y thường tổ chức thành 3 tuyến để CCVC thương binh. Thực hiện nguyên tắc CCVC thương binh theo tuyến trên từng khu vực, với nhiệm vụ các tuyến như sau: Tuyến quân y đại đội (tại từng điểm tựa), thực hành cấp cứu, băng bó vết thương, bàn giao thương binh cho quân y tiểu đoàn. Tuyến quân y tiểu đoàn bố trí trong đội hình gần vị trí chỉ huy tiểu đoàn, thực hiện cấp cứu đầu tiên (khi điều kiện địa hình cho phép, có thể tiểu đoàn không triển khai trạm quân y mà kết hợp với đội phẫu của trung đoàn triển khai tiếp cận đội hình chiến đấu, thương binh được chuyển trực tiếp từ các điểm tựa về đội phẫu thuật) và sẵn sàng bổ sung cấp cứu, sau đó bàn giao thương binh để chuyển về đội phẫu thuật trung đoàn (cQY/e tổ chức thành 2 ÷ 3 bộ phận, khi được tăng cường hoặc kết hợp với y tế địa phương sẽ làm tốt nhiệm vụ cứu chữa của tuyến mình và mở rộng phạm vi cứu chữa).

Trung đoàn bộ binh chiến đấu trong thế trận sư đoàn, thế trận khu vực phòng thủ; cho nên, tổ chức các tuyến cứu chữa thương binh phải hợp lý, theo hướng: Công tác kết hợp quân, dân y trong giai đoạn chuẩn bị chiến đấu cần được tiến hành với xây dựng phương án kết hợp và tổ chức hiệp đồng, phát huy được hết sức mạnh và khả năng tại chỗ trong công tác bảo đảm, nhất là công tác thu dung, CCVC thương binh kịp thời khi đội hình chiến đấu xa quân y sư đoàn. Vận dụng tổ chức các tuyến quân y ở eBB để xử lý có chất lượng thương binh tại trận địa (từ hỏa tuyến về tuyến sau) và

tổ chức tốt việc chuyển tiếp, nuôi dưỡng, điều trị thương binh nhẹ, góp phần giữ vững quân số chiến đấu.

Ba là, nâng cao khả năng tự cấp cứu và cấp cứu cho nhau của bộ đội, cất giấu thương binh bảo đảm an toàn. Trong chiến đấu phòng ngự, quá trình chiến đấu, do địch sử dụng nhiều loại vũ khí khác nhau nên thương binh nhiều, cơ cấu thương tích phức tạp; thương binh có thể bị thương ở nhiều vùng khác nhau trên cơ thể, như: Đầu, mặt, cổ, ngực, bụng, tứ chi...; nhiều bộ phận khác nhau như phần mềm, xương khớp, mạch máu, thần kinh... Để giảm bớt tỷ lệ tử vong hỏa tuyến, cần được cấp cứu đầu tiên ngay khi bị thương, nhằm ngăn chặn tức thời những nguyên nhân, triệu chứng đe dọa tính mạng thương binh, tránh để thương binh bị tổn thương lần 2, tạo điều kiện để tuyến sau cấp cứu tốt hơn. Thực tế chiến đấu ở biên giới phía Bắc, khi bị thương, thương binh tự cứu và đồng đội cứu lẫn nhau; mặt khác, đại đội chỉ có 1 y tá nên có nhiều khó khăn trong cứu chữa thương binh. Do vậy, phát huy tự băng bó và cấp cứu cho nhau là biện pháp quan trọng.

Để thực hiện tốt vấn đề này, cần huấn luyện cho bộ đội thuần thục 5 kỹ thuật cấp cứu; trang bị đầy đủ băng cá nhân và các phương tiện tự cứu chữa. Mỗi tiểu đội cần chuẩn bị nẹp cố định trước khi bước vào chiến đấu. Khi có thương binh, nhanh chóng cấp cứu, vận chuyển về nơi an toàn để cất giấu. Vị trí cất giấu thương binh cần

được đánh dấu và có ký hiệu thống nhất để mọi người dễ nhận biết. Mỗi nơi cất giấu cần có 2 ÷ 3 thương binh. Kết hợp chặt chẽ QY/e với quân y đơn vị bạn, dân y tại chỗ trong khu vực phòng ngự để CCVC, điều trị thương binh theo qui định; lấy tổ chức cứu chữa chuyển thương theo tuyến là chủ yếu, kết hợp cứu chữa theo khu vực. Đồng thời, kết hợp việc cấp cứu đầu tiên, phát huy tự băng bó và băng bó cho nhau với chuyển thương, giữ thương binh điều trị tại chỗ với vận chuyển cứu chữa theo tuyến, theo chỉ định về tuyến sau kịp thời.

Thực tiễn tổ chức CCVC thương binh eBB chiến đấu phòng ngự ở biên giới phía Bắc đã để lại nhiều kinh nghiệm quý. Tuy nhiên, với sự vận động, phát triển tất yếu của các yếu tố về địch, ta, thế trận, môi trường tác chiến... Do đó, cần được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phát triển phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, điều kiện mới của tác chiến hiện đại trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra)♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Bảo đảm hậu cần tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (2010), *Tổng kết công tác bảo đảm hậu cần trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (1979 - 1989)*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

KINH NGHIỆM BẢO ĐẢM HẬU CẦN TRUNG ĐOÀN BỘ BINH CHIẾN ĐẤU PHỤC KÍCH Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU TRONG CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Thiếu tá, ThS. **VŨ LƯƠNG SINH**
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

CHIẾN đấu phục kích (CĐPK) là hình thức chiến thuật nhằm bất ngờ tiến công tiêu diệt địch cơ động trên một trục đường nhất định, khi ta nắm được quy luật hoặc ý định hành động của chúng, tạo điều kiện cho hoạt động tác chiến của cấp trên và lực lượng vũ trang địa phương. Trong chiến tranh giải phóng, ta đã thực hiện một số trận CĐPK quy mô trung đoàn, ở địa hình trung du (ĐHTD) giành thắng lợi, điển hình như: Trận phục kích Ninh Mít của e209/Đại đoàn 312 (10/12/1951); trận phục kích tiêu diệt đoàn xe tại Nam Xa Mát của eBB42 (15/7/1970); trận vận động phục kích tiêu diệt chiến đoàn 5 Ngụy tại ngã ba Pra-thiết của eBB14 (từ 09÷15/4/1971); trận phục kích tiêu diệt trung đoàn thiết giáp Ngụy tại ngã ba Xnun của eBB2 (từ 29÷30/5/1972). Nghiên cứu các trận đánh có thể thấy: Thời gian chuẩn bị ngắn, thường chiến đấu ban ngày; các trung đoàn phải bí mật cơ động vào khu bố trí chiến đấu chờ địch, nắm chắc thời cơ, nhanh chóng triển khai đội hình; bất ngờ nổ súng chặn đầu, khóa đuôi, đồng loạt xung phong thành nhiều hướng, mũi, đánh nhanh, diệt gọn, lui quân an toàn. Hậu cần các trung đoàn đã khẩn trương làm công tác chuẩn bị, tuyệt đối giữ bí mật, khắc phục mọi khó khăn, tiến hành các mặt bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu thắng lợi. Qua đó, rút ra một số kinh nghiệm quý như sau:

Một là, nắm chắc nhiệm vụ, ý định chiến đấu của trung đoàn; chuẩn bị hậu cần chu đáo, khẩn trương, giữ bí mật, chủ động dự kiến trước các phương án bảo đảm hậu cần (BĐHC). Thực tiễn, trận CĐPK tại ngã ba Xnun của eBB2, ngay sau khi nắm được nhiệm vụ và ý định chiến đấu của trung đoàn, hậu cần trung đoàn (HC/e) đã bí mật,

tích cực, khẩn trương tiến hành công tác chuẩn bị, thu mua, dự trữ, cấp phát lương thực, thực phẩm cho các đơn vị đủ ăn trong 1 tháng, đồng thời hiệp đồng với hậu cần khu vực sẵn sàng chi viện trong chiến đấu; HC/e đã chủ động dự kiến nhiều phương án nên đã kịp thời bảo đảm cho trung đoàn chuyển sang phục kích địch rút chạy trên đường Số 13. Hoặc trận CĐPK tại Nam Xa Mát của eBB42, mặc dù thời gian chuẩn bị gấp, HC/e đã tổ chức cho đơn vị nhận 20 tấn gạo của hậu cần khu vực và bổ sung ngay cho bộ đội đủ 3 ngày lương thực, số còn lại dự trữ trong kho trung đoàn; đã chủ động, bí mật chuẩn bị trước một phần các hầm mỏ, hầm điều trị thương binh bảo đảm an toàn, không để lộ ý định chiến đấu. Ngược lại, trận phục kích Ninh Mít của Trung đoàn 209, HC/e chưa thực hiện đúng ý định của trung đoàn trưởng: Không cơ động bám sát phía sau đội hình chiến đấu nên triển khai bảo đảm chậm gần nửa ngày so với giờ nổ súng; chưa dự kiến phương án BĐHC khi bị địch chia cắt đường vận tải nên không có gạo để bổ sung cho các đơn vị, bộ đội bị cắt bữa hơn 1 ngày; thương binh không được phẫu thuật và chuyển về sau, dẫn đến tỷ lệ tử vong cao...

Hai là, tổ chức, bố trí hậu cần linh hoạt, phù hợp với thể trận của hậu cần cấp trên. Thực tế cho thấy, các trận CĐPK quy mô cấp eBB trong chiến tranh giải phóng, HC/e thường tổ chức linh hoạt thành một hoặc hai bộ phận, phù hợp với nhiệm vụ, khả năng của hậu cần, cách đánh của trung đoàn và thể trận của hậu cần cấp trên. Trong trận CĐPK Ninh Mít của e209, do khả năng HC/e có hạn, chưa có lực lượng vận tải chuyên

nghiệp, HC/e chỉ tổ chức một bộ phận hậu cần (BPHC) để bảo đảm; các thành phần hậu cần bố trí phân tán thích hợp, kho gạo bố trí phía sau, trạm quân y bố trí bám sát các hướng chiến đấu, ưu tiên bảo đảm cho Tiểu đoàn 130. Với các trận CĐPK diễn ra trong vùng địch kiểm soát, dân cư thưa, kinh tế kém phát triển, khả năng khai thác hậu cần tại chỗ rất hạn chế, xa sự bảo đảm của hậu cần sư đoàn nên hậu cần các trung đoàn thường tổ chức thành hai BPHC (hai tuyến) để bảo đảm; trong đó BPHC phía trước thường gồm một số cán bộ, nhân viên hậu cần, đội phẫu thuật, một phần lực lượng vận tải bộ; BPHC phía sau gồm một số cán bộ, nhân viên hậu cần, trạm quân y trung đoàn, lực lượng vận tải còn lại và kho vật chất. Tuy nhiên, khi tổ chức thành hai BPHC gây chông chéo nhiệm vụ, không phát huy hết khả năng của lực lượng hậu cần (LLHC), trạm quân y bố trí ở BPHC phía sau cách quá xa khu vực diệt địch, như trận CĐPK tại ngã ba Xnun, trạm quân y eBB2 triển khai cách hậu cần đơn vị trên hướng tiến công chủ yếu 10 km, gây khó khăn trong vận chuyển, cứu chữa thương binh.

Ba là, dự trữ vật chất hậu cần phù hợp với nhiệm vụ đơn vị; dựa vào hậu cần tại chỗ để khai thác, chú trọng thu hồi chiến lợi phẩm. Khảo cứu các trận CĐPK cho thấy, vật chất hậu cần mang theo rất gọn nhẹ, để bộ đội và các phân đội tiện cơ động; đồng thời, HC/e đã kết hợp giữa mang theo của bộ đội với khai thác tại chỗ, sử dụng chiến lợi phẩm để chủ động BĐHC cho trung đoàn chiến đấu liên tục. Như trận CĐPK tại Nam Xa Mát của eBB42, HC/e đã khai thác 20 tấn gạo của hậu cần khu vực, bổ sung cho bộ đội đủ 3 ngày lương thực, trong đó có 1 ngày gạo rang, số còn lại dự trữ trong kho trung đoàn; ngoài ra, quân nhu trung đoàn còn cử 1 tổ đi vào các làng, bản ở khu vực đường Số 7, thu mua được 80kg thịt tươi tiếp tế cho phía trước và 4.830 kg thực

phẩm để dự trữ. Hoặc trận CĐPK tại ngã ba Xnun của eBB2; bộ đội mang theo 5 ngày gạo, 3 ngày gạo rang; sau chiến đấu, vận tải trung đoàn kết hợp với bộ đội thu hồi chiến lợi phẩm, để cấp cho đơn vị, sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, trong trận CĐPK Là Ngà (năm 1948) của Chi đội 10, bộ đội ta đã không chú trọng thu hồi chiến lợi phẩm của địch, gây lãng phí rất lớn.

Bốn là, thực hiện cứu chữa, vận chuyển thương bệnh binh theo tuyến là chủ yếu, phát huy khả năng tự cấp cứu và cấp cứu cho nhau của bộ đội. Các trận CĐPK, thường trong vùng địch kiểm soát nên khả năng kết hợp với y tế tại chỗ rất hạn chế; vì vậy, thực hiện cứu chữa thương binh theo tuyến là chủ yếu. Như trận CĐPK tại Nam Xa Mát, HC/e đã kết hợp chặt chẽ với hậu cần sư đoàn, hình thành tuyến cứu chữa thương bệnh binh từ tuyến cấp cứu đầu tiên đến quân y tiểu đoàn bổ sung cấp cứu, xử trí phẫu thuật khẩn cấp tại đội phẫu thuật phía trước, cứu chữa bước đầu, điều trị tại trạm quân y trung đoàn, sau đó chuyển về đội điều trị sư đoàn; tuy nhiên, thương binh thường rải rác trên trận địa, việc tìm kiếm, cấp cứu, vận chuyển thương binh rất khó khăn; có thời điểm quân y, tải thương không thể tiếp cận được nên các eBB đã phát huy tối đa khả năng bộ đội tự cấp cứu và cấp cứu cho nhau tại trận địa, trong trận này, 64,7% thương binh tự băng bó và đồng đội băng cho nhau. Mặt khác, cũng kết hợp theo tuyến với khu vực, như tại ngã ba Pra-thiết của eBB14, HC/e cũng đã tổ chức cứu chữa thương bệnh binh theo tuyến, đồng thời kết hợp chặt chẽ với hậu cần khu vực (C20) trong cứu chữa, điều trị thương bệnh binh.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) tương lai (nếu xảy ra), ĐHTD trên chiến trường miền Bắc vẫn là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế - xã hội, quân sự của cả nước; đối tượng CĐPK của trung đoàn là lực lượng địch cơ động đường bộ có vũ

khí công nghệ cao, trang bị kỹ thuật hiện đại, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng rộng rãi, sử dụng các phương tiện bay không người lái để trinh sát, phát hiện, đánh phá chính xác, từ xa; trung đoàn có thời gian chuẩn bị trực tiếp rất ngắn, yêu cầu giữ bí mật cao, diễn biến chiến đấu khẩn trương, trận đánh diễn ra ban ngày, độ che chắn tự nhiên ở ĐHTD hạn chế. Tuy nhiên, trung đoàn có nhiều thuận lợi trong chuẩn bị và bảo đảm. Vì vậy, để BĐHC kịp thời, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu trận CĐPK, cần tập trung thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, chuẩn bị hậu cần bí mật, khẩn trương, chu đáo, chủ động dự kiến các phương án BĐHC. Trong CĐPK, yếu tố bí mật giữ vai trò quyết định, ảnh hưởng trực tiếp đến thời cơ nổ súng của trung đoàn; trong khi đó mọi hoạt động chuẩn bị hậu cần dễ bị địch trinh sát phát hiện. Đòi hỏi, chuẩn bị hậu cần phải bí mật, không lộ ý định phục kích của trung đoàn làm cho trạng thái của địch thay đổi, mất thời cơ nổ súng diệt địch. Quá trình tiến hành các hoạt động chuẩn bị hậu cần phải hết sức kín đáo, tổ chức ngụy trang, nghi trang khéo léo, tỉ mỉ, không để địch phát hiện. Theo đó, HC/e phải chuẩn bị đầy đủ trên tất cả các mặt, cả con người, vật chất và phương tiện, khu bố trí hậu cần, mạng đường vận tải, phương án tổ chức sử dụng lực lượng. Quán triệt nội dung này, HC/e cần nắm chắc nhiệm vụ, ý định (quyết tâm) chiến đấu của trung đoàn, tình hình địch, địa bàn chiến đấu; xây dựng kế hoạch BĐHC chu đáo; tiến hành phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành phần LLHC; chấp hành nghiêm quy định sử dụng thông tin liên lạc, nhất là trong giai đoạn chuẩn bị; dự kiến trước các phương án bảo đảm cho một số tình huống trong quá trình chiến đấu.

Thứ hai, tổ chức, sử dụng, bố trí LLHC hợp lý, gọn nhẹ, tiện cơ động, có LLHC dự bị mạnh; bố trí hậu cần bí mật, bám sát đội

hình chiến đấu, phân tán ở cự ly thích hợp, phù hợp với thể trận hậu cần cấp trên. Trong chiến tranh BVTQ, trung đoàn thường chiến đấu trong đội hình cấp trên, được cấp trên tăng cường LLHC, huy động LLHC tại khu vực phòng thủ (KVPT). Vì vậy, trung đoàn có điều kiện tổ chức một hoặc hai BPHC có đầy đủ các thành phần lực lượng, gồm cơ quan và phân đội hậu cần; đồng thời, tổ chức LLHC dự bị mạnh, có thể tách ra đủ khả năng hình thành BPHC mới, nhanh chóng cơ động bảo đảm cho đơn vị khi có lệnh. Bố trí các thành phần hậu cần phân tán ở cự ly thích hợp, tận dụng các sườn đồi, thôn, bản, khu dân cư, vườn cây ăn trái, công trình kiến trúc để bảo đảm an toàn; có vị trí bố trí chính thức và vị trí dự bị; cùng với thể bố trí hậu cần cấp trên, thể trận hậu cần KVPT để hình thành thể trận hậu cần liên hoàn, vững chắc, có thể chuyển hóa linh hoạt bảo đảm kịp thời, liên tục cho trung đoàn chiến đấu.

Thứ ba, phối hợp chặt chẽ với hậu cần cấp trên, hậu cần KVPT, tổ chức dự trữ vật chất gọn nhẹ, tiện cơ động bảo đảm cho trung đoàn nổ súng đúng thời cơ. Chiến tranh BVTQ, địch cơ động đường bộ có vũ khí, trang bị hiện đại, khả năng cơ động cao, diễn biến chiến đấu nhanh, phức tạp; cả ta và địch đều cơ động ngoài công sự, thời cơ nổ súng tiêu diệt địch đến và qua đi rất nhanh. Nhu cầu bảo đảm vật chất của trận CĐPK lớn, trong khi thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, khả năng HC/e có hạn. Do đó, dự trữ vật chất phải gọn nhẹ mới đáp ứng được yêu cầu cơ động trong chiến đấu và phát triển chiến đấu, không bỏ lỡ thời cơ nổ súng chặn địch. Đây cũng là kinh nghiệm khi dự trữ vật chất trong chiến tranh giải phóng. Mặt khác, thể và lực của hậu cần cấp trên, hậu cần KVPT trên địa bàn đã từng bước được chuẩn bị từ thời bình, tiếp tục được củng cố, hoàn chỉnh khi chiến tranh xảy ra; đòi hỏi HC/e phải khai thác, kết hợp chặt

chế. Ở ĐHTD các tỉnh miền Bắc, nguồn vật chất tại chỗ tương đối dồi dào; quá trình chuẩn bị và thực hành bảo đảm, HC/e chủ động tạo nguồn và khai thác các loại vật chất sẵn có tại KVPT, đồng thời, phối hợp với lực lượng dân quân, nhân dân trong vận chuyển vật chất. Cùng với đó, HC/e tổ chức kho dự trữ vật chất bám sát đội hình chiến đấu, phù hợp với thể bố trí hậu cần sư đoàn và các căn cứ hậu cần - kỹ thuật, phân căn cứ hậu cần - kỹ thuật KVPT, hình thành thể trận hậu cần liên hoàn, vững chắc, vừa tiện trong kết hợp, khai thác vật chất, vừa tiện bảo vệ hậu cần.

Thứ tư, tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương binh, bệnh binh (TBBB) theo tuyến, kết hợp chặt chẽ với hậu cần KVPT, phát huy khả năng tự cấp cứu và cấp cứu cho nhau của bộ đội. Việc kết hợp quân với dân y là nguyên tắc cứu chữa, vận chuyển TBBB. Trung đoàn chiến đấu trong đội hình cấp trên, được cấp trên trực tiếp bảo đảm, hậu cần KVPT chỉ viện; HC/e có điều kiện để tổ chức bảo đảm quân y theo tuyến trên từng hướng; đồng thời, kết hợp với lực lượng quân, dân y trong khu vực chiến đấu để bảo đảm đối với bộ phận chặn đầu, khóa đuôi, bộ phận đối diện ở xa HC/e để nhanh chóng thu dung, cứu chữa TBBB. Hiện nay, trong KVPT các tỉnh trung du miền Bắc có các cơ sở y tế địa phương được tổ chức chặt chẽ thành các tuyến từ y tế thôn (bản) đến các trạm y tế xã (phường), các phòng khám khu vực, bệnh viện huyện, tỉnh. Trung đoàn bộ binh CĐPK được phân cấp huy động lực lượng, phương tiện và các cơ sở y tế tuyến huyện (quận, thị xã) trên địa bàn để tham gia bảo đảm quân y; trong khi, khả năng bảo đảm của trung đoàn có hạn. Để hoàn thành nhiệm vụ, HC/e phải hiệp đồng chặt chẽ, cụ thể với hậu cần KVPT về lực lượng dân quân, tự vệ, số lượng, chủng loại phương tiện vận tải tham gia tìm kiếm, vận chuyển TBBB; số lượng TBBB gửi vào và

phạm vi trách nhiệm cứu chữa của các cơ sở y tế trong KVPT.

Những kinh nghiệm BĐHC trung đoàn bộ binh CĐPK ở ĐHTD trong chiến tranh giải phóng vẫn còn nguyên giá trị. Tuy vậy, chiến tranh BVTQ tương lai, địch có sự phát triển về mọi mặt; thời gian chuẩn bị và thực hành chiến đấu có xu hướng ngắn lại, tính chất trận chiến đấu rất ác liệt, nhiều tình huống có thể phát sinh ngoài dự kiến; LLHC có thể bị thương vong, tổn thất; nhu cầu tiêu thụ, tổn thất vật chất lớn; tỷ lệ thương binh cao, tính chất vết thương phức tạp; cứu chữa, vận chuyển thương binh gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo những kinh nghiệm đã được rút ra, để phát huy sức mạnh tổng hợp của các LLHC, bảo đảm eBB chiến đấu phục kích giành thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Điều lệnh chiến đấu eBB*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1961), *Tổng kết công tác hậu cần trận vận động phục kích Ninh Mít của e209 trong chiến dịch Hòa Bình*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Trường Sĩ quan Hậu cần (1973), *Công tác hậu cần bảo đảm eBB2 vây ép kết hợp vận động phục kích diệt trung đoàn thiết giáp Ngụy Sài - Gòn tại ngã ba Xnun*, Hà Nội.
4. Trường Sĩ quan Hậu cần (1973), *Công tác eBB42 phục kích tiêu diệt đoàn xe địch tại Nam Xa - mát Nam Bộ ngày 15/7/1970*, Hà Nội.
5. Trường Sĩ quan Hậu cần (1973), *Công tác hậu cần eBB14 vận động phục kích tiêu diệt chiến đoàn 5 Ngụy tại ngã ba Pra-thiết*, Hà Nội.

BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN HƯỚNG KẾ THỪA - PHÁT TRIỂN

Đại úy, CN. ĐẶNG THÀNH SƠN

Học viên Cao học, Học viện Hậu cần

CHIẾN dịch Tây Nguyên (diễn ra từ ngày 04/3 ÷ 03/4/1975) là Chiến dịch mở đầu cuộc tiến công chiến lược, tiêu diệt và đập tan toàn bộ hệ thống phòng ngự của Mỹ, ngụy ở Tây Nguyên. Thắng lợi của Chiến dịch là bước đột phá về tác chiến, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Đó là sự thành công về ý chí quyết tâm, đoàn kết thống nhất của Đảng ta; sự táo bạo trong chỉ huy, chỉ đạo tác chiến và các mặt bảo đảm. Trong đó, bảo đảm hậu cần (BĐHC) Chiến dịch là một điển hình.

Trong Chiến dịch Tây Nguyên, BĐHC có nhiều khó khăn bởi khu vực tác chiến chủ yếu ở phía Nam Tây Nguyên, xa hậu phương, nơi chưa từng xảy ra tác chiến tập trung lớn. Mặt khác, xung quanh khu vực thị xã Buôn Ma Thuột rất khó triển khai lực lượng áp sát và chuẩn bị trước về hậu cần. Song, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, cùng với sự quyết tâm, nỗ lực của quân và dân ta, hậu cần Chiến dịch (HCCD) Tây Nguyên đã thu được nhiều kết quả quan trọng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tác chiến. Thành công trong công tác BĐHC chiến dịch Tây Nguyên đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý, tập trung trên một số vấn đề chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, chủ động chuẩn bị mọi mặt về hậu cần vững chắc trên chiến trường Tây Nguyên. Sau Hiệp định Pari (ngày 27/01/1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam; trước tình thế có lợi cho ta, Bộ Chính trị, Trung ương Đảng ta xác định: "... Chuẩn bị khả năng tiến lên phản công để giành thắng lợi hoàn toàn". Thực hiện quyết tâm trên, ngày 04/8/1973, Nghị

quyết Đảng ủy Tổng cục Hậu cần (TCHC) xác định: "... Phải xây dựng cơ sở lâu dài, tập trung bảo đảm cho chiến trường, nhất là miền Nam..."; trong đó, chuẩn bị hậu cần cho chiến trường Tây Nguyên là trọng điểm và tiến hành theo hai bước. Bước chuẩn bị trước, ngành hậu cần tập trung xây dựng hệ thống đường vận tải và kho tàng dự trữ vật chất. Theo đó, trong 2 năm (1973 - 1974), Hậu cần Mặt trận (HCMT) Tây Nguyên cùng Đoàn 559 hoàn chỉnh mạng đường chiến lược Hồ Chí Minh, đoạn đi qua Tây Nguyên; nâng cấp 6 trục đường dọc (dài 390 km) chạy song song với đường của Đoàn 559 và nhiều trục đường ngang (dài 900 km) từ các căn cứ hậu cần sang hướng Đông, tiếp cận với Đường 14 trên địa bàn Kon Tum- Plây Cù; hoàn chỉnh tuyến đường giao thông cơ giới phía Đông và phía Tây Trường Sơn. Bộ đội Trường Sơn khẩn trương xây dựng nhiều trạm bơm xăng dầu, làm thêm 1.311 km đường ống xăng dầu, xây dựng 23.474 m³ bể chứa nhiên liệu, tăng lượng trữ trên địa bàn Trường Sơn lên tới 27.000 m³. Bên cạnh đó, TCHC cùng với HCMT Tây Nguyên điều chỉnh thế bố trí, xây dựng kho trạm hậu cần trên chiến trường Tây Nguyên. Các kho lẻ dọc tuyến đường vận tải Trường Sơn được gom lại thành trung đoàn kho (trên trục Đường 9) và thành lập một số tiểu đoàn kho ở các điểm đầu mút (Chư Pông, Bù Gia Mập) đi vào chiến trường. Hậu cần mặt trận đã củng cố, mở rộng các căn cứ hậu cần (binh trạm hậu cần) trên các hướng, gồm: Căn cứ hậu cần cánh Bắc (Binh trạm Bắc), đặt ở khu vực Nam Tà Xêng đến Tây Đắc Tô, bảo đảm cho hướng tiến công vào Kon Tum. Căn cứ hậu cần cánh Giữa (Binh

trạm Trung), đặt ở Chư plô Phunơ, bảo đảm cho hướng tiến công vào Plây-cu. Căn cứ hậu cần cánh Nam (Binh trạm Nam), đặt ở Plây-thê, Chư Pông, bảo đảm cho hướng tiến công ở phía Nam Đường 19.

Bước chuẩn bị trực tiếp (bắt đầu từ ngày 21/01/1975), HCCD Tây Nguyên được tổ chức gồm: 5 đại đội kho, 2 tiểu đoàn vận tải ô tô, 2 tiểu đoàn vận tải bộ, 2 bệnh viện, 4 đội điều trị, 4 trạm sửa chữa xe-pháo, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội thông tin và một số lực lượng khác cùng với khối cơ quan; tổng số gồm 2.618 người. Hậu cần chiến dịch triển khai thành 3 căn cứ (khu vực): Căn cứ phía sau ở Đức Cơ; 2 căn cứ phía trước, gồm: cụm kho K10 và bệnh viện dã chiến 1 ở YaKhanh, cụm kho K20 và bệnh viện dã chiến 211 ở Đắc Đam (Bắc Đức Lập); tăng cường 2 đội điều trị (3 và 7) cho Sư đoàn 320. Với tinh thần khẩn trương, trong hai năm (1973 - 1974), HCCD đã chuẩn bị tạo thế và lực vững chắc trên chiến trường Tây Nguyên, đủ khả năng bảo đảm theo yêu cầu tác chiến.

Thứ hai, chủ động kết hợp hậu cần cơ động với hậu cần tại chỗ; hậu cần phía trước và phía sau; linh hoạt xử trí kịp thời mọi tình huống. Do quân số tham gia Chiến dịch Tây Nguyên rất lớn, khoảng 47.000 người, nên nhu cầu tiêu thụ vật chất hậu cần rất cao. Trong khi đó, địa bàn Tây Nguyên chủ yếu là rừng núi, kinh tế - xã hội còn khó khăn, khả năng khai thác vật chất hậu cần tại chỗ hạn chế. Vì vậy, Bộ tư lệnh Chiến dịch xác định phương thức BĐHC là kết hợp bảo đảm tại chỗ với cơ động từ nơi khác đến và theo nguyên tắc trên bảo đảm cho dưới. Theo đó, trong 2 năm (1973-1974), TCHC thực hiện nhiều chuyến vận chuyển đặc biệt, chi viện cho mặt trận Tây Nguyên khoảng 53.690 tấn vật chất (7.286 tấn đạn, 28.600 tấn lương thực, thực phẩm và vật chất khác). Cùng thời gian này, HCMT đẩy mạnh sản xuất tập trung tại các căn cứ hậu cần ở Plây

Cần, Tiểu Teo. Hai năm 1973 - 1974, đã sản xuất được 8.240 tấn lúa, hàng triệu gốc sắn, hàng trăm tấn đậu, lạc, vừng và 21.820 con lợn. Các xưởng sản xuất giấy, may mặc, sửa chữa ô tô, vũ khí đều được nâng cấp, mở rộng. Các bệnh viện: V1 (cánh Bắc), V2 (cánh Nam), 211 (cánh Trung) và 3 đội điều trị (3, 17, 25) cùng đội vệ sinh phòng dịch được củng cố về mọi mặt. Nhờ vậy, ta đã tạo ra thế trận và tiềm lực hậu cần vững mạnh ở cả cấp chiến dịch và chiến thuật. Tính đến ngày 03/3/1975, lượng vật chất hậu cần phục vụ Chiến dịch ở 3 binh trạm (căn cứ hậu cần khu vực) và các căn cứ HCCD được bảo đảm đầy đủ theo yêu cầu, tổng số là 10.603 tấn vật chất các loại, trong đó có 2.824 tấn đạn, 1.421 tấn xăng, 6.289 tấn hàng quân nhu...

Quá trình chiến đấu, HCCD triển khai nhiều phân đội trên các khu vực để tiến hành vận chuyển, bổ sung vật chất, cứu chữa thương, bệnh binh..., cho đơn vị. Khi các đơn vị tiến công, truy kích địch, HCCD tổ chức các phân đội kho và các đội điều trị, cơ động trên ô tô, theo sau đội hình chiến đấu để bảo đảm.

Thứ ba, phát huy tốt công tác vận tải trong BĐHC. Ngay từ bước chuẩn bị trước, HCCD đã tập trung xây dựng, phát triển mạng lưới đường giao thông vận tải chiến lược một cách toàn diện. Đồng thời, điều chỉnh lại tổ chức, biên chế lực lượng vận tải cơ giới; thành lập các sư đoàn, trung đoàn vận tải ô tô có sức vận chuyển khối lượng lớn, khả năng cơ động cao trên cự ly dài... Bước sang giai đoạn trực tiếp, HCCD sử dụng Trung đoàn vận tải 252 (ô tô) cơ động toàn bộ Sư đoàn 316 từ Tân Kỳ (Nghệ An) vào Đắc Đam (Đắc Lắc) và cơ động an toàn Sư đoàn 10 từ Ngọc Văn (Kon Tum) vào Tây Đức Lập đúng thời gian quy định. Quá trình tác chiến, HCCD chỉ huy các phương tiện vận tải chạy suốt ngày đêm. Lúc vào thì vận chuyển bộ đội, vật chất theo yêu cầu của

các đơn vị, khi ra chờ thương binh về các cơ sở quân y. Đặc biệt, HCCD đã linh hoạt chỉ huy lực lượng vận tải cơ động Sư đoàn 10 từ Đức Lập về thị xã Buôn Mê Thuột, đáp ứng yêu cầu đánh địch phản đột kích trên Đường 21.

Trong tương lai, nếu chiến tranh xảy ra, chắc chắn công tác BÐHC sẽ có bước phát triển mới nhằm đáp ứng yêu cầu chiến tranh công nghệ cao. Tuy nhiên, công tác BÐHC cho chiến dịch tiến công sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp do phải bảo đảm cho nhiều đối tượng, nhiều hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu; nhu cầu vật chất hậu cần lớn, nhiều chủng loại; thời gian chuẩn bị và thực hành chiến dịch ngắn; điều kiện địa hình, khí hậu, thời tiết nước ta phức tạp, dễ bị chia cắt... Vì vậy, kế thừa kinh nghiệm bảo đảm HCCD Tây Nguyên vào điều kiện tác chiến mới, cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

Một là, chủ động xây dựng thể trận hậu cần đồng bộ, vững chắc bảo đảm tốt cho các hoạt động tác chiến. Trong chiến dịch tiến công, công tác hậu cần phải bảo đảm cho các đợt hoạt động tác chiến diễn ra đồng thời hoặc kế tiếp nhau; phải bảo đảm cho tác chiến rộng khắp của lực lượng tại chỗ trong các khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh (thành phố) và lực lượng khác tham gia đấu tranh trên địa bàn. Nhu cầu vật chất lớn, nhưng thời gian chuẩn bị bảo đảm theo xu hướng ngày càng rút ngắn. Do vậy, ngay từ thời bình, cần xây dựng thể trận hậu cần chiến tranh nhân dân đồng bộ, vững chắc, sẵn sàng bảo đảm khi có tình huống. Quán triệt quan điểm chiến tranh nhân dân trong xây dựng thể trận hậu cần; trong giai đoạn hiện nay, trước hết, cần tập trung giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ hậu cần về chủ trương xây dựng khu vực phòng thủ (KVPT) vững chắc, phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh (QP-AN). Xây dựng cơ sở, vật chất, công trình, kho trạm hậu cần, cơ

sở sản xuất phù hợp, gắn chặt với thể trận chung của hậu cần các cấp, hậu cần KVPT. Tạo thể trận BÐHC theo khu vực hoàn chỉnh trên các vùng chiến lược, các chiến trường (hướng chiến lược) có khả năng độc lập, tự lực bảo đảm cao, khắc phục có hiệu quả hoạt động chia cắt của địch; có khả năng BÐHC cho tác chiến rộng khắp và các mặt đấu tranh khác của lực lượng trong các KVPT, vừa có thể tập trung sức mạnh bảo đảm cho các chiến dịch tiến công... Dựa vào KVPT tỉnh, huyện nằm trong thể tác chiến phòng thủ chiến lược chung của đất nước để xây dựng thể và lực hậu cần. Cơ quan hậu cần - kỹ thuật các cấp cần phối hợp làm tốt công tác khảo sát, nắm vững đặc điểm chiến trường; có quy hoạch, kế hoạch xây dựng lực lượng hậu cần theo ý định chiến dịch, chiến lược. Xác định hướng tiến công chiến lược do các quân đoàn đảm nhiệm để xây dựng các cơ sở hậu cần - kỹ thuật bảo đảm theo phương án của chiến dịch. Hằng năm, Tổng cục HC-KT cần phối hợp với các đơn vị chủ lực tổ chức các cuộc diễn tập KVPT để từng bước làm tốt công tác chuẩn bị BÐHC.

Hai là, thực hiện tốt chủ trương kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế - xã hội trên các chiến trường dự kiến mở các chiến dịch; qua đó, từng bước chuẩn bị hậu cần tại chỗ vững chắc. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả quan điểm kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là ở các vùng, địa bàn trọng điểm chiến lược. Phát triển hệ thống đường giao thông đồng bộ, vững chắc. Tích cực thiết lập những cơ chế đặc biệt để kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường tiềm lực QP-AN ở các vùng, địa bàn trọng điểm, vùng biên giới, hải đảo. Hoạt động kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế - xã hội cần được lồng ghép với

nhiều chương trình khác, như quy hoạch, phân bổ lại dân cư; thực hiện xóa đói, giảm nghèo; xây dựng nông thôn mới ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Triển khai hiệu quả các đoàn kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược trọng yếu... Chú trọng xây dựng các mô hình phát triển sản xuất (kinh tế nông hộ, trang trại, phát triển lâm, ngư nghiệp...). Xây dựng các cơ sở quân, dân y vững mạnh, hình thành các hợp tác xã vận tải tiên tiến. Ưu tiên xây dựng các cơ sở kinh tế lưỡng dụng, cơ sở sản xuất chế biến tại chỗ..., gắn với phát triển mạng đường giao thông trên từng địa bàn. Nâng cấp và từng bước trang bị mới các phương tiện cơ giới (đường không, đường bộ, đường thủy, đường ống) với cơ cấu hợp lý cho các đơn vị đứng chân trên địa bàn chiến lược.

Ba là, đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật các cấp. Trong chiến tranh, nhân tố con người luôn giữ vai trò quyết định. Do vậy, thường xuyên huấn luyện, nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật là việc làm vừa có tính cơ bản lâu dài, vừa đáp ứng yêu cầu cấp thiết trước mắt.

Chiến tranh bao giờ cũng là sự thử thách toàn diện của các bên tham chiến. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sẽ là cuộc chiến tranh mà địch sử dụng rộng rãi vũ khí công nghệ cao, nên sẽ rất ác liệt; tạo ra những thử thách lớn, nhất là thử thách về bản lĩnh chính trị, sức mạnh ý chí, sức bền tâm lý, sức chịu đựng về thể chất. Vì vậy, phải coi trọng bồi dưỡng sự giác ngộ về chính trị, tinh thần để thống nhất cao giữa ý chí và hành động trên cơ sở ý thức kỷ luật

tự giác, nghiêm minh. Tập trung nâng cao trình độ, năng lực và khả năng vận dụng khoa học, nghệ thuật bảo đảm hậu cần, kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Tăng cường các hoạt động rèn luyện thể lực bền bỉ, dẻo dai, đủ khả năng chiến đấu dài ngày; nâng cao bản lĩnh và trí tuệ lãnh đạo, chỉ huy của đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật các cấp. Nội dung đào tạo cần phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm tính kế thừa, liên thông từ cán bộ đào tạo cấp phân đội đến cấp chiến dịch, chiến lược. Đào tạo đồng bộ các đối tượng của các chuyên ngành hậu cần, kỹ thuật; nhất là đội ngũ cán bộ chỉ huy vận tải các cấp, coi trọng quan điểm “lấy hoạt động vận tải là khâu trung tâm trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật các chiến dịch”.

Kế thừa, phát triển kinh nghiệm BĐHC Chiến dịch Tây Nguyên và được sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, cùng ý chí quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ, ngành Hậu cần, kỹ thuật quân đội nhất định sẽ hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Hậu cần (2011), *Tổng kết Hậu cần trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*; Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2003), *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*; Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1995), *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam (1945 - 1975)*; Nxb QĐND, Hà Nội.

BẢO ĐẢM QUÂN Y TRUNG ĐOÀN BỘ BINH PHÒNG NGỰ CHỐT CHIẾN DỊCH TRONG CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Trung tá, ThS. PHẠM VĂN HƯNG

Phòng Đào tạo, Học viện Hậu cần

CHỐT chiến dịch trong tác chiến phòng thủ quân khu là bước phát triển mới của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Trong chiến tranh giải phóng, Quân đội ta đã tổ chức một số trận đánh chốt giữ, ngăn chặn địch có quy mô lực lượng, ý nghĩa tương tự trung đoàn bộ binh (eBB) phòng ngự chốt chiến dịch giành thắng lợi, điển hình như trận phòng ngự chốt giữ trung tâm Thủ đô Hà Nội năm 1947 của Trung đoàn Thủ đô, trận chốt chặn Tàu Ô của eBB209, trận chốt giữ bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 của eBB48... Có thể thấy, cùng với sự phát triển của nghệ thuật quân sự, các trận đánh ngày càng ác liệt, tỷ lệ thương binh, bệnh binh thường cao; việc cứu chữa, vận chuyển thương binh bệnh binh có nhiều khó khăn, trong khi thực lực hậu cần trung đoàn có hạn. Tuy nhiên, hậu cần các trung đoàn đã khắc phục khó khăn, kết hợp chặt chẽ với các lực lượng hậu cần trong khu vực, bảo đảm tương đối đầy đủ, kịp thời mọi mặt quân y cho các đơn vị chiến đấu; qua đó, để lại nhiều kinh nghiệm quý có thể kế thừa, phát triển, đó là:

Thứ nhất, kết hợp chặt chẽ giữa quân y trung đoàn với các lực lượng quân y trên địa bàn để tổ chức cứu chữa, điều trị thương binh bệnh binh. Bảo đảm quân y eBB phòng ngự, chốt giữ các mục tiêu trọng yếu trong chiến tranh giải phóng được tiến hành trong điều kiện diễn biến chiến đấu vô cùng ác liệt, thời gian chiến đấu kéo dài, tỷ lệ thương binh, bệnh binh khá cao, nhu cầu cứu chữa, chuyển thương rất lớn. Trong khi đó, thực lực quân y các trung đoàn chưa thực sự mạnh; khả năng thu dung, cứu chữa, điều trị thương binh

bệnh binh có nhiều hạn chế... Trước tình hình đó, hậu cần các trung đoàn đã chủ động kết hợp chặt chẽ với các lực lượng quân, dân y trên địa bàn chiến đấu; tổ chức cứu chữa, vận chuyển tương đối kịp thời thương binh bệnh binh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm đề ra. Trong trận chốt giữ trung tâm Thủ đô Hà Nội năm 1947, để bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu, một mặt, hậu cần Liên khu đã phát huy tối đa khả năng quân y của đơn vị bằng cách tổ chức các đội Hồng thập tự, ngày đêm vượt qua lửa đạn đến từng trận địa cấp cứu, vận chuyển thương binh về trạm cứu thương của Trung đoàn đặt ở số nhà 26 phố Hàng Buồm; mặt khác, hậu cần Liên khu đã chủ động liên hệ, kết hợp chặt chẽ với các hiệu thuốc trên địa bàn để khai thác thuốc, dụng cụ y tế và tổ chức cứu chữa thương binh, bệnh binh. Nhờ đó, thương binh, bệnh binh được cứu chữa, điều trị tương đối kịp thời, góp phần quan trọng vào việc duy trì khả năng chiến đấu của đơn vị. Trong trận chốt chặn Tàu Ô năm 1972 của eBB209, khi dBB8 bị địch bao vây, cô lập ở phía Đông Đường 13, hậu cần Trung đoàn đã chủ động liên hệ, kết hợp chặt chẽ với bộ phận hậu cần của fBB19 bố trí ở Tân Quang để bảo đảm quân y cho dBB8. Trong trận chốt giữ, bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 của eBB48, tỷ lệ thương binh, bệnh binh rất cao (khoảng 46% quân số chiến đấu), vượt quá khả năng bảo đảm của quân y trung đoàn. Trước tình hình đó, hậu cần trung đoàn đã chủ động liên hệ, kết hợp chặt chẽ với các Đội điều trị 204, 52, 46, 19 để bảo đảm quân y cho các đơn vị chiến đấu. Nhờ đó, việc cứu chữa, điều trị và vận

chuyển thương binh, bệnh binh đã được tiến hành khá kịp thời, đáp ứng yêu cầu bảo đảm.

Thứ hai, thương binh, bệnh binh được cứu chữa, điều trị theo tuyến là chủ yếu; phát huy tối đa khả năng tự cứu chữa và cứu chữa lẫn nhau của bộ đội. Nghiên cứu thực tiễn bảo đảm quân y trung đoàn bộ binh phòng ngự, chốt giữ các mục tiêu trọng yếu trong chiến tranh giải phóng cho thấy, để tổ chức cứu chữa thương binh, bệnh binh đáp ứng tính ác liệt, liên tục, dài ngày của phòng ngự chốt chiến dịch, hậu cần các trung đoàn thường chủ động tổ chức, triển khai các tuyến quân y tương đối hợp lý; phát huy tối đa khả năng tự băng bó, cứu chữa cho nhau của bộ đội. Ở tuyến đại đội và các chốt, thường tổ chức trạm sơ cứu, tiến hành cấp cứu đầu tiên cho thương binh, bệnh binh; tuyến tiểu đoàn tổ chức ra trạm quân y tiểu đoàn, tổ chức tiếp nhận thương binh bệnh binh từ hỏa tuyến chuyển về và tiến hành bổ sung cấp cứu; tuyến trung đoàn tổ chức ra đội phẫu thuật ở phía trước làm nhiệm vụ cứu chữa bước đầu cho thương binh và bệnh xá ở phía sau để trong khu vực hậu cứ của trung đoàn để thu dung điều trị thương binh, bệnh binh nhẹ. Trong trận chốt chặn Tàu Ô năm 1972 của eBB209, thương binh, bệnh binh được cấp cứu đầu tiên ngay tại trận địa phòng ngự bởi y tá đại đội hoặc bộ đội tự băng bó, cấp cứu cho nhau; trong chiến đấu, các đơn vị đã phát huy được việc tự băng bó, cấp cứu cho nhau của bộ đội (chiếm 73%); tuyến tiểu đoàn tổ chức trạm quân y được biên chế 1 y sĩ và 2 ÷ 3 y tá, có nhiệm vụ bổ sung cấp cứu cho thương binh tại cụm chốt. Tại tuyến trung đoàn, quân y trung đoàn tổ chức đội phẫu thuật ở Tây Đường 13 và bệnh xá ở Minh Thạnh có nhiệm vụ cứu chữa bước đầu cho thương binh trước khi chuyển về tuyến sau, đồng thời, giữ lại điều trị thương binh nhẹ. Nhờ làm tốt công tác tổ chức, quân y trung đoàn

đã cứu chữa, điều trị kịp thời cho thương binh, bệnh binh. Trong trận chốt giữ, bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 của eBB48, tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương binh bệnh binh được tiến hành theo tuyến là chủ yếu. Quá trình bảo đảm, quân y trung đoàn đã khắc phục khó khăn, tổ chức cứu chữa kịp thời cho thương binh, bệnh binh trước khi chuyển về tuyến sau.

Thứ ba, thực hiện một phần nhiệm vụ cứu chữa của tuyến sau khi điều kiện chuyển thương gặp khó khăn. Tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương binh bệnh binh trung đoàn bộ binh phòng ngự, chốt giữ các mục tiêu trọng yếu trong chiến tranh giải phóng được tiến hành trong điều kiện địch thường xuyên đánh phá ác liệt, liên tục ngày đêm vào trận địa phòng ngự của trung đoàn; đường vận chuyển bị cắt đứt, việc vận chuyển thương binh từ trận địa về các tuyến quân y gặp rất nhiều khó khăn, có nhiều thời điểm không thể thực hiện đúng theo chỉ định. Trước tình hình đó, quân y các trung đoàn đã chủ động thực hiện một phần nhiệm vụ của tuyến sau nhằm bảo toàn tính mạng cho thương binh trước khi được chuyển về tuyến sau. Trong trận phòng ngự, bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 của eBB48, do địch đánh phá ác liệt, địa bàn chiến đấu bị chia cắt bởi sông Thạch Hãn, việc vận chuyển thương binh từ đội phẫu trong thành về quân y trung đoàn ở Phú Áng cũng như từ Phú Áng về tuyến sau gặp rất nhiều khó khăn. Trong khi đó, số lượng thương binh hằng ngày về trạm lớn. Trước tình hình đó, hậu cần trung đoàn đã chủ động thực hiện phẫu thuật tối khẩn cấp cho số thương binh nặng nhằm bảo toàn tính mạng cho thương binh trước khi được chuyển ra về Phú Áng và tuyến sau. Trong đó, đội phẫu ở trong thành đã phẫu thuật tối khẩn cấp được 148 ca. Đại đội quân y của trung đoàn ở Phú Áng đã xử trí phẫu thuật 106 thương binh.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), eBB phòng ngự chốt chiến dịch trong tác chiến phòng thủ quân khu có nhiều điểm khác so với chiến tranh giải phóng trước đây. Theo đó, để bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt quân y cho trung đoàn chiến đấu, cần kế thừa, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm đã được đúc rút trong chiến tranh giải phóng, cụ thể như sau:

Một là, kết hợp chặt chẽ với các cơ sở quân, dân y trên địa bàn tổ chức chốt chiến dịch để cứu chữa, điều trị thương binh bệnh binh. Kết hợp quân dân y được xác định là một trong những nguyên tắc cơ bản của bảo đảm quân y. Trong những năm qua, mạng lưới y tế địa phương và hệ thống tổ chức y tế khu vực phòng thủ trên địa bàn tổ chức chốt chiến dịch của quân khu đã được đầu tư, có sự phát triển cả về quy mô, chất lượng và trang bị kỹ thuật, tạo ra những điều kiện mới trong kết hợp bảo đảm. Khi tác chiến xảy ra, bên cạnh việc bảo đảm cho lực lượng vũ trang địa phương hoạt động tác chiến, hậu cần khu vực phòng thủ còn có nhiệm vụ chi viện bảo đảm hậu cần nói chung, bảo đảm quân y nói riêng cho các đơn vị chủ lực tác chiến trên địa bàn. Trung đoàn bộ binh phòng ngự chốt chiến dịch được tổ chức trên địa bàn 1 ÷ 2 huyện; hoạt động chiến đấu của trung đoàn luôn gắn bó chặt chẽ và ảnh hưởng trực tiếp tới thế trận tác chiến của khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; đặc biệt là khu vực phòng thủ then chốt tỉnh trong khu vực quyết giữ của quân khu. Theo đó, hậu cần trung đoàn cần kết hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế địa phương trong bảo đảm quân y nhằm giảm bớt công việc cho các tuyến quân y, chủ động khắc phục khó khăn, kịp thời cứu chữa, vận chuyển thương binh bệnh binh theo đúng chỉ định. Ngay từ thời bình, hậu cần trung đoàn cần chủ động khảo sát, nắm chắc khả năng lực lượng, phương tiện, trình độ chuyên môn, khả năng thu dung, điều trị của các lực lượng

quân, dân y, trên địa bàn dự kiến tổ chức chốt chiến dịch; xây dựng phương án bảo đảm phù hợp, chú trọng hiệp đồng về số lượng thương binh, bệnh binh dự kiến cần gửi vào các cơ sở quân, dân y tại chỗ; thời gian, số lượng nhân lực, phương tiện cần thiết để cứu chữa thương binh, bệnh binh cho trung đoàn. Khi tác chiến xảy ra, trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng từ thời bình, chủ động hiệp đồng với các cơ sở quân, dân y; đồng thời, chỉ đạo các lực lượng, các đơn vị (nhất là các lực lượng chiến đấu xa hậu cần trung đoàn) kết hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế địa phương để kịp thời cứu chữa thương binh, bệnh binh theo đúng chỉ định.

Hai là, linh hoạt mở rộng phạm vi cứu chữa đáp ứng tính ác liệt, liên tục, dài ngày của phòng ngự chốt chiến dịch. Chốt chiến dịch trong tác chiến phòng thủ quân khu là địa bàn có giá trị chiến dịch; nơi ta quyết giữ, địch quyết vượt qua. Theo đó, để “nhỏ bằng được chốt chiến dịch” của ta, tạo bàn đạp thuận lợi tiến sâu vào địa bàn quân khu; khi tiến công vào chốt chiến dịch, địch thường vận dụng nhiều thủ đoạn chiến đấu, sử dụng số lượng lớn vũ khí công nghệ cao đánh phá ác liệt, liên tục ngày đêm vào trận địa phòng ngự của trung đoàn. Ngược lại, để đánh địch giữ chốt, trung đoàn thường tổ chức thành nhiều lực lượng, chiến đấu trên nhiều hướng, khu vực khác nhau trong thời gian dài ngày; quá trình tác chiến, các lực lượng của ta thường xuyên phải chiến đấu trong thế cài xen với địch, trận địa phòng ngự chốt chiến dịch có thể bị địch phân tuyến, bao vây, chia cắt, cô lập. Do đó, tỷ lệ thương binh bệnh binh có thể cao, phân tán trên nhiều khu vực khác nhau; việc vận chuyển thương binh, bệnh binh từ các đơn vị về hậu cần trung đoàn, từ hậu cần trung đoàn về tuyến sau gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, mở rộng phạm vi cứu chữa là vấn đề mang tính tất yếu nhằm bảo toàn tính mạng, nâng cao sức khỏe cho thương binh bệnh binh, duy trì khả

năng chiến đấu của đơn vị. Cụ thể: Tuyến quân y trung đoàn, ngoài nhiệm vụ cứu chữa bước đầu, thực hiện mở rộng phạm vi lên cứu chữa cơ bản cho số thương binh, bệnh binh loại 1 (15% tổng số thương binh, bệnh binh qua trạm) khi cần thiết. Mở rộng phạm vi cứu chữa chỉ được tiến hành trong một số thời điểm nhất định, không mở rộng trong cả trận đánh. Thời điểm tiến hành mở rộng phạm vi cứu chữa, thường là khi đơn vị bị địch bao vây, cô lập, đường vận tải bị cắt đứt, việc vận chuyển thương binh, bệnh binh về tuyến sau gặp nhiều khó khăn, không thể thực hiện theo đúng chỉ định.

Ba là, huấn luyện bộ đội thành thạo kỹ năng tự cấp cứu và cấp cứu cho nhau, tăng cường khả năng cấp cứu tuyến quân y đại đội. Trung đoàn bộ binh phòng ngự chốt chiến dịch trong tác chiến phòng thủ quân khu, xuất phát từ tính ác liệt, liên tục, dài ngày của trận đánh nên số lượng thương binh thường lớn, rải rác trên nhiều hướng, khu vực khác nhau; cơ cấu thương tích phức tạp, thương binh có thể bị thương ở nhiều vùng, bộ phận khác nhau trên cơ thể..., để giảm bớt tỷ lệ tử vong hoả tuyến, thương binh cần được cấp cứu đầu tiên ngay sau khi bị thương tại trận địa. Đây là nhiệm vụ cấp cứu của tuyến quân y đại đội; song thực tế trước đây, khi bị thương chủ yếu do chính bản thân thương binh tự cứu và đồng đội cứu lẫn nhau, diễn hình như trong trận chốt chặn khu vực Tàu Ô của eBB209/fBB7 năm 1972, tỷ lệ thương binh tự băng và băng bó cho nhau đạt 73%. Mặt khác, quân y đại đội chỉ có 1 y tá, không đủ khả năng cứu chữa hết thương binh ngay được; do vậy, cần nâng cao khả năng tự cấp cứu và cấp cứu cho nhau của bộ đội và tăng cường khả năng cấp cứu tại tuyến quân y đại đội.

Theo đó, ngay từ thời bình, bộ đội phải được huấn luyện thành thạo 5 kỹ thuật cấp cứu, có thể huấn luyện bổ sung khi nhận nhiệm vụ chiến đấu; cấp phát đầy đủ băng và túi thuốc cá nhân, thống nhất các quy định, kí, tín hiệu khi tìm kiếm thương binh. Trang bị cáng, nẹp đến cấp tiểu đội, tăng cường thuốc chiến thương và lực lượng tải thương cho quân y đại đội. Khi có thương binh phải nhanh chóng phát hiện để cấp cứu kịp thời, vận chuyển về nơi quy định để cất giấu. Vị trí cất giấu thương binh cần được đánh dấu và có ký hiệu thống nhất để mọi người dễ nhận biết.

Bảo đảm quân y trung đoàn bộ binh phòng ngự, chốt giữ các mục tiêu trọng yếu trong chiến tranh giải phóng đã để lại nhiều kinh nghiệm quý, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), tình hình địch, ta, địa bàn chiến đấu có nhiều thay đổi. Do đó, cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt quân y cho eBB phòng ngự chốt chiến dịch giành thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Trung đoàn bộ binh phòng ngự chốt chiến dịch*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (1975), *Công tác hậu cần eBB209 chốt chặn ở Tàu Ô*, Hà Nội
3. Học viện Hậu cần (1976), *Công tác hậu cần eBB48, 95 trong trận chiến đấu bảo vệ Thị xã Quảng Trị năm 1972*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (1985), *Lịch sử hậu cần quân đội nhân dân Việt Nam, Tập 1 (1945 - 1954)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

HỌC VIỆN HẬU CẦN CHỦ ĐỘNG, KHẨN TRƯỞNG CHUẨN BỊ CHO ĐÀO TẠO HỆ DÂN SỰ NĂM 2025

N GÀY 14/02/2025, Học viện Hậu cần tổ chức Hội nghị hiệp đồng thực hiện đề án tuyển sinh đào tạo hệ dân sự. Đồng chí Thiếu tướng, TS Nguyễn Quang Dũng, Phó Giám đốc Học viện chủ trì hội nghị; tham dự có đại biểu một số cơ quan, đơn vị.

Hội nghị đã nghe Phòng Đào tạo báo cáo một số nội dung trọng tâm về triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức đào tạo hệ dân sự và các ý kiến thảo luận. Kết luận tại Hội nghị, đồng chí Phó Giám đốc Học viện nhấn mạnh, việc giao nhiệm vụ cho Học viện được đào tạo hệ dân sự từ năm 2025 thể hiện sự tin tưởng của Quân uỷ Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng đối với Học viện Hậu cần; tiếp tục khẳng định tiềm lực, vị thế, uy tín, chất lượng đào tạo của Học viện. Thủ trưởng yêu cầu: Phòng Đào tạo cần phát huy tốt vai trò cơ quan chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy Học viện triển khai đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả công tác tuyển sinh hệ dân sự; đồng thời, chủ động phối hợp

với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu điều chỉnh chương trình, quy chế đào tạo cũng như xây dựng, hoàn thiện chuẩn đầu ra đối tượng đào tạo mới; các cơ quan, đơn vị cần tham mưu, triển khai phương án bố trí, sắp xếp phòng học, trang thiết bị, mô hình, học cụ... bảo đảm tốt nhất về cơ sở vật chất để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo kế hoạch.

Trước đó, ngày 12/02/2025, Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 491/QĐ-BQP về việc giao nhiệm vụ đào tạo hệ dân sự cho một số cơ sở giáo dục trong Quân đội; trong đó, Học viện Hậu cần được giao nhiệm vụ đào tạo hệ dân sự năm 2025 các trình độ, chuyên ngành và chỉ tiêu như sau: (1). Đào tạo trình độ tiến sĩ, chuyên ngành Tài chính - ngân hàng: 10 chỉ tiêu; (2). Đào tạo trình độ thạc sĩ, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng: 50 chỉ tiêu; (3). Đào tạo trình độ đại học 3 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng: 100 chỉ tiêu, Kế toán: 200 chỉ tiêu và Kỹ thuật xây dựng: 100 chỉ tiêu♦

Văn Thịnh

HỌC VIỆN HẬU CẦN GÓP PHẦN ĐƯA XUÂN VỀ LŨNG CẨM, TÀ HAN

N GÀY 10/01/2025, Quân khu 1 phối hợp với Ủy Ban nhân dân các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn tổ chức Lễ khánh thành và bàn giao Khu tái định cư tại 2 thôn Lũng Cẩm, xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng và thôn Tà Han, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Dự Lễ khánh thành có Thủ trưởng Quân khu 1, đại biểu chính quyền, đoàn thể, các cơ quan tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và nhân dân 2 địa phương. Về phía Học viện Hậu cần, dự Lễ khánh thành và bàn giao tại tỉnh Bắc Kạn có đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Văn Kiên, Phó Giám đốc Học viện Hậu cần; tại tỉnh Cao Bằng có đồng chí Đại tá, PGS, TS Đặng Chính Nghĩa, Phó trưởng Phòng Đào tạo. Đây là các dự án mà Học viện Hậu cần đã cử nhiều cán bộ, học viên cùng các đơn vị trực tiếp tham gia thi công, triển khai xây dựng.

Trước đó, thực hiện chương trình phối hợp giữa Học viện Hậu cần và Quân khu 1 về việc thực hiện phương châm “Chất lượng đào

tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” năm 2024; được sự nhất trí của Quân khu 1, từ ngày 14/12/2024 - 04/01/2024, Học viện Hậu cần tổ chức 2 nhóm công tác, gồm 35 đồng chí, tham gia thi công các công trình thuộc dự án ổn định dân cư các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn của Quân khu 1 (khắc vù hậu quả cơn bão số 3 năm 2024). Sau gần 2 tháng triển khai, trong điều kiện thời tiết giá lạnh, bằng ý chí và quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ các lực lượng thuộc Học viện Hậu cần và Quân khu 1, được sự ủng hộ, giúp đỡ, động viên của bà con nhân dân và các cơ quan, đoàn thể chính quyền địa phương, các dự án đã hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình và đủ điều kiện bàn giao cho các hộ dân đưa vào sử dụng ngay những ngày áp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, mang lại mùa Xuân ấm áp trên đèo cao♦

Quyết Thắng